

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC .....  
KHOA ....



# Thiết Kế Web Với Joomla 1.0x & 1.5x

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 1

### Sử dụng Plugin trong Joomla! 1.5

Plugin trong Joomla là một loại thành phần mở rộng, nó thực hiện một hay nhiều nhiệm vụ khi có sự kiện nào đó xuất hiện và tác động đến nó. Khi một sự kiện đặc biệt xảy ra, các Plugin được kích hoạt sẽ thực thi theo thứ tự. Việc này giúp người dùng có thể bổ sung thêm các chức năng cho Joomla.

#### Quản lý Plugin trong Joomla! 1.5:

Trong phần quản lý Plugin (Plugin Manager), nhấn vào tên của chúng hoặc đánh dấu vào ô chọn và nhấn nút **Edit** nằm trên thanh công cụ (Toolbar) để thiết lập các thông số cho Plugin. Thông thường mỗi Plugin sẽ có thêm vài thông số của riêng nó tuy nhiên cũng có Plugin có thể không có thông số nào.

#### Details:

Đây là phần thiết lập các thông số cơ bản mà Plugin nào cũng giống nhau.

The screenshot shows the Joomla! administration interface for editing a plugin. The title bar reads "Plugin: [Edit]" and includes icons for Save, Apply, Close, and Help. The main content area is divided into two sections: "Details" and "Parameters".

**Details:**

- Name: Content - Page Navigation
- Enabled:  No  Yes
- Type: content
- Plugin File: pagenavigation.php
- Access Level: Public (selected), Registered, Special
- Order: 2 (Content - Page Navigation)
- Description: Enables you to add the Next & Previous functionality to an Article.

**Parameters:**

- Plugin Parameters
- Position: Below

In the bottom right corner, there is a logo for "buaxua" with the URL "http://www.buaxua.vn".

- Name: Tên của Plugin.
- Enabled: Đã hoặc chưa kích hoạt Plugin này.
- Type: Loại Plugin, thông số này không thay đổi được. (Content: tác động đến nội dung, System: Tác động đến hệ thống,...)
- Plugin File: Tên của tập tin Plugin này. Mỗi Plugin có 2 tập tin cùng tên, một có phần mở rộng là ".php" và tập tin còn lại có phần mở rộng là ".xml".
- Access Level: Ai sẽ truy cập được Plugin này, các thông số như sau:
  - Public: Tất cả mọi người.
  - Registered: Chỉ những thành viên đã đăng ký và đăng nhập.
  - Special: Chỉ những thành viên cấp cao.

Thí dụ: Nếu chọn **Registered** thì Plugin vẫn được kích hoạt, nhưng khi mọi người truy cập vào trang web thì Plugin này sẽ không hoạt động, chỉ khi nào họ đăng ký và đăng nhập vào trang web thì lúc đó Plugin này mới bắt đầu hoạt động.

- Order: Thứ tự hiển thị Plugin này trên trong phần Quản lý Plugin. Trong một số trường hợp thứ tự này cũng ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.
- Description: Mô tả chức năng của Plugin, không thay đổi được.

## Chức năng và thông số của các Plugin trong Joomla! 1.5:

Mặc định sau khi được cài đặt, Joomla! 1.5 có 32 Plugin. Một số Plugin cần thiết được kích hoạt sẵn nhưng một số lại không, việc kích hoạt sẽ do người dùng quyết định. Sau đây là chức năng và thông số của các Plugin.

### **Authentication - Joomla**

Plugin này xác thực người dùng mặc định trong Joomla!. Không có thông số.

### **Authentication - LDAP**

Plugin này xác thực người dùng với một máy chủ LDAP (Lightweight Directory Access Protocol). Xem thêm thông tin về máy chủ LDAP: <http://en.wikipedia.org/wiki/LDAP>

### **Authentication - OpenID**

Plugin này xác thực người dùng với OpenID, hỗ trợ chia sẻ thông tin người dùng. Không có thông số.

### **Authentication - Gmail**

Plugin này xác thực người dùng với tài khoản Gmail, yêu cầu cần phải cài đặt gói phần mềm cURL.

Cách sử dụng Plugin này:

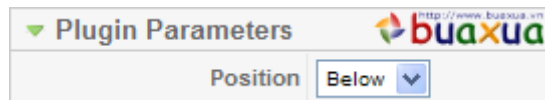
- Đăng ký tài khoản Gmail.
- Tạo một người dùng với tên giống như trong tài khoản Gmail.
- Kích hoạt Gmail Plugin.
- Đăng xuất khỏi Joomla.
- Đăng nhập sử dụng tên (không có "@gmail.com") và mật khẩu của Gmail.

### **Content - Page Navigation**

Plugin này cho phép tạo phân trang, chèn các liên kết "Trở" và "Lại" khi bài viết (Article) có nhiều trang. Thí dụ như khi dùng menu kiểu Blog hay Layout. Chức năng này có thể thay đổi khác nhau cho từng mục quản lý nào có thông số "Show Navigation" của Joomla.

Lưu ý là nếu Plugin này không được kích hoạt thì các thông số được thiết lập đều không có hiệu lực.

### Plugin này có thông số:



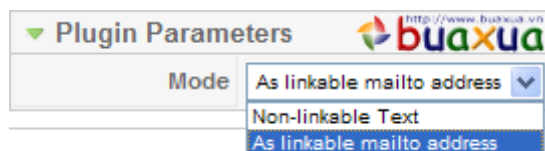
- Position: Vị trí hiển thị phân trang, nằm trên "Above" hoặc dưới (Below) trang nội dung.

### **Content - Rating**

Plugin này có chức năng cho phép người dùng bình chọn, đánh giá nội dung. Không có thông số.

### **Content - Email Cloaking**

Plugin này sẽ che tất cả các email trong nội dung với Spambots, sử dụng JavaScript. Điều này giúp ngăn chặn e-mail trong các bài viết từ được thêm vào danh sách thư rác. Bạn có thể vô hiệu hóa chức năng này bên trong một bài viết bằng cách chèn {emailcloak = off} bất cứ nơi nào trong nội dung của bài viết. Trong trường hợp này, địa chỉ e-mail trong bài viết sẽ không được che giấu bởi Plugin này. Plugin này có các thông số:



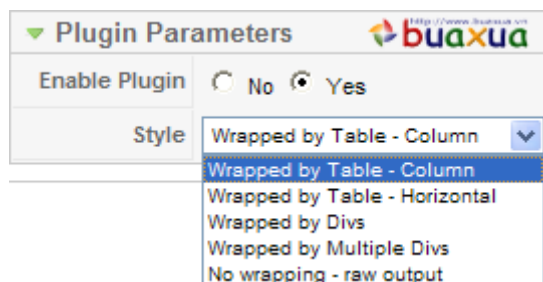
- Mode: Chọn cách hiển thị địa chỉ Email dưới dạng liên kết (As linkable mailto address) hay dạng văn bản (Non-Linkable text).

### **Content - Code Highlighter (GeSHi)**

Plugin này cho phép hiển thị các đoạn mã (Code) đã được định dạng trong nội dung bài viết dựa theo kỹ thuật đánh dấu GeSHi. Không có thông số.

### **Content - Load Module**

Plugin này cho phép hiển thị Module trong nội dung bài viết với cú pháp: , trong đó "xyz" là vị trí do người dùng qui định. Plugin này có các thông số:

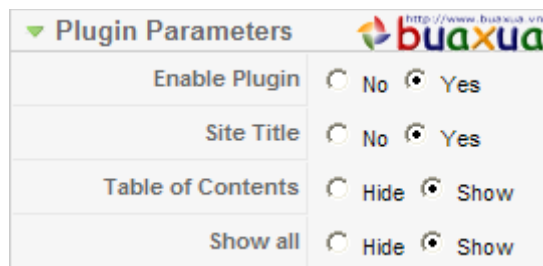


▼ Plugin Parameters	
Enable Plugin	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Style	Wrapped by Table - Column
	Wrapped by Table - Horizontal
	Wrapped by Divs
	Wrapped by Multiple Divs
	No wrapping - raw output

- Enable Plugin: Kích hoạt hay không.
- Style: Các kiểu hiển thị Module.

### Content - Pagebreak

Plugin này giúp tạo ngắt trang, đồng thời tạo thêm một bảng mục lục cho các bài viết có nhiều trang. Nó tự động thực hiện mỗi khi nhấn vào nút Pagebreak nằm phía dưới khung soạn thảo văn bản. Ngắt trang được hiển thị là một dòng kẻ nằm ngang trong khung soạn thảo. Có thể sử dụng các Mã HTML để tạo ngắt trang sau:



▼ Plugin Parameters	
Enable Plugin	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Site Title	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Table of Contents	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
Show all	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show

### Plugin này có các thông số:

- Enable Plugin: Kích hoạt hay không.
- Site Title: Hiển thị hay không tiêu đề.
- Table of Contents: Hiển thị hay không bảng mục lục cho bài viết có nhiều trang.
- Show all: Hiển thị hay không lựa chọn cho phép người dùng xem tất cả các trang.

## Editor - No Editor

Plugin này là một trình soạn thảo văn bản đơn giản, thường được chọn sử dụng khi chèn các đoạn mã HTML. Plugin này không có thông số.

## Editor - TinyMCE 2.0

Plugin này là trình soạn thảo trực quang TinyMCE 2.0 với đầy đủ các chức năng giống như các chương trình soạn thảo văn bản thông dụng, đây là trình soạn thảo mặc định trong Joomla.



Plugin này có các thông số:

▼ Plugin Parameters	
Functionality	Advanced ▼
Code Cleanup on Startup	<input checked="" type="radio"/> Off <input type="radio"/> On
Code cleanup on save	<input type="radio"/> Never <input type="radio"/> Front Only. <input checked="" type="radio"/> Always
Do not clean HTML entities.	<input type="radio"/> Yes <input checked="" type="radio"/> No
Save Warning	<input checked="" type="radio"/> Off <input type="radio"/> On
Compressed Version	<input checked="" type="radio"/> Off <input type="radio"/> On
URLs	Relative ▼
Text Direction	Left to Right ▼
Automatic Language Selection	<input checked="" type="radio"/> No <input type="radio"/> Yes
Language Code	en
Prohibited Elements	applet
Template CSS classes	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Custom CSS Classes	
New Lines	P Elements ▼
Extended Valid Elements	

- Functionality: Chọn chức năng, Mở rộng (Advanced) hoặc Đơn giản (Simple). Chức năng Simple chỉ hiển thị 9 nút trên thanh công cụ: Bold, Italic, Underline, Strikethrough, Undo, Re-do, Clean up messy code, Bullets, and Numbering. Chức năng Advanced hiển thị đầy đủ các nút của TinyMCE, đây là chức năng mặc định.
- Code Cleanup on Startup: Chức năng tự động "làm sạch" mã HTML ngay khi mở trình soạn thảo. Mặc định là "Off".
- Code Cleanup on save: Chức năng tự động "làm sạch" mã HTML khi nội dung được Lưu (Save) trong trình soạn thảo. Có các lựa chọn "Never" (Không), "Front Only" (Chỉ ở Trang chính), và "Always" (Cả Trang chính và Trang Quản trị). Mặc định là "Always".
- Do not clean HTML entities: Không làm sạch các dòng định dạng HTML. Mặc định là "No", có nghĩa là các định dạng HTML sẽ được làm sạch hết.



- Save Warning: Hiển thị cảnh báo khi người dùng đóng Trình soạn thảo lại mà chưa lưu. Mặc định là "Off".
- Compressed Version: Chọn sử dụng hay không phiên bản TinyMCE được nén nhỏ lại. Chú ý là vì nó có thể sẽ không tương thích với trình duyệt Windows IE, cho nên lựa chọn này mặc định là "Off".
- URLs: Chọn kiểu địa chỉ Tương đối (Relative) hay Tuyệt đối (Absolute) cho các liên kết. Mặc nhiên là "Relative".
- Text Direction: Chọn kiểu gõ chữ từ trái sang phải (Left to Right) hay từ phải sang trái (Right to Left). Mặc định là "Left to Right".
- Automatic Language Selection: Tự động thay đổi ngôn ngữ giao diện. Không nên chọn "Yes", trừ khi các ngôn ngữ soạn thảo thích hợp được cài đặt. Mặc định là "No".
- Language Code: Mã ngôn ngữ của giao diện trình soạn thảo. Cần phải nhập vào nếu chọn Automatic Language Selection là "Off". Mặc định là "en" cho tiếng Anh.
- Prohibited Elements: Các thành phần (thẻ, mã,...) sẽ được xóa khỏi văn bản. Mặc định là "applet", có nghĩa là đoạn mã "applet" sẽ được xóa khỏi văn bản nếu có.
- Template CSS classes: Sử dụng CSS trong tập tin "editor.css". Nếu trong Template mặc định không có tập tin này thì sẽ lấy tập tin "editor.css" từ Template của Hệ thống (Joomla). Mặc định là "Yes".
- Custom CSS Classes: Nhập địa chỉ dẫn đến tập tin CSS do người dùng tự tạo ra. Nếu có thì nó sẽ thay thế Template CSS classes.
- New Lines: Chọn lựa mỗi khi xuống dòng thì dòng mới sẽ nằm trong thẻ "P" (Đoạn văn bản) hay thẻ "BR" (xuống hàng). Mặc định là thẻ "P".
- Extended Valid Elements: Lựa chọn cho phép khai báo danh sách các thành phần (thẻ, mã,...) HTML hợp lệ được chấp nhận.
- Các thông số mở rộng của Plugin này:
- Toolbar: Vị trí hiển thị thanh công cụ (Toolbar) nằm trên hay dưới khung soạn thảo.

Các thông số sau đây chỉ có tác dụng khi trình soạn thảo ở chế độ Advanced:

▼ Advanced Parameters	
Toolbar	Top
Horizontal Rule	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
Smilies	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
Table	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
Style	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
Layer	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
XHTMLxtras	<input checked="" type="radio"/> Hide <input type="radio"/> Show
Template	<input checked="" type="radio"/> Hide <input type="radio"/> Show
Directionality	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
Fullscreen	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
HTML Height	550
HTML Width	750
Preview	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
Element Path	<input checked="" type="radio"/> Off <input type="radio"/> On
Insert Date	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
Date Format	%Y-%m-%d
Insert Time	<input type="radio"/> Hide <input checked="" type="radio"/> Show
Time Format	%H:%M:%S

- Horizontal Rule: Hiện thị nút "Horizontal Rule" (thước kẻ ngang).
- Smilies: Hiện thị nút "Smilies" (các hình ảnh biểu hiện cảm xúc: vui, buồn...)
- Table: Hiện thị các nút tạo "Table" (Bảng).
- Style: Hiện thị nút "CSS Style" (chọn kiểu).
- Layer: Hiện thị các nút tạo "Layer" (Lớp).
- XHTMLxtras: Hiện thị các tính năng "XHTML".
- Template: Hiện thị nút "Template".
- Directionality: Hiện thị nút "Directionality".
- Fullscreen: Hiện thị nút "Fullscreen" (xem toàn màn hình).
- HTML Height: Kích thước chiều cao, đơn vị là "pixels", của cửa sổ HTML.

- HTML Width: Kích thước chiều ngang, đơn vị là "pixels", của cửa sổ HTML.
- Preview: Hiển thị nút "Preview" (xem thử).
- Element Path: Nếu chọn "On", sẽ hiển thị nút "Set Classes" cho đoạn văn bản đang được chọn.
- Insert Date: Hiển thị nút "Insert Date" (thời gian).
- Date Format: Định dạng cho thời gian.
- Insert Time: Hiển thị nút "Insert Time" (thời giờ).
- Time Format: Định dạng cho thời giờ.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 2

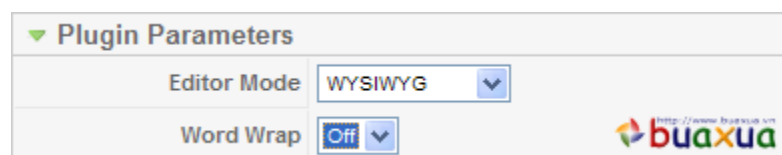
### Sử dụng Plugin trong Joomla! 1.5

#### Editor - XStandard Lite 2.0

Plugin này là trình soạn thảo XStandard Lite 2.0. Nếu kích hoạt Plugin này, trình soạn thảo của nó phải được tải về và cài đặt tại trang web <http://xstandard.com>



Plugin này có các thông số:



- Editor Mode: Lựa chọn 3 chế độ sử dụng: WYSIWYG (trực quang), Source (mã nguồn), or Screen Reader (màn hình thường).
- Word Wrap: Bật/tắt chức năng "Word Wrap" (các dòng chữ quá dài sẽ được hiển thị xuống dòng kế tiếp mà không cần phải cuộn màn hình).

#### Editor Button - Image

Plugin này hiển thị nút chèn (Insert) hình ảnh nằm phía dưới khung soạn thảo để giúp chèn các hình ảnh vào bài viết. Plugin này không có thông số.

#### Editor Button - Readmore

Plugin này hiển thị nút chèn (Insert) dấu ngắt trang nằm phía dưới khung soạn thảo để giúp chia bài viết thành nhiều trang. Plugin này không có thông số.

### Search - Content

Plugin này cho phép tìm kiếm các bài viết (Articles). Nó có các thông số:

▼ Plugin Parameters	
Search Limit	<input type="text" value="50"/>
Articles	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Uncategorized Articles	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Archived Articles	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes

- Search Limit: Số lượng hiển thị kết quả khi tìm kiếm được.
- Articles: Tìm kiếm bài viết.
- Uncategorized Articles: Tìm các bài viết nằm trong Uncategorized (không nằm trong Section hoặc Category nào)
- Archived Articles: Tìm các bài viết được lưu trữ (Archived).

### Search - Weblinks

Plugin này cho phép tìm kiếm các trang web liên kết (Weblinks). Nó có các thông số:

▼ Plugin Parameters	
Search Limit	<input type="text" value="50"/>

- Search Limit: Số lượng hiển thị kết quả khi tìm kiếm được.

### Search - Contacts


Plugin này cho phép tìm kiếm các liên hệ (Contacts). Nó có các thông số:

▼ Plugin Parameters	
Search Limit	<input type="text" value="50"/>

- Search Limit: Số lượng hiển thị kết quả khi tìm kiếm được.

## Search - Categories


Plugin này cho phép tìm kiếm thông tin của các Category. Nó có các thông số:

▼ Plugin Parameters 	
Search Limit	<input type="text" value="50"/>

- Search Limit: Số lượng hiển thị kết quả khi tìm kiếm được.

## Search - Sections


Plugin này cho phép tìm kiếm thông tin của các Section. Nó có các thông số:

▼ Plugin Parameters 	
Search Limit	<input type="text" value="50"/>

- Search Limit: Số lượng hiển thị kết quả khi tìm kiếm được.

## Search - Newsfeeds

Plugin này cho phép tìm kiếm các tin tức từ nguồn cấp dữ liệu (News Feeds). Nó có các thông số:

▼ Plugin Parameters 	
Search Limit	<input type="text" value="50"/>

- Search Limit: Số lượng hiển thị kết quả khi tìm kiếm được.

## System - SEF

Plugin này cho phép tạo các liên kết thân thiện (Search Engine Friendly), chức năng này được thiết lập trong phần "Cấu hình chung" (Global Configuration)

## System - Debug

Plugin này cung cấp các thông tin giúp gỡ lỗi, các thông tin này được hiển thị bên dưới màn hình chính của trang web và phần quản trị (front- & backend). Plugin này có các thông số:

▼ Plugin Parameters	
Display Profiling Information	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Display SQL query log	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Display memory usage	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Display loaded language files	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Display undefined language strings.	Designer mode ▼
Strip Key Prefix	<input type="text"/>

- Display Profiling Information: Hiển thị thời gian lập thông tin.
- Display SQL query log: Hiển thị thông báo truy vấn SQL.
- Display memory usage: Hiển thị thông tin bộ nhớ được sử dụng.
- Display undefined language strings: Hiển thị các chuỗi ngôn ngữ không xác định.
- Display loaded language files: Hiển thị các tập tin ngôn ngữ đã được nạp để tạo ra trang web. Có 2 chế độ là Chuẩn đoán (diagnostic) và thiết kế (designer).
- Strip Key Prefix: Cho phép trích một tiền tố từ chuỗi đến từ khóa khi các chuỗi ngôn ngữ không xác định hiển thị trong chế độ Designer.

## System - Legacy

Plugin này cho phép sử dụng các thành phần mở rộng cũ trong chế độ "1.5 Legacy". Plugin này phải được kích hoạt trước khi cài đặt và sử dụng các thành phần mở rộng có yêu cầu chế độ này. Plugin này có các thông số:

▼ Plugin Parameters	
Use Legacy URL Routing	<input checked="" type="radio"/> No <input type="radio"/> Yes

- Use Legacy URL Routing: Cho phép sử dụng bộ định tuyến URL cũ cho các thành phần mở rộng cũ. Mặc định là "No".

## System - Cache

Plugin này tạo bộ nhớ đệm cho trang web, nó cho phép máy chủ web lưu các trang web và khi cần thì hiển thị ra mà không cần phải truy xuất thêm

các cơ sở dữ liệu khác. Việc này nhằm giúp truy cập trang web được nhanh và giảm tải cho máy chủ.

Đây là một Plugin được ẩn trong Joomla, không có bất cứ một thiết lập hay tùy chỉnh nào cho phép kích hoạt nó kể cả khi bật chế độ Cache trong phần thiết lập Cấu hình chung (Global Configuration), nếu muốn thì người dùng phải tự kích hoạt nó. Plugin này có các thông số:

▼ Plugin Parameters	
Use Browser Caching	<input checked="" type="radio"/> No <input type="radio"/> Yes
Cache Lifetime	<input type="text" value="15"/>

- Use Browser Caching: Cho phép tạo bộ nhớ đệm lưu trên trình duyệt cục bộ. Mặc định là "No".
- Cache Lifetime: Thời gian lưu các trang web, tính bằng phút. Mặc định là 15 phút.

Lưu ý: Plugin này khi được kích hoạt sẽ biến trang web động thành trang web tĩnh, nghĩa là nó sẽ giữ nguyên nội dung của một trang web trong khoảng thời gian từ lúc được khởi tạo lần đầu cho đến hết thời gian lưu trữ thì sẽ tái tạo lại. Mọi thay đổi trong khoảng thời gian này sẽ không thể thấy được kết quả ngay lập tức mà phải đợi tới lần khởi tạo tiếp theo.

### **System - Log**

Plugin này kích hoạt báo cáo hệ thống, đây là một tập tin chứa các thông tin về các hoạt động của trang web. Nó có thể được dùng để theo dõi quá trình hoạt động cũng như trực trực của trang web. Plugin này không có thông số.

### **System - Remember Me**

Plugin này cung cấp chức năng "Remember Me", nó cho phép trang web nhớ tên và mật khẩu đăng nhập của người dùng để giúp họ có thể tự động đăng nhập khi quay lại trang web. Plugin này không có thông số.

### **System - Backlink**



Plugin này hỗ trợ các liên kết có trong phiên bản Joomla! 1.0.x, nó giúp chuyển đổi các liên kết kiểu cũ sang kiểu mới của Joomla! 1.5. Plugin này có các thông số:

▼ Plugin Parameters		buaxua
Search Query Strings	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes	
Search SEF	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes	
Attempt Legacy SEF	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes	

- Search Query Strings: Nếu chọn "Yes", hệ thống sẽ tìm các truy vấn của phiên bản 1.0 vẫn còn phù hợp và chuyển sang URL mới. Mặc định là "Yes".
- Search SEF: Nếu chọn "Yes", hệ thống sẽ sử dụng định dạng SEF của Joomla! 1.0 và chuyển sang liên kết mới. Mặc định là "Yes".
- Attempt Legacy SEF: Nếu chọn "Yes", hệ thống sẽ sử dụng định dạng SEF của Joomla! 1.0 và sẽ cố gắng tạo thành một liên kết hợp lệ. Mặc định là "Yes".

### User - Joomla!

Plugin này xử lý đồng bộ hóa người dùng mặc định, có các thông số:

▼ Plugin Parameters		buaxua
Auto-create Users	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes	


- Auto-create Users: Cho phép tự động tạo thành viên Joomla! Nếu có thể. Mặc định là "Yes".

### XML-RPC - Joomla!

Plugin này cung cấp các API XML-RPC cho người dùng Joomla! Plugin này Không có thông số.

### XML-RPC - Blogger API

Plugin này kích hoạt giao thức Blogger XML-RPC API cho trang web Joomla! Nếu được kích hoạt, nó cho phép các Blogger đăng bài viết lên trang web từ bất cứ ứng dụng nào hỗ trợ API này. Plugin này có các thông số:

▼ Plugin Parameters	
New posts	- Select Category - ▼
Edit posts	- Select Section - ▼ 

- New posts: Chọn Category để chứa các bài viết nhận được từ API này.
- Edit posts: Chọn Các mục để lấy bài viết mới từ đó.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 3

### Cách chuyển đổi Joomla! 1.0.x sang Joomla! 1.5.x

Có nhiều cách chuyển đổi Joomla! từ phiên bản 1.0.x sang phiên bản 1.5.x, nhưng sau thời gian thử nghiệm nhiều cách thì đây là cách nâng cấp rất dễ làm và chuyển đổi thành công toàn bộ dữ liệu mà không gặp bất cứ lỗi nào.

Sau đây là các bước thực hiện việc chuyển đổi:

#### **CHUẨN BỊ:**

- Tải Component **Migrator** và **Migration Assistant** tại <http://joomlancode.org/gf/project/pasamioprojects/frs/>



 migrationassistant	1.5.2	5 - Production/Stable	migrationassistant.tgz
 migrator	Migrator1.1	5 - Production/Stable	migrator.zip

#### **CHUYỂN ĐỔI DỮ LIỆU TỪ JOOMLA! 1.0.X**

- Đăng nhập vào **Admin** của **Joomla! 1.0.x** và cài đặt Component **Migrator**
- Truy cập vào Menu **Components -> Migrator** và nhấn vào dòng chữ **Create Migration SQL File**

Home Site Menu Content Components Modules Mambots Installers Messages System Help

Joomla! 1.0.5 / com\_migrator

# Joomla! 1.0.5 Migrator

This component handles migration of data to a 1.5 site.

Migrating your data is quite simple:

1. Install this component
2. Install any third party ETL plugins and table creation files
3. Run the migration creation system
4. Download the resultant SQL file
5. Upload the SQL file as a part of your 1.5 installation.
6. If you have no third party components to migrate your job here is done!
7. Manually install special migration install files on your 1.5 site (installer packages with SQL "CREATE TABLE IF NOT EXIST

Note: We cannot ensure that third party extensions will work properly or as they did. Additionally 1.5 changes a lot of functionality w  
This system does an almost complete database transfer to your new 1.5 site but some settings cannot be transferred and need t

[3rd Party Information](#) - [Add 3rd Party Migrators](#) - [List Plugins](#) - [Download Files](#) - [Purge Migrator Tasks](#) - [Create Migration SQL File](#)

- Chọn các bảng dữ liệu muốn chuyển sang Joomla! 1.5.x, mặc nhiên tất cả các bảng sẽ được chọn, tuy nhiên có thể bỏ chọn một số bảng không cần thiết.

<input checked="" type="checkbox"/>	Modules Menu ETL Plugin	Transforms table modules_menu to modules_menu
<input checked="" type="checkbox"/>	Newsfeeds ETL Plugin	Transforms table newsfeeds to newsfeeds
<input checked="" type="checkbox"/>	Poll Data ETL Plugin	Transforms table poll_data to poll_data
<input checked="" type="checkbox"/>	Poll Date ETL Plugin	Transforms table poll_date to poll_date
<input checked="" type="checkbox"/>	Poll Menu ETL Plugin	Transforms table poll_menu to poll_menu
<input checked="" type="checkbox"/>	Polls ETL Plugin	Transforms table polls to polls
<input checked="" type="checkbox"/>	Sections ETL Plugin	Transforms table sections to sections
<input checked="" type="checkbox"/>	Templates Menu ETL Plugin	Transforms table templates_menu to templates_menu
<input checked="" type="checkbox"/>	Users ETL Plugin	Transforms table users to users
<input checked="" type="checkbox"/>	Weblinks ETL Plugin	Transforms table weblinks to weblinks

[Start Migration >>](#)

- Sau khi chọn xong nhấn **Start Migration** để tiến hành chuyển đổi.
- Cứ để nguyên như vậy cho chương trình tự chạy và sau cùng sẽ xuất hiện thông báo thực hiện thành công (**Migration Complete!**), nhấn vào dòng chữ **Download** để tiếp tục.

## Migration Complete!

You can now download your SQL dump file and upload it into your Joomla! 1.5 migrator rewrites your prefix to jos\_ even if the sites prefix is different).

[Home](#) - [Download](#)

- Trong phần **Migrator - Data Migration for Joomla! 1.5** nhấn vào dòng chữ **Download** một lần nữa và chọn **save** để lưu tập tin dữ liệu này.



## Migrator - Data Migration for Joomla! 1.5

Dumps	Size	Actions
SQL Dump Set from 12.08.2008 19:28		
j105_20080812_192856.sql	67,36 KB	Delete File Info <a href="#">SQL</a> <a href="#">Download</a>

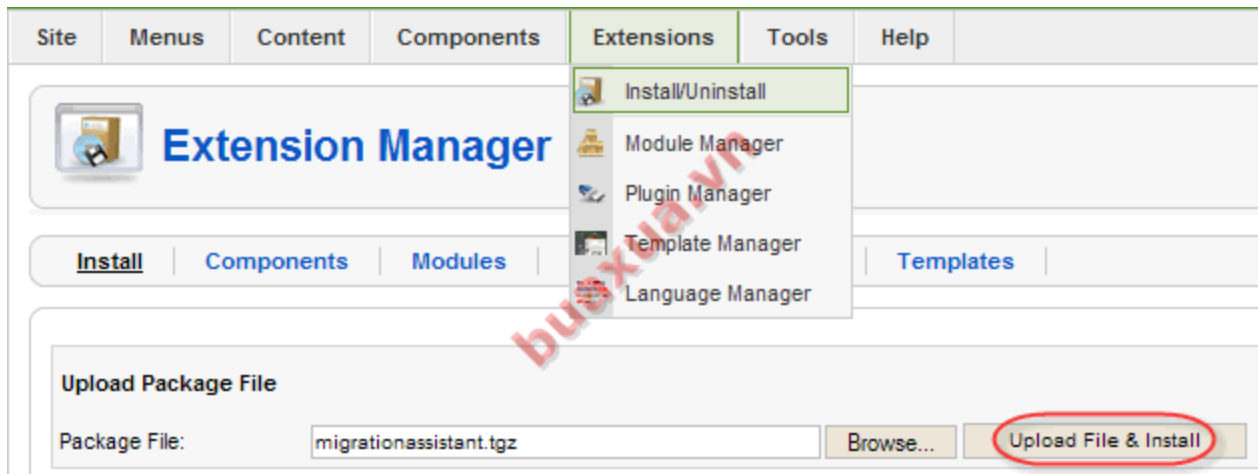
- Thoát khỏi **Admin** của Joomla! 1.0.x.

## CÀI ĐẶT JOOMLA! 1.5.x

- Tiến hành cài đặt Joomla! 1.5.x với Database mới. Tốt nhất nên tạo một thư mục khác để cài đặt, không nên vội xóa Joomla! 1.0.x để phòng trục trặc hoặc khi muốn chuyển đổi trực tiếp trên Host mà Joomla! 1.0.x vẫn đang hoạt động.
- Các bước cài đặt bình thường cho tới bước thứ 4 (**Database Configuration**) thì nhập thông tin của Database mới vào và tiếp tục.
- Tới bước thứ 6 (**Main Configuration**) chỉ khai báo các thông tin vào phần **Site Name** và **Email, Password**, các phần khác giữ nguyên (không chọn cài đặt dữ liệu mẫu) và nhấn **Next**.

Site Name	<input type="text" value="buaxua.vn"/>
Your E-mail	<input type="text" value="admin@buaxua.vn"/>
Admin Password	<input type="password" value="....."/>
Confirm Admin Password	<input type="password" value="....."/>

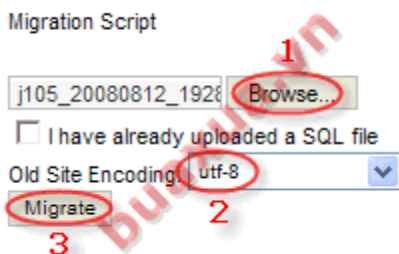
- Tới bước cuối cùng (7) thì xóa hoặc đổi tên thư mục **installation** và chọn **Admin** để hoàn tất việc cài đặt.
- Đăng nhập vào **Admin** và cài đặt Component **MigrationAssistant**.



## CẬP NHẬT DỮ LIỆU VÀO JOOMLA! 1.5.X

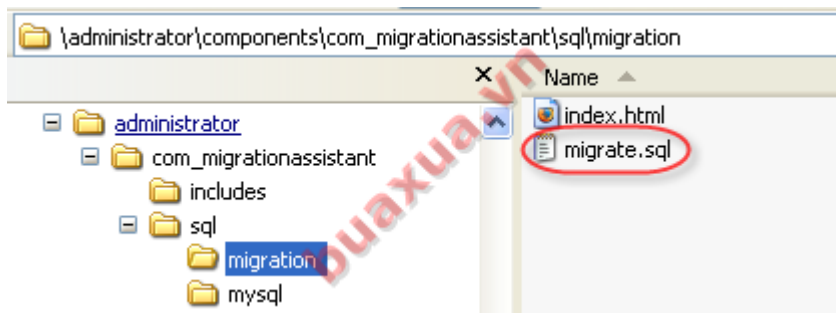
**Cách 1:** Đối với dữ liệu (Database) có dung lượng nhỏ khoảng vài MB.

- Truy cập vào Menu **Components** -> **Migration Assistant**.
- Nhấn **Browse** (1) và chọn tập tin dữ liệu của Joomla! 1.0.x đã được tạo ra từ Component **Migrator** ở phần trên -> chọn **UTF-8** (2) -> nhấn **Migrate** (3).

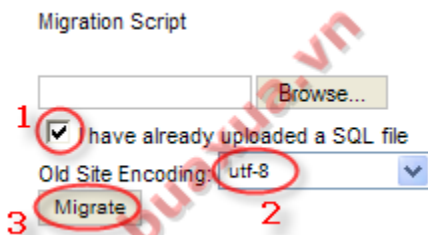


**Cách 2:** Đối với dữ liệu (Database) có dung lượng lớn, bị lỗi khi làm cách 1.

- Đổi tên tập tin dữ liệu của Joomla! 1.0.x được tạo ra từ Component **Migrator** thành **migrate.sql** và copy vào thư mục **migration** như trong hình.



- Truy cập vào Menu **Components -> Migration Assistant**.
- Đánh dấu vào ô **I have already uploaded a SQL file (1)** -> chọn **UTF-8 (2)** -> nhấn **Migrate (3)**.



### Cập nhật thông tin trong Global Configuration:

- Sau khi hoàn tất việc cập nhật dữ liệu, nếu muốn các các thông tin về Site Name, Meta, Email,... trong **Global Configuration** được thiết lập giống như Joomla! 1.0.x thì nhấn vào dòng chữ **migrate your configuration.php settings**.

### Migrating Site

Migration successful. Press Next to continue.

If you used Migrator RC7 or higher you can [migrate your configuration.php settings](#)

### Cuối cùng:

- Cập nhật dữ liệu xong, thoát ra (Logout) khỏi phần Quản trị (Admin) và đăng nhập lại với tên (Username) và mật khẩu (Password) giống như Joomla! 1.0.x
- Sau khi đăng nhập **Admin**, vào phần quản lý **User Manager** và chọn Username **migrationassistant**, đây là User do Migration Assistant tạo ra khi cập nhật dữ liệu.



**User Manager**

Filter:

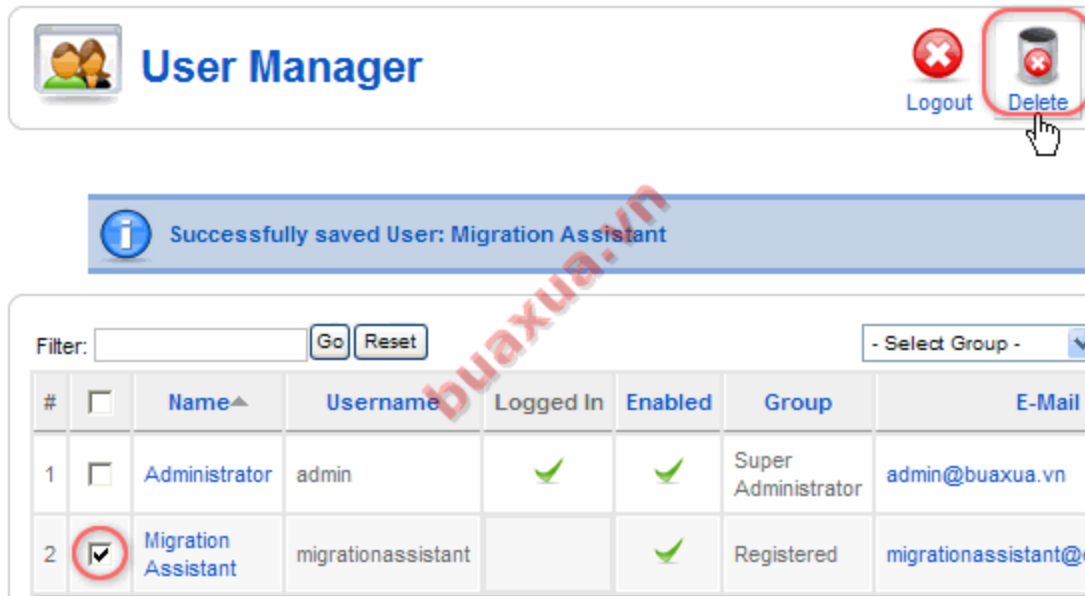
#	<input type="checkbox"/>	Name ▲	Username	Logged In	Enabled	Group
1	<input type="checkbox"/>	Administrator	admin	✓	✓	Super Administrator
2	<input type="checkbox"/>	Migration Assistant	migrationassistant		✓	Super Administrator

- Thay đổi quyền của User này thành **Registered** và **Save** lại.

**User Details**

Name	Migration Assistant
Username	migrationassistant
E-mail	migrationassistant@example.com
New Password	
Verify Password	
Group	<ul style="list-style-type: none"><li>Public Front-end<ul style="list-style-type: none"><li>- Registered</li><li>- Author</li><li>- Editor</li><li>- Publisher</li></ul></li><li>Public Back-end<ul style="list-style-type: none"><li>- Manager</li><li>- Administrator</li><li>- Super Administrator</li></ul></li></ul>

- Tiếp tục chọn lại Username **migrationassistant** và nhấn **Delete** để xóa.



Logout Delete

Successfully saved User: Migration Assistant

Filter:  Go Reset - Select Group -

#	<input type="checkbox"/>	Name▲	Username	Logged In	Enabled	Group	E-Mail
1	<input type="checkbox"/>	Administrator	admin	✓	✓	Super Administrator	admin@buaxua.vn
2	<input checked="" type="checkbox"/>	Migration Assistant	migrationassistant		✓	Registered	migrationassistant@e:

- Bước cuối cùng là phải copy tất cả các ảnh trong thư mục **/images/stories** và các thư mục con chứa ảnh (nếu có) của Joomla! 1.0.x sang thư mục **/images/stories** của Joomla! 1.5.x.

Tới đây công việc chuyển đổi đã hoàn tất, toàn bộ các dữ liệu và Menu, Component, Module, Content,... đều được chuyển hết sang Joomla! 1.5.x.

### Lưu ý:

- Nếu cài đặt Joomla! 1.5.x trong một thư mục khác thì sau này khi chuyển vào thư mục gốc chỉ cần thay đổi lại đường dẫn trong tập tin **configuration.php**
- Chỉ các Component và Module mặc định có sẵn trong Joomla! mới được chuyển đổi, các thành phần mở rộng khác đều phải cài đặt lại.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 4

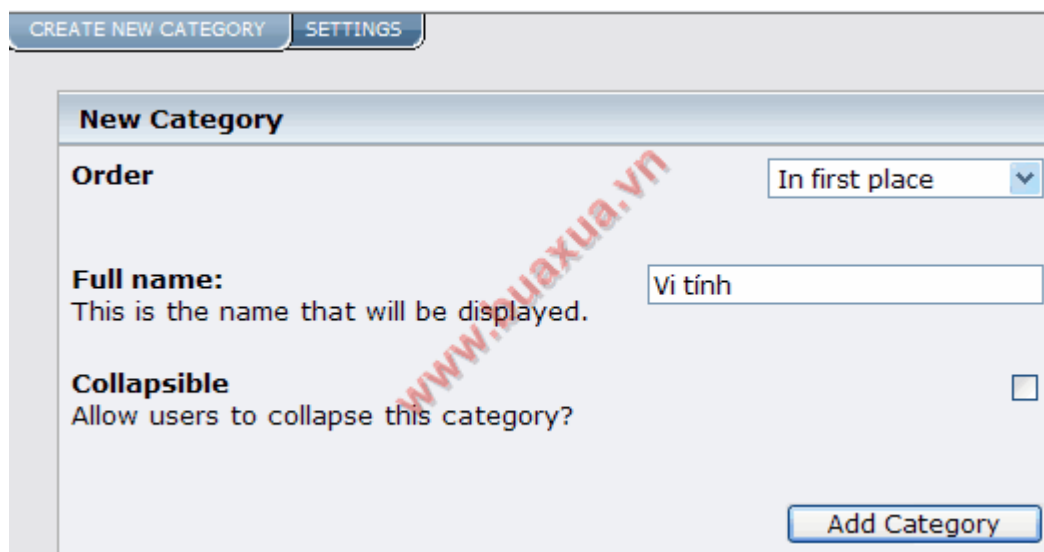
### Cách tạo các Category và Board cho SMF

Trong SMF có các cấp quản lý nội dung theo thứ tự lớn nhất là Category (Đề mục chính), Board (Chuyên mục), Child of Board (Chuyên mục phụ). SMF có thể có nhiều Category, Board,... Sau đây là cách tạo và sửa các cấp quản lý nội dung của SMF:

#### Cách tạo Category mới:

Truy cập Menu **Admin** -> **Diễn đàn** -> **Diễn đàn** -> nhấn vào **Create New Category**.

Trong **New Category**:



The screenshot shows the 'New Category' form in SMF. It has two tabs: 'CREATE NEW CATEGORY' and 'SETTINGS'. The 'CREATE NEW CATEGORY' tab is active. The form contains three fields: 'Order' with a dropdown menu set to 'In first place', 'Full name:' with a text input field containing 'Vi tính' and a description 'This is the name that will be displayed.', and 'Collapsible' with a checkbox. An 'Add Category' button is at the bottom right.

- **Order:** Sắp xếp thứ tự cho Category, In first place là đặt phía trên hết.
- **Full name:** Tên của Category.
- **Collapsible:** Cho phép thu gọn Category này nếu đánh dấu vào ô.

- Nhấn **Add Category** để tạo.

### Cách sửa Category đã có:

Truy cập Menu **Admin** -> **Diễn đàn** -> **Diễn đàn** -> nhấn vào **Modify Boards**.

Trong **Modify Boards**:

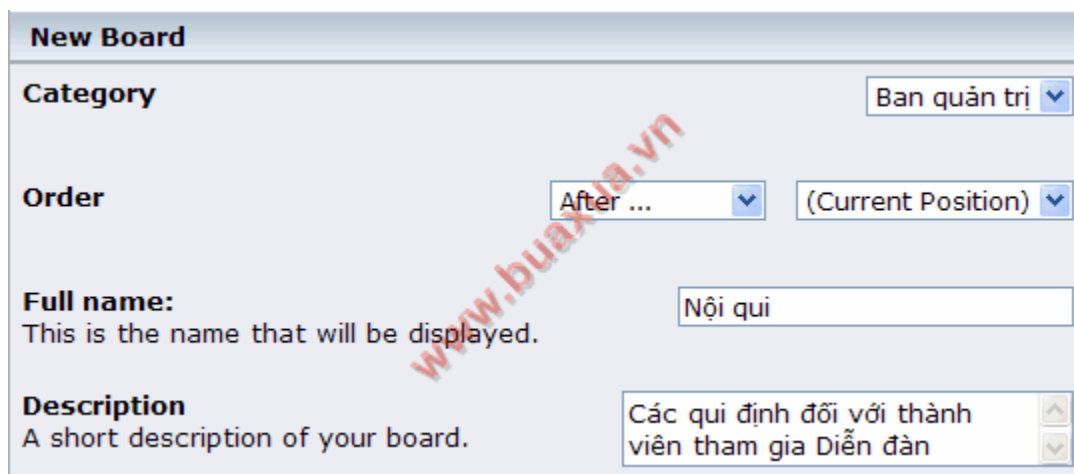


Nhấn vào **(Modify)** nằm ngay bên phải của **Category** để sửa thành tên khác hoặc sắp xếp thứ tự tùy ý.

### Cách tạo Board mới:

Truy cập Menu **Admin** -> **Diễn đàn** -> **Diễn đàn** -> **Modify Boards** -> Nhấn vào **Add Board**.

Trong **Modify Board**:

A screenshot of the Joomla! 'New Board' form. The form has a title 'New Board'. It contains several fields: 'Category' with a dropdown menu set to 'Ban quản trị'; 'Order' with two dropdown menus, the first set to 'After ...' and the second to '(Current Position)'; 'Full name:' with a text input field containing 'Nội qui' and a subtext 'This is the name that will be displayed.'; and 'Description' with a text area containing 'Các qui định đối với thành viên tham gia Diễn đàn' and a subtext 'A short description of your board.' A watermark 'www.buaxua.vn' is overlaid diagonally across the form.

- **Category**: Chọn Category để chứa Board này.

- **Order:** Sắp xếp thứ tự, **Child of...** là tạo Board phụ (Sub).
- **Full name:** Tên của Board.
- **Description:** Phần thông tin về Board này.
- **Allowed Groups:** Thiết lập quyền truy cập vào Board này cho các nhóm thành viên.
- **Board access:** Thiết lập các hạn chế truy cập đối với Board này.
- **Moderators:** Ghi tên của các thành viên giữ nhiệm vụ quản lý Board này.
- **Count Posts:** Thông tin về số lượng bài viết trong Board.
- **Board Theme:** Chọn Theme cho Board.
- **Override Member's Theme:** Chọn Theme mặc định cho thành viên.

Sau khi thiết lập xong nhấn **Sửa** để chấp nhận hoặc nhấn **Delete** để xóa Board.

### Cách sửa Board đã có:

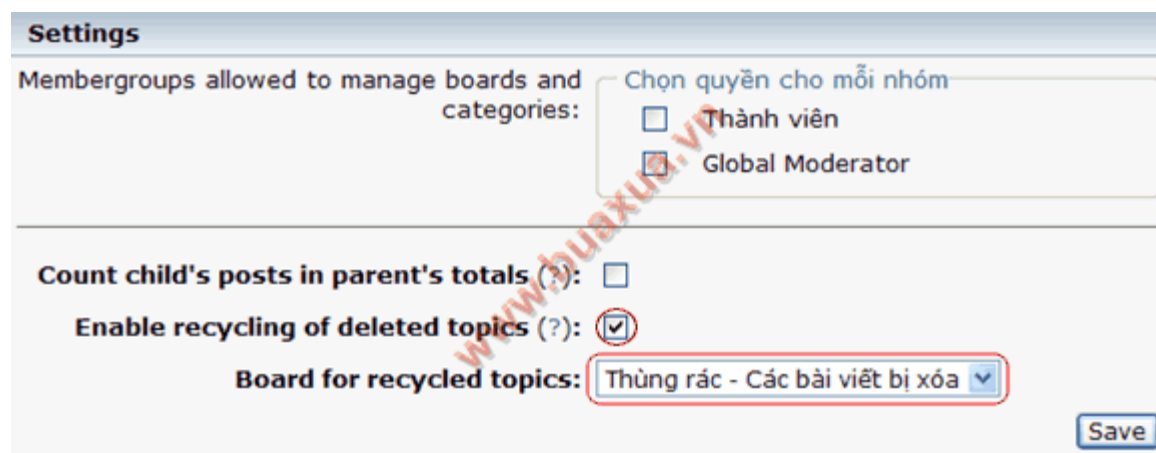
Truy cập Menu **Admin** -> **Diễn đàn** -> **Diễn đàn** -> **Modify Boards** -> Nhấn vào **(Modify)** nằm bên phải cùng hàng của **Board** để sửa.

Nhấn vào **Move** để sắp xếp thứ tự các Board.

### Cách tạo nơi lưu các bài viết bị xóa:

Tạo **Category** và **Board** để lưu các bài viết bị xóa giống như các bước trên.

Truy cập Menu **Admin** -> **Diễn đàn** -> **Diễn đàn** -> **Settings**.



The screenshot shows the Joomla! Settings page for board management. The title is "Settings". The first section is "Membergroups allowed to manage boards and categories:" with a sub-label "Chọn quyền cho mỗi nhóm". It contains two checkboxes: "Thành viên" (unchecked) and "Global Moderator" (checked). The second section is "Count child's posts in parent's totals (?):" with an unchecked checkbox. The third section is "Enable recycling of deleted topics (?):" with a checked checkbox. Below this is a dropdown menu for "Board for recycled topics:" with the selected option "Thùng rác - Các bài viết bị xóa". A "Save" button is located at the bottom right of the form.

Đánh dấu chọn **Enable recycling of deleted topics**.

Chọn Board được tạo để lưu các bài viết bị xóa trong **Board for recycled topics**.

Nhấn **Save**.

## Cách chuyển đổi Template từ Joomla! 1.0.x sang 1.5.x

Khi chuyển trang web dùng Joomla! 1.0.x sang 1.5.x thì một trong những việc đầu tiên cần phải làm là chuyển đổi giao diện (Template). Bài viết này sẽ hướng dẫn cách chuyển đổi Template từ Joomla! 1.0.x sang 1.5.x

Chuyển đổi Template từ Joomla! 1.0.x sang 1.5.x chủ yếu chỉ thực hiện việc thay đổi nội dung trong một số tập tin của Template.

### Các thay đổi trong index.php:

- Thay **\_VALID\_MOS** bằng **\_JEXEC**
- Thay **\$mosConfig\_absolute\_path** bằng **\$this->baseUrl**
- Thay **\$mosConfig\_live\_site** bằng **\$mainframe->getCfg( 'live\_site' )**
- Thay các dòng lệnh hiển thị chữ **echo 'Hello'** cố định bằng bằng dòng lệnh **echo JText::\_( 'Hello' )** có thể chuyển ngữ được.
- Thay **mosGetParam** bằng **JRequest::getVar**.  
Thí dụ: Thay **\$id = mosGetParam( \$\_REQUEST, 'id', 0 );** bằng **\$id = JRequest::getVar( 'id', 0 );**
- Thay **mosShowHead()** bằng
- Thay **mosMainBody()** bằng
- Thay **mosLoadModules( \$position\_name, \$style );** bằng **<jdoc:include type="modules" name=\$position\_name style=\$style />**
- Thay các kiểu (**\$style**) Module của 1.0.x tương ứng với 1.5.x:  
  
-1 =>**none**  
0 =>**table**  
1 =>**horz**

- 2 =>**xhtml**
- 3 =>**rounded**

- Thay thành
- Thay thành **countModules('\$position\_name ')** : ?>
- Thêm dòng khai báo **css** của Joomla! vào giữa cặp thẻ (chung với css của Template)
- Thêm dòng lệnh hiển thị các thông báo của Joomla! đặt tại vị trí nào tùy ý (thường được đặt phía trên phần nội dung chính)
- Ngoài ra cần phải lưu ý là Joomla! 1.5.x sẽ tự động nạp sẵn 2 Javascript trong Template thông qua dòng lệnh , nếu Template cũ có nạp các Javascript này thì khi chuyển đổi không cần đến nữa.

### Các thay đổi trong templateDetails.xml:

- Thay bằng
- Thay bằng
- Khai báo các vị trí Module (**\$position\_name**) được sử dụng trong Template.
- Thêm các thông số của Template vào nếu có.

### Các thay đổi trong css:

- Xem xét tập tin **template\_css.css** để thêm bớt nội dung cho phù hợp với Joomla! 1.5.x (mở tập tin **template.css** của các Template 1.5.x khác để tham khảo).
- Đổi tên tập tin **template\_css.css** thành **template.css**

Trên đây chỉ là các bước cơ bản để chuyển đổi các Template thông thường, đối với một số Template được thiết kế có nhiều chức năng thì phải chuyển đổi thêm các chức năng này.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 5

### Cách đưa thông tin từ diễn đàn SMF lên trang chủ Joomla!

Các trang Web thường đưa thông tin về tình hình của Diễn đàn lên trang chủ để thông báo, giới thiệu về các chủ đề được thảo luận và các thành viên nổi bật của mình. Qua các thông tin này người dùng sẽ dễ dàng nhận xét, đánh giá tình hình hoạt động của Diễn đàn.

Bài viết này sẽ hướng dẫn cách đưa thông tin từ Diễn đàn SMF lên trang chủ Joomla! 1.0.x bằng cách sử dụng các Module có chức năng lấy thông tin từ SMF.

[Tải gói Module tại đây](#), giải nén gói này sẽ được 4 gói cài đặt Module sau:

- mod\_smf\_online: Hiển thị các thông tin chung của SMF.
- mod\_smf\_topposter: Hiển thị các Thành viên nổi bật nhất.
- mod\_smf\_toptopics: Hiển thị các chủ đề nổi bật nhất.
- mod\_smf\_last: Hiển thị các chủ đề/tin mới nhất.

Truy cập vào phần **Quản trị** (Admin)của Joomla! để cài đặt các Module này sau đó thiết lập cho các Module này với các thông số chung như sau:

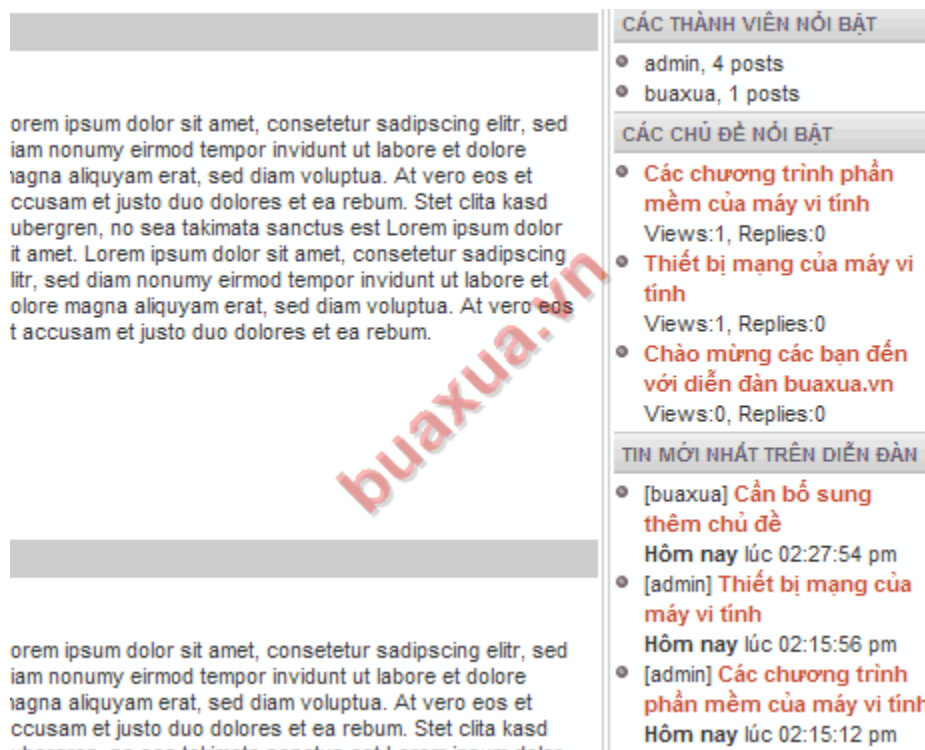


The image shows the Joomla! administrator interface for configuring a module. It is divided into two main sections: 'Details' and 'Parameters'.  
**Details Section:**  
- Title: 'Các thành viên nổi bật' (in a text input field)  
- Show title: Radio buttons for 'Không' (unchecked) and 'Có' (checked)  
- Position: A dropdown menu set to 'right'  
- Module Order: A dropdown menu set to '2::Các thành viên nổi bật'  
- Access Level: A dropdown menu with 'Public' selected, and options for 'Registered' and 'Special'  
- Published: Radio buttons for 'Không' (unchecked) and 'Có' (checked)  
- ID: '43'  
- Description: 'This module displays the TOP poster from your smf forum. (C) 2007 Alikonweb.it'  
**Parameters Section:**  
- Module Class Suffix: (empty text input field)  
- SMF path: Text input field containing '.smf'  
- Order: Radio buttons for 'Views' (checked) and 'Reply' (unchecked)  
- Length: Radio buttons for 'Smf default 25 char' (unchecked) and 'Set your own length' (checked)  
- User defined Length: Text input field containing '500'  
- Number: Text input field containing '3'  
- Author: Radio buttons for 'Don't Show' (unchecked) and 'Show' (checked)  
- Top Tipe: Radio buttons for 'User' (checked) and 'Post' (unchecked)

- **Title:** Sửa tên lại thành tiếng Việt tùy theo chức năng của Module.
- **Show title:** Chọn **Có** để hiển thị tiêu đề cho Module.
- **Position:** Chọn vị trí để đặt Module.
- **Published:** Chọn **Có** để cho phép hiển thị Module.
- **SMF path:** Nhập đường dẫn đến thư mục cài đặt SMF, nếu cài đặt trong thư mục **smf** thì nhập **".smf"** (không có dấu "'')
- **Order:** Cách sắp xếp thứ tự căn cứ theo số lần xem (Views) hay Trả lời (Reply).
- **Length:** Chọn độ dài cho tựa đề/thông tin muốn hiển thị (tính bằng chữ). Chọn **SMF Default 25char** (25 ký tự) hoặc chọn **Set your own length** và nhập số lượng ký tự vào mục **User defined Length**.

- **Number:** Số lượng tựa đề/thông tin muốn hiển thị.
- **Author:** Chọn hiển thị/không hiển thị tên của thành viên tạo chủ đề.
- **Time:** Chọn hiển thị hoặc không hiển thị thời gian tạo chủ đề.

Sau khi thiết lập xong các thông số có thể sắp xếp lại thứ tự cho các Module tùy ý.



The screenshot shows a Joomla! module configuration interface. On the left, there are two text areas containing placeholder text: "orem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. At vero eos et accusam et justo duo dolores et ea rebum. Stet clita kasd ubergren, no sea takimata sanctus est Lorem ipsum dolor sit amet. Lorem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. At vero eos et accusam et justo duo dolores et ea rebum." A large red watermark "buaxua.vn" is overlaid diagonally across the center of the image.

On the right, there are three sections of settings:

- CÁC THÀNH VIÊN NỔI BẬT**
  - admin, 4 posts
  - buaxua, 1 posts
- CÁC CHỦ ĐỀ NỔI BẬT**
  - Các chương trình phần mềm của máy vi tính  
Views:1, Replies:0
  - Thiết bị mạng của máy vi tính  
Views:1, Replies:0
  - Chào mừng các bạn đến với diễn đàn buaxua.vn  
Views:0, Replies:0
- TIN MỚI NHẤT TRÊN DIỄN ĐÀN**
  - [buaxua] Cần bổ sung thêm chủ đề  
Hôm nay lúc 02:27:54 pm
  - [admin] Thiết bị mạng của máy vi tính  
Hôm nay lúc 02:15:56 pm
  - [admin] Các chương trình phần mềm của máy vi tính  
Hôm nay lúc 02:15:12 pm

**Lưu ý:** Để các Module này hiển thị được tiếng Việt trên trang Web Joomla! 1.0.x thì phải xóa bỏ dòng `$db_character_set = 'utf8';` trong tập tin `Settings.php` theo hướng dẫn khi cài đặt SMF.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 6

### Cơ bản về Front-end của Joomla! 1.0.x

Front-end là các trang Web mà mọi người sẽ được thấy khi truy cập vào Web Site của bạn. Phần này ngoài việc hiển thị nội dung của trang Web còn là nơi mọi người có thể tương tác với Web Site như đăng ký thành viên, tham gia quản lý và viết bài đăng trên trang Web.

Địa chỉ vào Front-end trên localhost là **http://localhost** Sau khi cài đặt Joomla!, chọn View Site, trang chủ của Web Site sẽ xuất hiện trên trình duyệt. Hình dạng, bố cục của trang này là do Template (Temp) mặc định của Joomla!, Temp này có thể thay đổi được.

STT	Tên	Loại	Chức năng
1	Top Menu	Mod	Menu được đặt ở vị trí trên cùng của Web Site
2	Main Menu	Mod	Menu chính dẫn đến các trang nội dung của Web Site
3	Other Menu	Mod	Menu phụ dẫn đến một nội dung do người dùng tùy chọn
4	Log-in Form	Mod	Nơi người dùng đăng ký tài khoản và đăng nhập, sau khi đăng nhập Mod này sẽ không hiển thị nữa
5	User Menu	Mod	Menu này chỉ hiện ra sau khi người dùng đăng nhập, cho phép người dùng tương tác với Web Site
6	Syndicate	Mod	Chức năng lấy tin RSS
7	Banners	Mod	Hiển thị banner quảng cáo

8	Latest News	Mod	Hiển thị các nội dung mới nhất
9	Popular	Mod	Hiển thị các nội dung nổi bật, được nhiều người xem.
10	Search	Mod	Công cụ tìm kiếm thông tin trên Web Site
11	Newsflash	Mod	Phần giới thiệu của các nội dung được chọn, xuất hiện ngẫu nhiên.
12	Polls	Mod	Bình chọn, lấy ý kiến của người dùng
13	Who's Online	Mod	Hiển thị số người truy cập
14	FrontPage	Com	Hiển thị phần tóm tắt của các nội dung trên trang chủ
15	Content	Com	Hiển thị nội dung trên trang nội dung
16	Contact	Com	Hiển thị phần liên hệ (Contact) với Web Site)
17	Search	Com	Hiển thị kết quả tìm kiếm
18	Weblinks	Com	Hiển thị các liên kết

Các Component (Com) và Module (Mod) hiển thị ở Front-end đều có thể thay đổi và hiển thị khác nhau trên các trang web khác nhau, sau đây là một số Com, Mod mặc nhiên được hiển thị sau khi cài Joomla!

The image shows a Joomla! website template with various components and numbered annotations (1-14) pointing to specific elements:

- 1**: Home link in the top navigation bar.
- 2**: Links link in the top navigation bar.
- 3**: Joomla! Home link in the left sidebar menu.
- 4**: Login button in the login form.
- 5**: Joomla! logo and tagline: "...because open source matters".
- 6**: Social media icons (RSS, Facebook, MySpace, OpenID) in the syndicate section.
- 7**: "OpenSourceMatters" logo and "Home of Joomla!" text.
- 8**: "LATEST NEWS" section containing three newsflash items.
- 9**: "POPULAR" section containing three FAQ items.
- 10**: Search bar in the top right corner.
- 11**: "Joomla! 1.0 - 'Experience the Freedom!'" text in the newsflash section.
- 12**: "This Joomla! installation was ...." poll question.
- 13**: "WHO'S ONLINE" section showing "We have 13 users online".
- 14**: "Read more..." link below the main article.

The main content area features a "Welcome to Joomla!" article by "Web Master" dated Saturday, 12 June 2004. Below it are two newsflash items: "Newsflash 1" (dated Monday, 09 August 2004) and "Newsflash 2" (dated Monday, 09 August 2004).

At the bottom, there is a copyright notice: "© 2007 Trang Web Joomla! của tôi Joomla! is Free Software released under the GNU/GPL License."

The screenshot displays the Joomla! 1.5x website interface. At the top, the site title "OpenSourceMatters" is prominently featured with the tagline "home of Joomla!". To the right, it indicates the site is "Powered by Joomla! version 1.0". The left sidebar contains a "MAIN MENU" with items like Home, Joomla! License, News, Blog, Links, Contact Us, Search, News Feeds, FAQs, and Wrapper. Below this is a "USER MENU" with options such as Your Details, Submit News, Submit WebLink, Check-In My Items, Logout, Joomla! Home, Joomla! Forums, OSM Home, and Administrator. The main content area shows a "LATEST NEWS" section with a list of news items, including "Example News Item 2" which is highlighted. A "POPULAR:" section lists "Example FAQ Item 2" through "Example News Item 2". Below the news list, a breadcrumb trail reads "Home » News » Latest » Example News Item 2". The featured article, "Example News Item 2", is written by Administrator on Wednesday, 07 July 2008. The article text is placeholder Lorem Ipsum. A small image of a pie is shown on the right side of the article. Navigation links include "< Prev", "Next >", and "[ Back ]".

© 2007 Trang Web Joomla! của tôi  
Joomla! is Free Software released under the GNU/GPL License.

The screenshot shows the Joomla! 1.5x contact form interface. The left sidebar is identical to the previous screenshot. The main content area is titled "CONTACT US" and includes a "Send" button. Below the title, it says "Send an e-mail to this Contact:". The form consists of several input fields: "Enter your name:", "E-mail address:", and "Message subject:". Below these is a large text area for "Enter your message:". A "Send" button is located at the bottom left of the form, and a "[ Back ]" link is at the bottom center. A "Sample Image" placeholder is visible on the right side of the form area.



# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 6

### Cơ bản về Front-end của Joomla! 1.0.x

Front-end là các trang Web mà mọi người sẽ được thấy khi truy cập vào Web Site của bạn. Phần này ngoài việc hiển thị nội dung của trang Web còn là nơi mọi người có thể tương tác với Web Site như đăng ký thành viên, tham gia quản lý và viết bài đăng trên trang Web.

Địa chỉ vào Front-end trên localhost là **http://localhost** Sau khi cài đặt Joomla!, chọn View Site, trang chủ của Web Site sẽ xuất hiện trên trình duyệt. Hình dạng, bố cục của trang này là do Template (Temp) mặc định của Joomla!, Temp này có thể thay đổi được.

STT	Tên	Loại	Chức năng
1	Top Menu	Mod	Menu được đặt ở vị trí trên cùng của Web Site
2	Main Menu	Mod	Menu chính dẫn đến các trang nội dung của Web Site
3	Other Menu	Mod	Menu phụ dẫn đến một nội dung do người dùng tùy chọn
4	Log-in Form	Mod	Nơi người dùng đăng ký tài khoản và đăng nhập, sau khi đăng nhập Mod này sẽ không hiển thị nữa
5	User Menu	Mod	Menu này chỉ hiện ra sau khi người dùng đăng nhập, cho phép người dùng tương tác với Web Site
6	Syndicate	Mod	Chức năng lấy tin RSS
7	Banners	Mod	Hiển thị banner quảng cáo

8	Latest News	Mod	Hiển thị các nội dung mới nhất
9	Popular	Mod	Hiển thị các nội dung nổi bật, được nhiều người xem.
10	Search	Mod	Công cụ tìm kiếm thông tin trên Web Site
11	Newsflash	Mod	Phần giới thiệu của các nội dung được chọn, xuất hiện ngẫu nhiên.
12	Polls	Mod	Bình chọn, lấy ý kiến của người dùng
13	Who's Online	Mod	Hiển thị số người truy cập
14	FrontPage	Com	Hiển thị phần tóm tắt của các nội dung trên trang chủ
15	Content	Com	Hiển thị nội dung trên trang nội dung
16	Contact	Com	Hiển thị phần liên hệ (Contact) với Web Site)
17	Search	Com	Hiển thị kết quả tìm kiếm
18	Weblinks	Com	Hiển thị các liên kết

Các Component (Com) và Module (Mod) hiển thị ở Front-end đều có thể thay đổi và hiển thị khác nhau trên các trang web khác nhau, sau đây là một số Com, Mod mặc nhiên được hiển thị sau khi cài Joomla!



The image shows a Joomla! website template with various components and numbered annotations:

- 1**: Navigation menu (Home, Contact Us, News, Links)
- 2**: Search bar
- 3**: Joomla! License link
- 4**: Login form (Username, Password, Remember me, Log in)
- 5**: Joomla! Home link
- 6**: Syndicate links (RSS, ATOM, OPML)
- 7**: OpenSourceMatters logo
- 8**: Latest News list
- 9**: Popular items list
- 10**: Search bar
- 11**: Newsflash content
- 12**: Polls section
- 13**: Who's Online section
- 14**: Main article content

© 2007 Trang Web Joomla! của tôi  
Joomla! is Free Software released under the GNU/GPL License.

The screenshot displays the Joomla! 1.5x OpenSourceMatters website. The header features the site title "OpenSourceMatters" with the tagline "home of Joomla!" and the Joomla! logo indicating it is "Powered by Joomla! version 1.0". A left sidebar contains a "MAIN MENU" with items like Home, Joomla! License, News, Blog, Links, Contact Us, Search, News Feeds, FAQs, and Wrapper. Below it is a "USER MENU" with options such as Your Details, Submit News, Submit WebLink, Check-In My Items, Logout, Joomla! Home, Joomla! Forums, OSM Home, and Administrator. The main content area shows "LATEST NEWS" with a list of news items, including "Example News Item 2" which is highlighted. A "POPULAR:" section lists "Example FAQ Item 2" through "Example News Item 2". A breadcrumb trail reads "Home » News » Latest » Example News Item 2". The article "Example News Item 2" is displayed with a yellow background, a "15" rating, and a small image of a pie. The article text is placeholder Lorem Ipsum. Navigation buttons include "< Prev", "Next >", and "[ Back ]".

© 2007 Trang Web Joomla! của tôi  
Joomla! is Free Software released under the GNU/GPL License.

The screenshot shows the Joomla! 1.5x OpenSourceMatters website with a contact form. The left sidebar is identical to the previous screenshot. The main content area is titled "CONTACT US" and contains a form with the following fields: "Enter your name:", "E-mail address:", "Message subject:", and "Enter your message:". There is a "Send" button and a "[ Back ]" link. A "Sample Image" placeholder is visible on the right side of the form area. A "16" rating is displayed in the center of the form. The background is yellow.

The screenshot shows the Joomla! search interface. On the left is a navigation menu with items like Blog, Links, Contact Us, Search, News Feeds, FAQs, Wrapper, and a USER MENU with options like Your Details, Submit News, Submit Weblink, Check-In My Items, Logout, Joomla! Home, Joomla! Forums, OSM Home, and Administrator. The main content area is titled 'SEARCH' and shows search results for the keyword 'joomla'. It includes search options (Any words, All words, Exact phrase), ordering (Newest first), and a list of 19 results. The first five results are visible, including 'Newstflash 1', 'Joomla! 1.0 - Experience the Freedom!', 'Welcome to Joomla!', 'Joomla! License Guidelines', and 'Joomla!'. A large blue number '17' is overlaid on the page.

The screenshot shows the Joomla! Web Links section. It features a clock icon and the text 'A selection of links that are all related to the Joomla! Project.' Below this is a table of links with columns for the link name and 'Hits'. A large blue number '18' is overlaid on the page.

Web Link	Hits
<a href="#">Joomla!</a> Home of Joomla!	2
<a href="#">OpenSourceMatters</a> Home of OSM	2
<a href="#">Joomla! - Forums</a> Joomla! Forums	2
<a href="#">php.net</a> The language that Joomla! is developed in	0
<a href="#">MySQL</a> The database that Joomla! uses	0

Ngoài ra còn một số Com, Mod và Mambot khác hỗ trợ cho việc hiển thị và bổ sung chức năng cho các trang web ở Front-end.

## Cách cài đặt các bản nâng cấp và sửa lỗi cho Joomla!

Mã nguồn của Joomla! luôn được cập nhật mới để sửa lỗi và nâng cao tính bảo mật, việc theo dõi để cài đặt các bản nâng cấp mới là công việc cần thiết đối với người Quản trị Website sử dụng Joomla!

Hiện nay Joomla! có 2 phiên bản chính là **1.0** và **1.5** được phát triển và sử dụng, bài viết này sẽ hướng dẫn cách nâng cấp Joomla! áp dụng cho phiên bản 1.0 lên 1.0.x và phiên bản 1.5 lên 1.5.x

Sau đây là các bước thực hiện: **Tải file:**

- Tải phiên bản nâng cấp mới nhất cho Joomla! từ trang web <http://joomla.org>.
- Các bản nâng cấp (Patch) của Joomla! thường được đặt tên theo dạng **Joomla\_1.0.13\_to\_1.0.15-Stable-Patch\_Package.zip**, trong đó có số hiệu **1.0.13\_to\_1.0.15** là nâng cấp từ phiên bản **1.0.13** lên **1.0.15**.
- Mỗi phiên bản Joomla! được đóng gói dưới dạng nén: **.zip**, **.tar.gz** và **.tar.bz2**, chỉ cần chọn một cái và thử nghiệm để biết định dạng nào có thể mở được trên máy tính hoặc trên Hosting đang sử dụng.

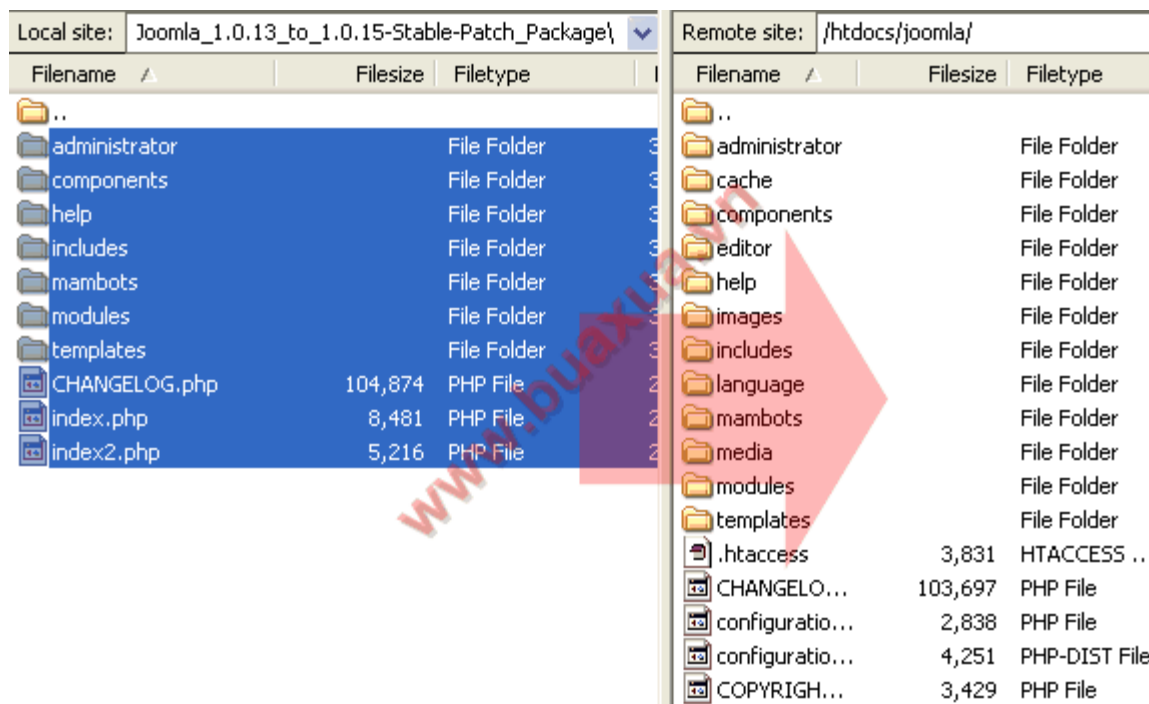
**Sao lưu dữ liệu:**

- Tạo một Thư mục ngay trên Hosting rồi Copy tất cả các Tập tin (File) và Thư mục (Folder) của Joomla! vào đó, có thể Copy từ Hosting về máy tính để lưu trữ thông qua chương trình **FTP** hoặc **File Manager** trong **cPanel** (nếu có). Bản lưu trữ này sẽ được dùng khi quá trình nâng cấp bị lỗi.
- Sao lưu Database của Joomla! bằng cách sử dụng **phpMyAdmin** hoặc bất cứ một công cụ nào có chức năng tương tự. Nếu cảm thấy công việc này quá khó khăn thì hãy cân nhắc để bỏ qua bước này vì đây chỉ là bước sao lưu dự phòng, nâng cấp Joomla! theo cách hướng dẫn này không ảnh hưởng đến Database.

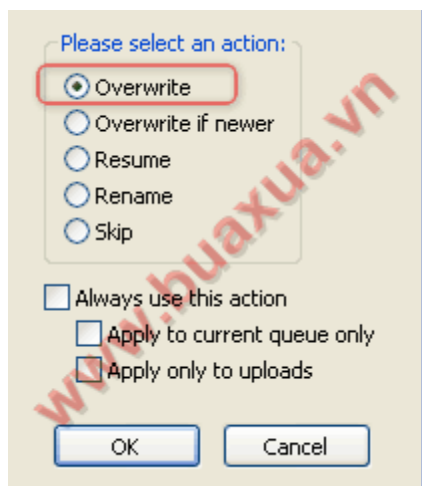
**Tiến hành nâng cấp:**

- Giải nén gói nâng cấp vào một thư mục hoặc một nơi nào đó trên máy tính sau đó dùng chương trình FTP để Copy các Tập tin và Thư

mục của bản nâng cấp này thay thế cho các Tập tin và Thư mục của phiên bản Joomla! cũ đang sử dụng.



- Trong quá trình Copy phải xuất hiện bản thông báo **Overwrite**, chọn **Overwrite** và nhấn **Ok** để đồng ý.



- Nếu gặp không thể Overwrite được là do các Tập tin hoặc Thư mục bị thiết lập ở chế độ cấm ghi (**UnWriteable**), cần phải thiết lập (CHMOD) các Tập tin hoặc Thư mục này lại thành cho phép ghi (**Writeable**).
- Do quá trình Copy diễn ra khá nhanh nên Website vẫn để hoạt động bình thường, không cần phải Offline.
- Sau khi nâng cấp xong cần theo dõi và kiểm tra các hoạt động của Website, nếu thấy không ổn định hoặc gặp trục trặc thì phục hồi lại bằng cách Copy bản sao lưu trở lại như cũ.

### Lưu ý:

- Đây là cách cài đặt các bản nâng cấp thông thường, đối với một số trường hợp bản nâng cấp có nhiều thay đổi khác biệt so với phiên bản cũ thì phải thực hiện theo hướng dẫn kèm theo gói nâng cấp.
- Cách này chỉ dùng để nâng cấp Joomla! cùng phiên bản, không thể nâng cấp từ **1.0.x** lên **1.5.x**.
- Có thể chọn nâng cấp từ phiên bản đang sử dụng lên bản cập nhật mới nhất (**1.0.13** -> **1.0.15**) hoặc nâng cấp từng bước (**1.0.13** -> **1.0.14** -> **1.0.15** -> ...).



# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

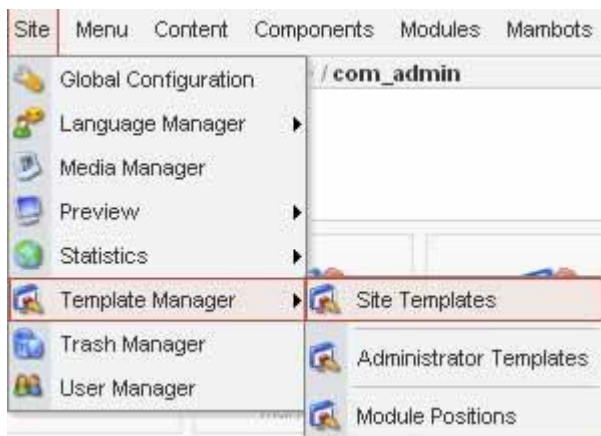
## Part 7

### Cấu trúc Template trong Joomla! 1.0.x

Bài viết này sẽ trình bày phần nội dung của File index.php, đây là File chính của Temp, qua đó bạn sẽ hiểu được cấu trúc và hoạt động của Temp trong Joomla!

File index.php nằm trong thư mục chứa Temp, bạn có thể dùng bất cứ chương trình soạn thảo văn bản đơn giản nào (Notepad, Write...) để mở và chỉnh sửa File hoặc cũng có thể sử dụng chức năng Edit trong Template Manager của Joomla!.

- Trong Admin, chọn **Site -> Template Manager -> Sites Template**.



- Chọn Temp cần xem hoặc sửa, nhấn **Edit HTML**. bài này sử dụng Temp Madeyourweb có sẵn trong Joomla!



- Trong **Template HTML Editor** sẽ hiện ra nội dung của File index.php.

### Phần đầu (Head):

- Ngăn không cho truy cập trực tiếp vào File.

```
<?php defined( '_VALID_MOS' ) or die( 'Direct Access to this location is not allowed.' ); ?>
```

- Định nghĩa các tiêu chuẩn của File html.

```
<!DOCTYPE html PUBLIC "-//W3C//DTD XHTML 1.0 Transitional//EN"
"http://www.w3.org/TR/xhtml1/DTD/xhtml1-transitional.dtd">
<?php $iso = split( '=', _ISO );
echo '<?xml version="1.0" encoding="' . $iso[1] . "'? . '>';
?>
<html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">
<head>
```

- Hiện thị các thông số của trang Web như: tên của trang Web, các từ khóa... được thiết lập trong Global Configuration.

```
<?php mosShowHead(); ?>
```

- Khởi tạo chương trình soạn thảo văn bản trực quan (WYSIWYG-editor)

```
<?php
if ( $my->id ) {
    initEditor();
}
?>
```

- Định nghĩa kiểu nội dung.

```
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; <?php echo _ISO; ?>" />
```



- Chỉ định các File bảng kiểu CSS cho Temp.

```
<link href="<?php echo $mosConfig_live_site;
?>/templates/madeyourweb/css/template_css.css" rel="stylesheet" type="text/css" />
<link href="<?php echo $mosConfig_live_site;
?>/templates/madeyourweb/css/css_color_green.css" rel="stylesheet" type="text/css" />
</head>
```

## Phần thân (Body):

- Vị trí User4.

```
<div id="top-top">
  <?php
  if (mosCountModules( "user4" )) {
    ?>
    <div id="search">
      <?php mosLoadModules ( 'user4',-1); ?>
    </div>
  <?php
  }
  ?>
```

- Vị trí User3.

```
<div id="topmenu">
  <?php if (mosCountModules( "user3" )) { ?><?php mosLoadModules (
  'user3',-1); ?><?php } ?>
</div>
</div>
```

- Vị trí đặt Logo của Web Site.

```
<div id="top-bottom">
  <a href="index.php">
    <?php echo '<img src="" . $mosConfig_live_site . '/templates/
    $GLOBALS['cur_template']. '/images/logo.gif" border="0" width="250"
    height="80" alt="logo" />'; ?>
  </a>
</div>
```

- Vị trí đặt Banner quảng cáo.

```
<?php
if (mosCountModules( "banner" )) {
  ?>
  <div id="banner">
    <?php mosLoadModules ( 'banner',-1); ?>
  </div>
  <?php
  }
  ?>
```

- Hiện thị vị trí (đường dẫn) của trang hiện tại.

```
<div id="pathway">
  <?php mospathway() ?>
</div>
```

- Vị trí Left.

```
<div id="leftcol">
  <a name="menu"></a>
  <?php
  if (mosCountModules( "left" )) {
    mosLoadModules ( 'left',-3);
  }
  ?>
</div>
```

- Vị trí User1.

```
<?php
}
if (mosCountModules( "user1" )) {
  ?>
  <div id="user1">
    <?php mosLoadModules ( 'user1',-2); ?>
  </div>
}
```

- Vị trí User2.

```
if (mosCountModules( "user2" )) {
  ?>
  <div id="<?php echo $userb; ?>">
    <?php mosLoadModules ( 'user2',-2); ?>
  </div>
}
```

- Vị trí MainBody, đây là phần nội dung chính của trang Web.

```
<div class="content">
  <a name="content"></a>
  <?php mosMainBody(); ?>
</div>
```

- Vị trí Right và Top.

```
<div id="rightcol-broad">
  <?php mosLoadModules ( 'top',-3); ?>
  <?php mosLoadModules ( 'right',-3); ?>
</div>
```

### **Phần cuối (Footer):**

- Vị trí cuối trang (Footer) và Debug.

```
<div id="footer-800" >  
  <?php include_once( $mosConfig_absolute_path ./includes/footer.php' ); ?>  
  <?php mosLoadModules( 'debug', -1 ); ?>  
</div>
```

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 8

### Sử dụng Related Item để tạo danh mục các tin liên quan

Module Related Item có chức năng tạo danh mục các tin liên quan, các tin này có nội dung liên quan với tin đang được xem. Các tin được chọn liên quan là các tin có từ khóa (Keyword) giống nhau.

Sau đây là hướng dẫn cách sử dụng Module Related Item để tạo danh mục các tin liên quan cho Joomla! 1.0.x

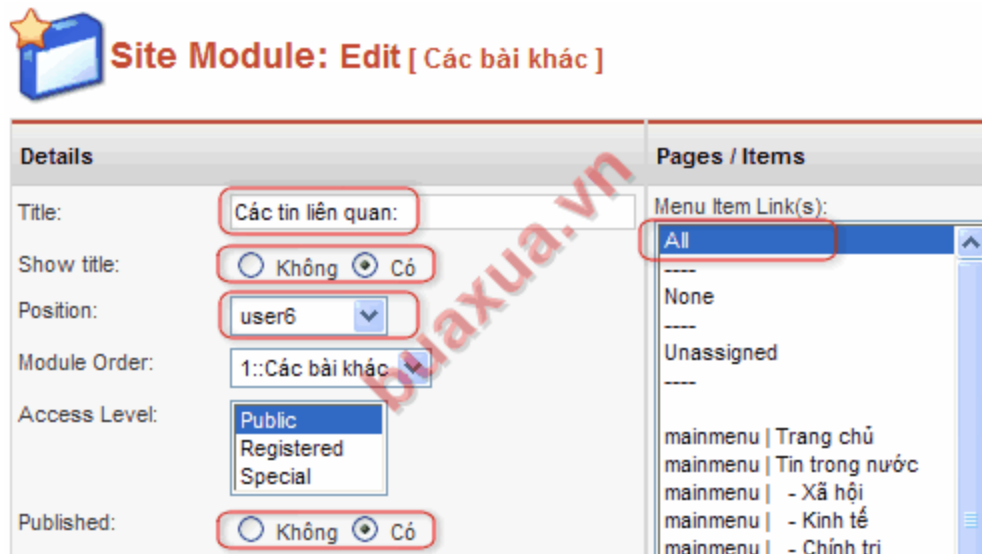
#### **Bước 1:**

- Chỉnh sửa Template để tạo thêm vị trí hiển thị cho Module Related Item, vị trí này thường được đặt nằm ngay sau phần hiển thị nội dung chính (Content).
- Mở tập tin **index.php** nằm trong thư mục Template đang sử dụng, tìm dòng **<?php mosMainBody(); ?>** và thêm vị trí **user6** (hoặc user7, user8,...) vào dòng này bằng cách sửa lại như trong hình.

```
<?php
mosMainBody();
mosLoadModules('user6');
?>
```

- Kiểm tra lại để chắc chắn là vị trí mới đã được tạo **Bước 2:**

Trong phần Quản trị (Admin) truy cập vào phần Quản lý Module và thiết lập thông số cho Module Related Item như trong hình sau:

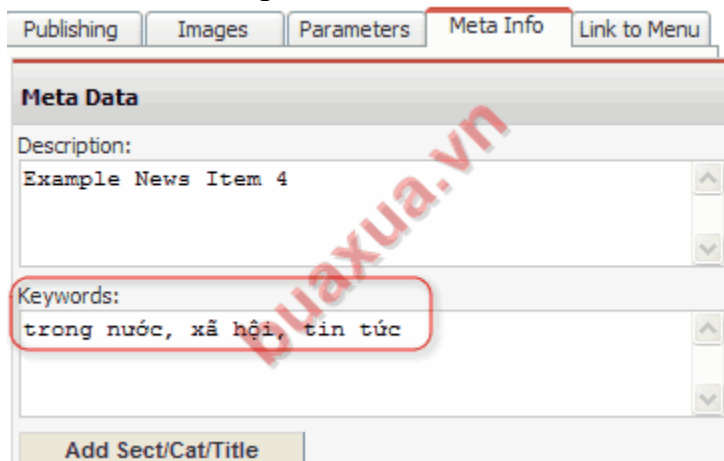


### Chú ý:

- Để hiện được các tin trong Module Related Item thì các tin muốn hiện phải có ít nhất một từ khóa giống nhau và các tin này có thể khác Section, Category.



- Các từ khóa được nhập vào trong phần **Meta Info** -> **Keywords** khi tạo nội dung, mỗi từ khóa cách nhau bởi dấu phẩy



The image shows a Joomla! administrator interface with the 'Meta Info' tab selected. The 'Meta Data' section is visible, containing a 'Description' field with the text 'Example News Item 4' and a 'Keywords' field with the text 'trong nước, xã hội, tin tức'. The 'Keywords' field is highlighted with a red box. A watermark 'buaxua.vn' is overlaid on the image. Below the fields is a button labeled 'Add Sect/Cat/Title'.

- Nếu muốn hiển thị tất cả các tin trong cùng một **Section** hoặc **Category** thì chỉ cần tạo cho các tin này có từ khóa là tên của Section hoặc Category giống nhau.

## Cơ bản về Back-end của Joomla! 1.0.x

Back-end là phần quản lý Web Site dành cho các Quản trị (Administrator), chủ nhân của Web Site. Phần này cho phép cấu hình các thông số về hoạt động, nội dung, hình thức và quản lý các thành phần, bộ phận được tích hợp thêm cho Web Site.

Địa chỉ để vào Back-end trên localhost là **http://localhost/administrator** Sau khi Log-in vào Administrator (Admin) bạn sẽ thấy bảng điều khiển (Control Panel) và các Menu chức năng của Admin. Bảng điều khiển này có các mục như sau:



- **Add new content:** Thêm nội dung (bài viết, tin...) mới.
- **Content Items Manager:** Quản lý các nội dung có sẵn (tạo thêm, sửa, xóa, di chuyển...).
- **Staitc Content Manager:** Quản lý các nội dung tĩnh (các nội dung này thường ít thay đổi).
- **Frontpage Manager:** Quản lý nội dung của trang chủ (các nội dung này sẽ hiển thị trên trang chủ).
- **Section Manager:** Quản lý các Section (tạo thêm, sửa, xóa...)
- **Category Manager:** Quản lý các Category (tạo thêm, sửa, xóa...)
- **Media Manager:** Quản lý các File hình ảnh (tải hình lên Web Site, sao chép, xóa...)
- **Trash Manager:** Quản lý các nội dung, Menu đã bị xóa. Các nội dung hoặc Menu sau khi xóa sẽ được đưa vào đây, nơi đây bạn có thể phục hồi lại hoặc xóa triệt để các thành phần này.
- **Menu Manager:** Quản lý các Menu của Web Site (thêm bớt, sửa, xóa...)
- **Language manager:** Quản lý các ngôn ngữ cho Web Site, bạn sẽ chọn ngôn ngữ để hiển thị trên các trang Web.
- **User Manager:** Quản lý danh sách các thành viên của Web Site, trong đó có qui định chức năng, quyền hạn của các thành viên.
- **Global Configuration:** Cấu hình các chức năng chính cho Web Site.



## Các menu của Admin:

Home Site Menu Content Components Modules Mambots Installers Messages System Help

- **Home:** Trang chủ của Admin.
- **Site:** Trong đó có các phần quản lý Site như Control Panel, ngoài ra còn có thêm Template manager (Quản lý Template), Preview (Xem trước các thay đổi trong Back-end trên Front-end).
- **Menu:** Quản lý các Menu.
- **Content:** Quản lý nội dung của Web Site, Content by Section (quản lý nội dung theo từng Section, category), All Content (quản lý tất cả các nội dung), Archive manager (quản lý lưu trữ nội dung), Page Impression Statistics (thống kê các nội dung được xem).
- **Components:** Quản lý và cấu hình hoạt động cho các Component.
- **Modules:** Quản lý các Module (Mod) trên Web Site, Site Modules là các Mod của Front-end và Administrator Modules là các Mod của Back-end.
- **Mambots:** Quản lý các Mambot của Web Site.
- **Installers:** Cài đặt thêm hoặc bỏ bớt các Template, Language, Com, Mod, Mambot cho Web Site.
- **Messages:** Quản lý việc gửi thư đến các thành viên của Web Site.
- **System:** Kiểm tra, thông tin của Web Site.
- **Help:** Nơi bạn nhận các giúp đỡ từ Joomla!

## Bảng thông tin của Web Site:



- **Logged:** Các thành viên đăng nhập vào Web Site.
- **Components:** Các Com trên Web Site.



- **Popular:** Các nội dung được xem nhiều nhất.
- **Latest Items:** Các nội dung mới nhất.
- **Menu Stats:** Các Menu trên Web Site.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 9

### Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản HTML

HTML (HyperText Markup Language) là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản được thiết kế ra để tạo nên các trang web. Tập tin (File) HTML là một văn bản có chứa các thẻ đánh dấu (markup tags), các thẻ đánh dấu này giúp các trình duyệt Web hiểu được cách trình bày và hiển thị trang Web. File HTML có phần mở rộng (Extension) là htm hay html và có thể được tạo ra bằng bất cứ chương trình xử lý văn bản đơn giản nào.

Trong File HTML các phần tử (Element) được đánh dấu bằng các thẻ HTML. Các thẻ này được bao bởi dấu < và dấu >. Thông thường các thẻ HTML được dùng theo một cặp <tên thẻ> (thẻ bắt đầu) và </tên thẻ> (thẻ kết thúc), văn bản nằm giữa cặp thẻ này là nội dung của phần tử. Các thẻ HTML không phân biệt chữ hoa và chữ thường, có nghĩa là các kiểu chữ đều được xem như nhau.

#### **Một File HTML cơ bản có cấu trúc như sau:**

```
<html>
<head>
<title>Tên của trang Web</title>
</head>
<body>
Nội dung của trang Web
<a href="/url">Liên kết</a>

</body>
</html>
```

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 9

### Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản HTML

HTML (HyperText Markup Language) là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản được thiết kế ra để tạo nên các trang web. Tập tin (File) HTML là một văn bản có chứa các thẻ đánh dấu (markup tags), các thẻ đánh dấu này giúp các trình duyệt Web hiểu được cách trình bày và hiển thị trang Web. File HTML có phần mở rộng (Extension) là htm hay html và có thể được tạo ra bằng bất cứ chương trình xử lý văn bản đơn giản nào.

Trong File HTML các phần tử (Element) được đánh dấu bằng các thẻ HTML. Các thẻ này được bao bởi dấu < và dấu >. Thông thường các thẻ HTML được dùng theo một cặp <tên thẻ> (thẻ bắt đầu) và </tên thẻ> (thẻ kết thúc), văn bản nằm giữa cặp thẻ này là nội dung của phần tử. Các thẻ HTML không phân biệt chữ hoa và chữ thường, có nghĩa là các kiểu chữ đều được xem như nhau.

#### **Một File HTML cơ bản có cấu trúc như sau:**

```
<html>
<head>
<title>Tên của trang Web</title>
</head>
<body>
Nội dung của trang Web
<a href="/url">Liên kết</a>

</body>
</html>
```

- **<html>** là thẻ đánh dấu bắt đầu của File HTML và **</html>** là thẻ đánh dấu kết thúc File HTML, thẻ này bắt buộc phải có.
- **<head>** là thẻ đánh dấu phần chứa thông tin về trang Web, thông tin này sẽ không được hiển thị trên trang Web) và **</head>** là thẻ đánh dấu kết thúc phần thông tin này, thẻ này bắt buộc phải có.
- **<title>** là thẻ đánh dấu bắt đầu phần tên của trang Web (tên này sẽ được hiển thị trên thành trạng thái của trình duyệt) và **</title>** là thẻ đánh dấu kết thúc phần tên này.
- **<body>** là thẻ đánh dấu bắt đầu phần nội dung của trang Web (đây là phần sẽ hiển thị trên trang Web) và **</body>** là thẻ đánh dấu kết thúc phần nội dung, thẻ này bắt buộc phải có.
- **Thẻ tạo liên kết (Link):** Thẻ này dùng để tạo liên kết đến một File HTML khác, thẻ này gồm có thẻ bắt đầu **<a href="/url">** và thẻ kết thúc **</a>**. "url" là vị trí của File liên kết, bao gồm đường dẫn đến và tên của File liên kết, đường dẫn có thể là một thư mục trên chính Web Site này hoặc trên một Web Site khác. Có thể dùng văn bản hay hình ảnh để đại diện cho liên kết, Khi nhấn chuột vào dòng văn bản hay hình ảnh này trình duyệt sẽ chuyển đến trang web hoặc Web Site được liên kết, có thể sử dụng nhiều thẻ này cho các liên kết khác nhau.

### Thí dụ:

[Dòng này liên kết đến một trang Web khác tên là \*\*trang\\_web.htm\*\* trên Web Site này](/trang_web.htm)

[Dòng này liên kết đến một địa chỉ của WebSite khác có tên là \*\*website.com\*\*](http://www.website.com)

- **Thẻ hình ảnh:** Thẻ này dùng để hiển thị một hình ảnh trên trang Web, thẻ này chỉ có thẻ bắt đầu **** và không có thẻ kết thúc. "url" là vị trí của File ảnh, bao gồm đường dẫn đến và tên của File ảnh, đường dẫn có thể là một thư mục trên Web Site này hoặc trên một Web Site khác. Ngoài ra thẻ này còn có thể có thêm thuộc tính **width** (chiều ngang) và **height** (chiều cao) để qui định kích thước hiển thị cho ảnh, có thể sử dụng nhiều thẻ này cho các hình ảnh khác nhau.

### Thí dụ:

Hiện ảnh từ File ảnh trong trong thư mục **images** của trang Web này (cùng địa chỉ):

```

```

Hiện ảnh từ File ảnh trong web khác (khác địa chỉ):

```

```

## Các kiểu CSS trong Joomla! 1.0.x

Joomla! đã được định nghĩa sẵn các kiểu CSS và cho phép người dùng can thiệp vào để thay đổi, chỉnh sửa cách trình bày của trang Site. Mỗi Template đều có File template.css, đây là File chứa các thông số CSS của Template và Joomla!

**Sau đây là các kiểu CSS cơ bản trong Joomla! 1.0.x**

a.latestnews:link  
 a.latestnews:visited  
 a.latestnews:hover  
 li.latestnews

#mainlevel-nav →  
 (-nav là thông số thêm vào Menu Class Suffix trong Module Parameter)

a.mainlevel:link  
 a.mainlevel:visited  
 a.mainlevel:hover →

a.sublevel:link  
 a.sublevel:visited  
 a.sublevel:hover

.pathway →

\* .contentheading  
 .content\_rating  
 .small  
 .createdate  
 table.moduletable th  
 (table.moduletable h3 hoặc div.moduletable h3)

.inputbox →

.button →

a:link →  
 a:visited  
 a.hover

.mosimage  
 .mosimage\_caption

The image shows a Joomla! website interface with various CSS selectors pointing to specific elements. The selectors include:
 

- Navigation links: a.latestnews:link, a.latestnews:visited, a.latestnews:hover, li.latestnews
- Main menu: #mainlevel-nav (with a note that -nav is a class suffix for menu items), a.mainlevel:link, a.mainlevel:visited, a.mainlevel:hover, a.sublevel:link, a.sublevel:visited, a.sublevel:hover
- Content elements: .pathway, .contentheading, .content\_rating, .small, .createdate, table.moduletable th (with a note that it could be table.moduletable h3 or div.moduletable h3)
- Login form: .inputbox, .button
- Image and caption: a:link, a:visited, a.hover, .mosimage, .mosimage\_caption

\* CSS ở dạng Link liên kết là:  
 .contentpagetitle  
 a.contentpagetitle

a.mostread:link  
a.mostread:visited  
a.mostread:hover

#search  
#search .inputbox  
#search .button  
#search form

td

td.poll

table.  
pollstableborder td

.sectiontableentry1

.sectiontableentry2

td, tr, p, div

li.mostread

.readon

weiter ...

The image shows a Joomla! 1.0x website interface with various CSS selectors annotated. The selectors include: a.mostread:link, a.mostread:visited, a.mostread:hover, #search, #search .inputbox, #search .button, #search form, td, td.poll, table.pollstableborder td, .sectiontableentry1, .sectiontableentry2, td, tr, p, div, li.mostread, and .readon. The website content includes a search bar, a news flash, a 'Powered by Joomla!' logo, a 'POPULAR' section with a list of items, a 'POLLS' section with radio buttons, and a 'WHO'S ONLINE' section.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 10

### Cách bảo mật cho Website Joomla!

Công việc bảo mật cho Website là rất quan trọng để tránh các Hacker có thể xâm nhập, phá hoại hoặc lấy cắp các thông tin quan trọng, thông thường việc này đòi hỏi người Quản trị phải có kiến thức và khả năng mới có thể thực hiện được.

Bài viết này sẽ nêu một số công việc cơ bản cần thiết để tăng cường mức độ bảo mật cho Website Joomla!

#### Sao lưu dữ liệu:

- Đây là công việc cần phải làm thường xuyên, việc sao lưu (Backup) sẽ bao gồm toàn bộ các File của Website và các dữ liệu trong Database. Trong trường hợp Website bị tấn công và ngưng hoạt động thì chỉ cần phục hồi lại (Restore) các File và dữ liệu đã được sao lưu là Website có thể hoạt động lại.
- Việc sao lưu dữ liệu trong Database có thể được thực hiện bằng công cụ **phpMyAdmin** có trong **Control Panel** của Hosting hoặc bất cứ công cụ Backup nào và toàn bộ các File của Website có thể được tải về máy tính cá nhân thông qua các chương trình **FTP**.

#### Cập nhật Joomla!

- Thường xuyên theo dõi và cập nhật kịp thời các bản sửa lỗi hoặc nâng cấp cho Joomla! để khắc phục các lỗi bảo mật nếu có. Xem các thông báo về phiên bản và cập nhật cho Joomla! tại trang Web <http://joomla.org>

#### Lưu ý các thành phần mở rộng:



# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 10

### Cách bảo mật cho Website Joomla!

Công việc bảo mật cho Website là rất quan trọng để tránh các Hacker có thể xâm nhập, phá hoại hoặc lấy cắp các thông tin quan trọng, thông thường việc này đòi hỏi người Quản trị phải có kiến thức và khả năng mới có thể thực hiện được.

Bài viết này sẽ nêu một số công việc cơ bản cần thiết để tăng cường mức độ bảo mật cho Website Joomla!

#### Sao lưu dữ liệu:

- Đây là công việc cần phải làm thường xuyên, việc sao lưu (Backup) sẽ bao gồm toàn bộ các File của Website và các dữ liệu trong Database. Trong trường hợp Website bị tấn công và ngưng hoạt động thì chỉ cần phục hồi lại (Restore) các File và dữ liệu đã được sao lưu là Website có thể hoạt động lại.
- Việc sao lưu dữ liệu trong Database có thể được thực hiện bằng công cụ **phpMyAdmin** có trong **Control Panel** của Hosting hoặc bất cứ công cụ Backup nào và toàn bộ các File của Website có thể được tải về máy tính cá nhân thông qua các chương trình **FTP**.

#### Cập nhật Joomla!

- Thường xuyên theo dõi và cập nhật kịp thời các bản sửa lỗi hoặc nâng cấp cho Joomla! để khắc phục các lỗi bảo mật nếu có. Xem các thông báo về phiên bản và cập nhật cho Joomla! tại trang Web <http://joomla.org>

#### Lưu ý các thành phần mở rộng:

- Việc cài đặt thêm các thành phần mở rộng (Component, Module) có thể sẽ làm ảnh hưởng đến bảo mật của Joomla! Thường xuyên theo dõi các thông báo về bảo mật của các thành phần mở rộng tại trang Web [Joomla! 3rd party security](#) Nếu phát hiện các thành phần mở rộng này có lỗi thì phải tiến hành cập nhật bản sửa lỗi nếu có hoặc xóa bỏ khỏi Joomla!

### **Thiết lập quyền truy cập cho các Folder và File:**

- Việc thiết lập quyền truy cập (CHMOD) cho các **Folder** và **File** trong Joomla! sẽ giúp ngăn chặn các truy xuất không hợp lệ vào các Folder và File trên Website.
- Thiết lập quyền hạn **CHMOD 755** cho các Folder (kể cả Folder bên trong) và **CHMOD 644** cho tất cả các File.
- **Ngăn liệt kê File trong Folder:**
- Đặt một File **index.html** trong tất cả các Folder của Website để ngăn chặn việc liệt kê các File có trong các Folder đó, có thể tạo một File **html** rỗng hoặc copy File **index.html** có sẵn trong các Folder của Joomla!

### **Thiết lập "Register Globals Emulation":**

- Thiết lập **Register Globals Emulation** bằng cách truy cập vào **Global Configuration** -> Chọn **Tab** -> **Register Globals Emulation** -> **Off**.

Ngoài ra có thể sử dụng thêm các công cụ bảo mật có trong **Control Panel** của Hosting để tăng cường thêm mức độ bảo mật cho Website.

## Thay đổi Theme và các thiết lập cơ bản của SMF

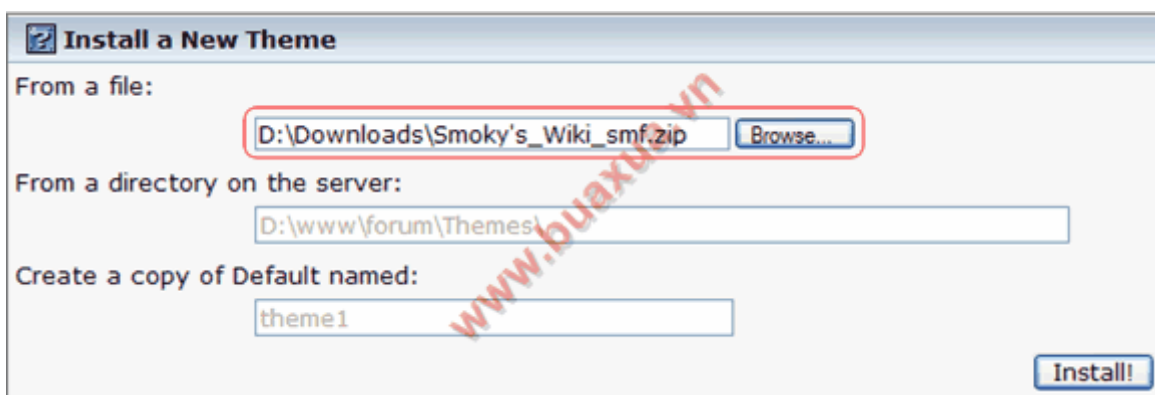
Sau khi đã cài đặt Simple Machines Forum (SMF), Diễn đàn đã sẵn sàng hoạt động với các thiết lập mặc định. Bài viết này sẽ hướng dẫn thêm cách thay đổi Theme và các thông số cơ bản của SMF.

### Thay đổi giao diện (Themes) cho SMF:

Nhấn vào đây để [tải gói cài đặt Themes cho SMF](#)

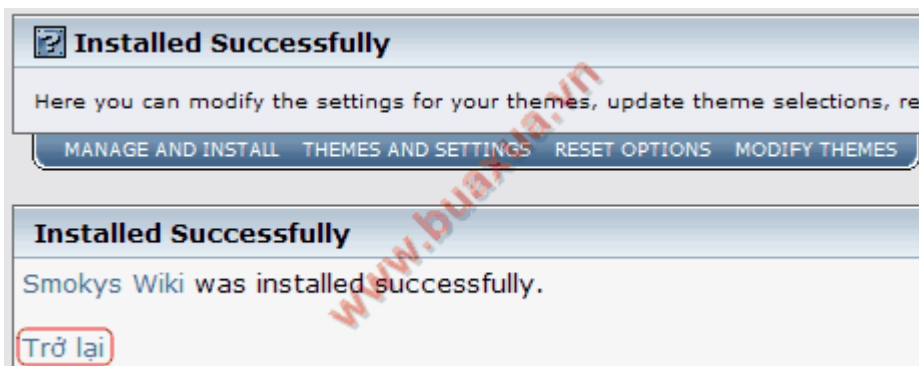
Đăng nhập vào SMF, truy cập Menu **Admin** -> **Cấu hình** -> **Giao diện** -> **Manage And Install**.

Trong phần **Install a New Theme**: Nhấn **Browse** để chọn gói cài đặt Themes và nhấn **Open**, Nhấn **Install** để cài đặt.

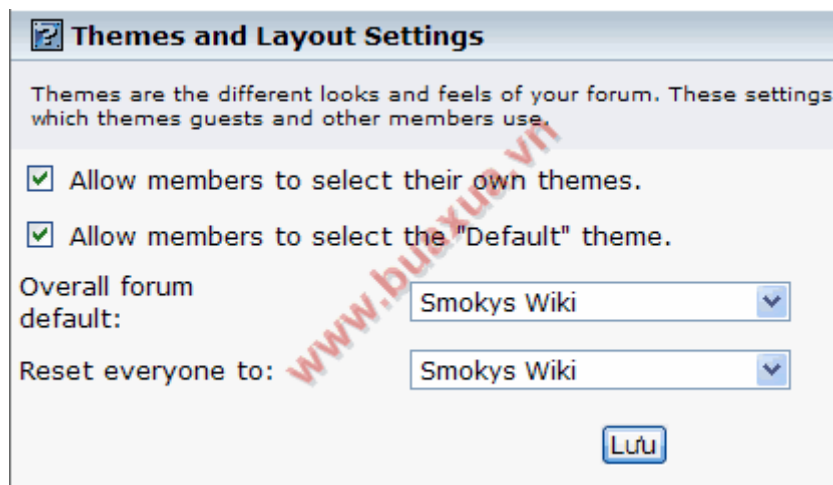


Xuất hiện thông báo **Install a new themes?** nhấn **Ok** để đồng ý.

Xuất hiện thông báo đã cài đặt thành công, nhấn **Trở lại** hoặc **Manage And Install**.



### Trong phần **Themes and Layout Settings**:



The screenshot shows the Joomla! administration interface for 'Themes and Layout Settings'. At the top, there is a title bar with a question mark icon and the text 'Themes and Layout Settings'. Below this, a descriptive paragraph states: 'Themes are the different looks and feels of your forum. These settings which themes guests and other members use.' There are two checked checkboxes: 'Allow members to select their own themes.' and 'Allow members to select the "Default" theme.'. Below these are two dropdown menus: 'Overall forum default:' and 'Reset everyone to:', both currently set to 'Smokys Wiki'. A 'Lưu' (Save) button is located at the bottom right of the form area.

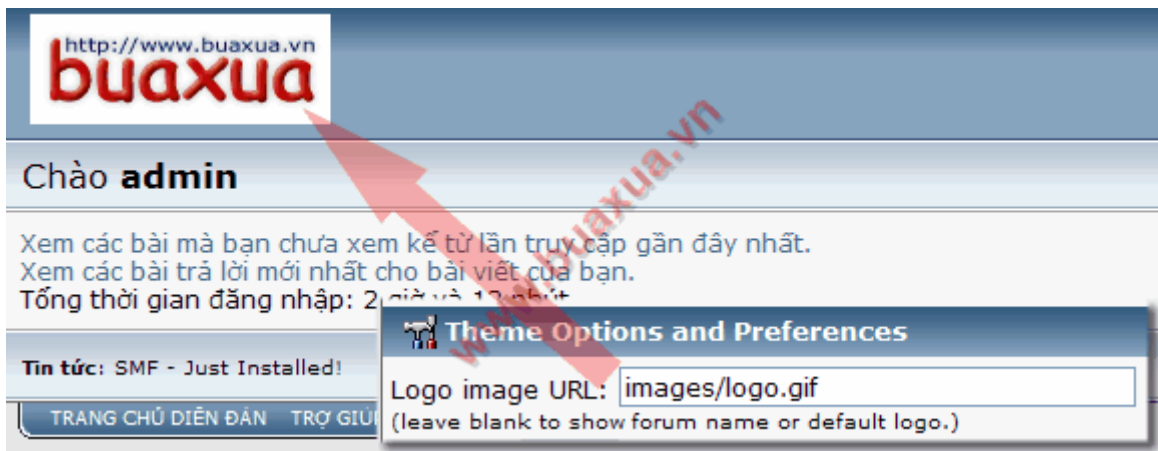
- **Allow members to select their own themes:** Đánh dấu chọn nếu muốn cho phép các thành viên có thể tự chọn kiểu Themes mà mình thích.
- **Allow members to select the "Default" theme:** Đánh dấu chọn nếu muốn cho phép các thành viên có thể tự chọn kiểu Themes mặc nhiên.
- **Overall forum default:** Chọn kiểu Themes cho SMF.
- **Reset everyone to:** Thống nhất kiểu Themes cho các thành viên. Chọn No change là không thay đổi.
- Sau khi chọn xong nhấn nút **Lưu**.

### Tạo Logo cho SMF:

Tạo một File hình ảnh Logo (thí dụ logo.gif), copy File này vào thư mục gốc cài đặt SMF hoặc bất cứ thư mục nào khác trong này nếu muốn.

Truy cập Menu **Admin** -> **Cấu hình** -> **Giao diện hiện tại**.

Trong phần **Theme Options and Preferences**:



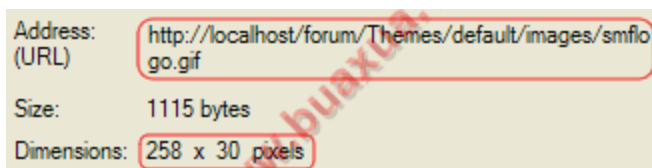
**Logo image URL:** Nhập đường dẫn đến File hình ảnh Logo cho SMF, do File này được đặt ở thư mục gốc nên chỉ cần nhập tên của nó là **logo.gif** vào là được. Nếu do File này được đặt ở thư mục **images** thì phải nhập **images/logo.gif**. Sau khi nhập xong nhấn **Save**.

### Thay đổi các hình ảnh, logo có sẵn của Themes:

Mặc nhiên giao diện trong Theme sẽ có các hình ảnh và Logo của nó, có thể thay thế các ảnh này bằng cách nhấn chuột phải vào ảnh và chọn **Properties**.



Trong **Properties** chú ý đến thông số đường dẫn đến vị trí và kích thước của File ảnh này, sau đó tìm sửa lại File này hoặc tạo một File ảnh khác của riêng bạn với định dạng và tên giống như vậy để thay thế.



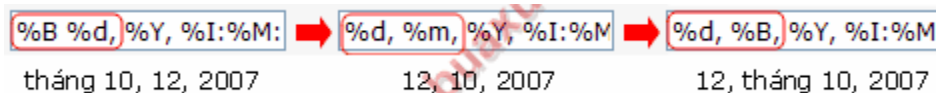
### Định dạng ngày tháng cho SMF:

Mặc nhiên SMF sẽ có định dạng là tháng (chữ), ngày, năm, giờ. Thay đổi thứ tự này lại bằng cách:

Truy cập Menu **Admin** -> **Cấu hình** -> **Các tính năng**.

Trong phần **Các tính năng cơ bản**:

Sửa thông số trong **Default time format**:



Có thể sửa các dấu , thành các dấu - hoặc / để ngăn cách tùy ý. Sau khi chỉnh xong nhấn **Lưu**.

Điều chỉnh múi giờ cho SMF đúng với múi giờ hiện tại trên máy của bạn bằng cách thay đổi thông số trong **Overall time offset**.

### Sửa thông tin của Điều khoản đăng ký tham gia diễn đàn:

- Truy cập Menu **Admin** -> **Thành viên** -> **Đăng ký** -> **Các điều khoản đăng ký tham gia diễn đàn**.
- Sửa các từ tiếng Anh trong đó bằng các từ tiếng Việt, đánh dấu vào ô **Hiện thị các điều khoản ràng buộc khi đăng ký** và nhấn **Lưu**.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 11

### Cơ bản về Template trong Joomla! 1.0.x

Template được xem như là bộ mặt của Web Site, nó quyết định đến bố cục, cách trình bày và các định dạng như kiểu chữ, màu sắc, kích thước, hình ảnh trang trí... trên trang Web.

Template (Temp) trong Joomla! được đóng gói dưới dạng File nén, có 2 loại dành cho Site (Front-end) và dành cho Admin (Back-end).

#### Temp thường có các thành phần sau:

- **temp\_name**: Thư mục chính chứa tất cả các thành phần và có tên của Temp.
- **css**: Thư mục chứa các File bảng kiểu có các thông số về định dạng của Temp.
- **Thu mục images**: Chứa các File ảnh của Temp.
- **index.html**: File ngăn sự truy cập trực tiếp vào thư mục của Temp.
- **index.php**: File chính sử dụng mã PHP tạo nên cấu trúc của Temp.
- **template\_thumbnail.png**: File ảnh dùng để cho xem hình dạng của Temp.
- **templateDetails.xml**: Các thông tin và thông số để cài đặt Temp.



Ngoài ra một số Temp có các File cấu hình để giúp thay đổi các thông số của Temp (hình dáng, màu sắc...) và các File Mã (Java Script) để hỗ trợ thêm chức năng cho Temp.

Temp luôn được định trước các vị trí để hiển thị các Module (Mod) và có nhiều vị trí, mỗi vị trí có thể đặt nhiều Mod và các Mod này được sắp xếp theo một trật tự có thể thay đổi được. Mỗi Temp có kiểu và số lượng vị trí để đặt các Mod khác nhau.

### **Các vị trí cơ bản của Temp mẫu:**

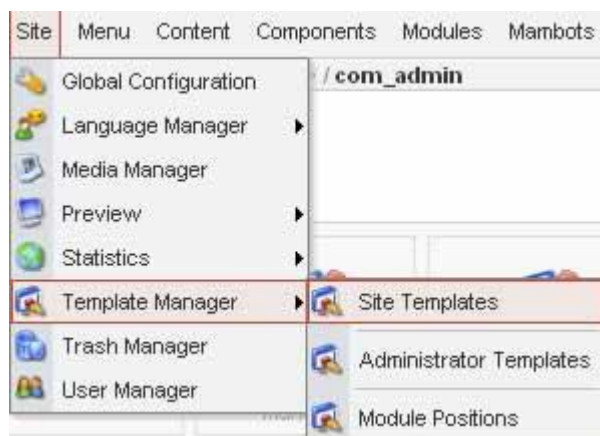
- **Top:** Vị trí này thường được dùng để đặt các Mod nào muốn hiển thị ở trên, trong Temp này vị trí Top được đặt Mod Newsflash.
- **Left:** Vị trí này thường dùng để đặt các Mod Menu như: Main Menu, User Menu, Other Menu...
- **Right:** Vị trí này thường dùng cho các chức năng phụ của Web Site và là nơi đặt các Logo quảng cáo.
- **Banner:** Vị trí này được đặt các Banner quảng cáo.
- **User1:** Vị trí này thường được đặt Mod Latest News (các tin mới nhất)
- **User2:** Vị trí này thường được đặt Mod Popular (các tin được xem nhiều nhất)
- **User3:** Vị trí này thường được đặt Mod Top Menu (các Menu đặc biệt đặt ở vị trí này để người dùng dễ tìm thấy)
- **User4:** Vị trí này thường được đặt Mod Search (công cụ tìm kiếm)
- **Content:** Vị trí lớn nhất và thường nằm chính giữa Temp gọi là Main Body, nơi đây là vị trí của các Component hiển thị phần nội dung chính của trang Web.





### Cách cài đặt Temp cho Front-end:

- Tải Temp được đóng gói dưới dạng File nén về máy.
- Log-in vào **Admin**.
- Chọn **Menu Installer -> Template - Site**.



- Trong **Install new Template [ Site ]** chọn **Browse**, chọn File Temp muốn cài đặt, nhấn **Open** và sau đó nhấn **Upload File & Install**.



- Nhấn **Continue** khi được báo **Upload template - Success**.



- Trong **Template Manager [ Site ]** chọn Temp vừa được cài đặt và nhấn **Default** để chọn làm Temp mặc định cho các trang Web (Front-end).



Bây giờ trang Web của bạn đã chuyển sang Temp mới, bạn cũng có thể cài đặt nhiều Temp và lựa chọn cho mỗi Menu một Temp khác nhau bằng cách chọn Temp và nhấn **Assign** sau đó chọn **Menu** nào muốn áp dụng Temp này.

Có rất nhiều trang Web cho tải Temp miễn phí, bạn hãy dùng công cụ tìm kiếm với từ khóa "**free template for Joomla**", tuy nhiên các Temp miễn phí này thường đơn giản và có những hạn chế nhất định, để có được một Temp như ý thì thông thường phải chỉnh sửa nhiều thứ trong Temp. Bạn cũng có thể chọn mua các Temp thương mại được thiết kế rất đẹp và nhận được sự hỗ trợ của tác giả.

## Các thẻ định dạng văn bản trong HTML

Thẻ định dạng văn bản trong HTML giúp các trình duyệt Web hiểu được cách trình bày và hiển thị văn bản trên trang Web.

- **Thẻ tiêu đề (Heading):** Thẻ này đánh dấu phần tiêu đề của văn bản, bao gồm thẻ bắt đầu **<hx>** và thẻ kết thúc **</hx>**, trong đó **x** là từ **1** đến **6** mức kích thước lớn nhỏ của Font chữ thể hiện trên trang Web. Thông thường **h1** là lớn nhất và **h6** là nhỏ nhất, tuy nhiên các thẻ Heading này có thể được định dạng lại tùy ý. HTML sẽ tự động thêm dòng trống trước và sau tiêu đề này.

### Thí dụ:

`<h1>Dòng này được đặt trong thẻ h1</h1>`

`<h2>Dòng này được đặt trong thẻ h2</h2>`

`<h3>Dòng này được đặt trong thẻ h3</h3>`

`<h4>Dòng này được đặt trong thẻ h4</h4>`

`<h5>Dòng này được đặt trong thẻ h5</h5>`

`<h6>Dòng này được đặt trong thẻ h6</h6>`

- **Thẻ đoạn văn bản (Paragraph):** Văn bản nằm trong thẻ này sẽ được đánh dấu là một đoạn, thẻ này bao gồm thẻ bắt đầu **<p>** và thẻ kết thúc **</p>**. HTML sẽ tự động thêm dòng trống trước và sau đoạn văn bản này để tạo khoảng cách giữa các đoạn văn bản với nhau.

### Thí dụ:

`<p>Đây là đoạn văn bản thứ 1</p>`

`<p>Đây là đoạn văn bản thứ 2</p>`

- **Thẻ ngắt hàng (Line Breaks):** Thẻ này đánh dấu việc kết thúc một hàng nhưng không bắt đầu một đoạn mới. Thẻ này chỉ có thẻ bắt đầu **<br>** và không cần thẻ kết thúc, văn bản nằm sau thẻ này sẽ được chuyển xuống hàng dưới.

## **Thí dụ:**

<p>Đây là đoạn văn bản thứ 1</p>

<p>Đây là hàng thứ 1 của đoạn văn bản thứ 2<br>Đây là hàng thứ 2 của đoạn văn bản thứ 2</p>

- **Chú thích trong văn bản HTML:** Phần chú thích này chỉ dùng để đánh dấu hoặc ghi chú cho 1 đoạn HTML nào đó, trình duyệt sẽ bỏ qua phần chú thích này. Phần chú thích được đặt trong cặp dấu: <!-- Đây là phần chú thích -->.
- **Thẻ định dạng văn bản đậm:** Các văn bản trong thẻ này sẽ được hiển thị đậm:

<b>Dòng này được in đậm</b>

<strong>Dòng này được in đậm</strong>

- **Thẻ định dạng văn bản nghiêng:** Các văn bản trong thẻ này sẽ được hiển thị nghiêng:

<em>Dòng này được in nghiêng</em>

<i>Dòng này được in nghiêng</i>

- **Thẻ định dạng văn bản gạch dưới:** Các văn bản trong thẻ này sẽ được hiển thị gạch dưới:

<u>Dòng này được gạch dưới</u>

- Có thể kết hợp các thẻ này để định dạng cho văn bản bằng cách lồng chúng vào nhau:

<b><i><u>Dòng này được in đậm, nghiêng và gạch dưới</u></i></b>

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 12

### Thiết lập Global Configuration trong Joomla 1.0.x

Global Configuration là các thiết lập mặc định cho toàn bộ Web Site, các thiết lập này sẽ ảnh hưởng đến sự hoạt động và hiển thị của Web Site. Để thiết lập cấu hình chung phải Log-in vào **Admin** (Back-end) và chọn **Global Configuration** trong **Control Panel**.

Sau đây là các phần chính trong Global Configuration:

**Site:**

The screenshot shows the Joomla! configuration interface for the 'Site' tab. It contains the following settings:

- Site Offline:** 1. Radio buttons for 'Không' (selected) and 'Có'.
- Offline Message:** 2. Text area containing: 'Trang web này hiện đang tạm ngưng để nâng hoạt động trở lại.'
- System Error Message:** 3. Text area containing: 'This site is temporarily unavailable.<br>Administrator'
- Site Name:** 4. Text field containing: 'www.buaxua.vn - Kiến thức tổng hợp - Thông tin quảng'
- Show Unauthorised Links:** 5. Radio buttons for 'Không' (selected) and 'Có'.
- Allow User Registration:** 6. Radio buttons for 'Không' and 'Có' (selected).
- Use New Account Activation:** 7. Radio buttons for 'Không' and 'Có' (selected).
- Require Unique E-mail:** 8. Radio buttons for 'Không' and 'Có' (selected).
- Front-end Login:** 9. Radio buttons for 'Không' and 'Có' (selected).
- Front-end User Params:** 10. Radio buttons for 'Không' and 'Có' (selected).
- Debug Site:** 11. Radio buttons for 'Không' (selected) and 'Có'.
- Default WYSIWYG Editor:** 12. Dropdown menu set to 'TinyMCE WYSIWYG Editor'.
- List Length:** 13. Dropdown menu set to '10'.
- Favourites Site Icon:** 14. Text field containing 'favicon.ico'.

1. Trạng thái ngừng hoạt động của Web Site. **Không** (hoạt động), **Có** (ngừng hoạt động)

2. Hiển thị thông báo trong ô này lên trang Web khi ngừng hoạt động.

3. Hiển thị thông báo này khi Web Site bị lỗi.

4. Tên của Web Site, được hiển thị trên Task Bar.

5. Chức năng chỉ hiển thị phần giới thiệu (Intro), muốn xem toàn bộ nội dung (Main Text) phải đăng ký thành viên. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)

6. Cho phép đăng ký thành viên. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)

7. Xác nhận thông tin đăng ký qua Email, sau khi đăng ký Web site sẽ gửi Email cho thành viên, trong đó có Link để xác nhận (Activate) việc đăng ký. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)

8. Yêu cầu địa chỉ Email hợp lệ, mỗi Email chỉ được đăng ký một thành viên. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)

9. Cho phép thành viên đăng nhập ở phần Front-end. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)

10. Cho phép xem và sửa các thông số của thành viên. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)

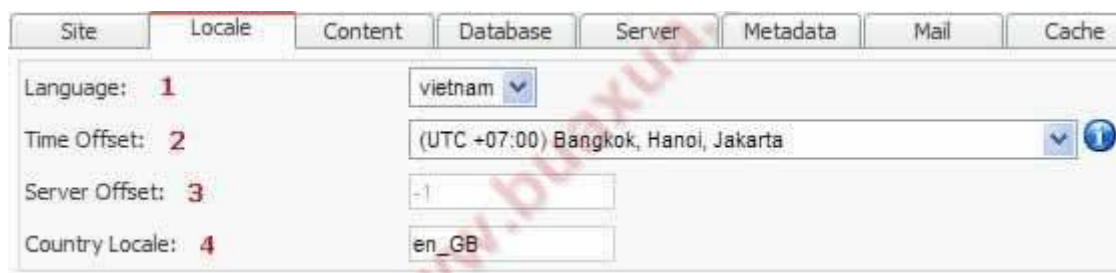
11. Hiển thị thông tin và dữ liệu bị lỗi nếu có. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)

12. Chọn trình soạn thảo văn bản (Editor) để nhập nội dung cho Web Site.

13. Số thông tin được hiển thị trên một trang Web khi xem dưới dạng danh sách (List), nếu không hiển thị hết trong một trang thì sẽ chuyển qua trang sau.

14. Tên File tạo biểu tượng (Icon) của Web Site, Icon này được hiển thị trong phần địa chỉ và Favorites, Bookmarks của trình duyệt.

### **Locale:**



The screenshot shows the Joomla! administration interface for the 'Locale' tab. It features several configuration options:

- Language:** Set to 'vietnam' (indicated by a dropdown menu).
- Time Offset:** Set to '(UTC +07:00) Bangkok, Hanoi, Jakarta' (indicated by a dropdown menu).
- Server Offset:** Set to '-1' (indicated by a text input field).
- Country Locale:** Set to 'en\_GB' (indicated by a text input field).

Each option is preceded by a red number (1, 2, 3, 4) indicating the order of configuration steps.

1. Chọn ngôn ngữ mặc định cho Web Site, các ngôn ngữ khác tiếng Anh cần phải được cài đặt trước.

2. Chọn múi giờ mặc định cho Web Site.

3. Chọn múi giờ của Server đặt Web Site.

4. Mã qui định của vị trí Web Site, của Việt nam là: vi\_VN

### **Content:**



Parameter	Option 1	Option 2
Linked Titles: 1	<input type="radio"/> Không	<input checked="" type="radio"/> Có
Read More Link: 2	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
Item Rating/Voting: 3	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
Author Names: 4	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
Created Date and Time: 5	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
Modified Date and Time: 6	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
Hits: 7	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
PDF Icon: 8	<input checked="" type="radio"/> Hide	<input type="radio"/> Show
Print Icon: 9	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
E-mail Icon: 10	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
Icons: 11	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
Table of Contents on multi-page items: 12	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
Back Button: 13	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
Content Item Navigation: 14	<input type="radio"/> Hide	<input checked="" type="radio"/> Show
Itemid Compatibility Mode: 15	Joomla! 1.0.12 and after	

1. Tạo liên kết cho tiêu đề của nội dung, khi nhấn vào sẽ xem được toàn bộ nội dung. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)
2. Tạo nút **Readmore...** (Xem tiếp...), khi nhấn vào sẽ xem được toàn bộ nội dung. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)
3. Bình chọn cấp độ (hay, dở...) cho nội dung. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)
4. Hiện thị tên tác giả của nội dung. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)
5. Hiện thị ngày giờ tạo nội dung. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)
6. Hiện thị ngày giờ chỉnh sửa nội dung. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)



7. Hiện thị số lần xem nội dung. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)

8. Hiện thị chức năng tạo File PDF từ nội dung và cho phép tải File này về máy tính cá nhân. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)

9. Hiện thị chức năng in nội dung ra máy in. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)

10. Hiện thị chức năng Email nội dung đến địa chỉ Email bất kỳ. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)

11. Hiện thị các mục **8, 9, 10** dưới dạng biểu tượng (Icon) hay dạng chữ (Text). **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)

12. Hiện thị bảng mục lục cho nội dung nếu trong nội dung có dùng **Mospagebreak** để phân trang. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)

13. Hiện thị nút **quay lại** trên các trang web dùng để quay lại trang trước. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)

14. Hiện thị nút **trang trước** (<< Previous), **trang sau** (Next >>) để chuyển qua xem các bài khác trong cùng một Category. **Hide** (không hiện), **Show** (hiện chức năng này)

15. Tương thích nội dung giữa các phiên bản Joomla!.

### Database:

Site	Locale	Content	Database	Server
Hostname: <b>1</b>		localhost		
MySQL Username: <b>2</b>		root		
MySQL Database: <b>3</b>				
MySQL Database Prefix: <b>4</b>		jos_ 		

1. Tên, đường dẫn nơi chứa (Host) cơ sở dữ liệu của Web Site, mặc nhiên là **localhost**.

2. Tên để truy cập cơ sở dữ liệu, mặc nhiên là **root**.

3. Tên của cơ sở dữ liệu.

4. Tiền tố đứng trước các bảng dữ liệu, dùng để phân biệt với các bảng khác, trong Joomla! mặc nhiên là **jos\_**

### Server:

Site	Locale	Content	Database	Server	Metadata	Mail
Absolute Path: <b>1</b>				D:/www		
Live Site: <b>2</b>				http://localhost		
Secret Word: <b>3</b>						
GZIP Page Compression: <b>4</b>				<input checked="" type="radio"/> Không <input type="radio"/> Có <b>1</b>		
Site Session Lifetime: <b>5</b>				900 seconds <b>!</b>		
Admin Session Lifetime: <b>6</b>				1800 seconds <b>!</b>		
Remember Expired Admin page: <b>7</b>				<input type="radio"/> Không <input checked="" type="radio"/> Có <b>1</b>		
Session Authentication Method: <b>8</b>				Level 3 Security- Default & Highest <b>!</b>		
Error Reporting: <b>9</b>				System Default		
Help Server: <b>10</b>				http://help.joomla.org		

1. Thư mục gốc, nơi cài đặt Web Site.

2. Địa chỉ Web Site, **http://localhost/** (localhost) hoặc **http://www.domain.com/** (Web Host)

3. Mã bảo vệ được tạo khi cài đặt Joomla!

4. Chức năng nén dữ liệu giúp tăng tốc độ hiển thị cho các trình duyệt. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)

5. Thời gian tự động thoát khỏi (Log-out) phần đăng nhập Front-end, tính bằng giây.

6. Thời gian tự động thoát khỏi (Log-out) phần đăng nhập Back-end (Admin) , tính bằng giây.

7. Ghi nhớ trang trước khi tự động thoát khỏi phần đăng nhập (mục 5 và 6) và quay lại trang này khi đăng nhập trở lại.

8. Cấp độ bảo mật.

9. Chọn chế độ hiển thị thông báo lỗi.

10. Chọn Web Site trợ giúp khi nhấn vào Menu **Help**.

### **Metadata:**



1. Thông tin tóm tắt về Web Site, thông tin này sẽ hiển thị trên các trang tìm kiếm (Search), nên đặt gọn trong 20 từ.

2. Các từ khóa để giúp cho các trang tìm kiếm căn cứ vào đó để tìm, không nên lập đi lập lại một từ, và mỗi từ được phân cách bởi dấu phẩy (,) hoặc khoảng trắng.

3. Hiển thị tựa đề (Title) của nội dung trong phần mã nguồn của trang Web.

4. Hiển thị tên tác giả (Title) của nội dung trong phần mã nguồn của trang Web.

### **Mail:**

The screenshot shows the Joomla! Mail configuration interface. It features a tabbed menu at the top with 'Mail' selected. The configuration fields are: Mailer (Sendmail), Mail From (email@domain.com), From Name, Sendmail Path (/usr/sbin/sendmail), SMTP Auth (radio buttons for 'Không' and 'Có'), SMTP User, SMTP Pass, and SMTP Host. A red box highlights the SMTP User, SMTP Pass, and SMTP Host fields.

1. Chọn kiểu gửi Mail, tùy theo dịch vụ của Server.
2. Địa chỉ Email của Web Site (địa chỉ người gửi)
3. Chọn tên hiển thị trên Mail khi gửi đi
4. Đường dẫn, vị trí của dịch vụ Mail (Mail Server)
5. Chọn chức năng SMTP để Mail. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)
6. Các thông số cho SMTP

### Cache:

The screenshot shows the Joomla! Cache configuration interface. It features a tabbed menu at the top with 'Cache' selected. The configuration fields are: Caching (radio buttons for 'Không' and 'Có'), Cache Folder (D:/www/cache), and Cache Time (900 seconds).

1. Chức năng tạo bộ nhớ đệm (Cache) giúp cho việc truy cập các trang Web được nhanh. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)
2. Chọn thư mục để chứa các File Cache, thư mục này phải được cho phép ghi.
3. Thời gian lưu trữ các File Cache, sau thời gian này Cache sẽ được tạo lại, tính bằng giây.

## **Statistics:**

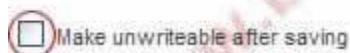


1. Chức năng thống kê các trình duyệt và số lần truy cập Web Site, **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này)
2. Chức năng lưu số lần truy cập (xem) nội dung theo từng ngày. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này). Cần thận khi dùng chức năng này vì sẽ làm hao tổn nhiều tài nguyên Server.
3. Chức năng lưu lại các dữ liệu, thông tin mà người dùng tìm kiếm trên Web Site. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này).

## **SEO:**



1. Chức năng tối ưu các địa chỉ liên kết để tạo thuận tiện cho các trang tìm kiếm. **Không** (không sử dụng), **Có** (sử dụng chức năng này). Chỉ các Apache Server mới sử dụng được chức năng này và cần phải đổi tên File **htaccess.txt** thành **.htaccess** trước khi bật chức năng này.
2. Chức năng hiển thị tựa đề (Title) của nội dung trên Taskbar của trình duyệt.



Sau khi thiết lập các thông số trong **Global Configuration**, nhấn **Save** để lưu lại. Lưu ý trước khi Save có thể chọn **Make unwriteable after saving** để khóa (cấm ghi) File cấu hình **configuration.php** để tăng cường bảo mật cho Web Site.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 13

### **Cách tối ưu hóa cho Website Joomla!**

Sau khi cài đặt, cấu hình và chạy thử nghiệm Website Joomla! trên máy tính cá nhân (Localhost), Website được đưa lên Host để tham gia vào mạng lưới Internet. Công việc còn lại của người Quản trị (Admin) là phải làm sao cho Website luôn hoạt động ổn định và hiệu quả.

Sau đây là một số công việc cần thiết để tối ưu hóa cho hoạt động của Website Joomla! 1.0.x

#### **Chọn Hosting:**

- Đây là công việc đầu tiên và rất quan trọng, đối với Website Joomla! thì nên sử dụng Host Linux với các thông số đáp ứng với yêu cầu của Joomla! (các thông số này hiển thị khi cài đặt Joomla!) để đảm bảo cho việc cài đặt, cấu hình và hoạt động ổn định.
- Tùy theo qui mô của Website mà lựa chọn các gói Hosting phù hợp, đối với các Website nhỏ, mới bắt đầu thì có thể sử dụng Shared Hosting với 100MB dung lượng đĩa cứng và khoảng từ 2 - 4GB Bandwidth là được, sau này nếu cần thiết có thể nâng cấp thêm.
- Vị trí của Server, nơi đặt Website cũng được lựa chọn tùy theo đối tượng truy cập. Nếu Website có nội dung tiếng Việt và chủ yếu phục vụ cho các đối tượng truy cập trong nước thì nên dùng Server đặt tại Việt Nam, khi đó việc truy cập vào Website từ Việt Nam sẽ có tốc độ nhanh hơn từ các quốc gia khác.
- Nên tham khảo các đánh giá từ những người sử dụng Joomla! để có thêm những thông tin cho sự lựa chọn Hosting.

#### **Tối ưu Template:**

- Template là giao diện của Website, việc chọn Template đơn giản, phù hợp, đúng chuẩn CSS,... cũng giúp làm tăng tốc độ khi hiển thị trên trình duyệt.
- Kiểm tra mã (Code) trong file **index.php** và **template\_css.css** của Template để tìm và loại bỏ các mã không cần thiết hoặc bị lỗi.
- Tối ưu các File ảnh bằng cách sử dụng các định dạng thích hợp (jpg/gif/png) cho từng loại ảnh và chọn độ nén để ảnh có dung lượng nhỏ mà vẫn giữ được chất lượng, hạn chế các Java Script, Flash,...

### Sử dụng các thành phần mở rộng:

- Nên sử dụng các Component, Module có sẵn trong Joomla! và chỉ cài đặt thêm khi cần thiết.
- Xóa bớt các Component, Module và Mambot nào không sử dụng kể cả các Component, Module và Mambot có sẵn khi cài đặt Joomla, mặc dù đang ở chế độ không sử dụng (Unpublished) nhưng Joomla! vẫn phải truy xuất thông tin từ Database về các Component, Module và Mambot này.
- Xóa bỏ (Uninstall) Component, Module và Mambot bằng cách truy cập vào Menu **Installers** và chọn Components, Modules hoặc Mambots. Trong **Installed ...** chọn Component, Module hoặc Mambot nào muốn xóa và nhấn vào biểu tượng **Uninstall** (nằm phía trên bên phải)

### Các chế độ thống kê:

- Chế độ thống kê sẽ ghi lại thông tin vào Database mỗi khi có sự truy cập vào Website hoặc truy xuất dữ liệu trên các trang Web, bỏ chế độ này sẽ giúp tăng tốc độ truy cập.
- Bỏ chế độ này bằng cách truy cập vào **Global Configuration** -> Chọn Tab **Statistics** và thiết lập như trong hình.



- Lưu ý là hiện nay các Hosting đều có cài đặt sẵn các chức năng thống kê trong **Control Panel**.

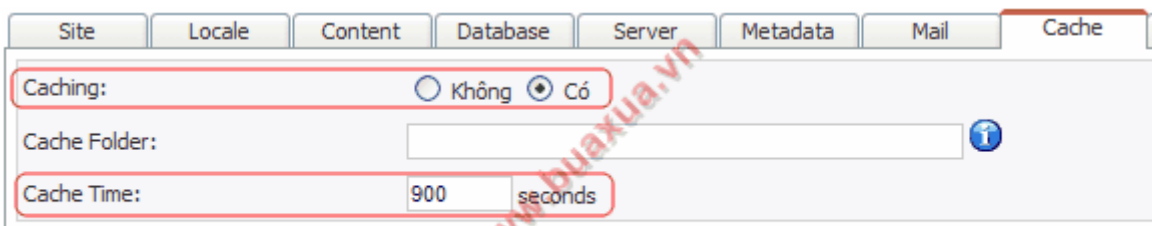


## Thông báo lỗi:

- Chức năng thông báo lỗi trong Joomla! sẽ ghi lại các lỗi xảy ra trong quá trình hoạt động của Website. Nếu Website đã hoạt động ổn định thì có thể tắt chức năng này để tăng tốc độ truy cập.
- Bỏ chế độ này bằng cách truy cập vào **Global Configuration** -> Chọn Tab **Server** -> Thiết đặt thông số cho **Error Reporting** là **None**.

## Bộ nhớ đệm:

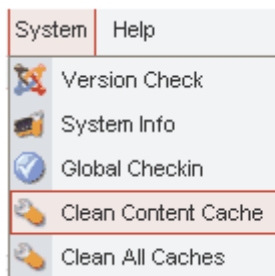
- Bộ nhớ đệm (Cache) giúp ghi nhớ các dữ liệu được truy xuất lần đầu để sau đó cung cấp các dữ liệu này cho các lần sau, việc này sẽ giúp giảm sự truy xuất dữ liệu trực tiếp từ Database và Website có thể tránh bị quá tải khi có số lượng truy cập cao.
- Mặc nhiên khi cài đặt chế độ Cache của Joomla ở trạng thái tắt (không hoạt động), kích hoạt chế độ này bằng cách truy cập vào **Global Configuration** -> Chọn Tab **Cache**, thiết lập **Caching** là **Có** (Yes) và điều chỉnh giá trị **Cache Time** cho phù hợp với Website.



The screenshot shows the Joomla! Global Configuration interface, specifically the 'Cache' tab. The 'Caching' option is set to 'Có' (Yes). The 'Cache Time' is set to 900 seconds. The 'Cache Folder' field is empty. The 'Cache Time' is set to 900 seconds.

Cache Time là thời gian tồn tại của một chu kỳ Cache, thời gian này được tính bằng giây, quá thời gian này các dữ liệu đã được Cache sẽ bị xóa đi và quá trình Cache sẽ bắt đầu lại một chu kỳ khác.

- Chỉ mới có phần nội dung (Content) được Cache, nếu muốn Cache thêm cho Module nào thì truy cập vào Module đó và thiết lập **Enable Cache** là **Yes**.



### **Lưu ý:**

Các dữ liệu, nội dung được thêm hoặc thay đổi sau khi Cache phải đợi hết một chu kỳ Cache mới được cập nhật, nếu muốn cập nhật ngay thì phải xóa Cache bằng cách truy cập vào Menu **System** và chọn **Clean Content Cache** nếu chỉ muốn xóa Cache của phần nội dung hoặc chọn **Clean All Cache** để xóa tất cả các dữ liệu được Cache (Content và Module).

## Chức năng nén dữ liệu:

- Nếu Server có hỗ trợ chức năng nén dữ liệu **GZIP** thì có thể bật chức năng **GZIP Page Compression** để nén nhỏ dung lượng dữ liệu của trang Web tăng tốc độ truyền tải dữ liệu từ Website về trình duyệt.
- **Bật chức năng này bằng cách truy cập vào Global Configuration -> Chọn Tab Server -> thiết lập GZIP Page Compression là Có (Yes).**
- Lưu ý: Nếu Server có hiện tượng bị quá tải (Overload) thì nên tắt chức năng này.

### Tối ưu hóa các bảng dữ liệu:

- Tối ưu hóa các bảng dữ liệu (Database) sẽ giúp cho việc truy xuất các dữ liệu được nhanh hơn. Sử dụng công cụ phpMyAdmin có trong Control Panel của Hosting, chọn **Database** và nhấn vào **Check All** để đánh dấu chọn tất cả các bảng dữ liệu. Trong **With Selected** chọn **Optimize table**.

<input checked="" type="checkbox"/>	jos_users								3	MyISAM
<input checked="" type="checkbox"/>	jos_usertypes								7	MyISAM
<input checked="" type="checkbox"/>	jos_weblinks								0	MyISAM
40 table(s)		Sum						1,331	InnoDB	

↑ [Check All](#) / [Uncheck All](#) / [Check tables having overhead](#)

[Print view](#) [Data Dictionary](#)

[Create new table on database buaxua](#)

Name:  Number of fields:

- With selected:
- With selected:
- Empty
- Drop
- Print view
- Check table
- Optimize table**
- Repair table
- Analyze table

- Lưu ý công việc này nên tiến hành làm định kỳ, có thể khoảng 3 tháng 1 lần.

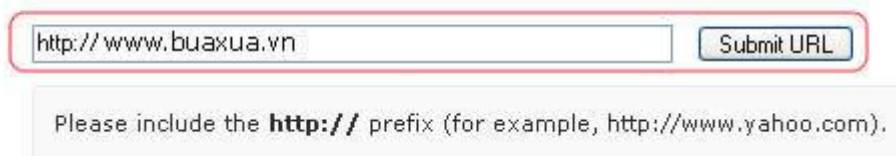
## Cách quảng bá cho Web Site

Thông thường thì các máy tìm kiếm sẽ lần theo dấu vết để tìm đến Web Site của bạn nhưng với điều kiện phải có nhiều người truy cập. Có một cách đơn giản và nhanh chóng đó là thuê dịch vụ để giúp đăng ký Web Site vào các máy tìm kiếm hoặc có thể tự mình đăng ký vào các máy tìm kiếm.

Sau đây là cách đăng ký với một số máy tìm kiếm:

- **Yahoo!:** Nhấn vào liên kết này để [đăng ký với Yahoo!](#) Bạn sẽ được yêu cầu đăng nhập, dùng tên tài khoản (Account) và mật khẩu của Yahoo! để đăng nhập hoặc đăng ký mới nếu chưa có. Nhập địa chỉ của Web Site bao gồm cả **http://** (thí dụ: <http://www.buaxua.vn>) vào phần **Submit a Website or Webpage** sau đó nhấn **Submit URL** để hoàn tất.

► **Submit a Website or Webpage**



http://www.buaxua.vn


Please include the **http://** prefix (for example, <http://www.yahoo.com>).

- **Google:** Nhấn vào liên kết này để [đăng ký với Google](#) Google sẽ mở ra một cửa sổ **Add your URL to Google**, nhập địa chỉ Web Site bao gồm cả **http://** vào mục **URL** (thí dụ: <http://www.buaxua.vn>). Mục **Comments** là phần ghi chú, miêu tả về web site của mình (chỉ cần mô tả ngắn gọn). Nhập đúng mã an toàn được hiển thị vào ô ngay bên dưới và nhấn vào nút **Add URL** để hoàn tất.

URL:

Comments:

Optional: To help us distinguish between sites submitted by individuals and those automatically entered by software robots, please type the squiggly letters shown here into the box below.



- **MSN:** Nhấn vào liên kết này để [đăng ký với MSN](#) Nhập mã số bảo vệ trong hình vào ô **Characters**. Nhập địa chỉ Web Site bao gồm cả **http://** (thí dụ: <http://www.buaxua.vn/>) vào mục **Type the URL of your homepage** sau đó nhấn **Submit URL** để hoàn tất.



Characters:

**Type the URL of your homepage**  
MSNBot follows links from your homepage to find c

Example: <http://www.example.com/>.

- Ngoài ra bạn có thể đăng ký vào **alexa** để xếp hạng cho Web Site của mình bằng cách nhấn vào đây để [đăng ký với Alexa](#) và nhập địa chỉ Web Site bao gồm cả **http://** vào mục **URL** (thí dụ: <http://www.buaxua.vn>) và nhấn **Crawl My Site** để đăng ký.

URL

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 14

### Cách tích hợp bộ gõ tiếng Việt vào Joomla! và SMF

Bộ gõ dấu tiếng Việt là công cụ giúp các thành viên thuận tiện khi viết bài, trao đổi thông tin với nhau trên các trang Web hoặc diễn đàn có sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt. Bài viết này sẽ hướng dẫn cách tích hợp bộ gõ tiếng Việt AVIM của tác giả Đặng Trần Hiếu vào các trang Web Joomla! và diễn đàn SMF.

Bộ gõ tiếng Việt AVIM mới nhất được tải và sử dụng miễn phí tại trang Web <http://avim.hdang.co.uk> hoặc tất cả các phiên bản khác tại: <http://sourceforge.net> Đây là một file có tên theo dạng **avim20071102.js** (các số lần lượt là: năm, tháng, ngày được thay đổi tùy theo phiên bản).

### Cách tích hợp vào Joomla! 1.0.x:

Do Joomla! được chia làm 2 phần: **Frontpage** là trang chính, nơi các thành viên đăng nhập để viết bài. **Admin** là nơi dành cho Quản trị (Admin) đăng nhập để cấu hình và viết bài cho trang Web. Do đó nếu muốn sử dụng bộ gõ cho phần nào thì phải tích hợp riêng cho phần đó.

Copy file **avim20071102.js** vào thư mục **/includes/js** của Joomla!

### Phần Frontpage (Front-end):

Mở file **index.php** trong thư mục **template/tên Template đang sử dụng**.



Chèn đoạn Code sau đây vào ngay phía trên thẻ (Tag) `</body>` (Tag này thường nằm cuối trang)

```
1 </hr/>
2 <P align=center>
3 <INPUT id=him_auto onclick=setMethod(0); type=radio name=viet_method>AUTO
  [F9]<INPUT id=him_telex onclick=setMethod(1); type=radio
  name=viet_method>TELEX <INPUT id=him_vni onclick=setMethod(2); type=radio
  name=viet_method>VNI <INPUT id=him_viqr onclick=setMethod(3); type=radio
  name=viet_method>VIQR <INPUT id=him_viqr2 onclick=setMethod(4); type=radio
  name=viet_method>VIQR* <INPUT id=him_off onclick=setMethod(-1); type=radio
  name=viet_method>OFF <INPUT id=him_ckspell onclick=setSpell(this);
  type=checkbox name=viet_method>Check Spell <INPUT id=him_daucu
  onclick=setDauCu(this); type=checkbox name=viet_method>Old Accent</p>
4 <script language="JavaScript" type="text/JavaScript"
  src="/includes/js/avim20071102.js"></script>
5 </body>
6 </html>
```

Trong đó:

- 1. Thẻ tạo đường gạch ngang (có thể không có cũng được)
- 2. Canh giữa trang cho các nút chọn kiểu gõ.
- 3. Tạo các nút chọn kiểu gõ cho AVIM.
- 4. Khai báo vị trí của bộ gõ AVIM, phải chỉ đúng đường dẫn đến file AVIM20071102.js (nên chính xác từng dấu chấm, chữ thường hoặc chữ in hoa và mã số đúng với phiên bản đang sử dụng)

Sau khi Tích hợp xong, ở vị trí cuối trang Web sẽ xuất hiện bộ gõ AVIM với các nút chọn kiểu gõ, tắt/mở bộ gõ và kiểm tra lỗi.

---

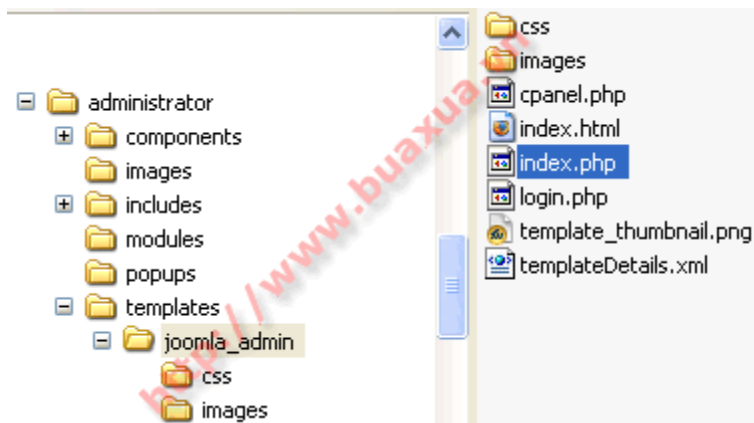
© 2008 Bán hàng búa xua  
Joomla! is Free Software released under the GNU/GPL License.

---

AUTO [F9]  TELEX  VNI  VIQR  VIQR\*  OFF  Check Spell  Old Accent

### **Phần Admin (Back-end):**

Mở file **index.php** trong thư mục **administrator/template/joomla\_admin** (Template đang sử dụng).

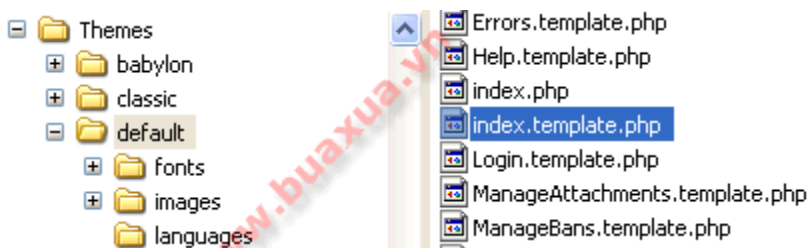


Chèn đoạn Code sau đây vào ngay phía trên thẻ (Tag) **</body>** (Tag này thường nằm cuối trang). Lưu ý đường dẫn tại dòng thứ 4 có thay đổi.

```
1 <hr/>
2 <P align=center>
3 <INPUT id=him_auto onclick=setMethod(0); type=radio name=viet_method>AUTO
  [F9]<INPUT id=him_telix onclick=setMethod(1); type=radio
  name=viet_method>TELEX <INPUT id=him_vni onclick=setMethod(2); type=radio
  name=viet_method>VNI <INPUT id=him_viqr onclick=setMethod(3); type=radio
  name=viet_method>VIQR <INPUT id=him_viqr2 onclick=setMethod(4); type=radio
  name=viet_method>VIQR* <INPUT id=him_off onclick=setMethod(-1); type=radio
  name=viet_method>OFF <INPUT id=him_ckspell onclick=setSpell(this);
  type=checkbox name=viet_method>Check Spell <INPUT id=him_daucu
  onclick=setDauCu(this); type=checkbox name=viet_method>Old Accent</p>
4 <script language="JavaScript" type="text/JavaScript"
  src="./includes/js/avim20071102.js"></script>
5 </body>
6 </html>
```

### Cách tích hợp vào SMF:

Mở file **index.template.php** trong thư mục **Themes/default** (Theme đang sử dụng).



Chèn đoạn Code sau đây vào ngay phía trên thẻ (Tag) **</body>** (Tag này nằm ở khoảng dòng thứ 450)

```
451 <hr/>
452 <P align=center>
453 <INPUT id=him_auto onclick=setMethod(0); type=radio
name=viet_method>AUTO [F9]<INPUT id=him_telex onclick=setMethod(1);
type=radio name=viet_method>TELEX <INPUT id=him_vni onclick=setMethod(2);
type=radio name=viet_method>VNI <INPUT id=him_viqr onclick=setMethod(3);
type=radio name=viet_method>VIQR <INPUT id=him_viqr2
onclick=setMethod(4); type=radio name=viet_method>VIQR* <INPUT id=him_off
onclick=setMethod(-1); type=radio name=viet_method>OFF <INPUT
id=him_ckspell onclick=setSpell(this); type=checkbox name=viet_method>Check
Spell <INPUT id=him_daucu onclick=setDauCu(this); type=checkbox
name=viet_method>Old Accent</p>
454 <script type="text/javascript" src="./Themes/avim20071102.js"></script>
455 </body></html>;
```

### Trong đó:

- **451.** Thẻ tạo đường gạch ngang (có thể không có cũng được)
- **452.** Canh giữa trang cho các nút chọn kiểu gõ.
- **453.** Tạo các nút chọn kiểu gõ cho AVIM.
- **454.** Khai báo vị trí của bộ gõ AVIM, phải chỉ đúng đường dẫn đến file AVIM20071102.js (nên chính xác từng dấu chấm, chữ thường hoặc chữ in hoa và mã số đúng với phiên bản đang sử dụng)

Sau khi Tích hợp xong, ở vị trí cuối trang của diễn đàn sẽ xuất hiện bộ gõ AVIM với các nút chọn kiểu gõ, tắt/mở bộ gõ và kiểm tra lỗi.



### Lưu ý:

- Có thể đặt File **AVIM20071102.js** ở đâu tùy ý và chỉ cần khai báo đúng đường dẫn trong mã khai báo bộ gõ AVIM là được.
- Sau khi tích hợp xong bộ gõ, nếu nhìn thấy các nút chọn kiểu gõ xuất hiện trên trang Web nhưng không gõ được tiếng Việt thì nên xem lại đường dẫn, tên (phiên bản) của File **AVIM20071102.js** trong mã khai báo bộ gõ AVIM.
- Do trang Web hoặc diễn đàn đã được tích hợp bộ gõ tiếng việt nên khi nhập mật khẩu (Password) phải chú ý nên tắt bộ gõ.



## Các khái niệm cơ bản trong Joomla!

Lần đầu tiên khi tiếp xúc với Joomla! nhiều người luôn cảm thấy rằng có điều gì đó khó hiểu ở Joomla! khiến cho việc tiếp cận với nó thật khó khăn. Đó chính là do các khái niệm và thuật ngữ khác lạ của Joomla!, mà thật ra nó cũng chẳng khác lạ gì mấy so với các hệ thống quản trị nội dung (CMS: Content management System) khác.

Bài này sẽ giúp các bạn phần nào hiểu được các khái niệm cơ bản trong Joomla!

- **Front-end (Frontpage):** Là các trang Web mà mọi người sẽ được thấy khi truy cập vào Web Site của bạn. Phần này ngoài việc hiển thị nội dung của trang Web còn là nơi mọi người có thể đăng ký thành viên và tham gia quản lý, viết bài đăng trên trang Web.
- **Back-end (Admin):** Là phần quản lý Web Site dành cho các Quản trị, chủ nhân của Web Site. Phần này cho phép cấu hình các thông số về hoạt động, nội dung, hình thức và quản lý các thành phần, bộ phận được tích hợp thêm cho Joomla!
- **Template (Temp):** Là giao diện, khuôn dạng, kiểu mẫu, hình thức được thiết kế để trình bày nội dung của trang Web và có các vị trí định sẵn để tích hợp các bộ phận, thành phần của trang Web. Joomla! cho phép cài đặt và thay đổi Temp cho Web Site hay cho từng trang Web khác nhau một cách dễ dàng.

### Các thành phần mở rộng (Extension):

- **Module (Mod):** Là bộ phận mở rộng thêm chức năng cho Web Site, các Mod này có các chức năng khác nhau, được hiển thị trên trang Web tại các vị trí qui định và có thể thay đổi được. Một trang Web có thể hiển thị nhiều Mod giống và khác nhau, Mod có thể được cài đặt thêm vào Web Site. Thông thường sau khi cài đặt Joomla! có sẵn các Module: Main Menu (menu chính), Top Menu (menu phụ, nằm ngang), Search (hiển thị công cụ tìm kiếm), Poll (hiển thị bảng bình chọn, lấy ý kiến), Newsflash (hiển thị các bản tin nổi bật), Hit Counter (hiển thị số lượng truy cập Web Site), Banners (hiển thị các bảng quảng cáo)...
- **Component (Com):** Là thành phần chính của trang Web, nó quyết định đến chức năng, hình thức, nội dung chính của mỗi trang Web. Com có thể có thêm Mod để hỗ trợ cho việc hiển thị các chức năng

và nội dung của Com. Com có thể được cài đặt thêm vào Web Site. Thông thường sau khi cài đặt Joomla! có sẵn các Component: Banners (quản lý các bảng quảng cáo), Contacts (quản lý việc liên hệ giữa người dùng với Ban quản trị Web Site), Search (quản lý việc tìm kiếm), News Feeds (quản lý các tin tức), Polls (quản lý việc bình chọn, ý kiến của người dùng), Web Links (quản lý các liên kết ngoài Web Site) và các Com quản lý nội dung của trang Web.

- **Mambot (Plug-in):** Là các chức năng được bổ sung thêm cho Com, các Mambot này sẽ can thiệp, bổ sung vào nội dung của trang Web trước hoặc sau khi nó được hiển thị. Mambot có thể được cài đặt thêm vào Web Site.

Tất cả các thành phần mở rộng đều được cài đặt thêm hoặc gỡ bỏ thông qua các Menu lệnh trong Joomla!

### **Quản lý nội dung Web Site, trong Joomla! có 3 cấp quản lý nội dung:**

- **Section:** Là cấp quản lý nội dung lớn nhất, chứa các Category. Có thể tạo nhiều Section và mỗi Section có thể chứa nhiều Category.
- **Category:** Là cấp quản lý nội dung nhỏ hơn Section, chứa Content Item. Có thể tạo nhiều Category và mỗi Category có thể chứa nhiều Content Item.
- **Content Item (Article):** Là phần nội dung, chứa các văn bản và hình ảnh được hiển thị trên trang Web.

Các cấp quản lý nội dung đều được quản lý theo mã số ID nên có thể thay đổi tên mà ảnh hưởng đến nội dung, địa chỉ liên kết của chúng.

### **Menu:**

- Joomla! có rất nhiều kiểu Menu, mỗi Menu sẽ là một trang hiển thị có nội dung và cách trình bày theo nhiều kiểu khác nhau.
- Các Menu này được quản lý theo mã số **ID** nên có thể thay đổi tên và vị trí mà ảnh hưởng đến nội dung, địa chỉ liên kết của chúng.
- Joomla! cho phép lựa chọn và quyết định Menu nào làm Trang chủ (Home) là trang sẽ xuất hiện đầu tiên khi truy cập vào địa chỉ của trang Web.

Tất cả các thành phần, nội dung,... trong Joomla! đều có thể cho phép hiển thị hay không hiển thị (sử dụng hay không sử dụng) thông qua chức năng **Published** hay **Unpublish**.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 15

### Sử dụng WYSIWYG Editor tạo nội dung trong Joomla!

Trong Joomla! có 2 cách tạo nội dung (Content) mới, đó là tạo trong Admin (Back-end) dành cho Quản trị và tạo trong Front-end dành cho các thành viên. Bài này sẽ hướng dẫn cách sử dụng WYSIWYG-editor (chương trình soạn thảo văn bản trực quan, mặc định khi cài Joomla) để tạo nội dung mới trong Joomla! 1.0.x



Để tạo một nội dung mới trong **Front-page** sau khi đăng nhập thành viên, chọn **Submit News** trong Menu User, còn trong **Amin** (Back-end) thì chọn **Add New Content** trong **Control Panel**.

Chọn **Section**, **category** và đặt tên cho nội dung mới.

Trong phần Soạn thảo văn bản có 2 phần, phần **Intro** (giới thiệu) và phần **Main Text** (nội dung).

Trong phần **Intro** bạn sẽ nhập một đoạn văn bản, chủ yếu là giới thiệu nội dung hoặc cũng có thể là phần đầu của nội dung (không cần giới thiệu). Một số trang Web lấy phần cốt lõi (tóm tắt) của nội dung để giới thiệu. Phần này sẽ được hiển thị trên trang chủ hoặc trang menu chính,

Trong phần **Main Text** bạn sẽ nhập nội dung chính. Phần nội dung này thường không hiển thị trên trang chính, nếu người dùng muốn xem toàn bộ nội dung thì nhấn vào "**Read more...**" (Đọc tiếp..., xem tiếp...) trang web sẽ chuyển sang phần nội dung đầy đủ.

Lưu ý trong Joomla! qui định phần Intro là bắt buộc, còn phần Main Text thì không bắt buộc, nếu muốn bạn cũng có thể đưa nguyên nội dung vào phần Intro và dĩ nhiên nguyên cả nội dung cũng hiển thị trên trang chính.

Có thể nhập nội dung từ bàn phím bình thường như những trình soạn thảo văn bản hay có thể Copy và Paste nội dung từ các nguồn khác như Word, Web...

Ngoài ra thông thường nội dung sẽ kèm theo ảnh minh họa, Joomla! có 2 cách để chèn ảnh vào nội dung. Lưu ý là các

**Cách 1:** Dùng **Mosimage**, đây là một Mambot sẽ nhận diện thẻ mã đã qui định để tạo ảnh. Dùng cách này tuy không có được cảm giác trực quan (không hình dung được thực tế) nhưng sẽ giúp việc soạn thảo nhanh hơn vì không phải nạp các File ảnh.

- Đặt dấu nháy chuột tại vị trí muốn chèn hình, nhấn vào nút **Insert Image**, chỗ vị trí dấu nháy sẽ được chèn vào một thẻ (Tag) **mosimage** để đánh dấu.

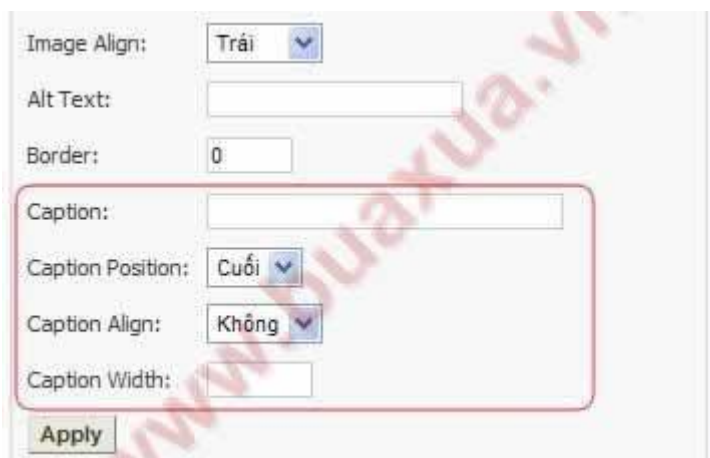


- Trong bảng phía bên phải của trình soạn thảo, chọn Tab **Image**
- Trong **Sub-folder**: chọn thư mục có chứa ảnh
- Các ảnh sẽ hiện trong **Gallery Images**, chọn ảnh muốn chèn và nhấn nút **>>** tên ảnh sẽ hiện trong **Content Images** và ảnh minh họa sẽ hiển thị ở phía dưới. Lưu ý ở đây bạn có thể đưa nhiều ảnh vào **Content Images** tương ứng với bấy nhiêu thẻ **mosimage**, và có thể thay đổi thứ tự bằng cách chọn **Up** hoặc **Down**, có thể thay đổi ảnh bằng cách nhấn nút **<<**.



- Sau đó chọn một ảnh trong **Content Images** để định các thuộc tính cho ảnh này:
  - **Image Align**: chọn vị trí cho ảnh, **trái**: ảnh nằm bên trái và chữ sẽ nằm bên phải, **phải**: ảnh nằm bên phải và chữ sẽ nằm bên trái, **giữa**: ảnh nằm giữa đoạn trên và đoạn dưới của văn bản, **Không**: ảnh sẽ nằm chung dòng với chữ.
  - **Alt Text**: Đặt tên cho ảnh, tên này chỉ là tên hiển thị khi đưa chuột vào ảnh và là tên sẽ thay thế khi ảnh bị lỗi không hiển thị được.
  - **Border**: Tạo khung viền bao quanh ảnh.

- **Caption:** Các thông số để tạo chú thích cho ảnh, các chú thích này sẽ được hiển thị chung với ảnh và có thể chọn vị trí cho các chú thích này.



- Sau khi chọn xong phải nhấn **Apply** để áp dụng các hiệu lực này cho ảnh. Lưu ý phải làm giống như vậy cho các ảnh khác nếu có.

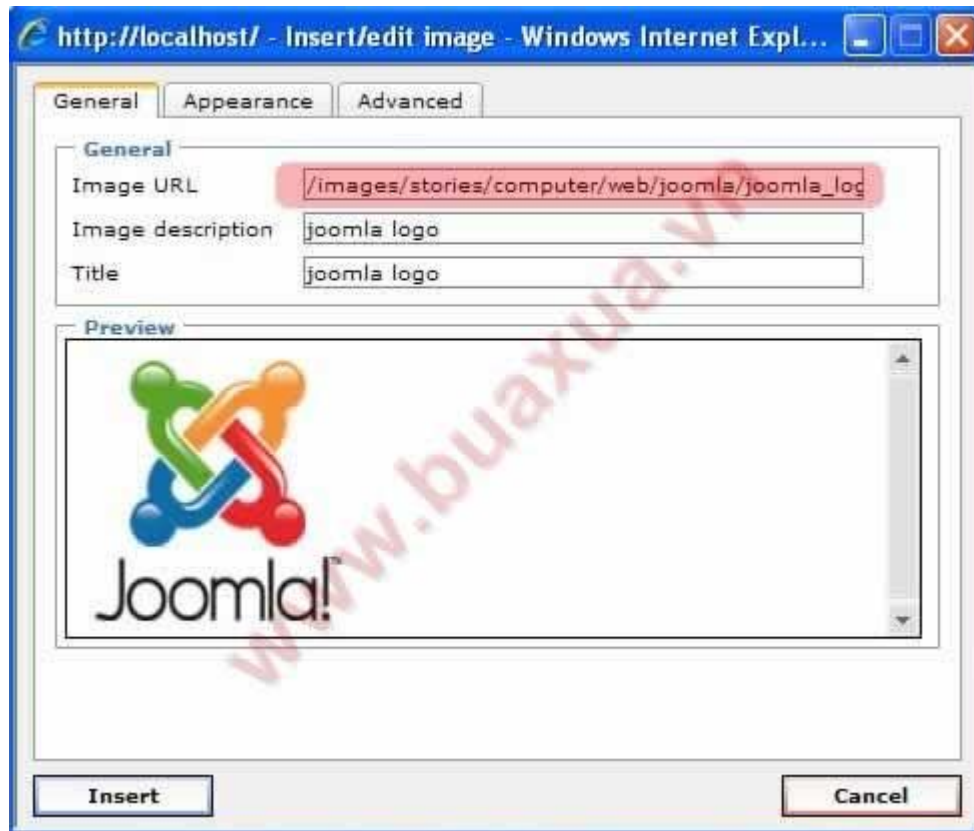
**Cách 2:** Dùng lệnh **Insert/Edit image** (chèn ảnh), cách này sẽ chèn ảnh trực tiếp vào phần văn bản.

- Đặt dấu nháy chuột tại vị trí muốn chèn hình, nhấn vào nút **Insert/Edit image**.

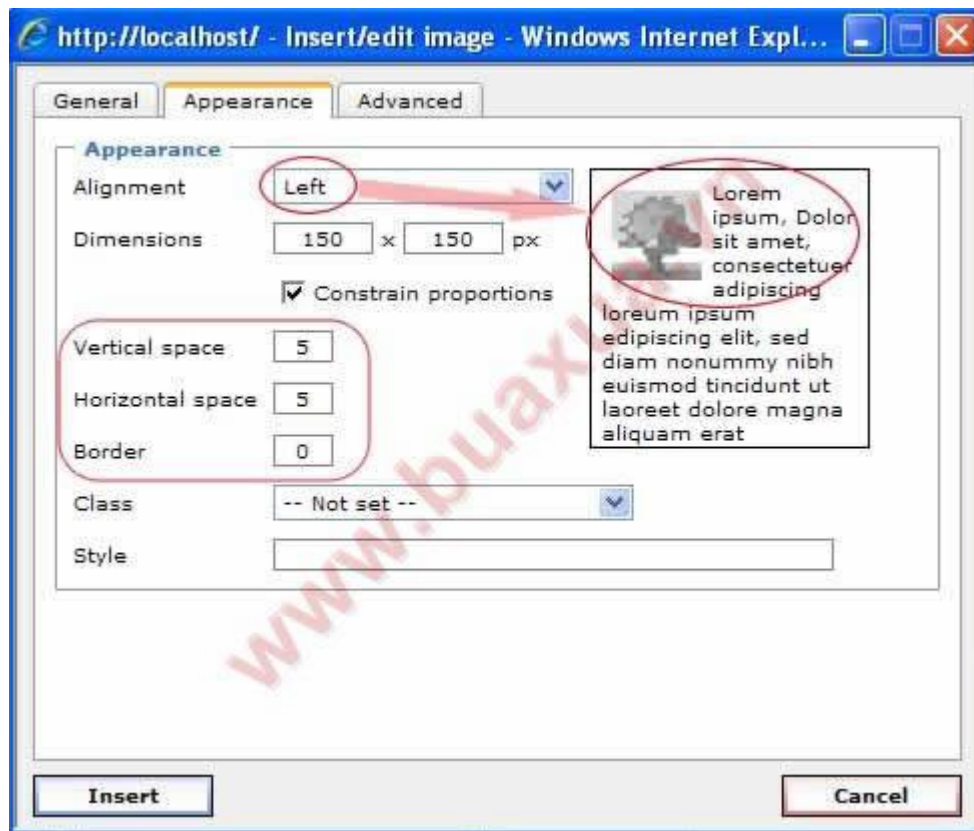


- Một cửa sổ xuất hiện, trong **Tab General** bạn hãy nhập vào đường dẫn tới File ảnh (thí dụ: /images/stories/anh.jpg) vào mục **Image URL**. Nếu bạn nhập đúng sẽ nhìn thấy ảnh trong ô bên dưới, nhập tên cho ảnh vào phần **Title** và **Image description**.

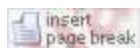




- Trong Tab **Appearance**, chọn các thông số **Alignment** (vị trí ảnh), **Dimensions** (kích thước ảnh), **Vertical/HorizontalSpace** (khoảng cách giữa ảnh với văn bản), **Border** (khung cho ảnh)... Sau khi chọn xong nhấn **Insert** để chèn ảnh.



Đối với những nội dung quá dài, bạn có thể dùng chức năng ngắt trang để tạo thành nhiều trang ngắn bằng cách đặt dấu nháy chuột tại vị trí muốn ngắt trang và nhấn nút **Insert Page Break**.



Trong trình soạn thảo này còn nhiều chức năng định dạng (Format) giống như các trình soạn thảo văn bản thông dụng (MS Word,...).

Sau khi xong phần nội dung, chọn **Tab Meta Info**. Trong phần này hãy nhập tên của nội dung (hoặc 1 đoạn giới thiệu ngắn) vào mục **Description**, nhập các từ khóa vào mục **Keywords** (các từ này dùng để tạo các liên quan, tìm kiếm...) hoặc có thể nhấn vào **Add Sect/Cat/Title** để nhập tên của Section, Category và tên của nội dung vào mục này.





The screenshot shows the Joomla! article editing interface with the 'Meta Info' tab selected. The 'Meta Data' section contains two text input fields: 'Description:' with the value 'tên nội dung' and 'Keywords:' with the value 'tên Section, tên Category, tên nội dung'. Below these fields is a button labeled 'Add Sect/Cat/Title'.

Trong Tab **Publishing**, chọn **Show on Front Page** (hiển thị trên trang chính) và **Published** (xuất bản, cho phép hiển thị nội dung này).



The screenshot shows the Joomla! article editing interface with the 'Publishing Info' tab selected. The 'Show on Front Page:' field has a checked checkbox, and the 'Published:' field also has a checked checkbox. The 'Access Level:' dropdown menu is open, showing options: 'Public', 'Registered', and 'Special'.

Bạn có thể chọn thêm các thông số khác nếu muốn, sau đó nhấn nút **Save** ở Menu phía trên để lưu nội dung này.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 16

### Cách tạo server để truy cập trang web trong mạng nội bộ

Trong một số trường hợp cần thực hiện một website chỉ dành riêng cho các máy tính trong hệ thống mạng nội bộ truy cập để làm việc dựa trên một ứng dụng web chuyên nghiệp hoặc đơn giản là chỉ dùng để phổ biến thông tin nội bộ.

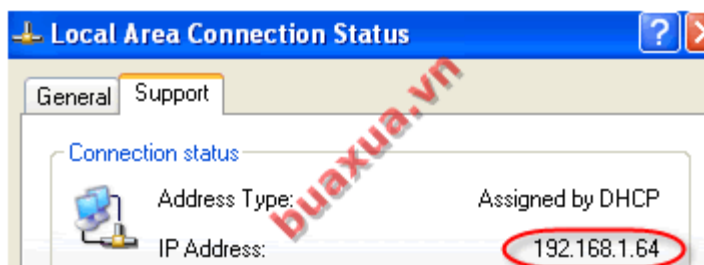
Bài viết này sẽ hướng dẫn cách thực hiện một máy chủ web (Server) dùng để truy cập trang web trong hệ thống mạng nội bộ sử dụng hệ điều hành Windows XP.

#### Thiết lập máy chủ (Server):

- Nối mạng các máy tính với nhau và thiết lập IP cố định cho tất cả các máy. Chọn một máy trong hệ thống mạng để làm server và cài đặt chương trình **WAMP5** trên máy đó.
- Tiến hành cài đặt website hoặc đặt trang web đã có sẵn vào thư mục web gốc của **WAMP5**.
- Khởi động chương trình **WAMP5**, nhấn nút trái chuột vào biểu tượng của **WAMP5** nằm ở khay hệ thống (System tray, góc dưới bên phải của màn hình) và nhấn vào **Put Online**, sau khi được chọn sẽ chuyển thành **Put Offline** và lúc này sẽ có thông báo "... - **Server Online**".

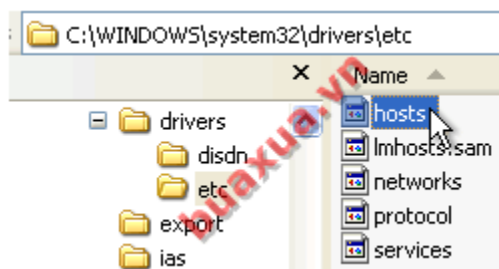


- Xác định địa chỉ IP của máy chủ (Server), nếu không nhớ thì có thể xem bằng cách nhấn nút phải chuột vào biểu tượng có hình 2 máy nối mạng nằm ở khay hệ thống (System tray, góc dưới bên phải của màn hình), nhấn vào **Status** và chuyển qua Tab **Support** để xem.

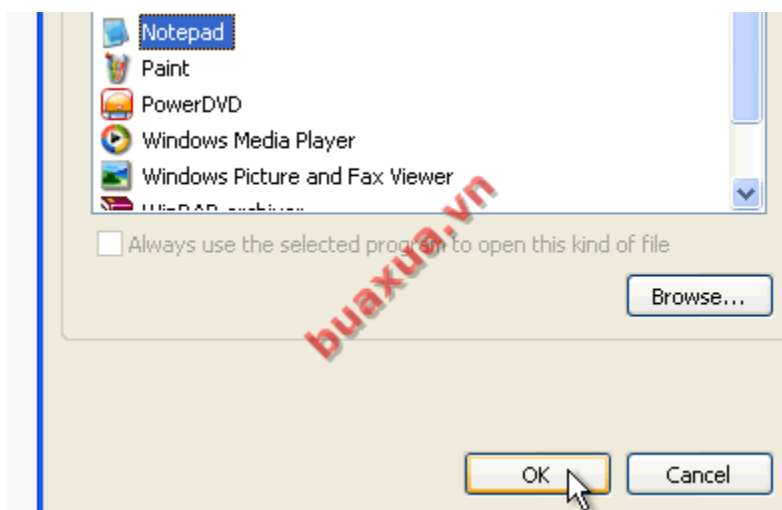


### Thiết lập các máy trạm (Client):

- Tại các máy trạm còn lại, truy cập vào thư mục **WINDOWS -> system32 -> drivers -> etc** và nhấp đúp chuột vào tập tin **hosts**.



- Xuất hiện cửa sổ chọn chương trình để mở, chọn **notepad** và nhấn **Ok** để mở.



- Chuyển xuống dòng cuối cùng của tập tin này và nhập địa chỉ **IP của máy chủ** (Server) vào, nhấn nút **Tab** trên bàn phím để cách khoảng và nhập tiếp **tên miền** (Domain) của trang web (thí dụ: **mywebdomain.com**). Sau khi nhập xong thì lưu (Save) và đóng tập tin **hosts** lại.



```
127.0.0.1 localhost
192.168.1.64 mywebdomain.com
```

- Thay đổi tập tin **hosts** giống như trên cho tất cả các máy còn lại.

Tại các máy trạm, mở trình duyệt Web và nhập **mywebdomain.com** hoặc **http://mywebdomain.com** (không có **www**) vào dòng địa chỉ của trình duyệt, nếu thực hiện đúng các bước hướng dẫn trên thì lúc này giao diện của trang web sẽ xuất hiện trong cửa sổ của trình duyệt.



### Lưu ý:

- Tên miền (Domain) là tên tùy ý chọn nhưng không nên đặt tên miền cho trang web trùng với bất cứ tên miền nào đã có, nếu đặt trùng tên thì sẽ không truy cập được vào trang web có tên đó.
- Nếu muốn truy cập trang web từ máy chủ (Server) bằng tên miền đã đặt như trên thì phải sửa lại tập tin **hosts** trên máy này giống như khi làm trên các máy trạm.
- Các liên kết trong trang web và các đường dẫn đến các tập tin tài liệu, hình ảnh,... đều nên sử dụng địa chỉ tương đối (relative path) nếu không có thể sẽ bị lỗi khi nhấn vào liên kết hoặc không hiển thị được các hình ảnh.
- Nếu trên máy chủ (Server) có cài đặt chương trình **FireWall** thì phải tắt chương trình này đi hoặc thiết lập thông số để cho phép các máy trạm truy cập vào được.

## CHMOD File và Folder trên Web Server

CHMOD - viết tắt của Change Mode, đây là lệnh dùng để thay đổi thuộc tính của File (tập tin) và Folder (thư mục) trong hệ điều hành Unix, Linux...

CHMOD thiết đặt những quyền cho phép đối với File và Folder, đó là quyền **Read** (đọc), **Write** (ghi) và **Execute** (thực hiện).

Trên các hệ thống máy Server sử dụng Unix, Linux,... người dùng được chia ra làm 3 nhóm:

- **Owner**: Chủ nhân trực tiếp tạo ra các Files, Folder.
- **Group**: Nhóm thành viên được đăng ký để quản lý hoặc sử dụng.
- **Other/Public/World**: Những người khác (không thuộc các nhóm trên).

Các nhóm được tạo ra trong quá trình cài đặt và sử dụng Web Site. Khi người dùng đăng nhập (Login) vào Web Site, nó sẽ xác định xem thuộc về nhóm nào. Sau khi xác định nhóm, người dùng sẽ được gán quyền hạn nhất định đối với File hoặc Folder nào đó. Cụ thể là người dùng sẽ được **Read** (đọc), **Write** (ghi) và **Execute** (tạo mới hoặc xóa) File và Folder.

Để xác định quyền hạn cho các nhóm nhất định, thống nhất sử dụng các ký hiệu bằng con số như sau:

4 = Read (quyền được đọc)

2 = Write (quyền được ghi)

1 = Execute (quyền được thực hiện)

Bằng phép cộng đơn giản các con số này có thể hiển thị được cả một tổ hợp quyền hạn khác nhau.

### Thí dụ:

- **3** = 2+1 : Write và Execute đối với File hay Folder.
- **5** = 4+1 : Read và Execute.
- **6** = 4+2 : Read và Write.
- **7** = 4+2+1 : Read, Write và Execute.

Tóm lại có tất cả 7 phương án sau:

- 7 = Read, Write & Execute
- 6 = Read & Write
- 5 = Read & Execute
- 4 = Read
- 3 = Write & Execute
- 2 = Write
- 1 = Execute

Ký hiệu lệnh CHMOD thường có 3 con số, con số đầu thể hiện quyền hạn gán cho người dùng thuộc nhóm **Owner**. Con số thứ hai chỉ ra quyền hạn của người dùng thuộc nhóm **Group** và con số thứ ba dành cho nhóm **Other/Public/World**.

#### Thí dụ:

**766** : Có nghĩa là **Owner** (Read, Write & Execute), **Group** (Read & Write) và **Other/Public/World** (Read & Write).

Trong phần lớn các chương trình FTP hiện nay đều hỗ trợ CHMOD theo kiểu nêu trên.

Ngoài ra lệnh CHMOD còn có chế độ các ký hiệu chữ, trong trường hợp sử dụng ký hiệu chữ, chúng ta sẽ bắt gặp những ký hiệu sau:

- - : Không được cấp quyền
- **d** : Ký hiệu Directory (Folder, thư mục)
- **r** : Quyền Read (đọc)
- **w** : Quyền Write (ghi)
- **x** : Quyền Execute (thực hiện)

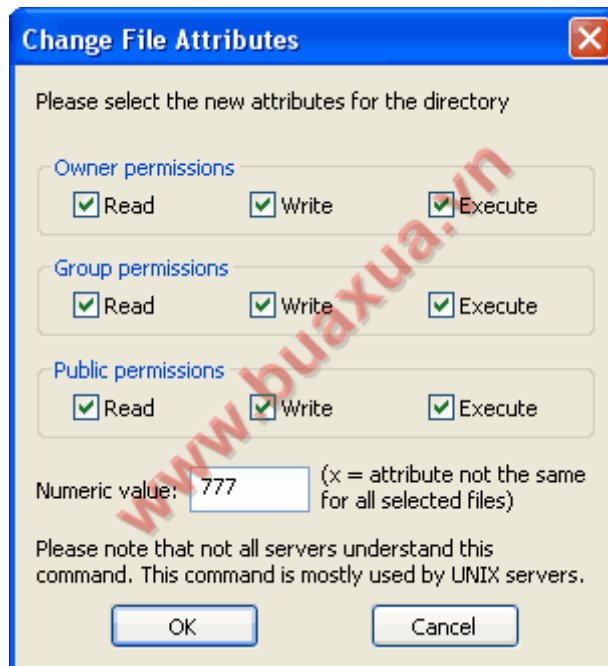
#### Thí dụ:

**drwxr-xr-x** : Có nghĩa là **Owner** (Read, Write & Execute), **Group** (Read & Execute) và **Other/Public/World** (Read & Execute) đối với Folder (thư mục) này, ký hiệu này tương đương với **755**.

**-rwxrw-rw-** : Có nghĩa là **Owner** (Read, Write & Execute), **Group** (Read & Write) và **Other/Public/World** (Read & Write) đối với File (tập tin) này, ký hiệu này tương đương với **766**.

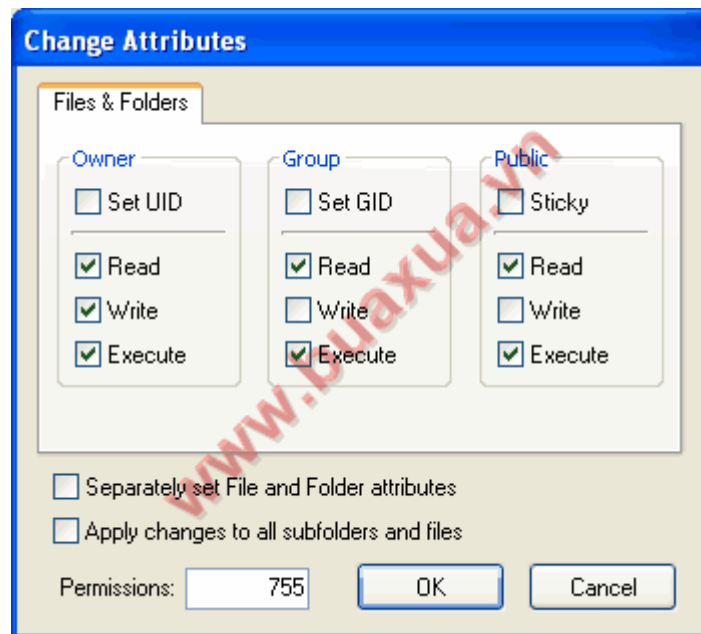
Sau đây là một số cách CHMOD:

**Đối với chương trình FTP FileZilla:**



Trong cửa sổ bên phần Remote Site, nhấn phải chuột vào Folder (thư mục) hoặc File (tập tin) và chọn File Attributes... để thiết đặt những quyền cho phép đối với Folder hoặc File này.

**Đối với chương trình FTP FlashFXP:**



Trong cửa sổ bên phần Remote Site, nhấn phải chuột vào Folder (thư mục) hoặc File (tập tin) và chọn Attributes (CHMOD) để thiết đặt những quyền cho phép đối với Folder hoặc File này.

### Đối với File Manager trong Cpanel:





Trong cửa sổ File Manager, chọn Folder (thư mục) hoặc File (tập tin) và nhấn vào nút Chmod (hoặc Change Permissions) để thiết đặt những quyền cho phép đối với Folder hoặc File này.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 17

### Cách chỉnh sửa Template cho Joomla! 1.0.x

Mặc định trong Joomla! đã có tích hợp sẵn Template, đây là một Template mẫu với một số ít vị trí cơ bản. Nếu muốn trang Web có kiểu dáng đẹp và nhiều vị trí để hiển thị các thành phần mở rộng hơn thì cần phải thay đổi Template khác hoặc sửa lại cho phù hợp.

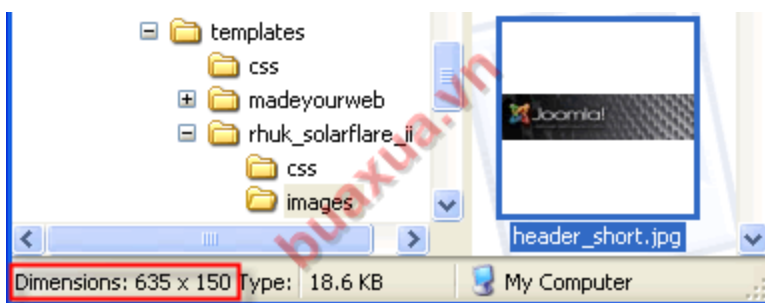
Sau đây là một số cách sửa Template mặc định **rhuk\_solarflare\_ii** trong Joomla! 1.0.x

#### Cách thay hình ảnh Logo:

- Mở trang web và xem hình dạng Logo của Template mặc định **rhuk\_solarflare\_ii**.



- Tìm tập tin hình ảnh Logo này trong thư mục **images** của Template **rhuk\_solarflare\_ii** đang sử dụng và nhận biết các thông số: tên: **header\_short.jpg**, loại: **jpg**, kích thước: **635x150 px** của tập tin này.



- Sau đó tạo một tập tin hình ảnh Logo mới với các thông số tương tự để thay thế cho Logo cũ.



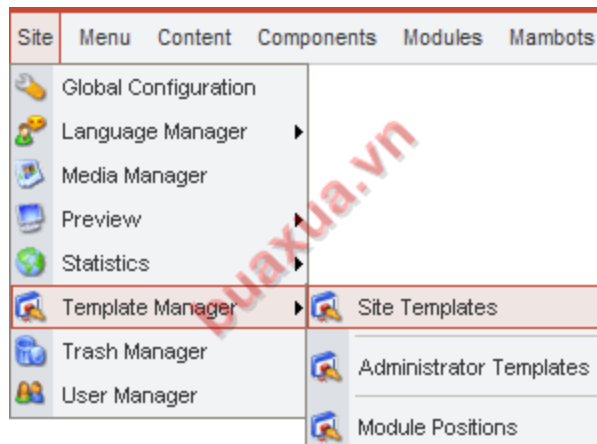
- Có thể áp dụng cách làm này để thay đổi toàn bộ hình ảnh của Template tùy ý, các hình ảnh này thông thường đều nằm trong thư mục **images** của Template đang sử dụng.

### Cách tạo thêm vị trí hiển thị Module:

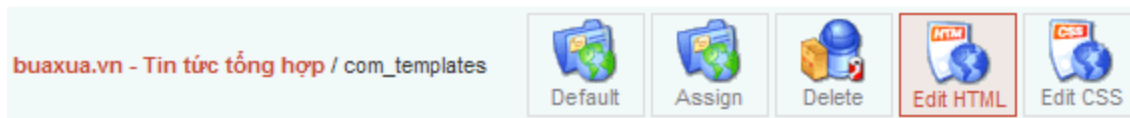
- Kiểm tra các vị trí hiện có của Template bằng cách thêm tham số **/?tp=1** vào dòng địa chỉ.



- Truy cập vào Menu **Site Templates** trong phần Quản trị (Admin).



- Trong **Template Manager [ Site ]** chọn Template muốn sửa (**rhuk\_solarflare\_ii**) và nhấn nút **Edit HTML**



- Trong cửa sổ **Template HTML Editor**, tìm vị trí **MainBody** như trong hình:

```
<tr>
<td colspan="<?php echo $colspan; ?>" class="body_outer">
  <?php
    mosMainBody();
  ?>
</td>
</tr>
```

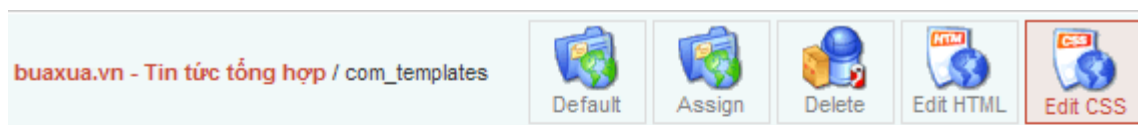
- Thêm các đoạn mã để tạo vị trí Module mới là **user7** nằm phía dưới **MainBody** như trong hình:

```

<tr>
<td colspan="<?php echo $colspan; ?>" class="body_outer">
  <?php
    mosMainBody();
  ?>
</td>
</tr>
<tr>
<td colspan="<?php echo $colspan; ?>" class="body_outer">
<div id="user7">
  <?php mosLoadModules ( 'user7',-2); ?>
</div>
</td>
</tr>
</table>

```

- Sau khi sửa xong nhấn vào nút **Save** để lưu các thay đổi lại.
- Do vị trí này đã được gán **id** là **user7** (có thể thay đổi tùy ý) nên nếu muốn chỉnh sửa các thông số (chiều rộng, chiều cao, font chữ,...) cho vị trí này thì tiếp tục chọn Template **rhuk\_solarflare\_ii** và nhấn nút **Edit CSS**.



**Template Manager** [ Site ] P

#	Name	Default	Assigned	Author	Version	Date	Author
1	<input type="radio"/> madeyourweb			Marc Hinse	1.3	15/09/2005	<a href="http://www.madeyourweb.com">http://www.madeyourweb.com</a>
2	<input checked="" type="radio"/> rhuk_solarflare_ii	✓		rhuk	2.2	10/20/05	<a href="http://www.rhuk.com">http://www.rhuk.com</a>

- Thêm đoạn mã như trong hình vào phía cuối để định dạng cho vị trí **User7**.

```

#user7 {
}

```

← Đặt các dòng code định dạng cho vị trí **user7** vào giữa 2 dấu { }

- Bây giờ Template đã có thêm 1 vị trí Module mới là **user7**.



### Cách tạo thêm vị trí hiển thị Module trong phần Mainbody:

- **MainBody** là vị trí hiển thị phần nội dung chính (Component) của trang Web, các Module được đặt trong vị trí này sẽ hiển thị chung với phần nội dung chính.
- Truy cập vào Menu **Site Templates** trong phần Quản trị (Admin).
- Trong **Template Manager [ Site ]** chọn Template muốn sửa (**rhuk\_solarflare\_ii**) và nhấn nút **Edit HTML**
- Trong cửa sổ **Template HTML Editor**, tìm đoạn mã như trong hình bên dưới.

```
<tr>
<td colspan="<?php echo $colspan; ?>" class="body_outer">
  <?php
    mosMainBody();
  ?>
</td>
</tr>
```

- Thêm 2 vị trí Module đặt tên là **user5** nằm phía trên và **user6** nằm phía dưới phần nội dung chính bằng cách sửa lại như trong hình.

```
<tr>  
<td colspan="<?php echo $colspan; ?>" class="body_outer">  
  <?php  
    mosLoadModules('user5'); mosMainBody(); mosLoadModules('user6');  
  ?>  
</td>  
</tr>
```

- Sau khi sửa xong nhấn vào nút **Save** để lưu các thay đổi lại. Bây giờ Template đã có thêm 2 vị trí Module mới là **user5** và **user6**.



### Lưu ý:

- Nếu các đoạn mã không nằm ngay hàng cũng không sao, chỉ cần đúng cú pháp là được.

- Phần **Edit HTML** sẽ sửa đổi tập tin **index.php** nằm trong thư mục của Template đang sử dụng và **Edit CSS** sẽ sửa đổi tập tin **template\_css.css** nằm trong thư mục **css** của Template đang sử dụng . Có thể mở và sửa trực tiếp các dòng mã trong các tập tin đó.
- Ngoài tên của các vị trí mặc định trong Template, Joomla! 1.0.x còn có sẵn các tên từ **user1** -> **user9** để đặt cho các vị trí khi cần thêm vào, nếu đặt tên khác thì phải khai báo thêm tên này trong phần **Site** -> **Template manager** -> **Module Positions**.



# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 18

### Cơ bản quản lý nội dung trong Joomla! 1.0.x

Quản lý nội dung trong Joomla! là công việc thường ngày của các Quản trị Web (Admin). Đối với người mới bắt đầu làm quen với Joomla! sẽ thấy khó khăn trong công việc này, phần này sẽ hướng dẫn các thao tác cơ bản tạo các cấp quản lý và nội dung trong Joomla!

Lưu ý: nếu bạn đã cài gói ngôn ngữ tiếng Việt cho Joomla! thì bạn có thể sử dụng tiếng Việt trong phần này.

**Đăng nhập (Login) vào Admin.**

**Chuẩn bị các Media (File, picture, Audio, Video...) để chèn vào nội dung:**

- Trong **Control Panel** chọn **Media Manager**.
- Trong **Media Manager** hãy lưu ý đến thư mục (Folder) **Stories**, đây là thư mục mặc định để lưu trữ Media cho các nội dung của trang Web. Mở thư mục **Stories**, bạn sẽ thấy các Media và có thể có các thư mục chứa Media khác.
- Tạo thêm các thư mục để tiện quản lý các Media theo chủ đề, nội dung khác nhau bằng cách nhập tên vào phần **Create Directory** và nhấn **Create**.
- Các Media có thể được tải lên bằng cách chọn **Browse**, chọn File Media từ máy tính của bạn và nhấn **Open**, sau đó chọn **Upload**.





- Xóa Media hoặc Folder bằng các nhấn vào biểu tượng thùng rác nằm ngay bên dưới chúng.
- Xem thông tin và vị trí của Media bằng cách nhấn vào biểu tượng cây viết nằm ngay bên dưới chúng. Thông tin sẽ hiện ở phần **Image/URL Code**.
- Nhấn **Cancel** để thoát khỏi **Media Manager**.

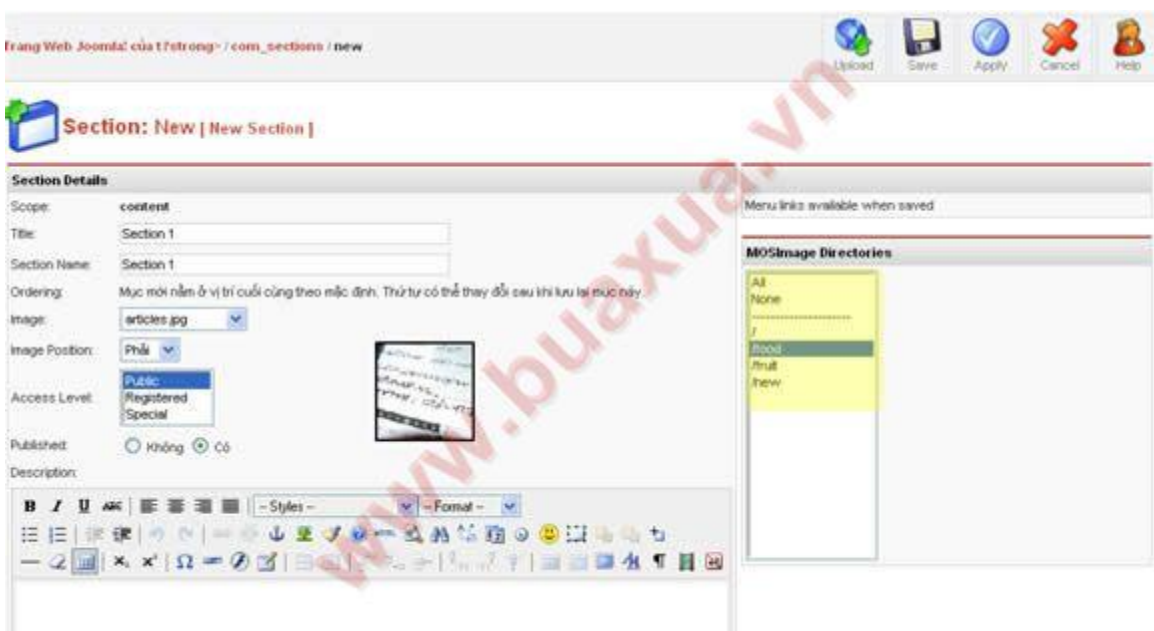
### Tạo Section:

- Trong **Control Panel** chọn **Section Manager**.
- Trong **Section Manager** chọn **New**.



- Trong **Section: New [New Section]**:
  - **Title**: Tựa đề của Section, đây là phần hiển thị trên trang Web, có thể khác Section Name.
  - **Section Name**: Tên của Section, đây là tên để quản lý Section, có thể khác Title.
  - **Image**: Chọn hình ảnh thể hiện của Section trên trang Web, có thể chọn hoặc không.
  - **Image Position**: Vị trí hình ảnh của Section, có 3 lựa chọn: giữa, trái, phải.
  - **Access Level**: Chọn cấp độ cho phép người dùng truy cập vào Section này. **Public**: cho phép bất cứ người nào cũng có thể truy cập, **Registered**: chỉ có những người đã đăng nhập (thành viên) mới được truy cập, **Special**: Chỉ có Quản trị và các thành viên cao cấp mới được phép truy cập.

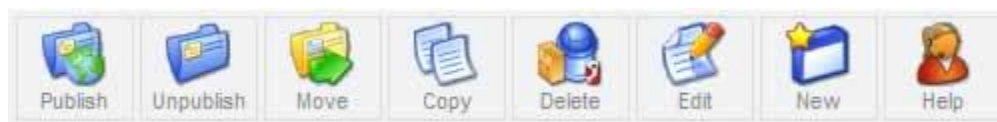
- **Published:** Cấp quyền hiệu lực (xuất bản) cho Section này, **không** (no): tạo nhưng không sử dụng, **có** (yes): tạo và có sử dụng.
- **Description:** Thông tin về Section này, có thể không cần. Các Menu trong phần này được sử dụng như các chương trình soạn thảo văn bản.
- **MOSImage Directories:** Chọn thư mục chứa các Media (File, picture, Audio, Video...) để chèn vào phần nội dung thuộc Section này. **All:** chọn tất cả, **None:** không chọn, chọn một hoặc nhiều thư mục khác nhau bằng cách nhấn chuột và giữ phím **Ctrl**.



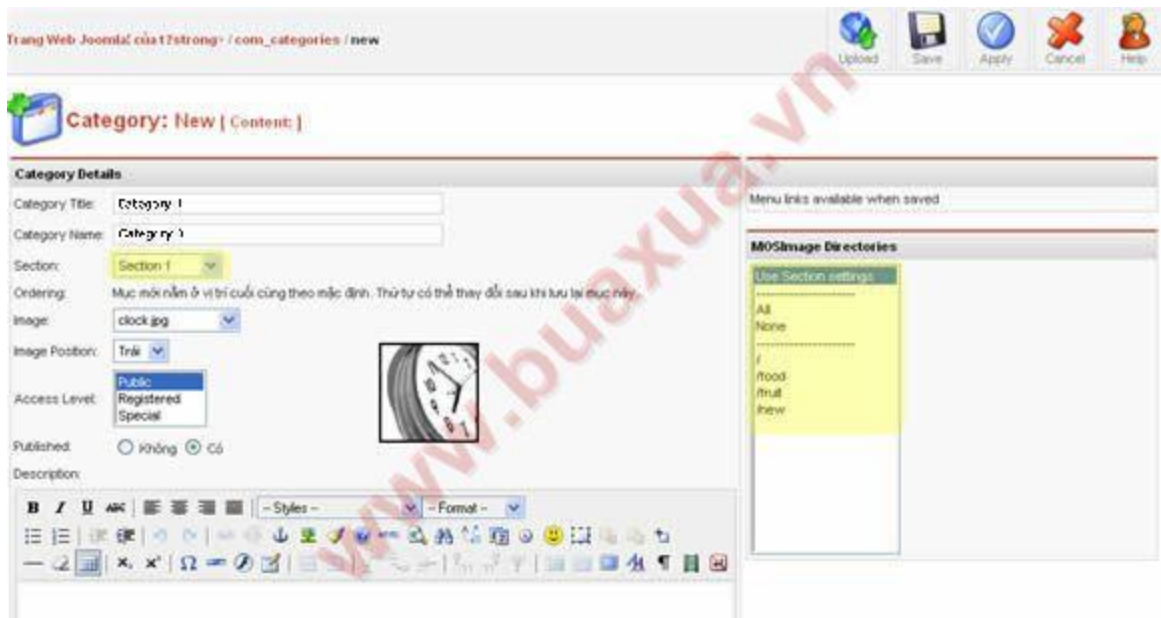
- Sau khi chọn xong nhấn **Save** để kết thúc việc tạo Section. Có thể tạo thêm các Section khác bằng các bước như trên.

### Tạo Category:

- Trong **Control Panel** chọn **Category Manager**.
- Trong **Category Manager** chọn **New**.



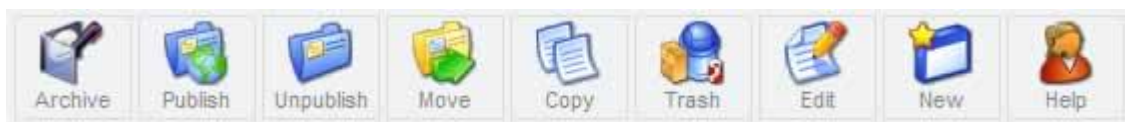
- Trong **Category: New [Content:]**:
  - **Category Title**: Tựa đề của Category, đây là phần hiển thị trên trang Web, có thể khác Category Name.
  - **Category Name**: Tên của Category, đây là tên để quản lý Category, có thể khác Category Title.
  - **Section**: Chọn Section để chứa Category này, một Section có thể chứa nhiều Category.
  - **Image**: Chọn hình ảnh thể hiện của Category trên trang Web, có thể chọn hoặc không.
  - **Image Position**: Vị trí hình ảnh của Category, có 2 lựa chọn: trái, phải.
  - **Access Level**: Chọn cấp độ cho phép người dùng truy cập vào Category này. **Public**: cho phép bất cứ người nào cũng có thể truy cập, **Registered**: chỉ có những người đã đăng nhập (thành viên) mới được truy cập, **Special**: Chỉ có Quản trị và các thành viên cao cấp mới được phép truy cập.
  - **Published**: Cấp quyền hiệu lực (xuất bản) cho Category này, không (no): tạo nhưng không sử dụng, có (yes): tạo và có sử dụng.
  - **Description**: Thông tin về Category này, có thể không cần. Các Menu trong phần này được sử dụng như các chương trình soạn thảo văn bản.
  - **MOSImage Directories**: Chọn thư mục chứa các Media (File, picture, Audio, Video...) để chèn vào phần nội dung thuộc Category này. **Use Section Settings**: chọn giống như **Section**, **All**: chọn tất cả, **None**: không chọn, chọn một hoặc nhiều thư mục khác nhau bằng cách nhấn chuột và giữ phím **Ctrl**. Thông thường chọn **Use Section Settings**.



- Sau khi chọn xong nhấn **Save** để kết thúc việc tạo Category. Có thể tạo thêm các Category khác bằng các bước như trên.

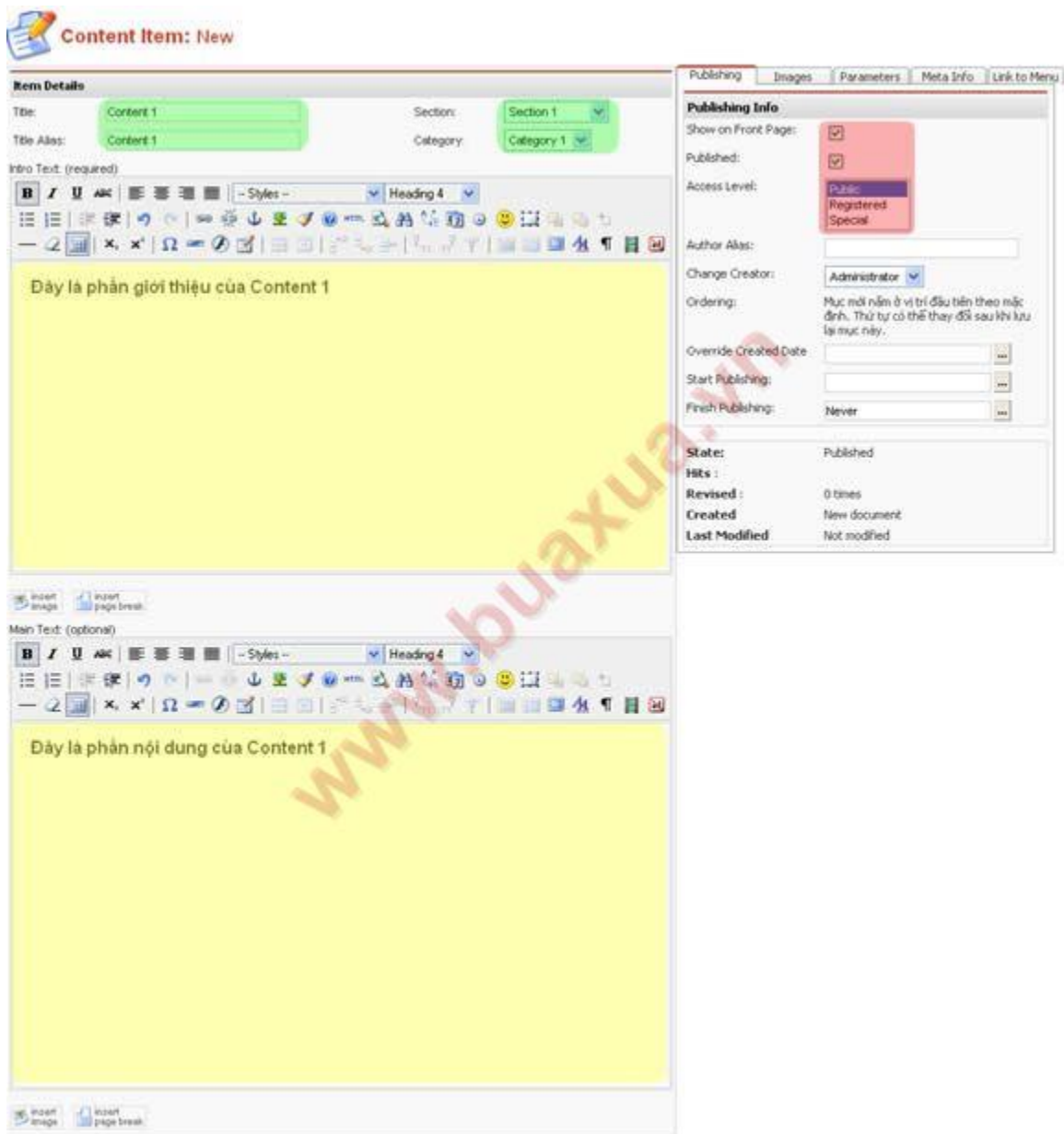
### Tạo Content (nội dung cho Web Site):

- Trong **Control Panel** chọn **Add New Content**.
- Trong **Category Manager** chọn **New**.



- Trong **Category: New [Content:]**:
  - **Title**: Tựa đề của Content, đây là phần hiển thị trên trang Web, có thể khác Title Alias.
  - **Title Alias**: Tên được gán cho Content giúp tạo các tiêu đề động hay dùng trong kỹ thuật SEF để tạo liên kết, có thể khác Title.
  - **Section**: Chọn Section có các Category để chứa Content.
  - **Category**: Chọn Category để chứa Content này, một Category có thể chứa nhiều Content.
  - **Intro Text**: Phần đầu của Content, đây là phần tóm tắt hay giới thiệu, bắt buộc phải có. Có thể sử dụng các chức năng soạn thảo và định dạng văn bản.

- **Main Text:** Phần chính của Content, có thể sử dụng các chức năng soạn thảo và định dạng văn bản.
- **Show on Front Page:** Cho phép Content này được hiển thị trên trang chính.
- **Published:** Cấp quyền xuất bản (hiển thị) cho Content này, **không đánh dấu:** tạo nhưng không xuất bản, **đánh dấu:** tạo và có xuất bản.
- **Access Level:** Chọn cấp độ cho phép người dùng xem Content này. **Public:** cho phép bất cứ người nào cũng có thể xem, **Registered:** chỉ có những người đã đăng nhập (thành viên) mới được xem, **Special:** Chỉ có Quản trị và các thành viên cao cấp mới được phép xem.



- Chọn **Save** để lưu Content này lại.

Đây là các nguyên tắc cơ bản để tạo các cấp quản lý và nội dung cho Web Site, phần tạo Content (nội dung) còn có các chức năng khác nữa sẽ được đề cập chi tiết trong các bài sau.



# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 19

### Quản lý Menu trong Joomla 1.5.x

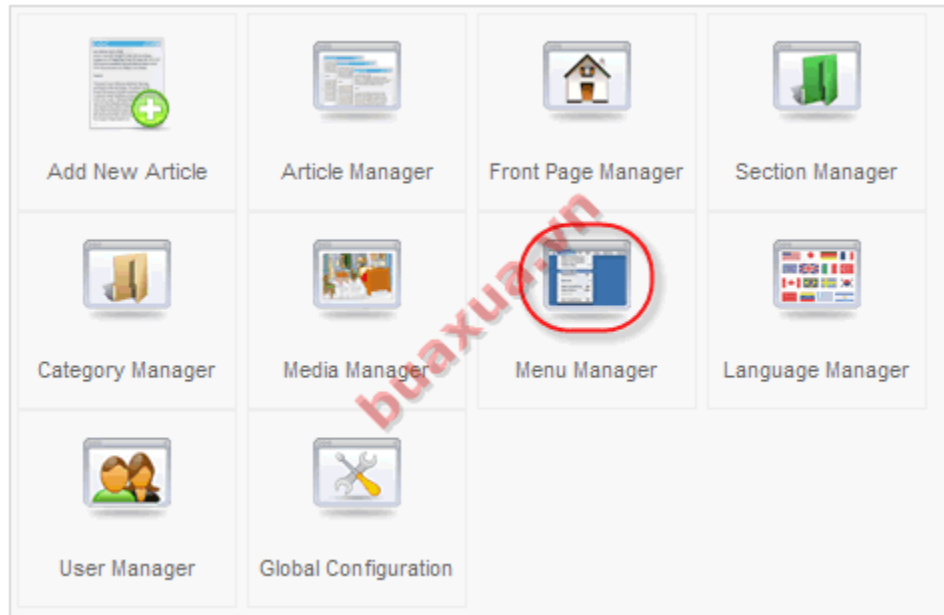
Quản lý Menu trong phiên bản Joomla! 1.5.x có một số tính năng mới, một trong những tính năng đó là cho phép người sử dụng thay đổi các kiểu hiển thị của Menu Item một cách dễ dàng mà không cần phải xóa đi và tạo lại như trong Joomla! 1.0.x.

Trong Joomla! Menu là một bảng danh mục chứa các Menu Item, Menu Item là những mục Menu dùng để truy cập vào các chuyên mục của trang web. Mỗi menu được hiển thị trên trang web thông qua Module của nó. Joomla! cho phép tạo ra nhiều Menu và mỗi Menu có thể chứa nhiều Menu Item giống hoặc khác nhau. Sau đây là cách quản lý Menu trong Joomla! 1.5.x:

#### Cách tạo và sửa Menu:

- Trong cửa sổ **Control Panel** của phần Quản trị (Admin) chọn **Menu Manager**.









Trong **Menu Manager** có các nút lệnh như sau:



- **Copy:** Sao chép Menu, đánh dấu chọn Menu và nhấn vào nút **Copy** để sao chép Menu này thành 1 cái nữa. Đặt tên cho **Menu** và **Module**, toàn bộ các Menu Item trong Menu này (nếu có) cũng sẽ được Copy.

 **Copy Menu**   

**New Menu Title:**





**New Module Name:**

**Menu being Copied:**  
mainmenu

**Menu Item(s) being copied:**

1. FAQ
2. Home
3. Joomla! License
4. Joomla! Overview
5. More about Joomla!
6. News Feeds
7. The News
8. Web Links
9. What's New in 1.5?

- **Delete:** Xóa Menu, đánh dấu chọn Menu và nhấn vào nút **Delete** để xóa. Sẽ xuất hiện thông báo là tất cả các **Menu Item** trong Menu này sẽ bị xóa hết, nhấn **Delete** nếu đồng ý xóa.

 **Menu: [ Delete ]**   

**Module(s) being deleted:**

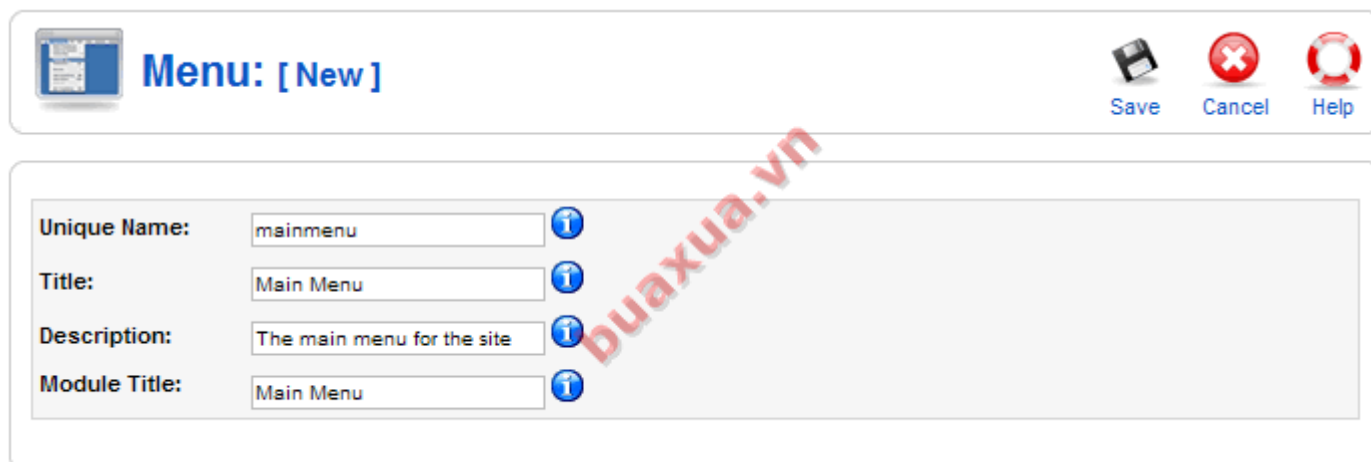
1. Example Pages

**Menu Item(s) being deleted:**

1. Category Blog
2. Category Table
3. Section Blog
4. Section Table

- **Edit:** Sửa Menu, đánh dấu chọn Menu và nhấn vào nút **Edit** để sửa các thông số của Menu, chỉ sửa được **Unique Name**, **Title** và **Description**, còn **Module Title** sẽ được sửa trong phần quản lý Module.
- **New:** Tạo Menu mới bằng cách nhấn vào nút **New** và nhập các thông số cho Menu mới này như sau:

e



Menu: [New]

Save Cancel Help

Unique Name: mainmenu ⓘ

Title: Main Menu ⓘ

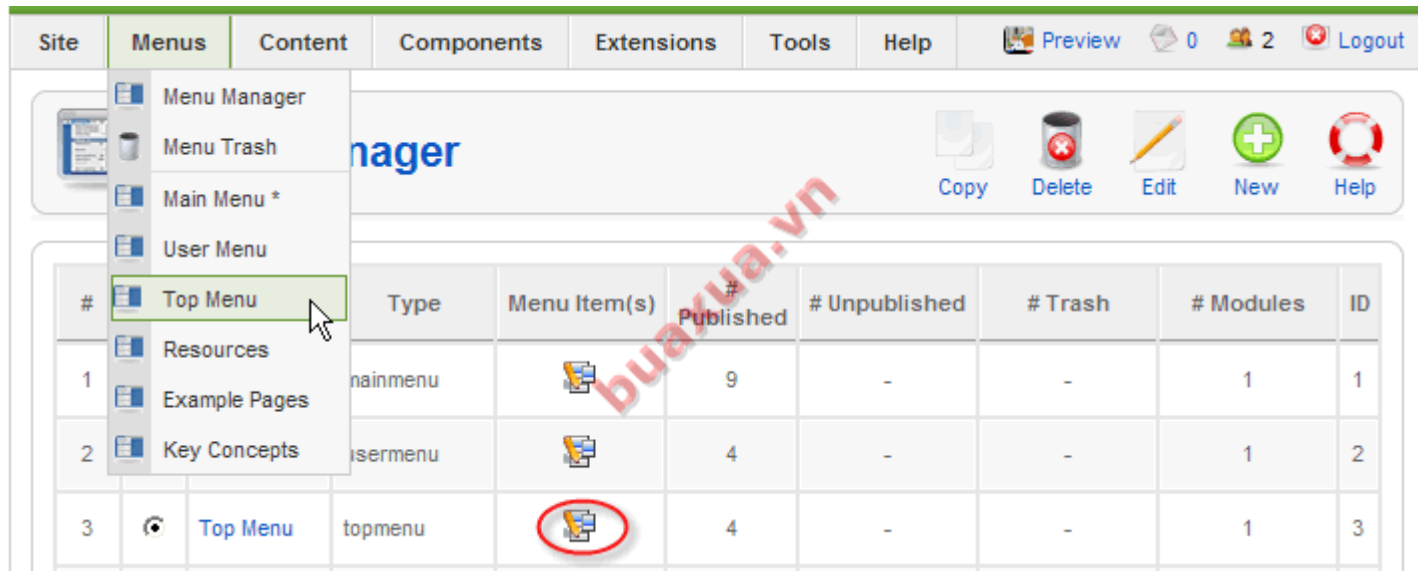
Description: The main menu for the site ⓘ

Module Title: Main Menu ⓘ

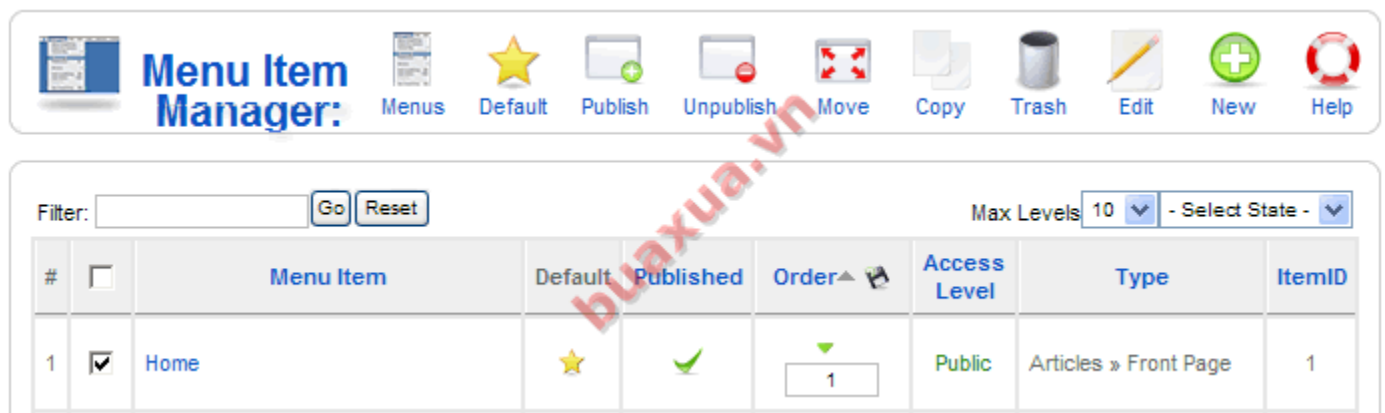
- **Unique Name:** Đây là tên danh định mà Joomla! sử dụng để nhận dạng trong phần xử lý mã lệnh, tên này là duy nhất và tên này không có khoảng trống giữa các ký tự.
- **Title:** Tên của Menu được đặt tùy ý.
- **Description:** Miêu tả, chú thích cho Menu tùy ý.
- **Module Title:** Tên của Module, mặc nhiên mỗi khi một Menu được tạo ra thì Joomla! cũng tạo thêm một Module tương ứng với nó. Module này dùng để hiển thị Menu trên trang Web và được quản lý trong phần Module Manager.

### Cách tạo và sửa Menu Item:

- Truy cập vào **Menus** và chọn Menu muốn tạo thêm **Menu Item** hoặc trong **Menu Manager** nhấn vào biểu tượng **Edit Menu Item** tương ứng với Menu.



Trong **Menu Item Manager** có các nút lệnh sau:



- **Menus:** Truy cập **Menu Manager**
- **Default:** Chọn **Menu Item** mặc định làm trang chủ, đây là trang xuất hiện đầu tiên khi truy cập vào địa chỉ của trang web. Joomla! 1.5.x cho phép chọn bất kỳ Menu Item nào làm trang chủ mà không nhất thiết Menu Item đó phải được đặt ở trên cùng. Chọn Menu Item nào muốn đặt làm trang chủ và nhấn **Default**, Menu Item đó sẽ được đánh dấu sao.
- **Publish:** Cho phép hiển thị và sử dụng Menu Item.
- **Unpublish:** Không cho phép hiển thị và sử dụng Menu Item.
- **Move:** Di chuyển Menu Item sang Menu khác.
- **Copy:** Sao chép thêm Menu Item sang Menu khác.
- **Trash:** Xóa Menu Item, Menu Item bị xóa sẽ được lưu trong thùng rác và được quản lý thông qua **Menu Trash**.

- **Edit:** Sửa các thông số và thay đổi kiểu của Menu Item.
- **New:** Tạo Menu Item mới.

### **Menu Trash:**

Các Menu Item bị xóa sẽ được lưu trữ trong **Menu Trash**. Trong phần quản lý **Menu Trash Manager**, chọn Menu Item và nhấn **Restore** nếu muốn phục hồi lại hoặc nhấn **Delete** để xóa hẳn luôn.

The screenshot shows the Joomla! administration interface. The top navigation bar includes 'Site', 'Menus', 'Content', 'Components', 'Extensions', 'Tools', and 'Help'. The 'Menus' tab is selected, and a sub-menu is open with 'Menu Trash' highlighted. The main content area is titled 'Menu Trash Manager: [Menu Items]'. It features a 'Filter' section on the left with a 'Reset' button. Below the filter is a table with the following data:

#	Name	ID	Menu	Type
1	log	46	ExamplePages	component
2	<input type="checkbox"/> Category Table	47	ExamplePages	component
3	<input type="checkbox"/> Section Table	45	ExamplePages	component

On the right side of the table, there are three buttons: 'Restore' (with a floppy disk icon), 'Delete' (with a trash can icon), and 'Help' (with a lifebuoy icon).

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 20

### Cách tạo liên kết cho trang Web Joomla! và Diễn đàn SMF

Joomla! và SMF là hai hệ thống được cài đặt và chạy độc lập nên các hoạt động của chúng không liên quan với nhau. Việc này sẽ bất tiện khi muốn truy cập vào Diễn đàn từ trang Web và ngược lại, do đó cần phải tạo liên kết cho chúng.

Có nhiều cách để tạo liên kết cho Joomla! và SMF với nhau như cài đặt thêm thành phần mở rộng (Component) có chức năng làm cầu nối (Bridge) giữa Joomla! và SMF. Cách kết hợp này cho phép sử dụng chung Tên (Username), Mật khẩu (Password) để đăng nhập (Login) vào trang Web và Diễn đàn. Tuy nhiên theo nhận xét của nhiều người thì việc kết hợp bằng cách này sẽ làm giảm khả năng bảo mật của trang Web và các thành phần mở rộng này thường phải mua chứ không được sử dụng miễn phí. Có thể dễ dàng tìm các thành phần mở rộng này bằng từ khóa "**Joomla! SMF Bridge**".

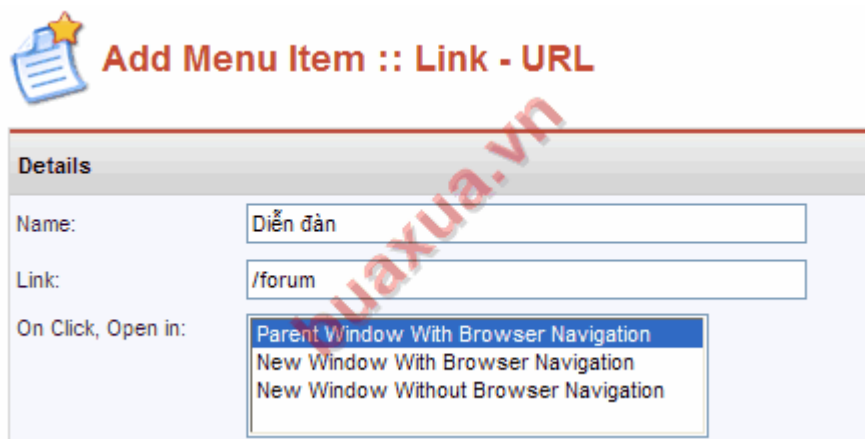
Bài viết này sẽ hướng dẫn cách tạo liên kết cho trang Web **Joomla! 1.0.x** và Diễn đàn **SMF 1.1.x** bằng cách tạo Menu liên kết giữa chúng với nhau.

#### Cách tạo Menu liên kết từ Joomla! đến SMF:

- Trong phần Quản trị (Admin) của Joomla! chọn **Menu** -> **Mainmenu** để tạo Menu "**Diễn đàn**" trong Menu chính.
- Trong **Menu Manager [mainmenu]** nhấn vào nút **New** để tạo thêm một Menu mới.
- Trong **New Menu Item** chọn **Link** chọn **Link-Url** để tạo Menu kiểu liên kết đến địa chỉ Web.



- Trong **Add Menu Item :: Link - URL**:



- Nhập tên cho Menu vào mục **Name**.
- Nhập địa chỉ của Diễn đàn SMF vào mục **Link**, có thể nhập địa chỉ tuyệt đối (<http://buaxua.vn/forum>) hoặc địa chỉ tương đối (</forum>). Trong đó **forum** chính là thư mục đã cài đặt SMF.
- Chọn kiểu mở trang tùy ý trong mục **On click, Open in**: **Parent** là mở trong cửa sổ hiện tại, **New Windows** là mở trong một cửa sổ mới.

- Sau khi chọn xong nhấn nút **Save** để lưu lại, có thể sắp xếp thứ tự cho Menu vừa tạo tùy ý. Xem thêm bài hướng dẫn [Quản lý Menu trong Joomla! 1.0.x](#).

Ngoài ra có thể tạo thêm Menu "**Diễn đàn**" trong Menu nằm ngang phía trên hoặc dưới (Top Menu) bằng cách chọn **Menu -> topmenu** và làm các bước giống như trên.

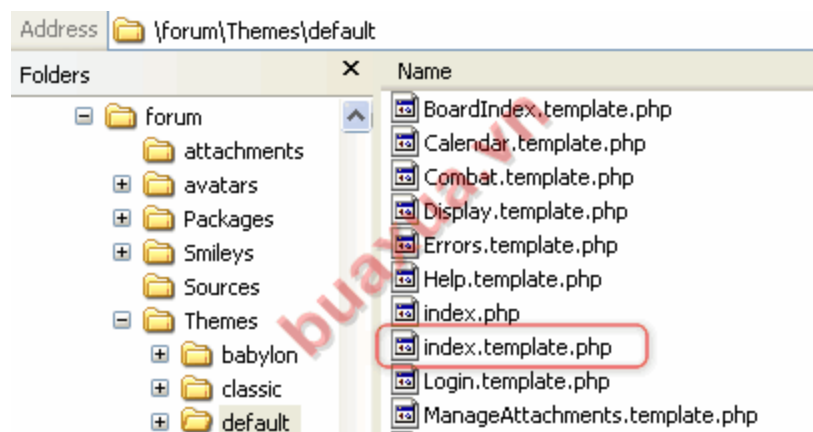
Bây giờ trên trang Web đã có Menu **Diễn đàn**, khi nhấn vào Menu này sẽ truy cập vào trang Diễn đàn.



### Cách tạo Menu liên kết từ SMF đến Joomla!:

Do SMF không có cơ chế quản lý Menu giống Joomla! nên việc này cần phải sửa lại **Them** của SMF.

- Mở file **index.template.php** nằm trong thư mục của **Them** đang sử dụng cho SMF (**/forum/Themes/default/**).



- Tìm dòng ghi chú **// Show the [home] button** (khoảng dòng 520)



```

514 // Show the start of the tab section.
515 echo '
516 <table cellpadding="0" cellspacing="0" border="0" style="margin-left:
      10px;">
517 <tr>
518 <td class="maintab_' , $first , "'>&nbsp;</td>';
519
520 // Show the [home] button.
521 echo ($current_action=='home' || $context['browser']['is_ie4']) ? '<td
      class="maintab_active_' . $first . "'>&nbsp;</td>' : " , '
522 <td valign="top" class="maintab_' , $current_action == 'home' ?
      'active_back' : 'back' , "'>
523 <a href="" , $scripturl , "'>' , $txt[103] , '</a>
524 </td>' , $current_action == 'home' ? '<td class="maintab_active_' .
      $last . "'>&nbsp;</td>' : " ;
525
526 // Show the [help] button.
527 echo ($current_action == 'help' || $context['browser']['is_ie4']) ? '<td
      class="maintab_active_' . $first . "'>&nbsp;</td>' : " , '

```

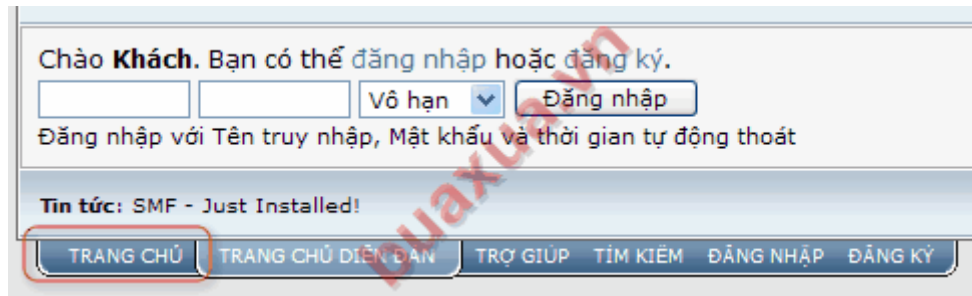
- Sau đó thêm đoạn mã như trong hình vào phía trước và thay địa chỉ **http://localhost/** bằng địa chỉ của trang web (**http://buaxua.vn/**) và đặt tên cho **Trang chủ** tùy ý (sử dụng mã Unicode).

```

514 // Show the start of the tab section.
515 echo '
516 <table cellpadding="0" cellspacing="0" border="0" style="margin-left:
      10px;">
517 <tr>
518 <td class="maintab_' , $first , "'>&nbsp;</td>';
519
520 // Show the [site] button.
521 echo '
522 <td align="center" class="maintab_back">
523 <a href="http://localhost">Trang chủ</a>
524 </td>';
525
526 // Show the [home] button.
527 echo ($current_action=='home' || $context['browser']['is_ie4']) ? '<td
      class="maintab_active_' . $first . "'>&nbsp;</td>' : " , '
528 <td valign="top" class="maintab_' , $current_action == 'home' ?
      'active_back' : 'back' , "'>
529 <a href="" , $scripturl , "'>' , $txt[103] , '</a>
530 </td>' , $current_action == 'home' ? '<td class="maintab_active_' .
      $last . "'>&nbsp;</td>' : " ;
531
532 // Show the [help] button.
533 echo ($current_action == 'help' || $context['browser']['is_ie4']) ? '<td

```

- Bây giờ trên |Diễn đàn đã có thêm một Menu **Trang chủ** để quay trở lại trang Web.



- Nếu muốn sửa tên các Menu của SMF hãy mở tập tin **index.vietnamese-utf8.php** nằm trong thư mục **languages** của **Them** đang sử dụng (**/forum/Themes/default/languages/**) và sửa các chữ tiếng Việt (mã Unicode) trong đó.

Ngoài ra có một số trang Web còn thay thế cả phần đầu (Header) và màu sắc để tạo nên sự đồng nhất cho giao diện của Joomla! và SMF, để làm việc này cần phải biết cách sửa lại mã Template của Joomla! và Them của SMF.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 22

### Các kiểu Menu Item trong Joomla! 1.5.x

Menu Item là những mục Menu cho phép người sử dụng truy cập vào các chuyên mục của trang web. Joomla! cho phép tạo ra nhiều Menu Item giống hoặc khác nhau với các kiểu hiển thị có các chức năng đa dạng. Sau đây là cách tạo một số Menu Item cơ bản:

Trong **Menu Item Manager** chọn **New** để tạo Menu Item mới.

#	<input type="checkbox"/>	Menu Item	Default	Published	Order	Access Level	Type	ItemID
1	<input checked="" type="checkbox"/>	Home	★	✓	1	Public	Articles » Front Page	1

Trong **Menu Item: [New]** có các kiểu Menu Item sau:

- Tạo Menu Item hiển thị nội dung - Article:



- Tạo Menu Item hiển thị phần liên hệ - Contact:



- Tạo Menu Item cấp tin News Feeds:

#### Select Menu Item Type



- Tạo Menu User dành cho thành viên:

#### Select Menu Item Type



- Tạo Menu Item Liên kết Web - Web Link:

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 22

### Các kiểu Menu Item trong Joomla! 1.5.x

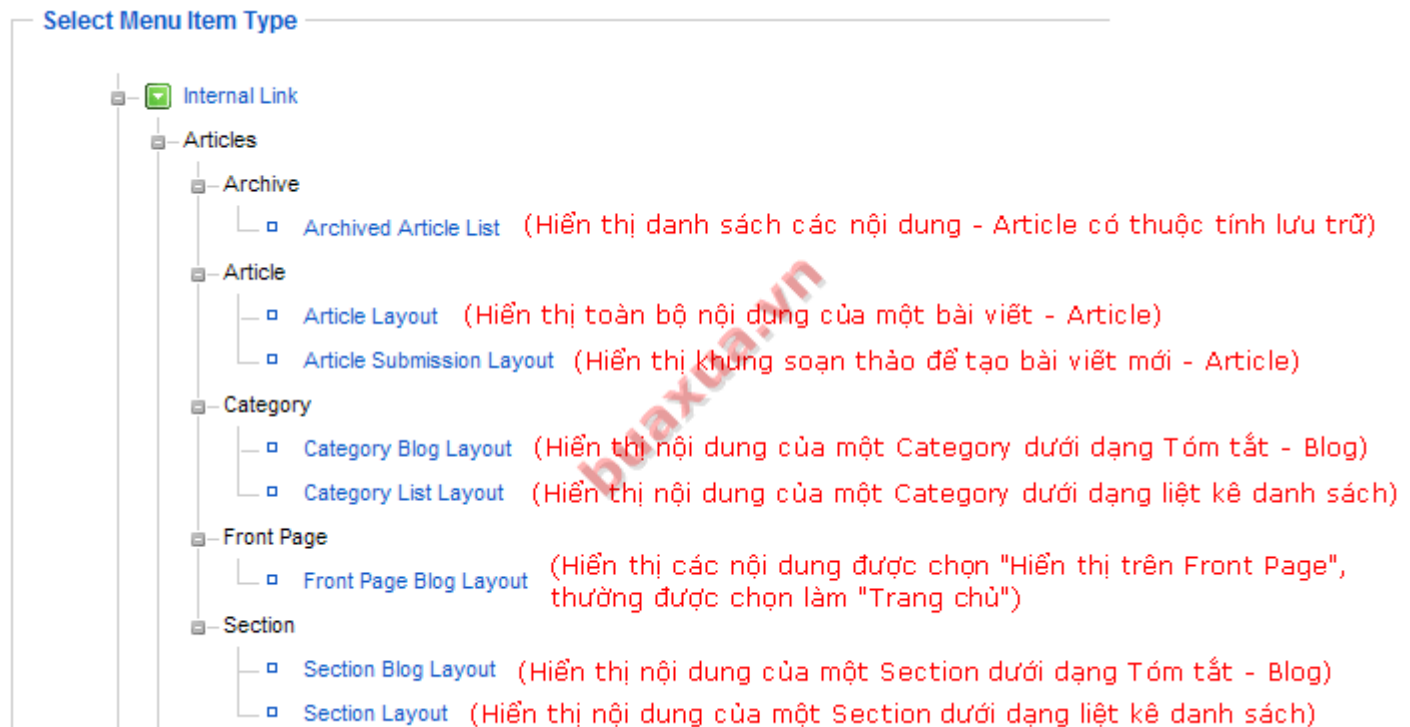
Menu Item là những mục Menu cho phép người sử dụng truy cập vào các chuyên mục của trang web. Joomla! cho phép tạo ra nhiều Menu Item giống hoặc khác nhau với các kiểu hiển thị có các chức năng đa dạng. Sau đây là cách tạo một số Menu Item cơ bản:

Trong **Menu Item Manager** chọn **New** để tạo Menu Item mới.

#	<input type="checkbox"/>	Menu Item	Default	Published	Order	Access Level	Type	ItemID
1	<input checked="" type="checkbox"/>	Home			1	Public	Articles » Front Page	1

Trong **Menu Item: [New]** có các kiểu Menu Item sau:

- Tạo Menu Item hiển thị nội dung - Article:



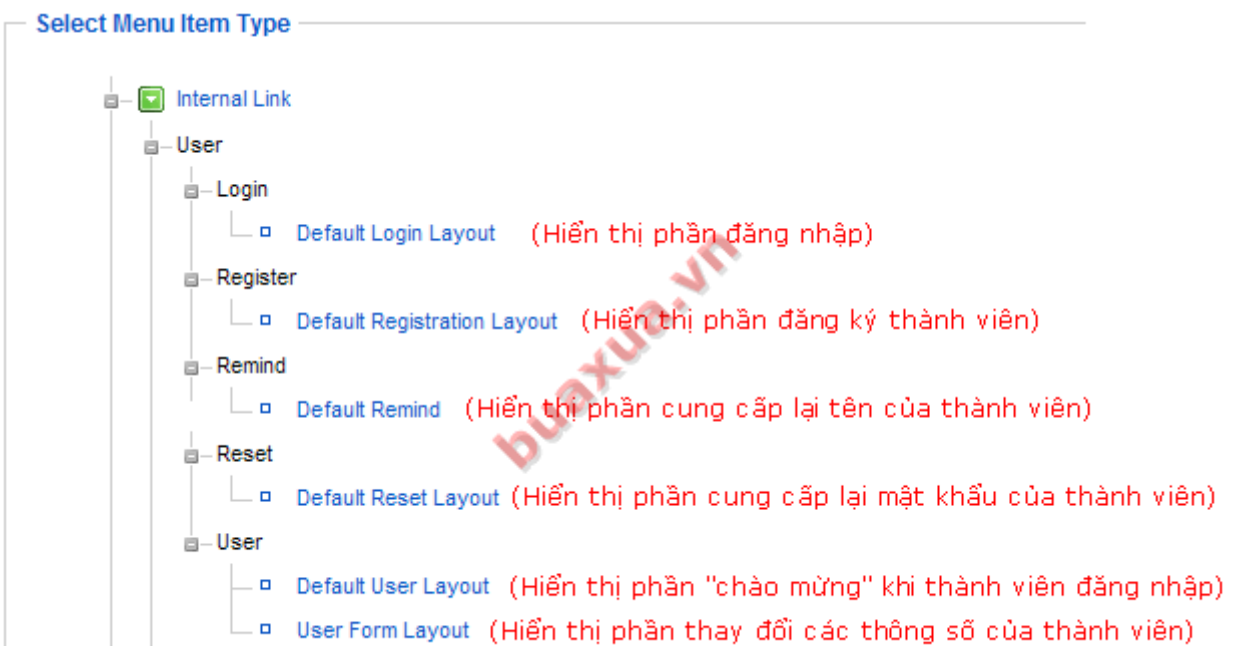
- Tạo Menu Item hiển thị phần liên hệ - Contact:



- Tạo Menu Item cập tin News Feeds:



- Tạo Menu User dành cho thành viên:



- Tạo Menu Item Liên kết Web - Web Link:





- Tạo các kiểu Menu Item khác:



### **Các thiết lập cơ bản của Menu Item:**

**Menu Item Type** Change Type

## Front Page Blog Layout

The Standard Front Page Blog Layout displays Articles, that have been set as Front Page Articles, in a Blog format.

---

**Menu Item Details**

ID:	1
Title:	Home
Alias:	home
Link:	index.php?option=com_content&view=frontpag
Display in:	Main Menu
Parent Item:	<ul style="list-style-type: none"><li>Top</li><li>Joomla! Overview<ul style="list-style-type: none"><li>- What's New in 1.5?</li></ul></li><li>Joomla! License</li><li>More about Joomla!</li><li>FAQ</li><li>The News</li><li>Web Links</li><li>News Feeds</li><li>Joomla</li></ul>
Published:	<input type="radio"/> No <input checked="" type="radio"/> Yes
Order:	1 (Home)
Access Level:	<ul style="list-style-type: none"><li>Public</li><li>Registered</li><li>Special</li></ul>
On Click, Open in:	<ul style="list-style-type: none"><li>Parent Window with Browser Navigation</li><li>New Window with Browser Navigation</li><li>New Window without Browser Navigation</li></ul>

- **ID:** Đây là mã số danh định của Menu Item, được đánh số tự động.
- **Title:** Tên của Menu Item, tên này sẽ xuất hiện trên Menu của trang Web.
- **Alias:** Tên dành cho Joomla! quản lý, có thể tự đặt còn nếu để trống thì Joomla! sẽ tự đặt theo Title nhưng không có dấu và khoảng cách. Tên này thường dùng trong chức năng SEO/SEF.
- **Link:** Địa chỉ liên kết của Menu Item này.
- **Display in:** Chọn hiển thị trong Menu nào.

- **Parent Item:** Chọn cấp độ cho Menu Item, **Top** là cao nhất còn nếu chọn tên Menu Item nào thì Menu Item này sẽ là Menu Item phụ (Sub) của Menu Item được chọn.
- **Published:** Trạng thái hiển thị để sử dụng, **No** là không hiển thị và **Yes** là hiển thị.
- **Order:** Sắp xếp thứ tự vị trí cho Menu Item, thứ tự này có thể thay đổi được trong **Menu Item Manager**.
- **Access Level:** Chọn mức độ truy cập, **Publish:** bất cứ ai cũng truy cập được Menu Item này, **Registered:** Những thành viên sau khi đăng nhập mới truy cập được, **Special:** Chỉ có các thành viên được cấp quyền đặc biệt mới truy cập được.
- **On Click, Open in:** Chọn các trạng thái mở của trình duyệt khi nhấn vào Menu Item này.

### Lưu ý:

- Trong mỗi kiểu **Menu Item** sẽ có các thông số cơ bản giống nhau và các thông số riêng của từng kiểu Menu Item.
- Khi cài đặt thêm các Component cho Joomla! thì tên của chúng sẽ xuất hiện trong **Menu Item: [New]**, muốn hiển thị các Component này thì phải tạo Menu Item cho chúng.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 23

### Cách tạo liên kết thân thiện cho Joomla! 1.0.x

Trong Joomla! mặc nhiên địa chỉ liên kết của các Menu và Section, Category, Content,... sẽ hiển thị dưới dạng lệnh và ID mà không hiển thị tên của bài viết. Điều này sẽ khiến cho các địa chỉ liên kết trở nên không đẹp, khó nhớ và nhất là không gợi lên được nội dung của bài viết khi hiển thị trong các trang tìm kiếm.

Bài viết này sẽ hướng dẫn cách tạo địa chỉ liên kết (Link) thân thiện (SEO/SEF) cho Joomla! 1.0.x với **sh404SEF**, đây là một thành phần mở rộng (Component) dành cho Joomla!, tải về và sử dụng miễn phí [sh404SEF](#).

Ưu điểm của sh404SEF là dễ cài đặt và sử dụng, có nhiều thông số lựa chọn để hiển thị Link theo ý thích và chế độ Cache giúp tăng tốc độ truy xuất dữ liệu SEF, các chức năng tăng cường bảo mật cho trang web... Tuy nhiên **sh404SEF** chỉ hoạt động hiệu quả trên máy chủ Web (Server) sử dụng hệ điều hành **Linux**, hỗ trợ **.htaccess** và **mod\_rewrite=on**. Không sử dụng được trên hệ điều hành **Windows**.

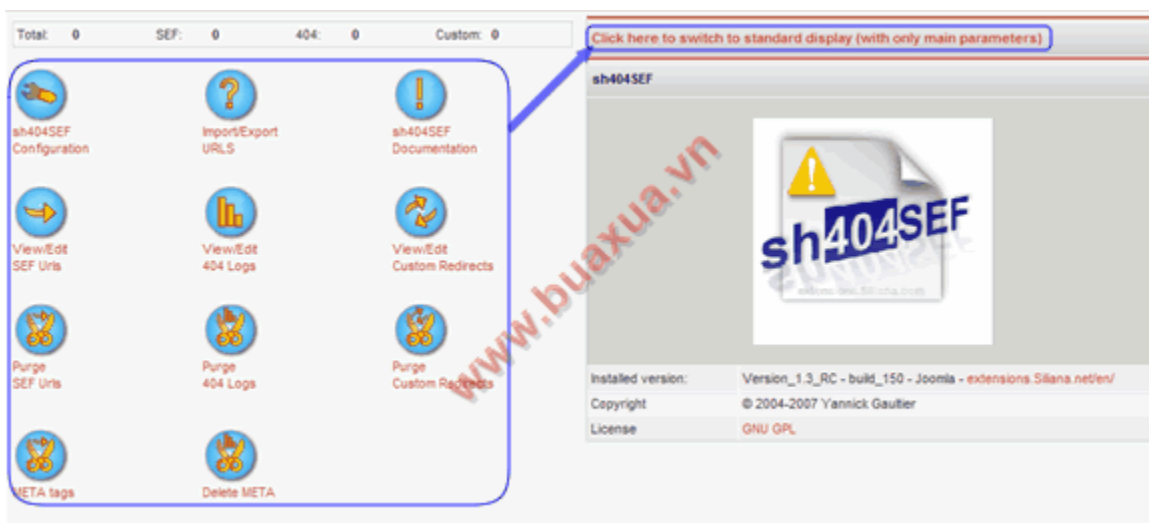
#### Cài đặt:

Cài đặt **sh404SEF** bình thường như các Component khác. Sau khi cài đặt bạn sẽ có Component **sh404SEF** và Module **sh404SEF Custom tags module**.

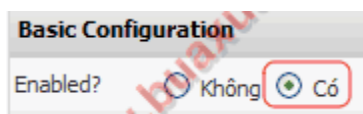
#### Cấu hình:

- Truy cập Menu **Components** -> **sh404SEF**
- Nhấn vào dòng chữ **Click here to switch to extended display (with all available parameters)** chuyển sang chế độ mở rộng của

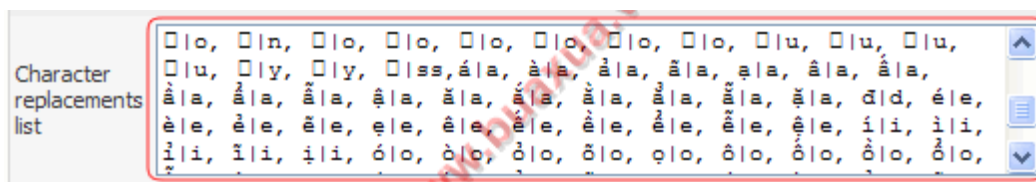
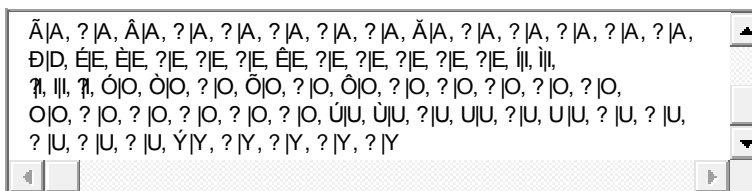
**sh404SEF** để khi vào **sh404SEF Configuration** mới xuất hiện tab **Advanced**.



- Chọn **sh404SEF Configuration** để thiết lập thông số cho **sh404SEF**.
- Trong Tab **Main**, mục **Enabled?** bạn chọn là **Có** để cho phép **sh404SEF** hoạt động.



- Trong **Character replacements list** copy và chèn thêm các ký tự sau đây vào tiếp theo sau các ký tự có sẵn:



- Trong **Use Title Alias?** chọn **Full Title**

Use Title Alias?  Full Title  Title Alias

- Trong **Apply to which categories?** chọn **All Categories**

Apply to which categories?

- All categories
- FAQs / Examples
- Newsflashes / Newsflash
- News / Latest

- Các mục còn lại để nguyên, không đụng tới.
- Chuyển qua **Tab Advanced**, trong phần **Activate URL cache** chọn **Có** (cái này sẽ giúp giúp tăng tốc độ truy xuất dữ liệu SEF, nếu không thích có thể chọn **không**).

Main Plugins Languages **Advanced** By component Meta/SEO Security

**Cache management**

Activate URL cache  Không  Có ⓘ

Cache size  ⓘ

**Advanced Component Configuration**

Rewriting mode?  ⓘ

- Trong **Rewriting mode?** chọn **With .htaccess (mod\_rewrite)** để sử dụng file **.htaccess** -> chức năng này sẽ làm mất đi chữ **index.php** trong Link.
- Các phần còn lại để nguyên, không chỉnh sửa.
- Nhấn nút **Save** để lưu các thay đổi vừa thiết lập, nếu xuất hiện bảng cảnh báo xóa Cache nhấn **Ok** để đồng ý và sau đó nhấn **Proceed**.

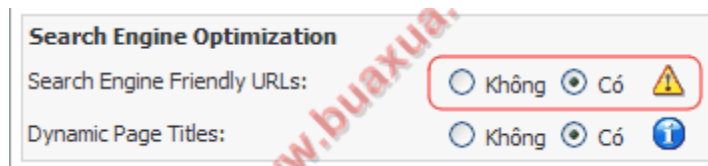
**WARNING!!!**  
You are about to delete 43 records

Proceed

- Tải file [htaccess](#) này về giải nén và copy file **.htaccess** vào thư mục gốc cài đặt Joomla.



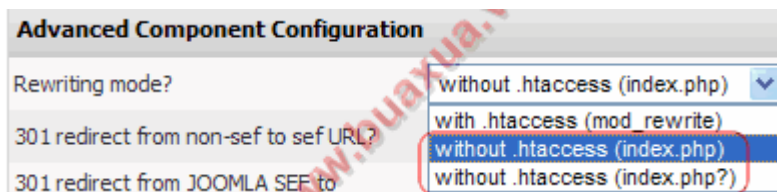
- Vào **Site** - > **Global Configuration** -> **SEO** -> **Search Engine Friendly URLs** -> chọn **Có** -> **Save**



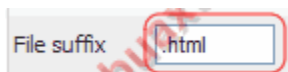
Tới đây coi như xong phần cơ bản, nếu làm đúng các bước như trên thì trang web sẽ có đường link như sau: <http://yourdomain.com/ten-category/ten-bai-viet.html>

### Các thông số thiết lập khác:

- Nếu Server không hỗ trợ hoặc không muốn dùng file **.htaccess** và **mod\_rewrite=on** thì trong Tab **Advanced** -> **Rewriting mode?** chọn **Without .htaccess (index.php)** hoặc **Without .htaccess (index.php?)** -> Kiểu này vẫn giữ lại chữ **index.php** hoặc **index.php?** trong Link (<http://yourdomain.com/index.php/ten-category/ten-bai-viet.html> )



- Muốn bỏ phần đuôi **.html** thì xóa **.html** (để trống) trong Tab **Main** - > **File suffix** hoặc có thể thay bằng các đuôi **.htm.php.html** Nếu muốn thay bằng đuôi khác như ý thì phải bổ sung đuôi vào file **.htaccess**



**Td:** muốn thêm đuôi **.vip** thì mở file **.htaccess** tìm đến dòng:  
`RewriteCond %{REQUEST_URI} (/\.\htm|\.\php|\.\html|/[^.]*)$ [NC]`

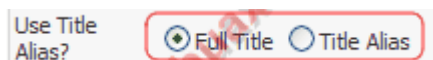
Thêm vào thành:

`RewriteCond %{REQUEST_URI} (/\.\htm|\.\php|\.\html|\.\vip|/[^.]*)$ [NC]`

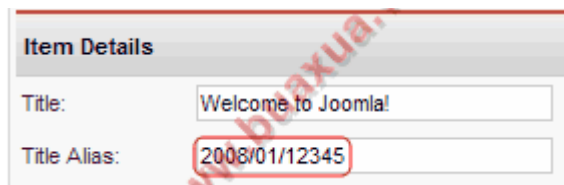
Link sẽ có dạng:

<http://yourdomain.com/ten-category/ten-bai-viet.vip>

- Nếu muốn Link có dạng ngày, tháng, năm, hoặc mã số tùy theo ý thích thì trong Tab **Main** -> **Use Title Alias?** chọn **Alias**



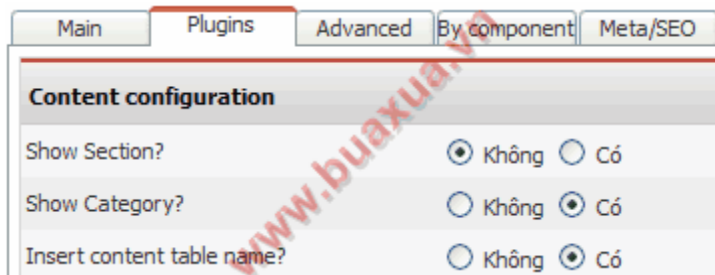
Sau đó đặt lại tên **Title Alias** của các **Content** thành mã số tùy ý. Link sẽ có dạng: <http://yourdomain.com/2008/01/12345>.



- Nếu muốn tự động thêm mã số **ngày tháng năm** và **ID** vào Link thì trong Tab **Main** -> **Unique ID** chọn **Có**. Link sẽ có dạng: <http://yourdomain.com/2008010123/ten-category/ten-bai-viet.html>

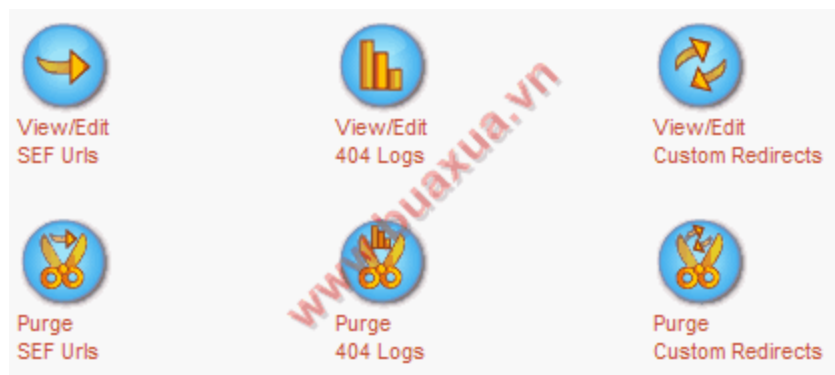


- Muốn hiển thị hay ẩn tên của Section, Category,... trong Link thì thiết lập trong Tab **Plugins**. (<http://yourdomain.com/ten-bai-viet.html>)





- Trong quá trình sử dụng nếu có thay đổi cấu hình của sh404SEF hoặc thay đổi tên, vị trí của các **Section**, **Category**, **Content** thì dùng các chức năng **Xem/Sửa** hoặc **Xóa** các Link cũ được **sh404SEF** ghi nhớ trong bộ nhớ Cache để cập nhật lại Link mới.

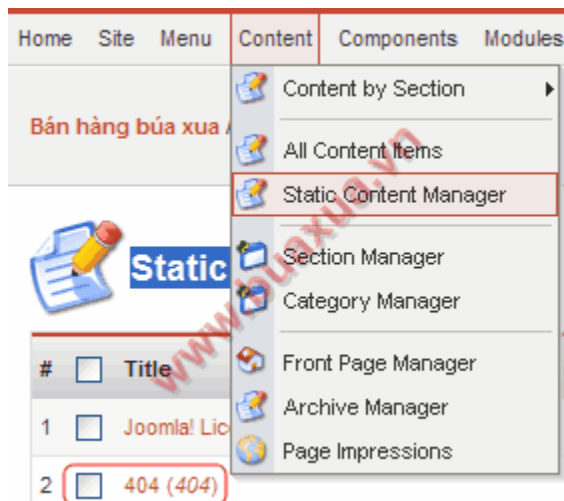


**View/Edit/ SEF Urls:** Xem/Sửa các Link thân thiện đã được sh404SEF tạo ra và lưu trữ trong bộ nhớ Cache. **Purge SEF Urls** là xóa các Link này để sh404SEF tạo ra các Link mới.

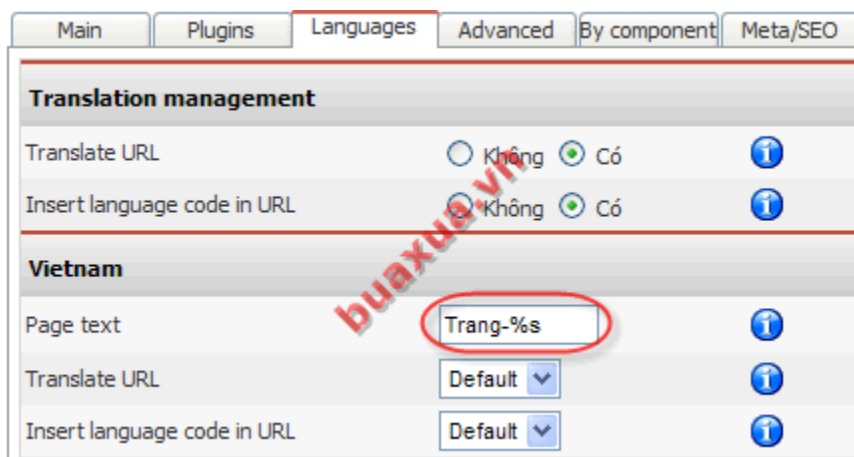
**View/Edit/ 404 Logs:** Xem/Sửa các Link bị lỗi đã được sh404SEF ghi nhận và lưu trữ trong bộ nhớ Cache. **Purge 404 Logs** là xóa các Link lỗi này để sh404SEF tạo ra các Link mới.

**View/Edit/ Custom Redirects:** Xem/Sửa các Link thân thiện tự tạo ra và lưu trữ trong bộ nhớ Cache. **Purge Custom Redirects** là xóa các Link tự tạo này.

- Muốn sửa trang thông báo lỗi **404** thì có thể sửa trong **sh404SEF Configuration -> 404 Page** hoặc truy cập vào Menu **Content -> Static Content Manager -> chọn Item 404**, có thể thay đổi nội dung bằng tiếng Việt và trang trí tùy thích.



- Nếu muốn thay đổi chữ **Page** thành **Trang** nằm phía sau khi một liên kết có nhiều trang thì sửa trong tab **Languages** như trong hình.



- Hãy thử **Publish** Module **sh404SEF Custom tags module** để thấy sự khác biệt về việc hiển thị tiêu đề của các Liên kết, có thể chỉnh sửa trong Module này tùy ý.

Ngoài ra **sh404SEF** còn nhiều thông số thiết lập và các chức năng hỗ trợ riêng cho các Component khác, tùy theo nhu cầu sử dụng mà thay đổi cho phù hợp.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

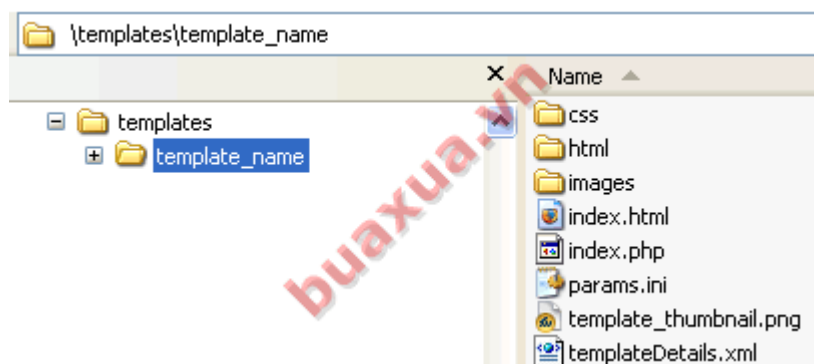
## Part 24

### Cơ bản về Template của Joomla! 1.5.x

Template của Joomla! 1.5.x không còn đơn giản chỉ là giao diện của trang web, các cải tiến trong phiên bản này cho phép Template có nhiều tính năng hơn, cho phép thay đổi các thông số về độ rộng, màu sắc,... trong phần quản lý Template.

Joomla! 1.5.x cũng có Temp dành cho Frontpage gọi là **Site Template** và dành phần Quản trị (Admin) gọi là **Administrator Template**, sau đây là cơ bản về Site Template của Joomla! 1.5.x

#### Cấu trúc:

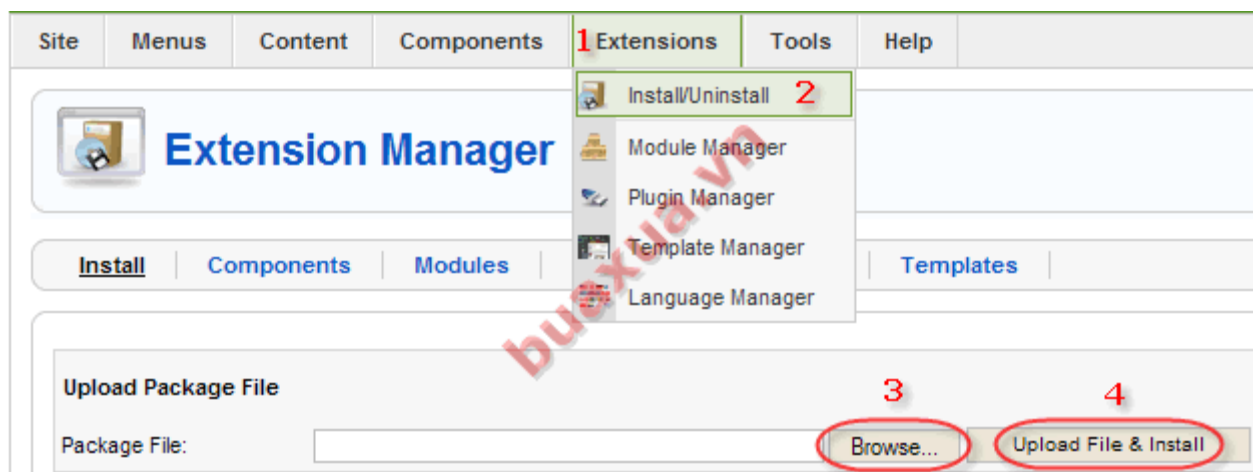


- **template\_name**: Thư mục chính thường được đặt tên của Temp.
- **css**: Thư mục chứa các tập tin bảng kiểu với các thông số định dạng cho Temp, trong đó có tập tin chính có tên là **template.css** và có thể được bổ sung thêm một số tập tin **css** khác.
- **html**: Thư mục chứa các tập tin dùng để thay đổi hoặc định dạng lại cho các thành phần mở rộng của Joomla!, có thể không cần nếu không muốn thay đổi.
- **images**: Thư mục chứa các tập tin hình ảnh của Temp.

- **index.html**: Tập tin ngăn sự truy cập trực tiếp vào thư mục của Temp.
- **index.php**: Tập tin chính sử dụng mã PHP tạo nên cấu trúc của Temp.
- **params.ini**: Tập tin lưu các thông số mặc định của Temp, được thiết lập trong phần quản lý Temp.
- **template\_thumbnail.png**: Tập tin ảnh dùng để cho xem hình dạng của Temp.
- **templateDetails.xml**: Tập tin chứa các thông tin và thông số liên quan đến Temp được dùng khi cài đặt và quản lý Temp.
- Ngoài ra còn có thể có một thư mục **js** chứa các tập tin mã lệnh sử dụng trong Template.

### Cài đặt:

Template của Joomla! 1.5 thường được đóng gói dưới dạng nén zip và được cài đặt thông qua Menu **Extensions (1) -> Install/Uninstall (2) -> Browse (3) -> Chọn gói Temp -> Open -> Upload File & Install (4)**



### Sử dụng:

- Chuyển sang Temp mới vừa cài đặt bằng cách truy cập Menu **Extensions (1) -> Template Manager (2) -> Site (3) -> chọn Temp mới vừa cài (4) -> Nhấn Default để chọn làm Temp mặc định (5) -> Temp mặc định sẽ có dấu sao (6)**

#		Template Name	Default	Assigned	Version
1		beez			1.0.0
2	4	rhuk_milkyway	6		1.1.0.7

- Thay đổi thông số bằng cách nhấn vào tên của Temp, sẽ có các nút chức năng dùng để chỉnh sửa tập tin **index.php** và **template.css**, ngoài ra tùy theo Temp sẽ cho phép chỉnh khác các thông số như độ rộng, màu sắc,...

**Parameters**  
The Parameter-File \templates\rhuk\_milkyway\params.ini is **Writable!**

Color Variation	Blue
Background Variation	Blue
Template Width	Fluid with maximum

- Nếu muốn thay đổi Temp khác cho một vài trang (Menu) thì sau khi cài đặt Temp khác, trong phần Template Manager nhấn vào tên của Temp để mở ra, đánh dấu vào **Select from List** và chọn **Menu**, có thể chọn nhiều **Menu** khác nhau bằng cách nhấn phím **Ctrl** trên bàn phím và nhấn nút trái chuột vào các **Menu** đó.

**Details**

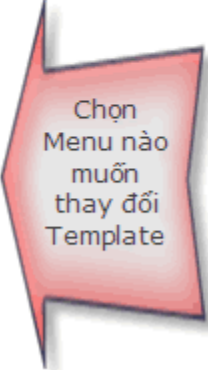
Name:	Beez
Description:	Accessible template for Joomla! 1.5

**Menu Assignment**

Menus:  None  Select from List

Menu Selection:

<b>ExamplePages</b>
Section Blog
Section Table
Category Blog
Category Table
<b>keyconcepts</b>
Extensions
Content Layouts
Example Pages
<b>mainmenu</b>
Home
Joomla! Overview
- What's New in 1.5?
Joomla! License
More about Joomla!



### Chú ý:

- Nếu muốn cũng có thể cài đặt nhiều Temp cho Joomla! và mỗi Menu chọn 1 Temp khác nhau tùy ý thay đổi.
- Có rất nhiều trang Web cho tải Temp miễn phí, bạn hãy dùng công cụ tìm kiếm với từ khóa "**free joomla template**", tuy nhiên các Temp miễn phí này thường đơn giản và có những hạn chế nhất định, để có được một Temp như ý thì thông thường phải chỉnh sửa nhiều thứ trong Temp. Bạn cũng có thể chọn mua các Temp thương mại được thiết kế rất đẹp và nhận được sự hỗ trợ của tác giả.

## Làm thế nào để có một Web Site

Sở hữu một Web Site cá nhân để hỗ trợ cho công việc hay chỉ đơn giản dùng để chia sẻ những kiến thức cá nhân luôn được nhiều người mong muốn. Nhưng có rất nhiều người lại không biết bắt đầu từ đâu và làm thế nào để có được một Web Site.

Sau đây là các bước cơ bản để có một Web Site:

### Đăng ký tên miền (Domain):

- Hãy hiểu một cách đơn giản là bất cứ cái gì cũng đều có một cái tên và Web Site cũng vậy, nó cũng cần có một cái tên và được gọi là tên miền (Domain Name).
- Tên miền thường có 2 cấp (hoặc có thể nhiều hơn) và được ngăn cách bởi dấu chấm (.), trong đó tên miền cấp 1 thuộc quốc gia (.vn: Việt Nam, .us: Mỹ,...) hoặc quốc tế (.com, .net, .org,...). Tên miền cấp 2 là tên của Web Site và đây chính là phần tên đăng ký. Ngoài ra còn có thể có tên miền cấp 3 (thí dụ: ten\_mien.com.vn) do các quốc gia qui định.
- Hãy chọn cho Web Site của mình một cái tên ưng ý và tìm đến một nhà cung cấp dịch vụ đăng ký và quản lý tên miền, nơi đây sẽ tư vấn thêm cho bạn cách chọn tên miền cấp 1 phù hợp với Web Site của bạn và không bị trùng với những tên miền khác đã được đăng ký. Hãy đăng ký tên miền đầu tiên và càng sớm càng tốt nếu không muốn tên miền mà bạn định đăng ký bị người khác chiếm mất.
- Khi đăng ký tên miền sẽ phải trả lệ phí đăng ký một lần duy nhất (nếu có) và chi phí duy trì hàng năm (có thể trả theo từng năm hoặc đóng một lần cho nhiều năm).
- Thông thường sau khi đăng ký sẽ được cấp giấy chứng nhận sở hữu tên miền. Hãy yêu cầu để có được giấy chứng nhận này và phải do chính mình đứng tên chủ sở hữu để tránh có sự tranh chấp nếu có.
- Ngoài ra cần phải chú ý đến các dịch vụ cộng thêm và hỗ trợ cho tên miền, các dịch vụ này thường miễn phí nhưng có một số nhà cung cấp dịch vụ lại tính phí.

### **Thiết kế Web Site:**

- Công việc tiếp theo thường được chọn là thuê chỗ đặt Web Site (Hosting) nhưng đó thường là một lựa chọn sai lầm, bởi vì một khi bạn chưa hình dung ra được trang Web của mình như thế nào, hoạt động ra sao, thiết kế trên công nghệ gì... thì không nên vội vàng thuê Hosting với lại thời gian thiết kế Web có thể kéo dài nên sẽ gây lãng phí.
- Hãy bắt tay vào việc thiết kế Web nếu bạn có khả năng hoặc tìm nơi thiết kế Web giúp bạn. Do bạn đã đăng ký tên miền nên sẽ rất thuận lợi cho việc trình bày trang web và tạo biểu tượng (Logo) được theo đúng như ý bạn.
- Nếu giao cho người khác thiết kế Web Site bạn hãy nêu lên những ý tưởng và công việc cần làm trên Web Site để giúp việc thiết kế được

thuận tiện. Nên tham khảo thêm các Web Site khác và tiếp nhận sự tư vấn từ phía nhà thiết kế để đạt kết quả tối ưu cho Web Site.

- Một số dịch vụ thiết kế Web thường hỗ trợ thêm các dịch vụ khác như đăng ký tên miền, hỗ trợ Hosting... hãy cân nhắc kỹ các dịch vụ này, rất nhiều trường hợp đáng tiếc đã xảy ra khi dịch vụ này không còn hoạt động nữa như mất tên miền, Web Site,...
- Nếu có một ít kiến thức vi tính bạn cũng có thể tự làm cho mình một Web Site đơn giản bằng các chương trình như MS Word, MS Frontpage, DreamWeaver,... hoặc làm các trang Web động bằng cách cài đặt và sử dụng một trong các chương trình quản lý nội dung (CMS) miễn phí như: Joomla!, Mambo, Drupal,... các chương trình này sẽ giúp bạn có được một Web Site với nhiều kiểu trình bày rất đa dạng.
- Hãy bắt đầu thiết kế Web ngay trên máy tính của bạn và tham khảo thêm thông tin trên các trang Web, Diễn đàn,... Để tự thiết kế Web, trên máy của bạn có thể cần phải cài đặt chương trình Web Server để chạy thử, các chương trình Web Servser thông dụng và dễ sử dụng là Wmap5 và Xampp, đã được tích hợp đầy đủ các chức năng cần thiết cho Web Site hoạt động.

### **Thuê chỗ đặt trang Web (Hosting):**

- Hosting là nơi lưu trữ Web Site, được đặt trên một máy chủ Web (Web Server), máy này cung cấp dịch vụ Web và luôn được kết nối với Internet để Web Site hoạt động và cho phép mọi người truy cập.
- Sau khi đã có Web Site và đã nắm được mọi kỹ thuật cũng như hoạt động của Web Site thì đã đến lúc tính đến việc thuê Hosting. Lựa chọn Hosting có lẽ là một công việc khó khăn nhất, tìm được một nhà cung cấp dịch vụ Hosting như ý quả thật không đơn giản. Rất nhiều trường hợp phải chuyển qua Hosting khác do sự không tương thích làm cho Web Site hoạt động không ổn định và do các dịch vụ hỗ trợ khách hàng kém.

### **Các tiêu chí để chọn Hosting:**

- **Máy chủ Web:** Phải có các thông số đáp ứng được với yêu cầu cần thiết để Web Site hoạt động, tốc độ truy cập nhanh, ổn định, băng thông rộng,...



- **Các dịch vụ cộng thêm:** Cho phép tạo các tài khoản FTP (để truyền dữ liệu), Email (thư điện tử), miễn phí cài đặt, sao lưu và phục hồi dữ liệu,...
- **Dịch vụ hỗ trợ khách hàng:** Tư vấn, hỗ trợ khách hàng nhanh chóng và hiệu quả...

### **Quản lý Web Site:**

- Luôn cập nhật nội dung mới và có chất lượng cho Web Site để thu hút khách, nếu có các chủ đề riêng và hay sẽ là một lợi thế.
- Nếu là trang Web bán hàng thì phải luôn cập nhật sản phẩm và giá mới thường xuyên, khách hàng sẽ không vào nữa nếu biết sản phẩm được đăng trên trang Web của bạn hiện không còn và giá cả cũng không đúng.
- Một số Web Site có thêm phần đánh giá, góp ý, diễn đàn,... để giao tiếp và hỗ trợ khách hàng được đánh giá rất tốt.
- Sao lưu định kỳ các dữ liệu và toàn bộ Web Site để có thể phục hồi lại nếu Web Site gặp sự cố.
- Luôn theo dõi và cập nhật các sửa lỗi để nâng cao bảo mật cho Web Site.

### **Quảng bá Web Site:**

- Để Web Site được nhiều người biết đến thì công việc quảng bá là cần thiết, ngoài cách làm cho nội dung phong phú để thu hút khác thì Web Site của bạn phải được các máy tìm kiếm (Search Engine) thống kê khi người dùng tìm kiếm thông tin có liên quan đến Web Site của bạn.
- Thông thường thì các máy tìm kiếm sẽ lần theo dấu vết để tìm đến Web Site của bạn nhưng với điều kiện phải có nhiều người truy cập. Có một cách đơn giản và nhanh đó là thuê dịch vụ để giúp đăng ký Web Site vào các máy tìm kiếm hoặc có thể tự mình đăng ký vào các máy tìm kiếm.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 25

### Quản lý Menu trong Joomla! 1.0.x

Web Site thường có nhiều phần và mỗi phần có mục (Item) nội dung khác nhau, mỗi mục được đại diện bởi một liên kết (Link) và được đặt trong một trình đơn gọi là Menu.

Menu trong Joomla! rất đa dạng với nhiều kiểu Menu khác nhau, các Menu được hiển thị dưới dạng Module và được đặt ở bất kỳ vị trí nào có trong Template. Mỗi Menu có nhiều Item gọi là Menu Item, các Menu Item này có các chức năng và kiểu hiển thị khác nhau, có thể liên kết đến các mục nội dung giống hoặc khác nhau và có thể có thêm các Item phụ gọi là Sub Menu Item. Các Menu được quản lý theo số định dạng (Id) của nó, mỗi Menu và Item đều có một số Id riêng điều này giúp cho việc thay đổi tên của các Menu sẽ không ảnh hưởng tới các phần liên quan và nội dung của Web Site.

Trong **Control Panel** chọn **Menu Manager** để vào phần quản lý Menu.

#### Tạo Menu:

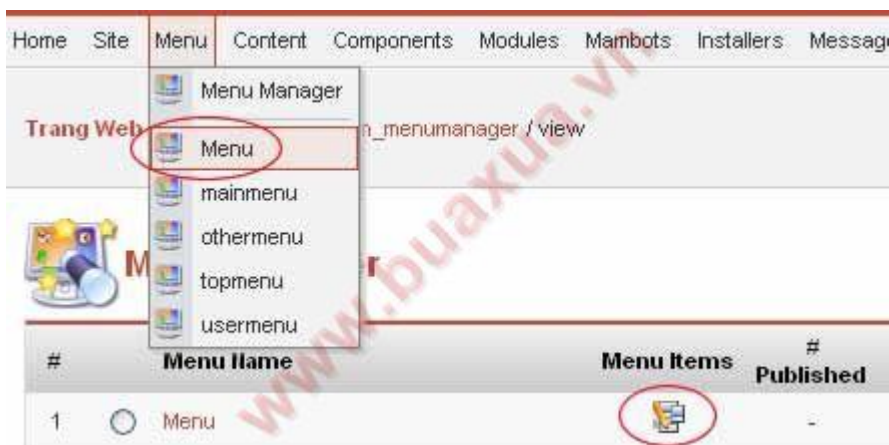
- Trong **Menu Manager** chọn **New**
- Trong **Menu Details** nhập tên cho Menu vào **Menu Name** (không được có khoảng trống) đây sẽ là tên để Joomla! quản lý. Nhập tên cho mục **Module Title** (được có khoảng trống), đây sẽ là tên của Module được tự động tạo ra tương ứng với Menu và được quản lý trong phần **Module Manager**, nhấn **Save** để hoàn tất.



- Có thể thay đổi tên của Menu bằng cách nhấn vào tên hoặc chọn Menu rồi nhấn **Edit**. Tạo thêm một Menu giống như Menu có sẵn bằng cách chọn Menu và nhấn **Copy**.
- Lưu ý nguyên tắc tạo Menu Item là cần phải tạo các phần, mục, chủ đề... (Section, Category, Component...) trước rồi mới tạo Menu để liên kết (Link) tới các phần, mục, chủ đề... đó.

### Tạo Menu Item:

- Nhấn vào biểu tượng (Icon) **Edit Menu Items** của Menu hoặc chọn **Site -> Menu** muốn chỉnh sửa hoặc tạo Item.



- Trong **Menu Manager [Menu]** chọn **New**
- Trong **New Menu Item** có các kiểu lựa chọn sau:

### Content:



- **Blog - Content Category:** Hiển thị nội dung của một hay nhiều Category, được trình bày dưới dạng Intro hay Link.
- **Blog - Content Category Archive:** Hiển thị nội dung lưu trữ của một hay nhiều Category, được trình bày dưới dạng Intro hay Link.
- **Blog - Content Section:** Hiển thị nội dung của các Category trong một hay nhiều Section, được trình bày dưới dạng Intro hay Link.
- **Blog - Content Section Archive:** Hiển thị nội dung lưu trữ của các Category trong một hay nhiều Section, được trình bày dưới dạng Intro hay Link.
- **Link - Content Item:** Liên kết đến nội dung được chỉ định
- **Link - Static Content:** Liên kết đến nội dung tĩnh được chỉ định
- **List - Content Section:** Hiển thị nội dung của các Category trong một hay nhiều Section, được trình bày dưới dạng danh sách liệt kê.
- **Submit - Content:** Hiển thị phần tạo nội dung mới cho các thành viên
- **Table - Content Category:** Hiển thị nội dung của một hay nhiều Category, được trình bày dưới dạng bảng.

### Components:



The screenshot shows the Joomla Components menu with the following items:

Component	
<a href="#">Component</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Link - Component Item</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Link - Contact Item</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Link - Newsfeed</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Table - Contact Category</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Table - Newsfeed Category</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Table - Weblink Category</a>	<input type="radio"/>

- **Component:** Hiển thị nội dung được tạo từ Component
- **Link - Component Item:** Liên kết đến nội dung được tạo từ Component
- **Link - Contact Item:** Liên kết đến nội dung được tạo từ Component Contact
- **Link - Newsfeed:** Liên kết đến nội dung được tạo từ Component Newsfeed
- **Table - Contact Category:** Hiển thị nội dung của Contact Category, được trình bày dưới dạng bảng.
- **Table - Newsfeed Category:** Hiển thị nội dung của Newsfeed Category, được trình bày dưới dạng bảng.
- **Table - Weblink Category:** Hiển thị nội dung của Weblink Category, được trình bày dưới dạng bảng.

### Links:



The screenshot shows the Joomla Links menu with the following items:

Links	
<a href="#">Link - Component Item</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Link - Contact Item</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Link - Content Item</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Link - Newsfeed</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Link - Static Content</a>	<input type="radio"/>
<a href="#">Link - Url</a>	<input type="radio"/>

- **Link - Component Item:** Liên kết đến nội dung được tạo từ Component

- **Link - Contact Item:** Liên kết đến nội dung được tạo từ Component Contact
- **Link - Content Item:** Liên kết đến nội dung được chỉ định
- **Link - Newsfeed:** Liên kết đến nội dung được tạo từ Component Newsfeed
- **Link - Static Content:** Liên kết đến nội dung tĩnh được chỉ định
- **Link - Url:** Liên kết đến một địa chỉ khác (có thể là Menu Item, Content...)

### Miscellaneous:



- **Separator/Placeholder:** Chèn một dấu ngăn cách giữa các Menu Item
- **Wrapper:** Hiển thị nội dung của một trang Web bên ngoài

### Submit:

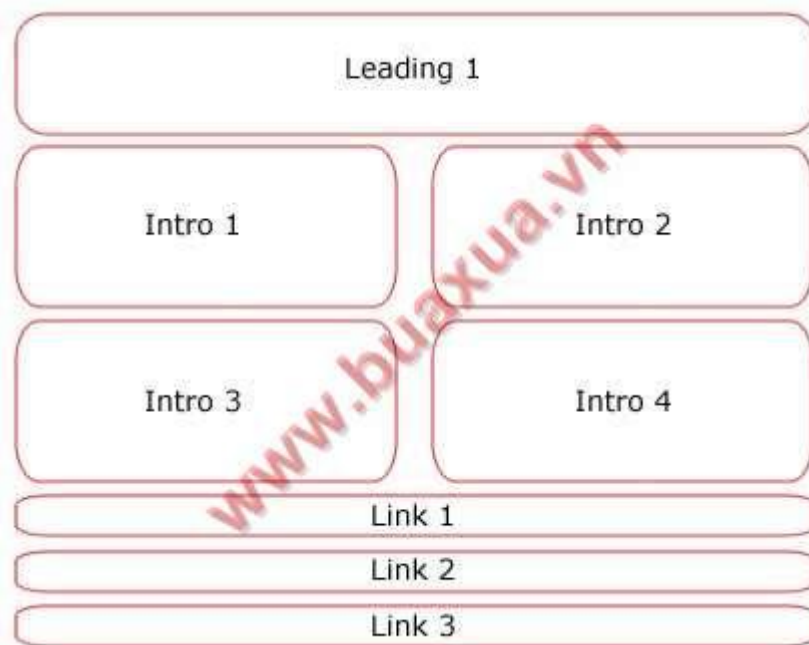


- **Submit - Content:** Hiển thị phần tạo nội dung mới cho các thành viên
- Chọn kiểu Menu và nhấn **Next**, trong **Add Menu Item** tùy theo kiểu Menu mà có các thông số lựa chọn khác nhau.

### Các thông số thông dụng của Menu Item:

- **Blog - Content Section:** Trong **Selection** có thể chọn tất cả, chỉ một hoặc vài Section để hiển thị nội dung.
- **Blog - Content Category:** Trong **Selection** có thể chọn tất cả, chỉ một hoặc vài Category để hiển thị nội dung. Lưu ý Menu **Content Section** có 1 Section sẽ tương đương với Menu **Content Category** được chọn tất cả Category trong Section đó, như vậy đối với kiểu Menu này nếu không muốn hiển thị một Category nào đó thì chỉ cần bỏ Category đó ra khỏi phần lựa chọn.

- **Menu Image:** Chọn một ảnh nhỏ hiển thị bên trái hay bên phải tên của Menu.
- **Page Title:** Hiển thị tên của Section hoặc Category ở phía trên của trang.
- **#Leading:** Số lượng phần giới thiệu (Intro) được hiển thị hết phần bề ngang của trang, nếu nhập số 0 là không hiển thị.
- **#Intro:** Số lượng phần giới thiệu (Intro) được hiển thị, nếu nhập số 0 là không hiển thị.
- **#Columns:** Số lượng phần giới thiệu (Intro) được hiển thị theo hàng ngang, nếu nhập số 1 là hiển thị giống như Leading, số 2 là hiện thị 2 Intro trên một hàng. Nếu chọn số lượng Intro là 4 và Columns là 2 thì sẽ hiển thị 2 hàng và mỗi hàng có 2 Intro.
- **#Links:** Số lượng tên (Title) của nội dung được hiển thị dưới dạng liên kết.
- **Category Order:** Chọn kiểu sắp xếp thứ tự các Category.
- **Primary Order:** Chọn kiểu sắp xếp thứ tự các nội dung.
- **MOSImages:** Hiển thị hay không hình ảnh được chèn trong nội dung bằng chức năng MOSImages.
- **Item Titles:** Hiển thị hay không tên của nội dung.
- **Linked Titles:** Tạo liên kết cho tên của nội dung.



### Cách tạo Menu Item phụ (Sub Menu):



Trong **Add Menu Item** lưu ý thông số **Parent Item**, nếu chọn là **Top** thì Menu này sẽ là menu cấp cao nhất, nếu chọn Một Menu nào khác thì Menu này sẽ là Menu phụ (Sub Menu) của Menu được chọn.

### Thí dụ:

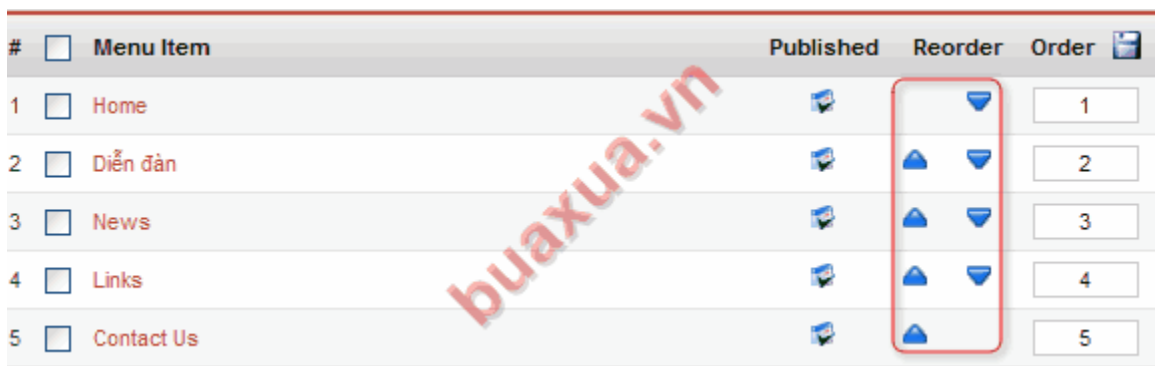
#### **Menu 1 (Parent Item: Top)**

- **Menu 1.1** (Parent Item: **Menu 1**)
- **Menu 1.2** (Parent Item: **Menu 1**)

#### **Menu 2 (Parent Item: Top)**

- **Menu 2.1** (Parent Item: **Menu 2**)
- **Menu 2.2** (Parent Item: **Menu 2**)

### Sắp xếp thứ tự cho các Menu Item:

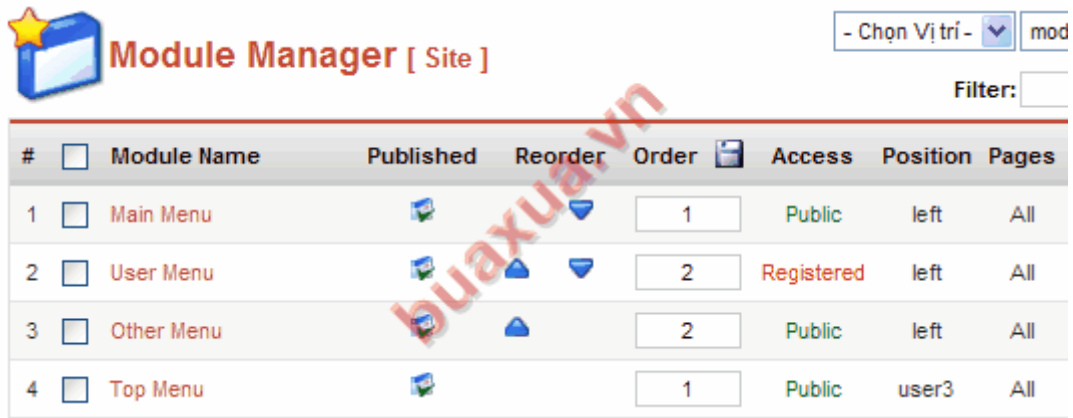



#	<input type="checkbox"/> Menu Item	Published	Reorder	Order
1	<input type="checkbox"/> Home			<input type="text" value="1"/>
2	<input type="checkbox"/> Diễn đàn			<input type="text" value="2"/>
3	<input type="checkbox"/> News			<input type="text" value="3"/>
4	<input type="checkbox"/> Links			<input type="text" value="4"/>
5	<input type="checkbox"/> Contact Us			<input type="text" value="5"/>









- Nhấn vào các **nút mũi tên** tương ứng với Menu Item để di chuyển vị trí hoặc nhập số thứ tự trong cột **Order** và nhấn vào biểu tượng **hình đĩa mềm** để thay đổi thứ tự.
- Menu Item trên cùng (Bất kể là Menu gì) mặc nhiên sẽ được Joomla! chọn làm **Trang chủ** (Home), đây là trang xuất hiện đầu tiên khi truy cập vào địa chỉ của trang Web.

### Module Menu:





The screenshot shows the Joomla! Module Manager interface. At the top left is the Joomla! logo and the title "Module Manager [ Site ]". To the right, there is a dropdown menu for "- Chọn Vị trí -" and a "mod" button. Below this is a "Filter:" input field. The main content is a table with the following columns: #,  Module Name, Published, Reorder, Order,  Access, Position, Pages. The table contains four rows of menu modules:

#	<input type="checkbox"/> Module Name	Published	Reorder	Order	 Access	Position	Pages
1	<input type="checkbox"/> Main Menu			<input type="text" value="1"/>	Public	left	All
2	<input type="checkbox"/> User Menu			<input type="text" value="2"/>	Registered	left	All
3	<input type="checkbox"/> Other Menu			<input type="text" value="2"/>	Public	left	All
4	<input type="checkbox"/> Top Menu			<input type="text" value="1"/>	Public	user3	All

- Các Menu sẽ được hiển thị trên trang Web thông qua các **Module Menu**, nếu không muốn hiển thị Menu nào thì chọn **UnPublish** cho Menu đó.
- Các Module này có thể được đặt ở bất cứ vị trí (Position) nào hoặc trang (Pages) nào tùy ý bằng cách nhấn vào tên của Menu và thay đổi các thông số cho nó.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 26

### Làm thế nào để có một Web Site

Sở hữu một Web Site cá nhân để hỗ trợ cho công việc hay chỉ đơn giản dùng để chia sẻ những kiến thức cá nhân luôn được nhiều người mong muốn. Nhưng có rất nhiều người lại không biết bắt đầu từ đâu và làm thế nào để có được một Web Site.

Sau đây là các bước cơ bản để có một Web Site:

#### **Đăng ký tên miền (Domain):**

- Hãy hiểu một cách đơn giản là bất cứ cái gì cũng đều có một cái tên và Web Site cũng vậy, nó cũng cần có một cái tên và được gọi là tên miền (Domain Name).
- Tên miền thường có 2 cấp (hoặc có thể nhiều hơn) và được ngăn cách bởi dấu chấm (.), trong đó tên miền cấp 1 thuộc quốc gia (.vn: Việt Nam, .us: Mỹ,...) hoặc quốc tế (.com, .net, .org,...). Tên miền cấp 2 là tên của Web Site và đây chính là phần tên đăng ký. Ngoài ra còn có thể có tên miền cấp 3 (thí dụ: ten\_mien.com.vn) do các quốc gia qui định.
- Hãy chọn cho Web Site của mình một cái tên ưng ý và tìm đến một nhà cung cấp dịch vụ đăng ký và quản lý tên miền, nơi đây sẽ tư vấn thêm cho bạn cách chọn tên miền cấp 1 phù hợp với Web Site của bạn và không bị trùng với những tên miền khác đã được đăng ký. Hãy đăng ký tên miền đầu tiên và càng sớm càng tốt nếu không muốn tên miền mà bạn định đăng ký bị người khác chiếm mất.
- Khi đăng ký tên miền sẽ phải trả lệ phí đăng ký một lần duy nhất (nếu có) và chi phí duy trì hàng năm (có thể trả theo từng năm hoặc đóng một lần cho nhiều năm).
- Thông thường sau khi đăng ký sẽ được cấp giấy chứng nhận sở hữu tên miền. Hãy yêu cầu để có được giấy chứng nhận này và phải do chính mình đứng tên chủ sở hữu để tránh có sự tranh chấp nếu có.

- Ngoài ra cần phải chú ý đến các dịch vụ cộng thêm và hỗ trợ cho tên miền, các dịch vụ này thường miễn phí nhưng có một số nhà cung cấp dịch vụ lại tính phí.

### **Thiết kế Web Site:**

- Công việc tiếp theo thường được chọn là thuê chỗ đặt Web Site (Hosting) nhưng đó thường là một lựa chọn sai lầm, bởi vì một khi bạn chưa hình dung ra được trang Web của mình như thế nào, hoạt động ra sao, thiết kế trên công nghệ gì... thì không nên vội vàng thuê Hosting với lại thời gian thiết kế Web có thể kéo dài nên sẽ gây lãng phí.
- Hãy bắt tay vào việc thiết kế Web nếu bạn có khả năng hoặc tìm nơi thiết kế Web giúp bạn. Do bạn đã đăng ký tên miền nên sẽ rất thuận lợi cho việc trình bày trang web và tạo biểu tượng (Logo) được theo đúng như ý bạn.
- Nếu giao cho người khác thiết kế Web Site bạn hãy nêu lên những ý tưởng và công việc cần làm trên Web Site để giúp việc thiết kế được thuận tiện. Nên tham khảo thêm các Web Site khác và tiếp nhận sự tư vấn từ phía nhà thiết kế để đạt kết quả tối ưu cho Web Site.
- Một số dịch vụ thiết kế Web thường hỗ trợ thêm các dịch vụ khác như đăng ký tên miền, hỗ trợ Hosting... hãy cân nhắc kỹ các dịch vụ này, rất nhiều trường hợp đáng tiếc đã xảy ra khi dịch vụ này không còn hoạt động nữa như mất tên miền, Web Site,...
- Nếu có một ít kiến thức vi tính bạn cũng có thể tự làm cho mình một Web Site đơn giản bằng các chương trình như MS Word, MS Frontpage, DreamWeaver,... hoặc làm các trang Web động bằng cách cài đặt và sử dụng một trong các chương trình quản lý nội dung (CMS) miễn phí như: Joomla!, Mambo, Drupal,... các chương trình này sẽ giúp bạn có được một Web Site với nhiều kiểu trình bày rất đa dạng.
- Hãy bắt đầu thiết kế Web ngay trên máy tính của bạn và tham khảo thêm thông tin trên các trang Web, Diễn đàn,... Để tự thiết kế Web, trên máy của bạn có thể cần phải cài đặt chương trình Web Server để chạy thử, các chương trình Web Servser thông dụng và dễ sử dụng là Wmap5 và Xampp, đã được tích hợp đầy đủ các chức năng cần thiết cho Web Site hoạt động.

### **Thuê chỗ đặt trang Web (Hosting):**

- Hosting là nơi lưu trữ Web Site, được đặt trên một máy chủ Web (Web Server), máy này cung cấp dịch vụ Web và luôn được kết nối với Internet để Web Site hoạt động và cho phép mọi người truy cập.
- Sau khi đã có Web Site và đã nắm được mọi kỹ thuật cũng như hoạt động của Web Site thì đã đến lúc tính đến việc thuê Hosting. Lựa chọn Hosting có lẽ là một công việc khó khăn nhất, tìm được một nhà cung cấp dịch vụ Hosting như ý quả thật không đơn giản. Rất nhiều trường hợp phải chuyển qua Hosting khác do sự không tương thích làm cho Web Site hoạt động không ổn định và do các dịch vụ hỗ trợ khách hàng kém.

#### Các tiêu chí để chọn Hosting:

- **Máy chủ Web:** Phải có các thông số đáp ứng được với yêu cầu cần thiết để Web Site hoạt động, tốc độ truy cập nhanh, ổn định, băng thông rộng,...
- **Các dịch vụ cộng thêm:** Cho phép tạo các tài khoản FTP (để truyền dữ liệu), Email (thư điện tử), miễn phí cài đặt, sao lưu và phục hồi dữ liệu,...
- **Dịch vụ hỗ trợ khách hàng:** Tư vấn, hỗ trợ khách hàng nhanh chóng và hiệu quả...

#### Quản lý Web Site:

- Luôn cập nhật nội dung mới và có chất lượng cho Web Site để thu hút khách, nếu có các chủ đề riêng và hay sẽ là một lợi thế.
- Nếu là trang Web bán hàng thì phải luôn cập nhật sản phẩm và giá mới thường xuyên, khách hàng sẽ không vào nữa nếu biết sản phẩm được đăng trên trang Web của bạn hiện không còn và giá cả cũng không đúng.
- Một số Web Site có thêm phần đánh giá, góp ý, diễn đàn,... để giao tiếp và hỗ trợ khách hàng được đánh giá rất tốt.
- Sao lưu định kỳ các dữ liệu và toàn bộ Web Site để có thể phục hồi lại nếu Web Site gặp sự cố.
- Luôn theo dõi và cập nhật các sửa lỗi để nâng cao bảo mật cho Web Site.

#### Quảng bá Web Site:

- Để Web Site được nhiều người biết đến thì công việc quảng bá là cần thiết, ngoài cách làm cho nội dung phong phú để thu hút khác thì

Web Site của bạn phải được các máy tìm kiếm (Search Engine) thống kê khi người dùng tìm kiếm thông tin có liên quan đến Web Site của bạn.

- Thông thường thì các máy tìm kiếm sẽ lần theo dấu vết để tìm đến Web Site của bạn nhưng với điều kiện phải có nhiều người truy cập. Có một cách đơn giản và nhanh đó là thuê dịch vụ để giúp đăng ký Web Site vào các máy tìm kiếm hoặc có thể tự mình đăng ký vào các máy tìm kiếm.

## Trình bày trang tin tức Joomla! với Gavick News Column

Sử dụng Module để hiển thị bài viết theo dạng tin tức cũng thường được các trang Web báo điện tử áp dụng. Các Module này có khả năng tùy biến đa dạng và có thể đặt vào bất cứ vị trí nào nên tạo được nhiều kiểu trình bày đẹp mắt.

Bài viết này sẽ hướng dẫn cách cài đặt và sử dụng Module **Gavick News Column** để trình bày trang tin tức cho Joomla! 1.0.x, sau đây là các bước thực hiện:

### **Bước 1:**

- Chỉnh sửa Template để tạo thêm vị trí hiển thị cho Module Gavick News Column, nếu Template đang sử dụng đã có sẵn vị trí thích hợp thì có thể bỏ qua phần này.
- Mở tập tin **index.php** nằm trong thư mục Template đang sử dụng, tìm dòng **<?php mosMainBody(); ?>** và thêm vị trí **user5** (hoặc user6, user7,...) vào dòng này bằng cách sửa lại như trong hình.

```
<?php
    mosLoadModules('user5');
    mosMainBody();
?>
```

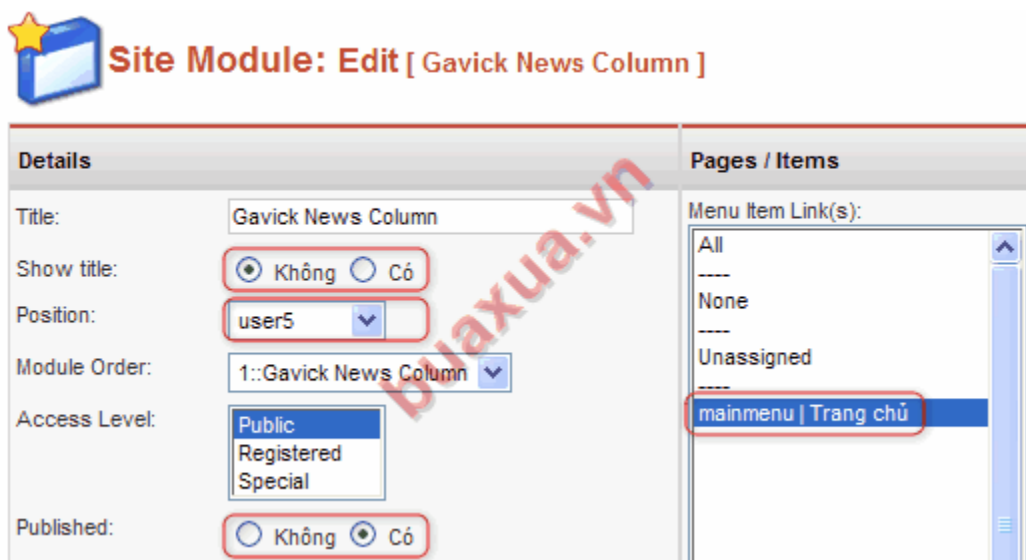
- Kiểm tra lại để chắc chắn là vị trí mới đã được tạo **Bước 2:**

Tạo Menu Trang chủ (hoặc sửa lại từ Menu Home có sẵn) có kiểu (Type) là **Component Frontpage**. Thiết lập các thông số cho **Leading**, **Intro**, **Columns**, **Links** = **0** và **Page Title**, **Pagination** = **Hide**. (Xem hướng dẫn [Quản lý Menu trong Joomla! 1.0.x](#))

### **Bước 3:**

Cài đặt và cấu hình cho Module Gavick News Column:

- Nhấn vào đây để tải gói [Gavick News Column](#) dành cho **Joomla! 1.0.x**
- Giải nén gói này sẽ được gói cài đặt **mod\_gk\_news\_column.zip**, tập tin **gk\_news\_column.css** để trang trí cho Module này và thư mục **doc** chứa tập tin hướng dẫn sử dụng.
- Cài đặt Module **Gavick News Column** vào Joomla! và thiết lập các thông số như trong hình bên dưới:



### **Basic configuration:**

The basic configuration form for the Gavick News Column module includes three input fields: 'Area width' with a value of 0, 'Width of one column' with a value of 0, and 'Amount of columns' with a value of 1. A watermark 'buaxua.vn' is visible across the form.

- **Area Width:** Thiết lập kích thước chiều ngang cho Module, nhập giá trị thích hợp với Template kèm theo đơn vị tính là **px** (thí dụ: 400px), nhập số **0** là tự động (nên dùng tự động)
- **Width of one column:** Kích thước của mỗi cột khi chọn hiển thị nhiều cột.
- **Amount of columns:** Số lượng cột muốn hiển thị.

### Source configuration:

- **Source amount:** Chọn số lượng Section muốn hiển thị, tất cả Category nằm trong Section đều được hiển thị.
- Nếu chọn **One section** thì chọn tiếp tên của **Section**.



- Nếu chọn **More section** thì nhập **ID của Section**, mỗi ID cách nhau bởi dấu phẩy (,)



- **News amout:** Số lượng tin muốn hiển thị của mỗi Category trong một Section.
- Các thông số còn lại dùng để thiết lập cho tin hiển thị đầu tiên, có thể thiết lập như trong hình hoặc thay đổi tùy ý.


News amout	<input type="text" value="3"/>
First news	<hr/>
First news formating	<input type="text" value="More place than rest of news"/>
Show first news date	<input type="text" value="Enabled"/>
First news links	<input type="text" value="Header link"/>
First news content	<input type="text" value="left image + text"/>
First news image height	<input type="text" value="64px"/>
First news image width	<input type="text" value="64px"/>
First news text limit type	<input type="text" value="Words"/>
Maximal amout of words or characters	<input type="text" value="25"/>
First news readmore button show	<input type="text" value="Enabled"/>
first_news_readmore_text	<input type="text" value="Xem tiếp..."/>

- Tùy thuộc vào Template mà thay đổi các thông số thiết lập để có được kết quả như ý.

**Dạng 1 cột:**




**Xã hội**

 **Example News Item 2**  
07.07.2004  
Lorem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. At... **Xem tiếp...**

- **Example News Item 1**
- **Example News Item 3**

**Kinh tế**

 **Example News Item 4**  
07.07.2004  
Lorem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. Lorem... **Xem tiếp...**

- **Example News Item 3**
- **Example News Item 1**

**Dạng 2 cột:**

<p><b>Xã hội</b></p> <p> <b>Example News Item 2</b> 07.07.2004 Lorem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. At... <b>Xem tiếp...</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>● <b>Example News Item 4</b></li><li>● <b>Example News Item 1</b></li></ul>	<p><b>Kinh tế</b></p> <p> <b>Example News Item 4</b> 07.07.2004 Lorem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. Lorem... <b>Xem tiếp...</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>● <b>Example News Item 3</b></li><li>● <b>Example News Item 1</b></li></ul>
--	--

**Lưu ý:**

- Có thể Copy Module này ra làm nhiều cái và đặt ở các Menu khác tùy ý.
- Sử dụng CSS có sẵn của Template hoặc chèn các dòng CSS trong tập tin **gk\_news\_column.css** vào để trang trí thêm cho Module.
- Có thể sử dụng các Module khác có cùng chức năng để thay thế **Gavick News Column**, cách làm cũng tương tự như trên. Tìm các Module có chức năng hiển thị kiểu tin tức tại trang Web: <http://extensions.joomla.org>

# . Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## . Part 27

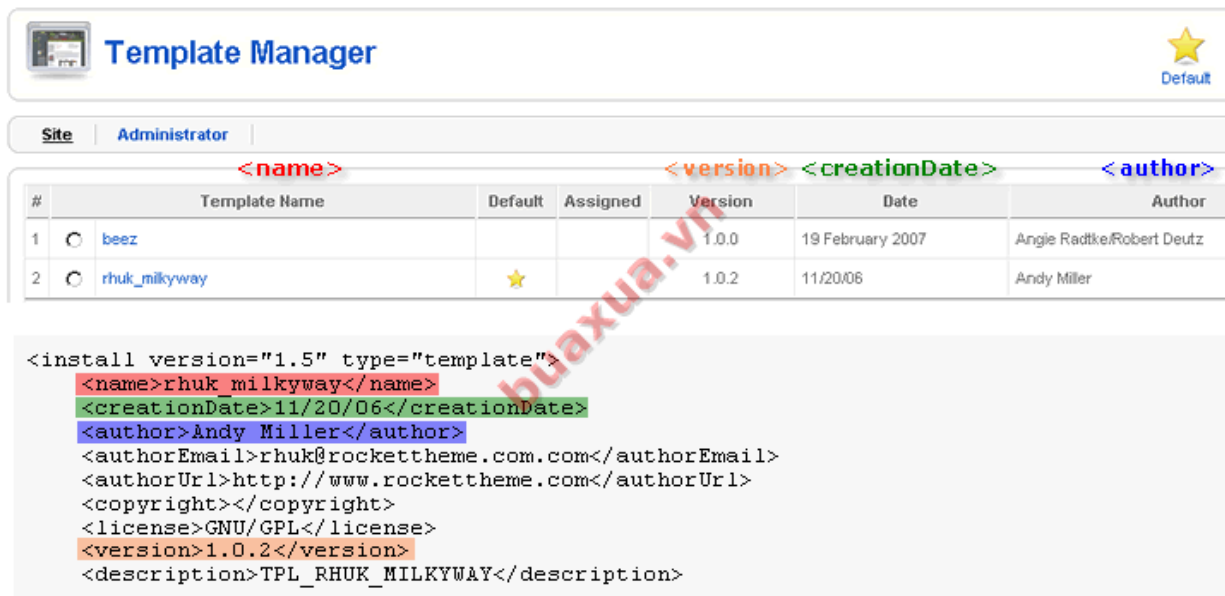
### Cấu trúc Template joomla! 1.5.x

Bài viết này sẽ trình bày phần nội dung cơ bản của tập tin index.php và templateDetails.xml trong Template của joomla! 1.5.x, qua đó sẽ hiểu được cấu trúc và hoạt động của Template trong Joomla!

#### templateDetails.xml

Đây là tập tin chứa các thông tin và thông số của Template.

- **Thông tin cơ bản:** Đây là các thông tin của Template được hiển thị trong phần Quản lý Template (Template Manager)



The screenshot shows the Joomla! Template Manager interface. At the top, there's a 'Template Manager' header with a 'Default' star icon. Below it, there's a navigation bar with 'Site' and 'Administrator' tabs. The main content area displays a table of installed templates. The table has columns for '#', 'Template Name', 'Default', 'Assigned', 'Version', 'Date', and 'Author'. Two templates are listed: 'beez' (version 1.0.0, date 19 February 2007, author Angie Radtke/Robert Deutz) and 'rhuk\_milkyway' (version 1.0.2, date 11/20/06, author Andy Miller). The 'rhuk\_milkyway' template is marked as the default with a yellow star. Below the table, there's a code block showing the XML structure for the 'rhuk\_milkyway' template, with various tags highlighted in different colors.

#	Template Name	Default	Assigned	Version	Date	Author
1	beez			1.0.0	19 February 2007	Angie Radtke/Robert Deutz
2	rhuk_milkyway	★		1.0.2	11/20/06	Andy Miller

```
<install version="1.5" type="template">
  <name>rhuk_milkyway</name>
  <creationDate>11/20/06</creationDate>
  <author>Andy Miller</author>
  <authorEmail>rhuk@rockettheme.com.com</authorEmail>
  <authorUrl>http://www.rockettheme.com</authorUrl>
  <copyright></copyright>
  <license>GNU/GPL</license>
  <version>1.0.2</version>
  <description>TPL_RHUK_MILKYWAY</description>
```

- **Khai báo các tập tin:** Đây là phần khai báo các tập tin được sử dụng trong Template, mỗi tập tin đều phải khai báo rõ đường dẫn tính từ thư mục gốc của Template. Joomla! sẽ dùng các thông tin này để đặt các tập tin vào đúng vị trí của nó, các thư mục sẽ được tự động tạo ra khi cần thiết.

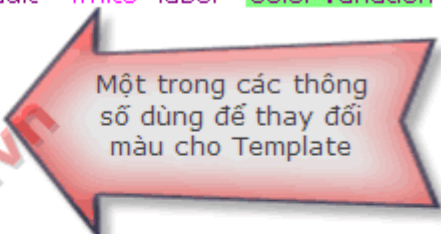
```
<files>
  <filename>index.php</filename>
  <filename>templateDetails.xml</filename>
  <filename>template_thumbnail.png</filename>
  <filename>params.ini</filename>
  <filename>images/arrow.png</filename>
  <filename>images/indent1.png</filename>
  <filename>css/template.css</filename>
</files>
```

- **Khai báo các vị trí:** Đây là phần khai báo các vị trí có trong Template, trong Joomla! 1.5 không có phần quản lý các vị trí (Position) Module mà tất cả đều được khai báo tại đây, nếu muốn thêm một vị trí mới thì thêm vào phần này.

```
<positions>
  <position>breadcrumb</position>
  <position>left</position>
  <position>right</position>
  <position>top</position>
  <position>user1</position>
  <position>user2</position>
  <position>user3</position>
  <position>user4</position>
  <position>footer</position>
  <position>debug</position>
  <position>syndicate</position>
</positions>
```

- **Các thông số:** Mỗi Template có thể có thêm các thông số, các thông số này được thiết lập trong phần Quản lý Template (Template Manager) có chức năng làm thay đổi màu sắc, độ rộng,... của Template.

```
<params>
  <param name="colorVariation" type="list" default="white" label="Color Variation" >
    <option value="blue">Blue</option>
    <option value="red">Red</option>
    <option value="green">Green</option>
    <option value="orange">Orange</option>
    <option value="black">Black</option>
    <option value="white">White</option>
  </param>
```



**Parameters**  
The Parameter-File /templates/rhuk\_milkyway/params.ini is Writable!

Color Variation	Blue
Background Variation	Blue
Template Width	Fluid with maximum

## index.php:

Đây là tập tin chứa các lệnh dùng để điều khiển mọi hoạt động và hiển thị các thành phần của trang web, tất cả các trang web đều được hiển thị thông qua tập tin này.

Ngoài các cấu trúc thông thường của tập tin html, trong **index.php** còn có các dòng lệnh cơ bản sau đây:

```
1 <html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml" xml:lang="<?php echo $this->language; ?>"
  lang="<?php echo $this->language; ?>" >

  <head>
2 <jdoc:include type="head" />

3 <link rel="stylesheet" href="<?php echo $this->baseurl ?>/templates/rhuk_milkyway/css/template.css"
  type="text/css" />
  </head>
  <body>

4 <jdoc:include type="modules" name="left" style="html" />

5 <jdoc:include type="message" />

6 <jdoc:include type="component" />

7 <?php echo $this->params->get('colorVariation'); ?>.css" type="text/css" />

8 <?php echo JText::_('Powered by') ?> <a href="http://www.joomla.org">Joomla!</a>

  </body>
</html>
```

1. Khai báo ngôn ngữ được sử dụng.
2. Phần thông tin của trang web, tiêu đề và các thông tin của trang web sẽ được chèn vào vị trí này.
3. Khai báo tập tin bảng kiểu dùng để định dạng cho Template.
4. Các dòng lệnh tạo vị trí (**name**) và chèn Module (**type="modules"**) vào vị trí này, hiển thị theo kiểu (**style**). Trong template có nhiều dòng lệnh này để tạo nhiều vị trí, mỗi vị trí có tên khác nhau và được khai báo trong tập tin **templateDetails.xml**

5. Dòng lệnh chèn **Message**, đây là dòng lệnh hiển thị các thông báo của Joomla! trên trang web, mỗi Template chỉ có một vị trí này và thường được đặt phía trên để dễ nhận thấy.
6. Dòng lệnh chèn **Component**, đây là vị trí chính (Mainbody) của trang web, mỗi Template chỉ có một vị trí này.
7. Dòng lệnh lấy các thông số được thiết lập trong phần Quản lý Template (Template Manager)
8. Các dòng lệnh dùng để chèn chữ vào Template, các dòng chữ này có nội dung cố định và sẽ luôn xuất hiện trong tất cả các trang.

## Cài đặt ngôn ngữ tiếng Việt cho Joomla! 1.0.x

Sau khi cài đặt Joomla!, Web Site mặc định sẽ hiển thị ngôn ngữ (Language) là tiếng Anh, bạn có thể thay đổi ngôn ngữ này sang tiếng Việt nếu muốn. Joomla! cho phép thay đổi ngôn ngữ hiển thị trên Web Site bằng cách cài đặt thêm các gói ngôn ngữ.

Ngôn ngữ của Joomla! được đóng gói dưới dạng File nén, bạn phải tải về các gói ngôn ngữ đúng với phiên bản của Joomla! mà bạn đang sử dụng, gói ngôn ngữ dành cho Joomla! 1.0.x được tải về tại trang web: <http://www.joomlaviet.org> hoặc [tải gói cài đặt ngôn ngữ Việt cho Joomla! 1.0.x tại đây](#).

Đăng nhập (Login) vào Admin.



- Chọn **Installers** -> **Languages**.



- Trong **Install new Language - Site**, nhấn **Browse** để chọn File ngôn ngữ, nhấn **Upload File & Installer** để cài đặt. Lưu ý: Thư mục **media** và **language** phải cho phép ghi (Writeable).



- Nhấn **Continue** khi được thông báo việc cài đặt đã thành công.



- Trong **Language Manager [Site]**, chọn ngôn ngữ là **VietNam** và nhấn **Publish** để sử dụng làm ngôn ngữ mặc định cho Web Site. Bạn cũng có thể chọn **Edit** để thêm bớt hay sửa lại các từ tiếng Việt trong gói ngôn ngữ này.



Bây giờ Web Site của bạn đã hiển thị được tiếng Việt với Font Unicode, tuy nhiên một số Menu và nội dung vẫn còn tiếng Anh. Đó là các mẫu dữ liệu do Joomla! tạo ra khi cài đặt, bạn có thể xóa chúng đi hoặc sửa lại thành tiếng việt trong phần **Admin**.





### Lưu ý:

- Có thể chỉnh sửa hoặc thêm các từ tiếng Việt vào File ngôn ngữ bằng cách mở File **vietnam.php** trong thư mục **Language**, thêm hoặc sửa các dòng **DEFINE('\_từ\_tiếng\_Anh','Từ tiếng Việt');** Ngoài ra nếu không muốn hiển thị từ đó trên trang Web thì có thể sửa lại bằng cách để trống phần **'Từ tiếng Việt'** (**DEFINE('\_từ\_tiếng\_Anh','');**)
- Một số **Template** sẽ không hiển thị được tiếng Việt vì không định nghĩa để sử dụng tiếng Việt, khắc phục vấn đề này bằng cách sẽ mở File **index.php** trong thư mục **Template** đang sử dụng, kiểm tra và thay thế đoạn Code sau đây với đoạn Code có sẵn nằm ở phần đầu của File này:

```
<?php defined( '_VALID_MOS' ) or die( 'Direct Access to this location is not allowed.' ); ?>
<!DOCTYPE html PUBLIC "-//W3C//DTD XHTML 1.0 Transitional//EN"
"http://www.w3.org/TR/xhtml1/DTD/xhtml1-transitional.dtd">
<?php $iso = split( '=', _ISO );
echo '<?xml version="1.0" encoding="'. $iso[1] ."'? .!>';
?>
<html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">
<head>
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; <?php echo _ISO;
?>" />
<?php mosShowHead(); ?>
<?php
if ( $my->id ) {
    initEditor();
}
```

- Ngoài ra còn phải lưu ý Font chữ được qui định trong File **template\_css.css** của Template phải hiển thị được mã Unicode. Có thể tìm và thay thế các **font-family** trong File **template\_css.css** bằng Code sau:

**font-family:verdana,arial,sans-serif;**

- Nếu vẫn chưa hiển thị được tiếng Việt thì có thể là do chưa cài đặt mã hỗ trợ hiển thị Font Unicode cho trình duyệt Web



# . Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

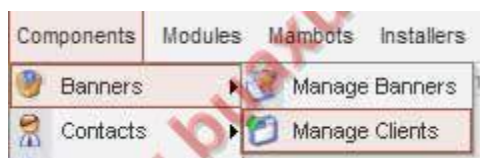
## . Part 28

### Quản lý Banner trong Joomla! 1.0.x

Banner là các biểu ngữ, quảng cáo thường thấy trên các trang web, ngoài việc giúp trang trí cho trang web còn có thể tạo thêm các khoản thu nhập đáng kể. Joomla đã có tích hợp sẵn thành phần mở rộng có chức năng tạo và quản lý Banner, đó là Component Banners.

Sau đây là cách tạo và quản lý các Banner trong Joomla!

Trong **Admin** chọn **Components** -> **Banners** -> **Manage Clients** (Quản lý khách hàng) -> **New** để tạo một **Client**.



Nhập các thông số trong phần **Details**, các thông số này chỉ dùng để biết thông tin về Banner. Nhấn **Save** để hoàn tất, mỗi Client là một khách hàng (đơn hàng) có thể tạo thêm nhiều Client nếu muốn. Lưu ý ghi nhớ số **ID** của mỗi Client để sau này nhập vào phần thông số **Module Banner**.



**Details**

Client Name:

Contact Name:

Contact E-mail:

Extra Info:

Chọn **Components** -> **Banners** -> **Manage Banners** (Quản lý Banner) -> **New** để tạo các Banner cho Client.



 **Banner: New**

**Details**

Banner Name:

Client Name:

Impressions Purchased:  Unlimited

Show Banner:

Click URL:

Clicks

Custom banner code:

Banner Image Selector:

Banner Image:

Nhập các thông số trong phần **Details**:

- **Banner Name:** Tên của Banner
- **Client Name:** Chọn Client (khách hàng) đã tạo ở phần trên, có nghĩa Banner này là của khách hàng này.

- **Impressions Purchased:** Giới hạn số xem Banner, nếu quá số lần giới hạn Banner sẽ bị xóa đi và không hiển thị được nữa. Chọn **Unlimited** là không giới hạn.
- **Show Banner:** cho phép hiển thị Banner, **Yes** (hiển thị), **No** (không hiển thị).
- **Click URL:** Địa chỉ trang web liên kết với Banner, khi nhấn chuột vào Banner trình duyệt sẽ chuyển sang trang web của khách hàng.
- **Clicks:** Số lần nhấn chuột vào Banner, **Reset Clicks** là trả về lại số 0 (0 lần).
- **Custom banner code:** Dùng mã (Code) HTML để hiển thị Banner theo ý riêng, có thể dùng Code để trở tới Banner đặt tại trang web của khách hàng hoặc chèn các Flash Banner.
- **Banner Image Selector:** Chọn hình ảnh cho Banner, các hình ảnh phải được chứa trong thư mục **/images/banners/**.
- Sau khi chọn xong nhấn **Save** để hoàn tất. Có thể tạo nhiều Banner cho 1 Client, các Banner này sẽ lần lượt xuất hiện ngẫu nhiên.

Chọn **Modules** -> **Site Modules** -> **Banner** (Module này đã có sẵn) để thiết lập các thông số hiển thị Banner thông qua **Module Banner**.

The screenshot shows the Joomla! administration interface for the Banner module. The 'Details' section includes the following fields:

- Title: Banners
- Show title:  Không  Có
- Position: banner
- Module Order: 1::Banners
- Access Level: Public
- Published:  Không  Có
- ID: 18
- Description: The banner module allows to show the active banners

The 'Parameters' section includes:

- Banner client: 1

On the right side, the 'Menu Item Link' dropdown is set to 'All'.

Các thông số chú ý trong phần **Details**:

- **Title:** Tên của Module hiển thị Banner, có thể đặt theo tên của Client để dễ quản lý.

- **Position:** Chọn vị để hiển thị Banner, mặc nhiên sẽ được hiển thị tại vị trí Banner, nhưng có thể thay đổi vị trí khác nếu muốn.
- **Banner Client:** Nhập số **ID** của Client muốn hiển thị Banner, có thể cho hiển thị nhiều Banner của Client bằng cách nhập nhiều số **ID**, mỗi **ID** cách nhau bởi dấu , (td: 1,2,3).
- **Menu Items Link (s):** Chọn trang hiển thị Banner.
- Nhấn **Save** để hoàn tất.

Có thể Copy Module Banner ra thành nhiều Module để đặt Banner vào các vị trí khác nếu muốn bằng cách đánh dấu vào **Module Banner** và chọn **Copy** sau đó nhấn vào Module mới copy này để chỉnh lại các thông số giống cách bên trên.

Mặc nhiên Module Banner của Joomla chỉ hiển thị một Banner hoặc mỗi lần một Banner (xuất hiện ngẫu nhiên) nên nếu muốn có thể kết hợp thêm với các Module khác để có thêm những kiểu hiển thị khác nhau. Một số Module có thể sử dụng chung với Component Banner là: X-Banner (hiển thị ngẫu nhiên, có hiệu ứng), All Banners (hiển thị tất cả Banner), Banners not Random (xuất hiện không ngẫu nhiên),... Download các Module tại trang web <http://extensions.joomla.org/>

Lưu ý muốn Banner được đặt chính xác và đẹp thì cần phải tính toán kích thước của Banner vừa với vị trí cần đặt trên Template.

### Cách tính phí cho Banner:

- **Tính phí theo số lần xem:** giả sử khách hàng đặt Banner với mức chi phí cho **100** lần xem, như vậy sẽ đặt giá trị trong **Impressions Purchased** là **100**, khi số lần xem vượt hơn **100** thì Banner sẽ bị xóa. Nếu khách hàng gia hạn thêm (trả thêm phí) thì tăng thêm **Impressions Purchased** tương ứng.
- **Tính phí theo số lần nhấn (Click) chuột vào Banner:** Khi nhấn chuột vào Banner người dùng sẽ được chuyển tới trang web của khách hàng, số lần truy cập thông qua Banner này sẽ được hiển thị trong phần thống kê trên Host của khách hàng, khách hàng sẽ căn cứ vào đó để thanh toán tiền.

Có thể xem các thông tin về Banner trong **Manage Banner**, với các thông số:

#	<input type="checkbox"/> Banner Name	Impressions Made	Impressions Left	Clicks	% Clicks
1	<input type="checkbox"/> Khách hàng 1	43	57	2	4.651
2	<input type="checkbox"/> Khách hàng 2	23	unlimited	0	0

- **Impressions Made:** Số lần đã xem.
- **Impressions Left:** Số lần còn lại, **unlimited** là không giới hạn.
- **Clicks:** Số lần nhấn chuột vào Banner.
- **% Clicks:** Số lần nhấn chuột vào Banner tính theo % trên số lần xem.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 29

### Cách tạo diễn đàn với Simple Machines Forum

Simple Machines Forum (SMF) là một bộ phần mềm chuyên nghiệp và miễn phí, cho phép thiết lập một diễn đàn cộng đồng trực tuyến một cách dễ dàng và nhanh chóng.

SMF được viết bằng ngôn ngữ PHP và sử dụng cơ sở dữ liệu MySQL Database. SMF được thiết kế với tất cả các tính năng cần thiết trong khi lại sử dụng rất ít nguồn tài nguyên của máy chủ Web (Server).

#### **Sau đây là cách cài đặt SMF:**

Tải gói cài đặt SMF tại: <http://www.simplemachines.org/download/> SMF được đóng gói bằng nhiều dạng khác nhau, hãy chọn một dạng thông dụng tương thích với chương trình giải nén trên máy của bạn.



[Tải gói cài đặt ngôn ngữ tiếng Việt cho SMF](#) hãy chọn một dạng thông dụng tương thích với chương trình giải nén trên máy của bạn.

## Select Language Package for 'Vietnamese'

smf\_1-1-4\_vietnamese

Vietnamese language files (UTF-8) for SMF 1.1.4.



zip



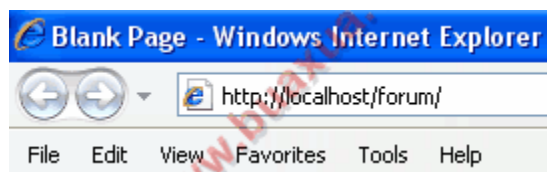
tar.gz



tar.bz2

Sau khi tải gói cài đặt SMF về máy tính cá nhân, giải nén gói cài đặt này vào thư mục Web và nếu muốn có thể tạo thêm một thư mục phụ (thí dụ: D:\www\forum) để chứa SMF.

Mở trình duyệt web và nhập <http://localhost/forum> vào dòng địa chỉ và nhấn **Enter**.



Màn hình cài đặt sẽ xuất hiện, trong phần **Basic Setting** nhập thông số vào các mục:

Basic Settings	
Just a few things for you to setup ;).	
<b>Forum name:</b>	<input type="text" value="buaxua forum"/> <small>This is the name of your forum, ie. "The Testing Forum".</small>
<b>Forum URL:</b>	<input type="text" value="http://localhost/forum"/> <small>This is the URL to your forum <b>without the trailing '/'!</b>. In most cases, you can leave the default value in this box alone - it</small>
<b>Gzip Output:</b>	<input checked="" type="checkbox"/> Compress output to save bandwidth. <small>This function does not work properly on all servers, but can save you. Click <a href="#">here</a> to test it. (it should just say "PASS".)</small>
<b>Database Sessions:</b>	<input checked="" type="checkbox"/> Use the database for sessions instead of using files. <small>This feature is almost always for the best, as it makes sessions more</small>
<b>UTF-8 Character Set:</b>	<input checked="" type="checkbox"/> Use UTF-8 as default character set <small>This feature lets both the database and the forum use an international multiple languages that use different character sets.</small>
<b>Allow Stat Collection:</b>	<input type="checkbox"/> Allow Simple Machines to Collect Basic Stats Monthly <small>If enabled, this will allow Simple Machines to visit your site once a month as to which configurations to optimize the software for. For more info</small>

- **Forum name:** Tên của Diễn đàn.
- **Forum URL:** Địa chỉ web của Diễn đàn, mặc nhiên chương trình sẽ tự động chọn theo địa chỉ được nhập vào bên trên là <http://localhost/forum>
- **Gzip Output:** Chức năng nén dữ liệu, hãy chọn nó để tiết kiệm băng thông. Tuy nhiên nên nhấn vào chữ **here** để kiểm tra xem Server có hỗ trợ chức năng này hay không, nếu có sẽ hiển thị một cửa sổ **Pass**. Nếu Server không hỗ trợ chức năng này thì không chọn **Gzip Output**.



- Chọn **Database Sessions** và **UTF-8 Character Set** để hỗ trợ ngôn ngữ mã Unicode.
- **Allow Stat Collection:** Cho phép SMF tổng hợp thông tin về diễn đàn của bạn, thông tin này nhằm giúp SMF đánh giá và phát triển chương trình của mình. Nếu không muốn thì không đánh dấu chọn.

**Trong phần MySQL Settings:**



### MySQL Server Settings

These are the settings to use for your MySQL server. If you don't know the values, you can use the defaults.

**MySQL server name:**   
This is nearly always localhost - so if you don't know, try localhost.

**MySQL username:**   
Fill in the username you need to connect to your MySQL database here. If you don't know what it is, try the username of your ftp account, most of the time that works.

**MySQL password:**   
Here, put the password you need to connect to your MySQL database. If you don't know this, you should try the password to your ftp account.

**MySQL database name:**   
Fill in the name of the database you want to use for SMF to store its data. If this database does not exist, this installer will try to create it.

**MySQL table prefix:**   
The prefix for every table in the database. **Do not** use spaces or special characters. This value allows for multiple installations in one database.

- **MySQL Server name:** tên của máy chủ cơ sở dữ liệu (Database), thông thường là **localhost**.
- **MySQL Username:** Tên truy cập Database, mặc nhiên là **root**.
- **MySQL password:** Mật khẩu truy cập Database, mặc nhiên là để trống.
- **MySQL database name:** Tên của Database, nhập tên nếu đã có sẵn hoặc nếu chưa có thì chương trình sẽ tự tạo ra.
- **MySQL table prefix:** Tiền tố của các bảng dữ liệu, nên giữ nguyên mặc định.

**Lưu ý:** Có thể dùng chung với Database có sẵn của trang Web bằng cách khai báo tên của Database và Username/password dùng truy cập Database đó.

Sau khi nhập xong các thông số nhấn **Proceed**, nếu các thông số hợp lệ chương trình sẽ chuyển qua phần cài đặt tiếp theo.

**Create Your Account:** Phần này sẽ tạo tài khoản **Admin** để quản trị Diễn đàn.

## Create Your Account

The installer will now create a new administrator account for you.

**Your username:**   
Choose the name you want to login with.  
This can't be changed later, but your display name can be.

**Password:**   
Fill in your preferred password here, and remember it well!

**Password:**   
(just for verification.)

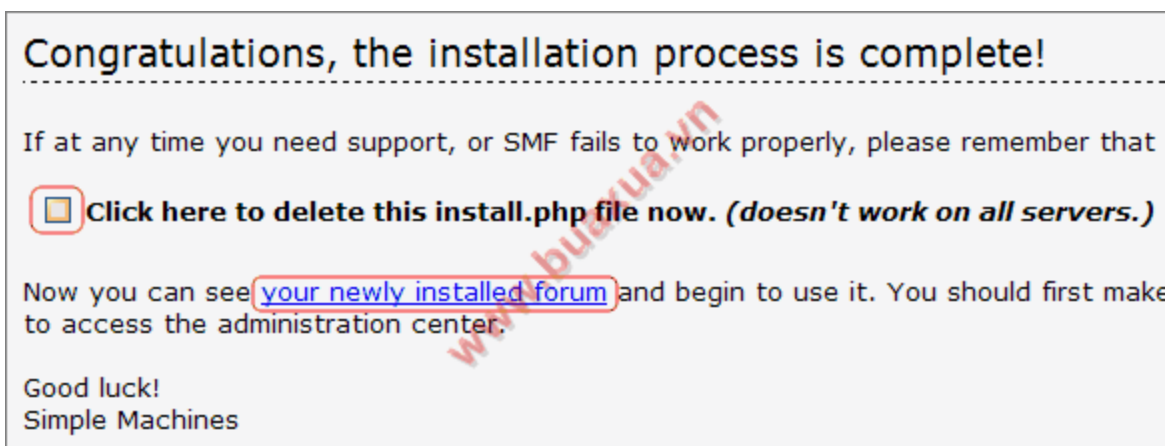
**Email Address:**   
Provide your email address as well. **This must be a valid email address.**

## MySQL Database Password

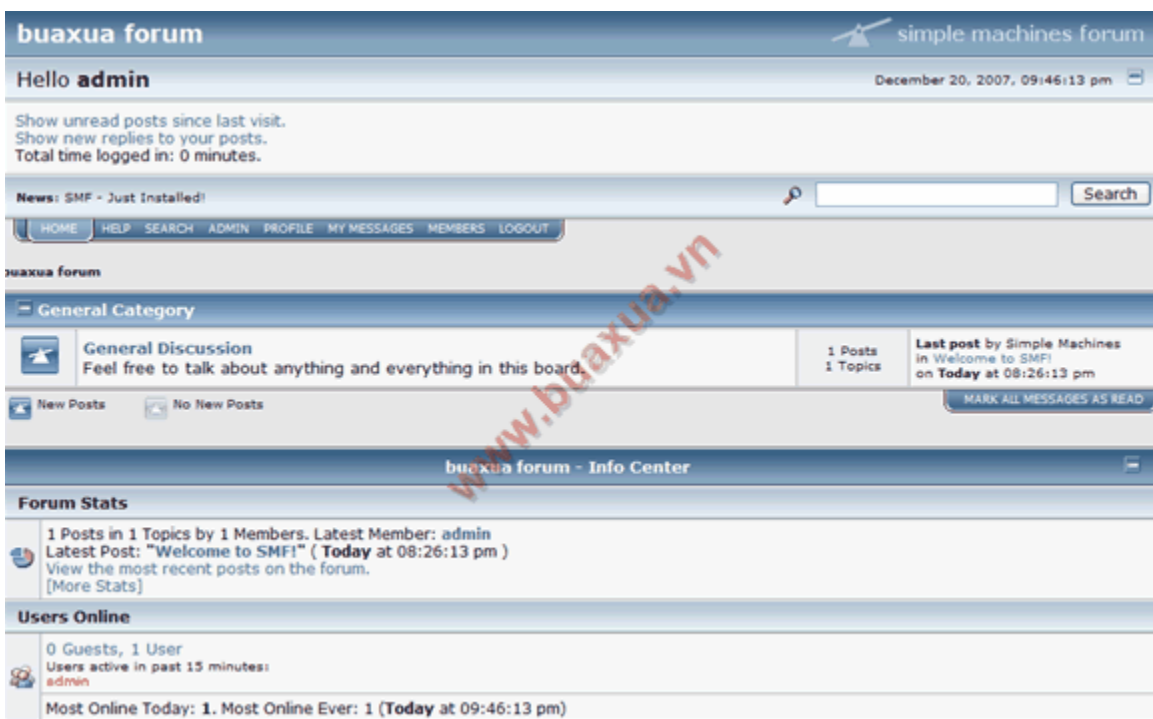
The installer requires that you supply the database password to create an administrat

- **Your username:** Tên truy cập, đặt tùy ý.
- **Password:** Mật khẩu truy cập, nhập mật khẩu tùy ý giống nhau vào cả 2 ô.
- **Email Address:** Nhập địa chỉ Email của bạn, nếu chưa có thì nhập giống trong hình.
- **MySQL Database Password:** nhập mật khẩu của Database, mặc nhiên là để trống giống như khai báo trong phần **MySQL Settings**. Nhấn **Finish**.

Chương trình sẽ cài đặt và cuối cùng xuất hiện thông báo việc cài đặt đã hoàn tất. Nhấn vào ô **Click here to delete this install.php file now** để xóa File cài đặt này. Sau đó nhấn vào dòng chữ **your newly installed forum** để bắt đầu vào Diễn đàn.

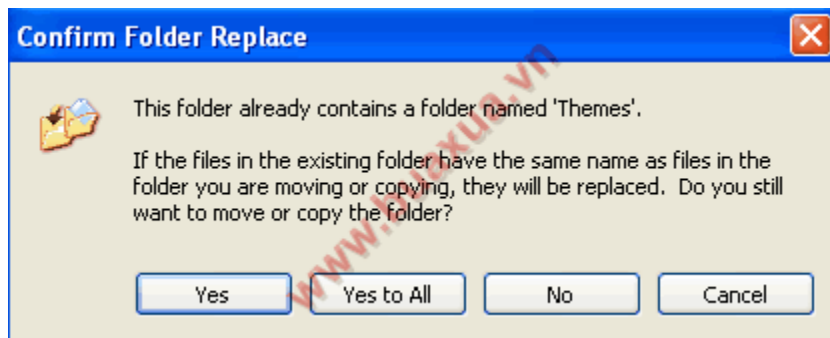


Giao diện của Diễn đàn sẽ xuất hiện trong cửa sổ của Trình duyệt và đồng thời tài khoản **Admin** cũng được đăng nhập.

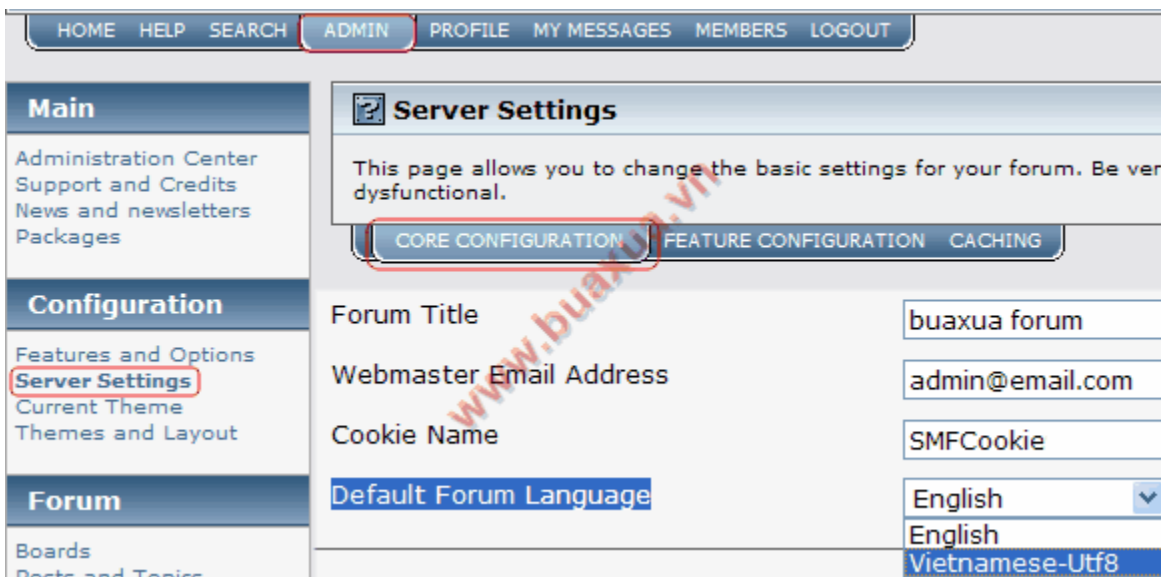


### Cài đặt ngôn ngữ Việt cho SMF:

Giải nén thư mục **Themes** trong gói cài đặt ngôn ngữ tiếng Việt vào thư mục gốc của SMF (thí dụ: D:\www\forum) sao cho chồng lên thư mục **Themes** có sẵn, khi hiện ra bảng thông báo **Confirm Folder Replace** nhấn **Yes to All** để chấp nhận.



Trở lại Trình duyệt, nhấn **Refresh** (phím **F5**) để cập nhật các thay đổi. Sau đó truy cập vào Menu **Admin** -> **Server Settings** -> **Core Configuration** -> **Default Forum Language** -> chọn **Vietnamese-Utf8** và nhấn **Save**.



Bây giờ giao diện của Diễn đàn đã hiển thị tiếng Việt, ngoại trừ một số nội dung dữ liệu mẫu vẫn hiển thị tiếng Anh, có thể xóa chúng đi hoặc sửa lại thành tiếng Việt tùy ý.

Truy cập vào Menu **Admin** -> **Trung tâm quản trị**: Nơi đây bạn có thể sử dụng các chức năng của SMF để quản lý, thiết lập các thông số và tạo các chủ đề, bài viết,... cho Diễn đàn của mình.



Trên đây là cách cài đặt SMF trên Localhost, cách cài trên Webhost cũng tương tự và chỉ cần chú ý địa chỉ đường dẫn và các thông số của Database.

### Lưu ý:

- Nếu muốn hiển thị dữ liệu và thông tin của **SMF** lên trang chủ của **Joomla! phiên bản 1.0.x** bằng tiếng Việt thì ngay sau khi cài đặt SMF xong phải mở tập tin **Settings.php** nằm trong thư mục cài đặt SMF, thêm dấu **//** vào trước dòng thiết lập mã cho Database như trong hình hoặc có thể xóa bỏ luôn dòng này (dòng 64).

```
64 // $db_character_set = 'utf8';
65 ?>
```

- Nếu việc chỉnh sửa này được thực hiện sau khi tạo **Category** và **Board** cho SMF thì tên của chúng sẽ bị lỗi hiển thị tiếng Việt, trong trường hợp này chỉ cần sửa lại tên bằng tiếng Việt mã Unicode là được.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 30

### Cách cài đặt ngôn ngữ tiếng Việt cho Joomla! 1.5.x

Mặc nhiên sau khi cài đặt Joomla! sẽ hiển thị ngôn ngữ tiếng Anh trên trang Web và trong phần Quản trị. Có thể bổ sung, thay đổi ngôn ngữ cho Joomla! bằng cách tải và cài đặt thêm các gói Ngôn ngữ khác.

Đối với Joomla! 1.5.x gói ngôn ngữ được chia thành 2 phần dành cho trang Web (Front-end) và phần Quản trị (Admin, Back-end), tùy theo nhu cầu có thể cài một hoặc cả hai tùy ý.

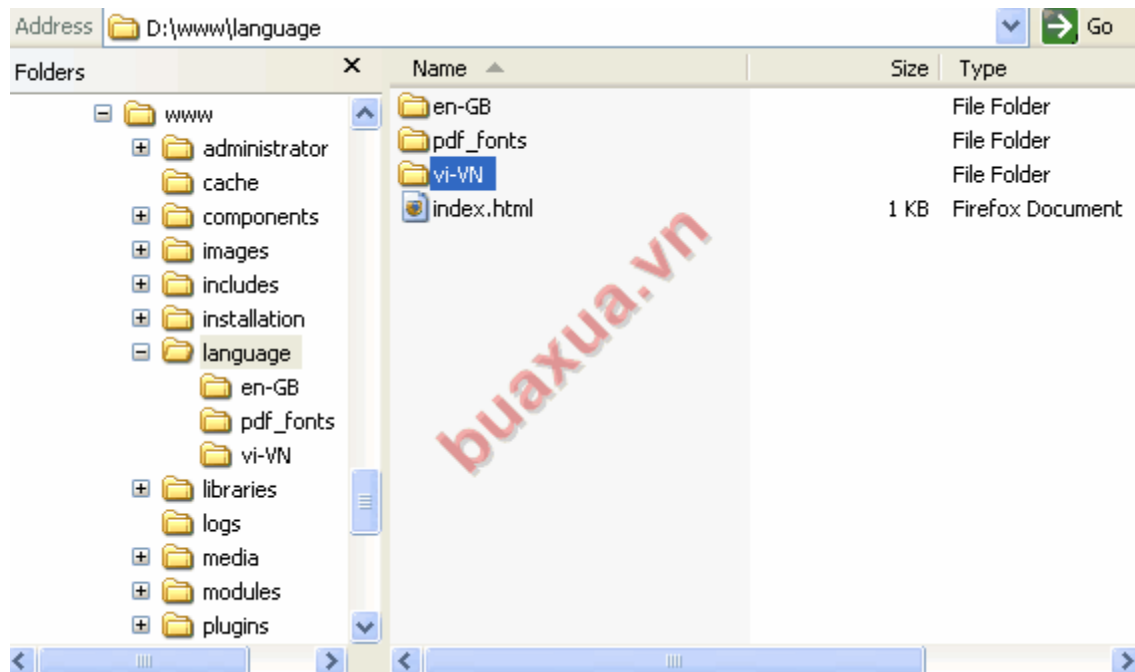
Tải gói ngôn ngữ tiếng Việt cho Joomla! 1.5.x: [Front-end](#) và [Back-end](#)

Có 2 cách cài đặt Ngôn ngữ cho Joomla! 1.5.x:

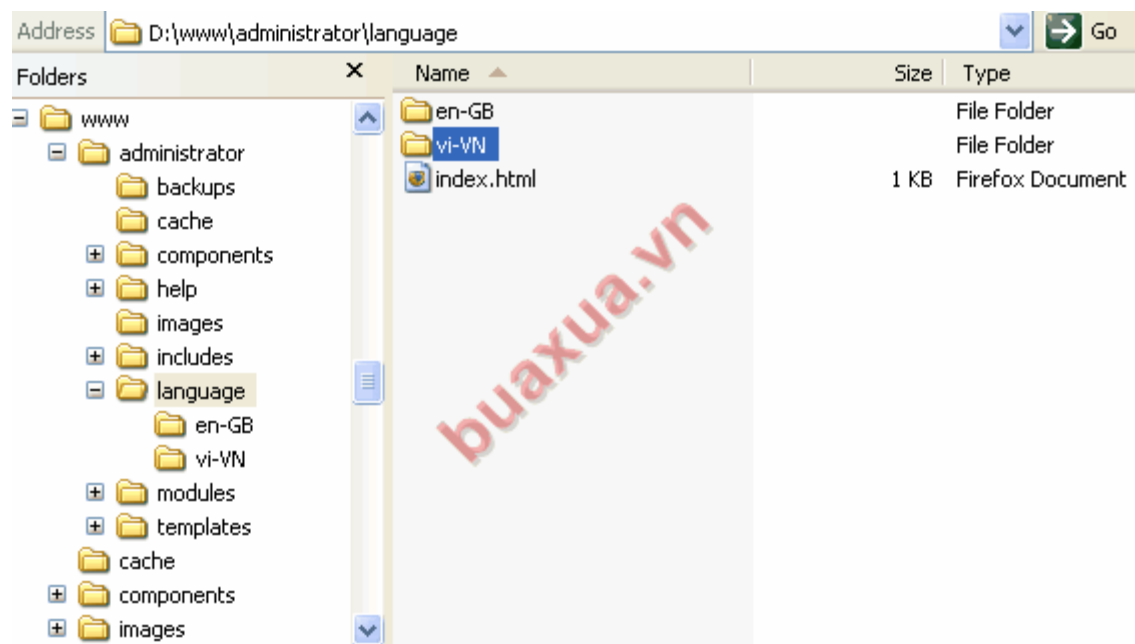
**Cách 1:** Thực hiện trước khi cài đặt Joomla!

Cách này được thực hiện trước khi tiến hành cài đặt Joomla! để mặc nhiên sau khi cài đặt xong trang Web sẽ hiển thị luôn tiếng Việt.

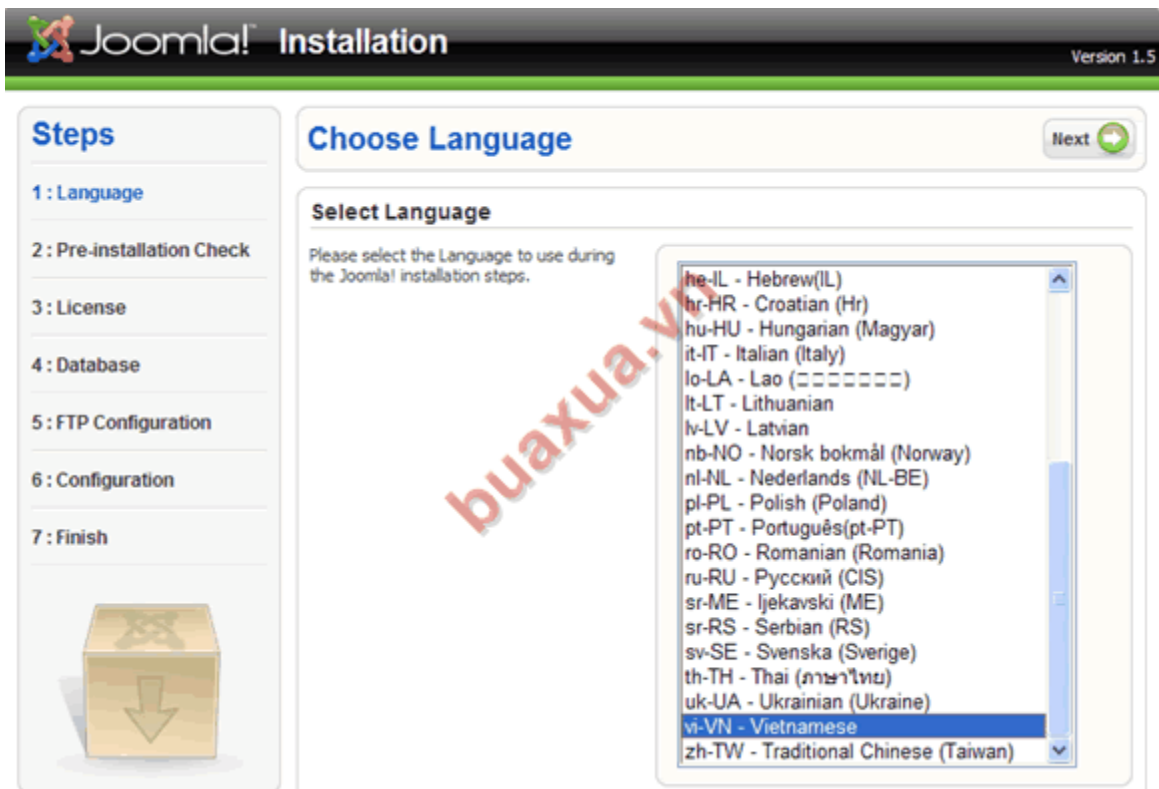
- Giải nén thư mục **vi-VN** trong gói ngôn ngữ tiếng Việt dành cho Front-end vào thư mục **language** của Joomla!



- Giải nén thư mục **vi-VN** trong gói ngôn ngữ tiếng Việt dành cho **Back-end** vào thư mục **administrator\language** của Joomla!



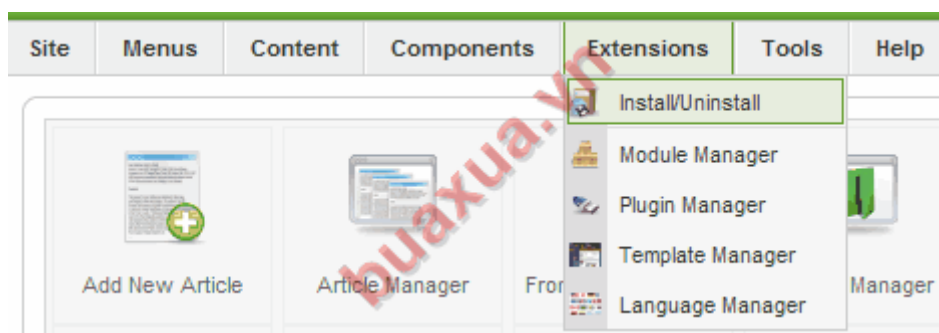
- Khi cài đặt Joomla! ở bước 1 (Chọn ngôn ngữ) thì chọn **vn-VN** để hiển thị ngôn ngữ Việt.



**Cách 2:** Thực hiện sau khi cài đặt Joomla!

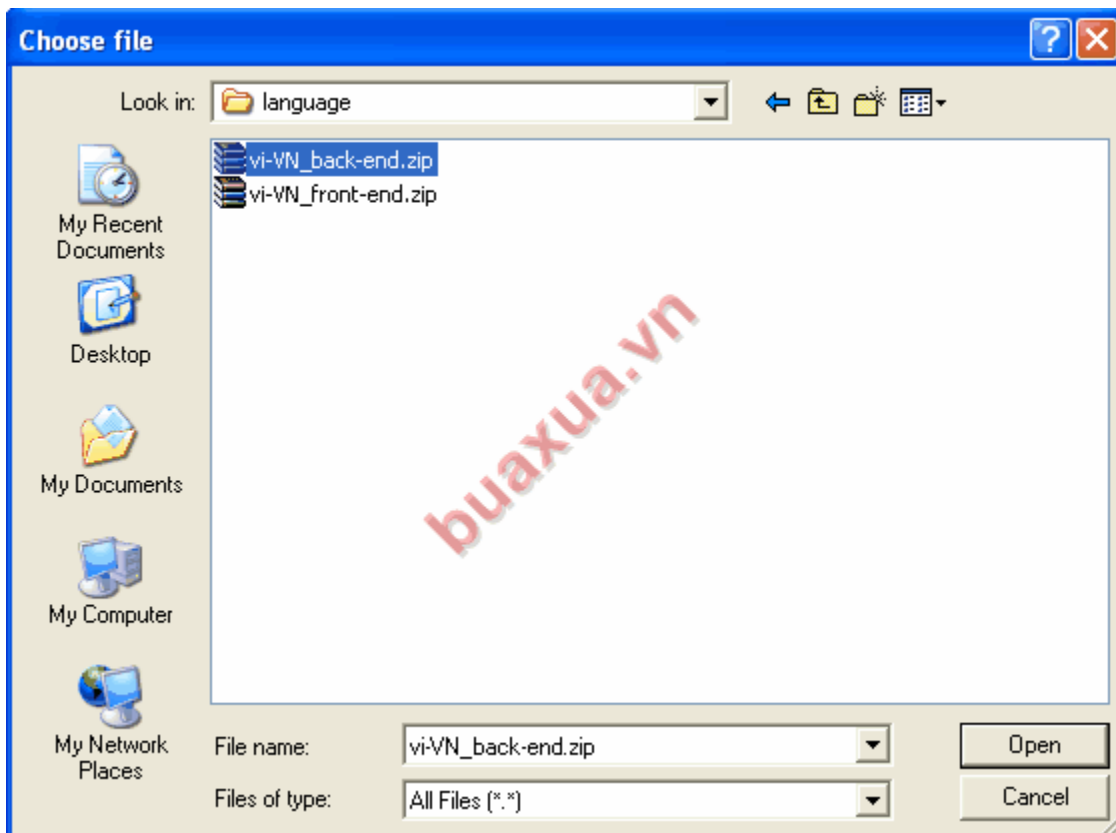
Cài đặt theo cách thông thường, sau khi cài đặt Joomla! xong Login vào phần Quản trị (Admin)

- Chọn Menu **Extensions -> Install/Uninstall**

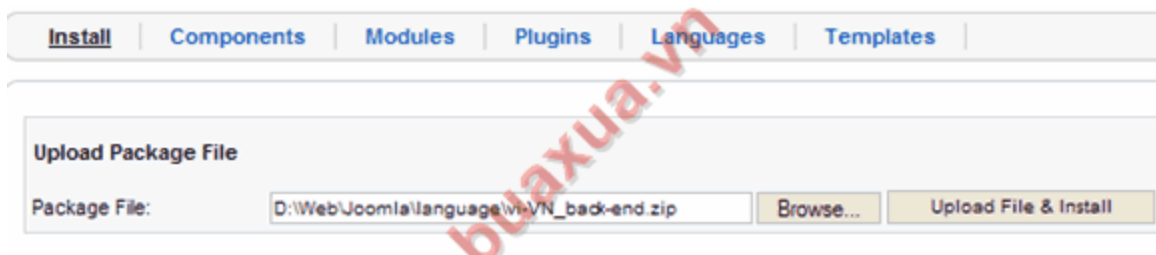


- Nhấn **Browse...** tìm và chọn gói ngôn ngữ sau đó nhấn **Open**.

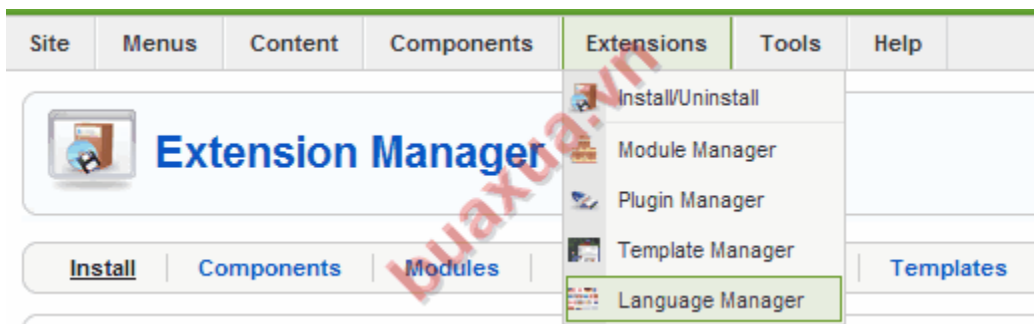




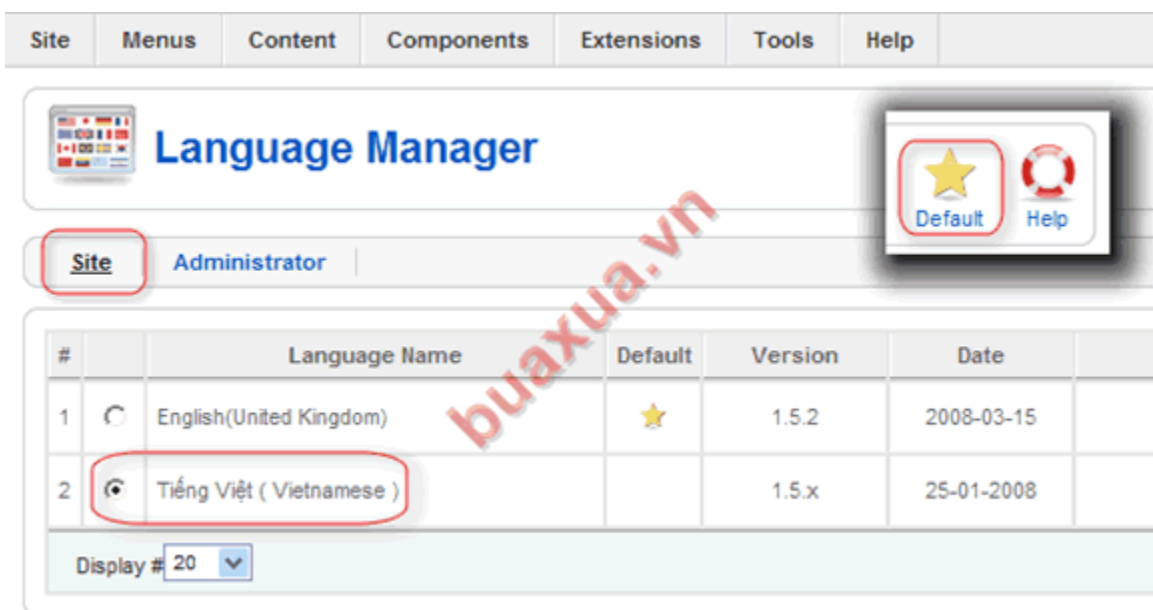
- Nhấn **Upload File & Install** để cài đặt. Xuất hiện thông báo **Install Language Success** là việc cài đặt đã thành công. Thực hiện hai lần cho hai gói ngôn ngữ **Back-end** và **Front-end**.



- Chọn Menu **Extensions -> Language Manager**



- Chọn **Site** -> Chọn **Tiếng Việt (Vietnamese)** -> Nhấn **Default** để thay đổi ngôn ngữ tiếng Việt cho phần Front-end (Trang Web)



- Chọn **Administrator** -> Chọn **Tiếng Việt (Vietnamese)** -> Nhấn **Default** để thay đổi ngôn ngữ tiếng Việt cho phần Back-end (Quản trị)

Language Manager

Site Administrator

#	Language Name	Default	Version	Date
1	English(United Kingdom)	★	1.5.2	2008-03-15
2	Tiếng Việt ( Vietnamese )		1.5.x	25-01-2008

Display # 20

Các File ngôn ngữ của Joomla! 1.5.x được chia riêng biệt có tên theo từng thành phần mở rộng (Component, Module, Plug-in,...) và có phần đuôi là **.ini** nằm trong thư mục **language** và **administrator/language** có thể mở các File này ra và chỉnh sửa lại tiếng Việt mã Unicode trong đó.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 31

### Cài đặt Joomla! phiên bản 1.0.x trên Localhost

Joomla! là hệ thống quản trị nội dung (CMS: Content management System) cho các Web Site. Joomla! được xây dựng bằng mã nguồn mở PHP, với nhiều thành phần có sẵn và kết nối với cơ sở dữ liệu (Data Base). Với Joomla! bạn có thể dễ dàng tạo được một Web Site động có các chức năng từ đơn giản như Web cá nhân hay đến các Web Site lớn như: Thông tin, Thương mại trực tuyến... Ngoài ra Joomla! còn cho phép tích hợp thêm các thành phần khác để nâng cấp và mở rộng thêm chức năng cho Joomla!

Joomla! được download và sử dụng miễn phí tại trang web: <http://www.joomla.org/> Bài này sẽ hướng dẫn cách cài đặt Joomla! 1.0.x trên Localhost.

Joomla! được đóng gói dưới dạng File nén (zip, tar.gz), bạn phải giải nén (Extract) toàn bộ các File trong đó vào thư mục Web gốc (Web root), trong phần hướng dẫn cài Wamp5 và Xampp chúng ta đã chọn thư mục là **D:/www**.

- Sau khi đã giải nén tất cả các File vào trong thư mục **D:/www**, mở chương trình duyệt Web (Internet Explorer, Firefox...) và nhập **http://localhost/** vào dòng địa chỉ.
- Chương trình cài đặt Joomla! sẽ kiểm tra và đưa ra thông báo, chú ý nếu các thông số có màu đỏ là chưa đáp ứng được các yêu cầu của Joomla!, việc cài Joomla! có thể bị lỗi. Nếu các thông số đều có kết quả hiển thị màu xanh là đáp ứng được các yêu cầu của Joomla!, có thể tiến hành cài đặt. Nhấn **Next** để tiếp tục, trong **License** nhấn **Next**.

Address <http://localhost/installation/index.php> Go Links

Joomla! Installer

pre-installation check

license

step 1

step 2

step 3

step 4

Next >>

Check Again

Joomla! 1.0.13 Stable [ Sunglow ] 21 July 2007 16:00 UTC

**Required Settings Check:**

If any of these items are highlighted in red then please take actions to correct them. Failure to do so could lead to your Joomla! installation not functioning correctly.

PHP version >= 4.1.0	Yes
- zlib compression support	Available
- XML support	Available
- MySQL support	Available
configuration.php	Writeable
Session save path	Writeable
D:wamp.tmp	

### Recommended Settings Check:

These settings are recommended for PHP in order to ensure full compatibility with Joomla!.

However, Joomla! will still operate if your settings do not quite match the recommended

Directive	Recommended	Actual
Safe Mode:	OFF:	OFF
Display Errors:	ON:	ON
File Uploads:	ON:	ON
Magic Quotes GPC:	ON:	ON
Magic Quotes Runtime:	OFF:	OFF
Register Globals:	OFF:	OFF
Output Buffering:	OFF:	OFF
Session auto start:	OFF:	OFF

### Directory and File Permissions Check:

In order for Joomla! to function correctly it needs to be able to access or write to certain files or directories.

If you see "Unwriteable" you need to change the permissions on the file or directory to allow Joomla! to write to it.

administrator/backups/	Writeable
administrator/components/	Writeable
administrator/modules/	Writeable
administrator/templates/	Writeable
cache/	Writeable
components/	Writeable
images/	Writeable
images/banners/	Writeable
images/stories/	Writeable
language/	Writeable
mambots/	Writeable
mambots/content/	Writeable
mambots/editors/	Writeable
mambots/editors-xttd/	Writeable
mambots/search/	Writeable
mambots/system/	Writeable
media/	Writeable
modules/	Writeable
templates/	Writeable

- Trong **MySQL database configuration**, khai các thông số giống như lúc bạn tạo Database. Chọn **Install Sample Data** để chương trình cài đặt các dữ liệu mẫu, việc này sẽ có lợi khi bạn mới bắt đầu sử dụng Joomla!. Nhấn **Next** để tiếp tục, xuất hiện một thông báo nhắc nhở các thông số đã được nhập chính xác chưa, nhấn **Ok** để xác nhận.

### MySQL database configuration:

Setting up Joomla! to run on your server involves 4 simple steps...

Please enter the hostname of the server Joomla! is to be installed on.

Enter the MySQL username, password and database name you wish to use with Joomla!

Enter a table name prefix to be used by this Joomla! install and select what to do with existing tables from former installations.

Install the sample data unless you are an experienced Joomla! User wanting to start with a completely empty site.

Host Name	<input type="text" value="localhost"/>	<i>This is usually 'localhost'</i>
MySQL User Name	<input type="text" value="root"/>	<i>Either something as 'root' or a username given by the hoster</i>
MySQL Password	<input type="password"/>	<i>For site security using a password for the mysql account is mandatory</i>
MySQL Database Name	<input type="text" value="joomla"/>	<i>Some hosts allow only a certain DB name per site. Use table prefix in this case for distinct Joomla! sites.</i>
MySQL Table Prefix	<input type="text" value="jos_"/>	
<input type="checkbox"/>	Drop Existing Tables	
<input type="checkbox"/>	Backup Old Tables	<i>Any existing backup tables from former Joomla! installations will be replaced</i>
<input checked="" type="checkbox"/>	Install Sample Data	<i>Don't uncheck this option unless you are experienced in using Joomla!</i>

- Nếu có lỗi gì xảy ra là do khai báo Database không chính xác, nếu đúng thì chương trình sẽ chuyển qua bước kế tiếp là yêu cầu nhập tên cho Web Site của bạn, có thể đặt bất cứ tên gì bạn muốn và có thể sử dụng tiếng Việt Font Unicode. Nhấn **Next** để tiếp tục.



**step 2** Next >>

### Enter the name of your Joomla! site:

SUCCESS!

Type in the name for your Joomla! site. This name is used in email messages so make it something meaningful.

Site name	<input type="text" value="Trang Web đầu tiên của tôi"/>
-----------	---

e.g. The Home of Joomla!

- Trong phần **Confirm the site URL**. Nhập địa chỉ Email của bạn (hay bất cứ gì) vào ô **Your E-mail**, phần này vì chúng ta cài đặt web trên localhost nên không cần thiết, sau này nếu cài trên Host sẽ khai báo đúng địa chỉ Email thật để tạo liên hệ).



- Nhập mật khẩu vào ô **Admin password**, mật khẩu này do bạn tự chọn hoặc cũng có thể giữ nguyên mật khẩu do chương trình chọn sẵn nhưng phải nhớ để dùng khi đăng nhập (login) vào phần Quản trị (Admin) sau này. Các mục khác giữ nguyên, nhấn **Next** để tiếp tục.

**Confirm the site URL, path, admin e-mail and file/directory chmods**

If URL and Path look correct then please do not change them. If you are not sure then please contact your ISP or administrator. Usually the values displayed will work for your site.

Enter your e-mail address, this will be the e-mail address of the site SuperAdministrator.

The permission settings will be used while installing Joomla! itself, by the Joomla! add-on-installers and by the media manager. If you are unsure what flags shall be set, leave the default settings at the moment. You can still change these flags later in the site global configuration.

URL	<input type="text" value="http://localhost"/>
Path	<input type="text" value="D:\www"/>
Your E-mail	<input type="text" value="admin1@email.com"/>
Admin password	<input type="text" value="123456"/>

**File Permissions**

Dont CHMOD files (use server defaults)

CHMOD files to:

**Directory Permissions**

Dont CHMOD directories (use server defaults)

CHMOD directories to:

- Cuối cùng màn hình báo việc cài đặt Joomla! đã hoàn thành, Lưu ý các thông số **User name** và **Password** để vào **Administration Login**. Lúc này bạn phải vào thư mục đã cài đặt Joomla! (**D:/www**) để xóa hoặc đổi tên thư mục tên **installation** (**D:/www/installation**). Sau khi xóa xong bạn mới có thể chọn **View Site** để truy cập Trang chủ (Front-End) hoặc **Administration** (Back-End) để truy cập vào phần Quản trị Joomla!.





Nếu chọn **Administration** sẽ hiện lên màn hình đăng nhập vào **Administration**, bạn hãy dùng tên (Username, mặc định là **admin**) và mật khẩu như trên để đăng nhập vào phần Quản trị của Joomla!, nơi đây sẽ cho phép bạn thiết lập các cấu hình, chức năng, kiểu dáng... của trang Web.



Nếu bạn chọn **View Site** thì trình duyệt sẽ hiện lên trang chủ của **Web Site**. Đây là trang web đầu tiên của bạn với các trang mẫu được tạo sẵn trong lúc cài đặt Joomla!, với các Menu, tin tức, liên hệ, tìm kiếm, ...



Đối với một số người mới bắt đầu thì đây đã là một thành công, có thể không được đẹp mắt và phù hợp với chủ đề Web Site của bạn, nhưng đừng lo, bạn sẽ làm cho nó trở nên đẹp và chuyên nghiệp hơn.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 32

### Cách cài đặt Joomla!

### phiên bản 1.5.x trên Localhost

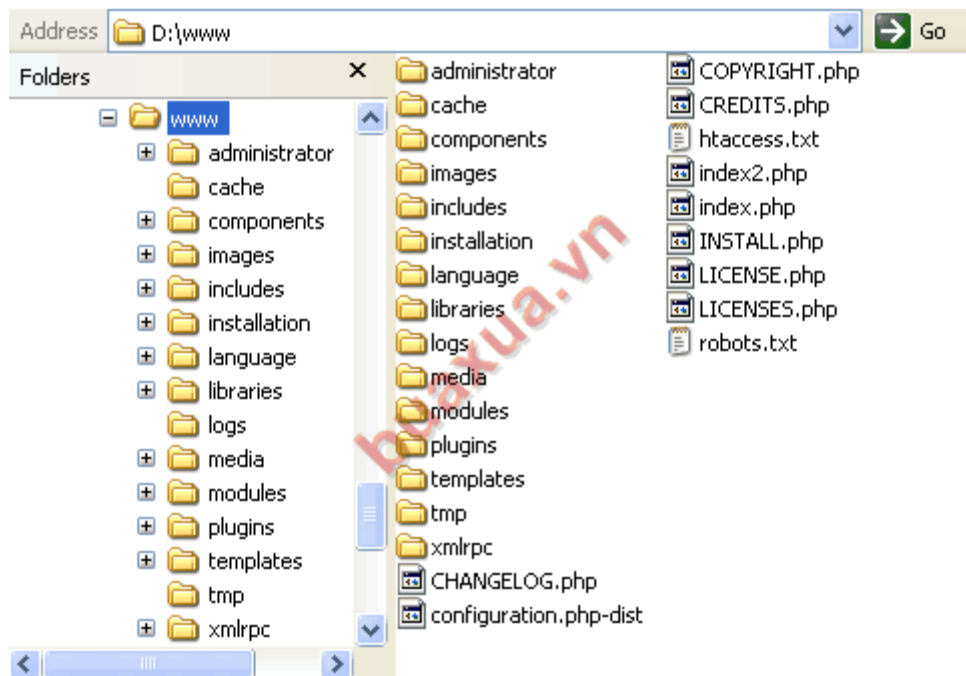
Với sự ra đời phiên bản mới là 1.5.x hiện nay Joomla! có 2 dòng phiên bản đó là 1.0.x và 1.5.x. Phiên bản 1.5.x được lập trình mới hoàn toàn hứa hẹn sẽ đem lại sự lựa chọn và nhiều tính năng mới cho người sử dụng.

Tuy là phiên bản mới có nhiều cải tiến nhưng người dùng vẫn phải cân nhắc kỹ trước khi quyết định dùng phiên bản Joomla! nào vì cả hai đều có những ưu khuyết điểm riêng. Tốt nhất là nên thử cài đặt cả hai và xem xét, đánh giá các yếu tố như cách thiết lập cấu hình, quản lý nội dung, các thành phần mở rộng cần sử dụng hiện có và tương thích với phiên bản nào,...

Bài viết này sẽ hướng dẫn cách cài đặt Joomla! phiên bản 1.5.x trên **Localhost** sử dụng chương trình Web Server là **Wamp5**

#### Chuẩn bị:

- Tải phiên bản **Joomla! 1.5.x** mới nhất tại trang Web <http://joomla.org/>
- Giải nén gói cài đặt Joomla! vào thư mục Web gốc (trong bài này sẽ là thư mục **www**).

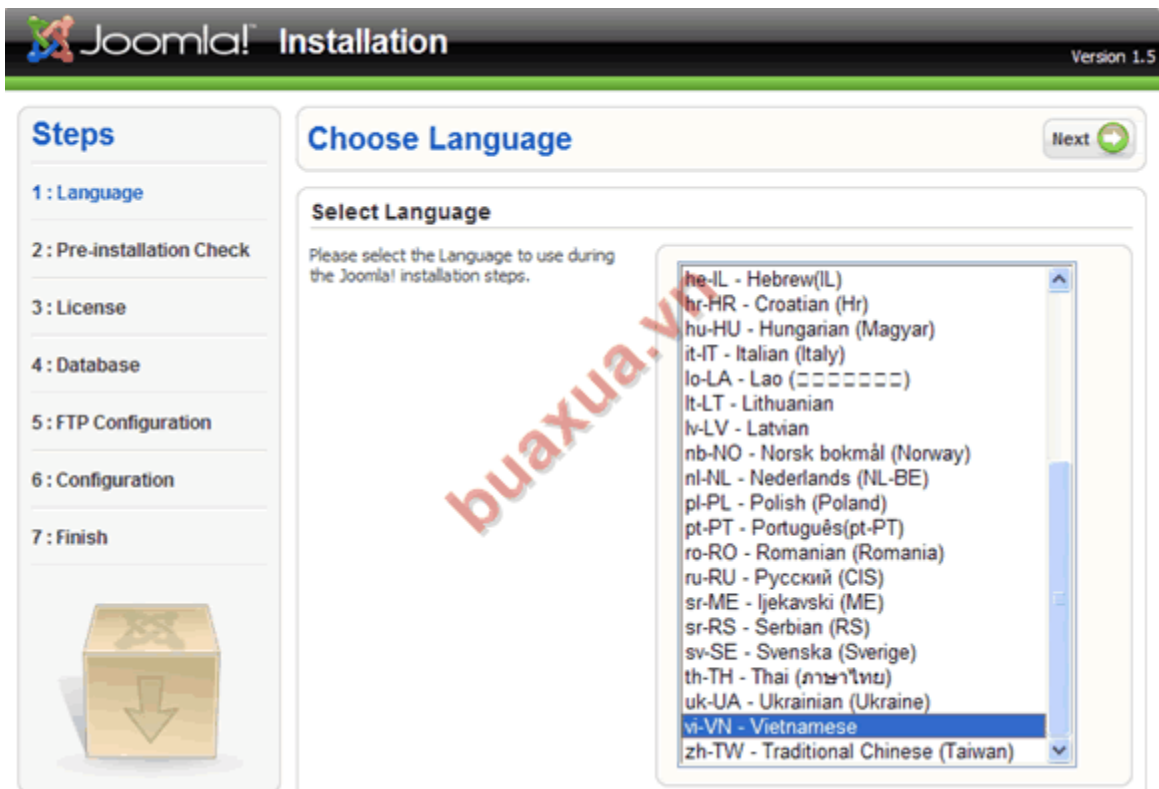


- Khởi động chương trình Web Server Wamp5 và tạo Cơ sở dữ liệu (Database) cho Joomla!
- **Cài đặt:**

Mở trình duyệt Web (Internet Explorer, FireFox,...) nhập dòng địa chỉ **http://localhost/** và nhấn phím **Enter**.

Màn hình cài đặt Joomla! sẽ xuất hiện với các bước cài đặt sau:

**Bước 1:** Chọn ngôn ngữ



- Bước này sẽ cho phép chọn ngôn ngữ hiển thị trong quá trình cài đặt, không phải ngôn ngữ của trang Web sau này. Nếu muốn trang Web sẽ tự động hiển thị ngôn ngữ Việt sau khi cài đặt thì giải nén gói ngôn ngữ Việt vào Joomla! trước khi thực hiện bước kế tiếp (xem bài hướng dẫn cài [Cách cài đặt ngôn ngữ tiếng Việt cho Joomla! 1.5.x](#)). Chọn **vn-VN** để hiển thị ngôn ngữ Việt và nhấn **Next**.

## **Bước 2:** Kiểm tra trước khi cài đặt

**Bước**

- 1: Ngôn ngữ
- 2: Kiểm tra trước khi cài đặt
- 3: Chứng nhận
- 4: Cơ sở dữ liệu
- 5: Cấu hình FTP
- 6: Cấu hình
- 7: Kết thúc

**Kiểm tra trước khi cài đặt** Kiểm tra lại Trước Tiếp

**Hãy kiểm tra trước khi cài đặt cho Joomla! 1.5.0 Production/Stable [ Karibu ]**

Nếu một trong những thông số ở đây bị đánh dấu đỏ, hãy thay đổi chúng, nếu máy chủ web của bạn đáp ứng được hết các thông số này, bản Joomla của bạn sẽ ổn định nhất có thể.

Phiên bản PHP >= 4.3.10	Có
- Hỗ trợ dạng thức nén zip	Có
- Hỗ trợ XML	Có
- Hỗ trợ MySQL	Có
MB language is default	Có
MB string overload off	Có
configuration.php Writable	Có

**Thiết lập đề nghị:**

Đây là những yêu cầu cấu hình PHP của Joomla!  
Tuy nhiên, Joomla! sẽ vẫn hoạt động được nếu các thiết lập PHP trên máy của bạn không đáp ứng được hết các yêu cầu ở đây.

Cấu hình	Đề nghị	Thực tế
Safe Mode:	Tắt	Tắt
Display errors:	Bật	Bật
File uploads:	Bật	Bật
Magic Quotes Runtime:	Tắt	Tắt
Register Globals:	Tắt	Tắt
Output Buffering:	Tắt	Tắt
Session auto start:	Tắt	Tắt

- Bước này chương trình sẽ kiểm tra các thông số của máy chủ Web, nếu kết quả của các thông số có màu **xanh** là đáp ứng được hoạt động tối ưu của Joomla! 1.5.x. Hãy chú ý phần **Thiết lập đề nghị**, có thể thay đổi các thông số của máy chủ Web và nhấn **Kiểm tra lại**, nếu không thể thay đổi được thì hãy cứ tiếp tục. Nhấn **Tiếp** (Next) để tiếp tục.

### **Bước 3:** Chứng nhận



The screenshot shows the Joomla! installation wizard at step 3, 'Chứng nhận' (Acceptance). The sidebar on the left lists the installation steps: 1: Ngôn ngữ (Language), 2: Kiểm tra trước khi cài đặt (Check before installation), 3: Chứng nhận (Acceptance), 4: Cơ sở dữ liệu (Database), 5: Cấu hình FTP (FTP configuration), 6: Cấu hình (Configuration), and 7: Kết thúc (Finish). The main content area displays the GNU General Public License (GPL) text, including the Table of Contents, the license title 'GNU GENERAL PUBLIC LICENSE', the version 'Version 2, June 1991', and the copyright information 'Copyright (C) 1989, 1991 Free Software Foundation, Inc. 59 Temple Place - Suite 330, Boston, MA 02111-1307, USA'. A 'Tiếp' (Next) button is visible in the top right corner of the main content area.

- Đây là các thông tin về bản quyền và điều kiện sử dụng của Joomla!, nhấn **Tiếp** (Next) để tiếp tục.

#### **Bước 4:** Cấu hình cơ sở dữ liệu

**Joomla! Cài đặt** Phiên bản 1.5

**Bước**

- 1: Ngôn ngữ
- 2: Kiểm tra trước khi cài đặt
- 3: Chứng nhận
- 4: Cơ sở dữ liệu
- 5: Cấu hình FTP
- 6: Cấu hình
- 7: Kết thúc

**Cấu hình cơ sở dữ liệu** Trước Tiếp

**Thiết lập các kết nối:**

Thiết lập Joomla! để chạy trên máy chủ của bạn đòi hỏi đến 4 bước cơ bản...

Ở bước thiết lập cấu hình cơ sở dữ liệu này, hãy nhập tên máy chủ cài đặt Joomla!.

Thiết lập cơ bản

Kiểu cơ sở dữ liệu:  Thường là 'mysql'

Tên máy chủ:  Thường là: 'localhost'

Tên đăng nhập:  Có thể sử dụng tài khoản mặc định 'root' hoặc người quản lý máy chủ sẽ cho bạn biết thông tin tài khoản

Mật khẩu:  Đối với những site đòi hỏi bảo mật thì việc sử dụng mật khẩu cho tài khoản mysql là bắt buộc

Tên cơ sở dữ liệu:  Một vài máy chủ chỉ cho phép sử dụng một cơ sở dữ liệu cho mỗi site. Trong trường hợp này sử dụng bảng tên tổ để nhận biết để đăng site Joomla!.

- Nhập các thông số của cơ sở dữ liệu đã được tạo trước ở phần chuẩn bị để chương trình tiến hành cài đặt các bảng dữ liệu mẫu cho Joomla! Nhấn **Tiếp** (Next) để tiếp tục, nếu các thông số được nhập đúng thì chương trình sẽ chuyển qua bước kế tiếp.

### **Bước 5:** Cấu hình FTP



**Joomla! Cài đặt** Phiên bản 1.5

**Bước**

- 1 : Ngôn ngữ
- 2 : Kiểm tra trước khi cài đặt
- 3 : Chứng nhận
- 4 : Cơ sở dữ liệu
- 5 : Cấu hình FTP
- 6 : Cấu hình
- 7 : Kết thúc

**Cấu hình FTP** Trước Tiếp

**Cấu hình FTP:**

Ví hạn chế quyền hệ thống tệp tin và hạn chế PHP ở chế độ an toàn. Đối với tất cả thành viên cài đặt công cụ FTP sẽ phải thực hiện bằng tay.

Nhập tên đăng nhập và mật khẩu FTP để truy xuất đến thư mục gốc, tài khoản FTP sẽ phải thực hiện bằng tay khi truy xuất FTP đòi hỏi để hoàn thành nhiệm vụ.

Với lý do bảo mật, tốt nhất nếu bạn có một tài khoản FTP riêng biệt với quyền tạo và chỉ truy xuất đến cài đặt Joomla!.

**Thiết lập cơ bản**

Có  Không **Lớp tệp tin hệ thống FTP có thể**

Người sử dụng FTP

Mật khẩu FTP

Đường dẫn gốc FTP

Tự động tìm đường dẫn FTP

Kiểm tra cấu hình FTP

Thiết lập nâng cao

- Bước này cho phép nhập các thông số để hỗ trợ việc truyền tải các tập tin (File) theo giao thức FTP. Thông số này không cần thiết đối với khi cài đặt Joomla! trên **Localhost**, sau này khi chuyển lên **Host** có thể thiết lập sau. Nhấn **Tiếp** (Next) để tiếp tục.

### **Bước 6:** Cấu hình chính

- Bước này sẽ cho phép thiết lập các thông số cho trang Web. Nhập tên cho trang Web, tên này sẽ được hiển thị ở thanh tiêu đề của trình duyệt, địa chỉ Email dùng để liên lạc giữa Ban quản trị (Admin) và các thành viên (User) của trang Web, chọn và **ghi nhớ mật khẩu quản trị** dùng truy cập vào phần Admin (Back-end) để quản lý trang Web.

**Joomla! Cài đặt** Phiên bản 1.5

**Bước**

- 1: Ngôn ngữ
- 2: Kiểm tra trước khi cài đặt
- 3: Chứng nhận
- 4: Cơ sở dữ liệu
- 5: Cấu hình FTP
- 6: Cấu hình**
- 7: Kết thúc

**Cấu hình chính** Trước Tiếp

**Tên trang website của bạn:**  
 Nhập tên trang web của bạn.  
 Tên trang website của bạn: buaxua.vn - kiến thức tổng hợp

**Xác nhận địa chỉ email và mật khẩu quản trị**  
 Hãy nhập địa chỉ e-mail của bạn, địa chỉ này sẽ là địa chỉ e-mail của Site SuperAdministrator.  
 Mật khẩu quản trị ngẫu nhiên:

Địa chỉ E-mail của bạn: admin@buaxua.vn  
 Mật khẩu quản trị: \*\*\*\*\*  
 Xác nhận mật khẩu quản trị: \*\*\*\*\*

- Nhấn vào nút **Cài đặt dữ liệu mẫu** để chương trình cài đặt sẵn nội dung mẫu cho trang Web, việc này rất có ích đối với người mới dùng lần đầu, sau này chỉ cần sửa lại các dữ liệu mẫu này theo ý mình là được.

**Nạp dữ liệu mẫu, phục hồi hoặc di chuyển nội dung trở lại**

**QUAN TRỌNG:** Đề nghị này dành cho những người mới sử dụng nên cài đặt dữ liệu mẫu kiểu mặc định. Chức năng này đòi hỏi phải lựa chọn và nhấn nút trước khi chuyển sang giai đoạn sau.

Trước khi thoát khỏi cài đặt, bạn có thể di chuyển cơ sở dữ liệu. Có 3 chức năng để bạn làm việc này:

Cài đặt cơ sở dữ liệu mẫu mặc định *Những đề nghị cài đặt này sẽ tốt hơn đối với người mới sử dụng. Sẽ cài đặt mặc định nội dung đi kèm với gói cài đặt Joomla!.*

**Cài đặt dữ liệu mẫu**

- Sau khi cài đặt dữ liệu mẫu sẽ xuất hiện thông báo **Đã cài đặt thành công dữ liệu mẫu**. Lưu ý nếu không cài đặt được dữ liệu mẫu là do việc khai báo các thông số của Cơ sở dữ liệu ở **Bước 4** không đúng, cần phải nhấn nút Trước (Back) để quay lại khai báo cho đúng.

### Nạp dữ liệu mẫu, phục hồi hoặc di chuyển nội dung trở lại

**QUAN TRỌNG:** Đề nghị này dành cho những người mới sử dụng nên cài đặt dữ liệu mẫu kiểu mặc định. Chức năng này đòi hỏi phải lựa chọn và nhấn nút trước khi chuyển sang giai đoạn sau.

Trước khi thoát khỏi cài đặt, bạn có thể di chuyển cơ sở dữ liệu. Có 3 chức năng để bạn làm việc này:

Cài đặt cơ sở dữ liệu mẫu mặc định

*Những đề nghị cài đặt này sẽ tốt hơn đối với người mới sử dụng. Sẽ cài đặt mặc định nội dung đi kèm với gói cài đặt Joomla!.*

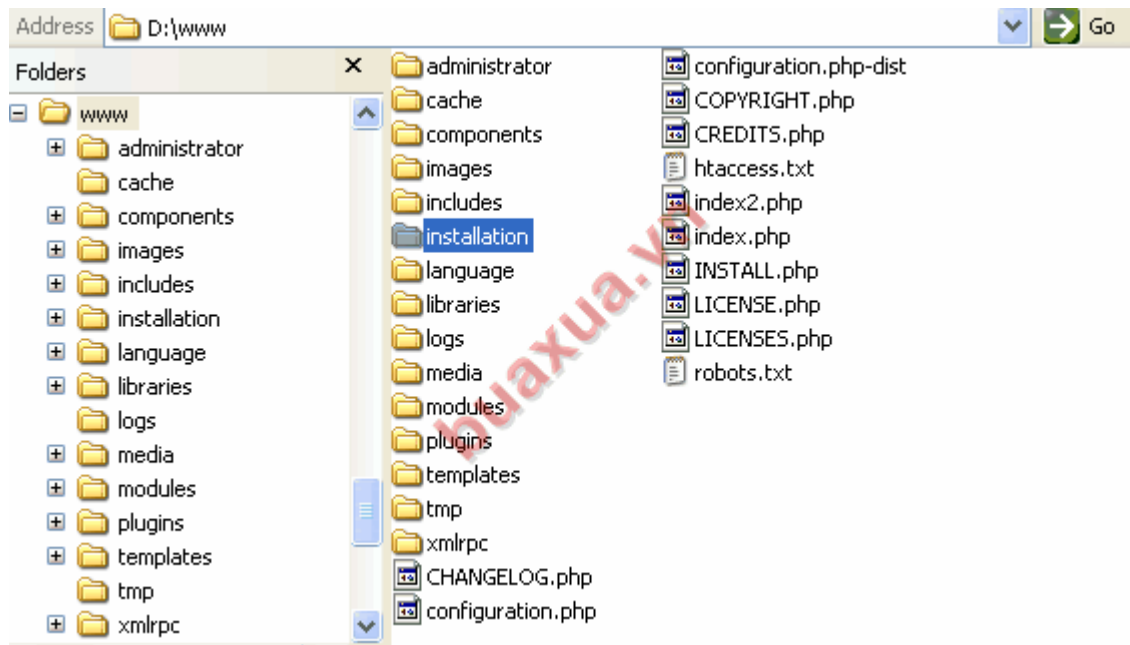
Đã cài đặt thành công dữ liệu mẫu

- Sau khi thiết lập xong nhấn **Tiếp** (Next) để tiếp tục.

### Bước 7: Kết thúc

The screenshot shows the Joomla! 1.5 installation interface. At the top, it says "Joomla! Cài đặt" and "Phiên bản 1.5". On the left, there is a sidebar with a list of steps: "1: Ngôn ngữ", "2: Kiểm tra trước khi cài đặt", "3: Chứng nhận", "4: Cơ sở dữ liệu", "5: Cấu hình FTP", "6: Cấu hình", and "7: Kết thúc". The "Kết thúc" step is highlighted. The main content area has a heading "Kết thúc" and a message: "Chúc mừng bạn đã cài đặt! Joomla! thành công." Below this, there are instructions: "Nhấn nút 'Site' để bắt đầu với Joomla! hoặc nút 'Admin' để vào phần quản trị trang web." A large red box contains the text: "HÃY NHỚ KHI HOÀN THÀNH HÃY XOÁ HOẶC ĐỔI TÊN THƯ MỤC CÀI ĐẶT". Below this, it says "Chi tiết về đăng nhập của quản trị mạng" and "Tên đăng nhập: admin". At the bottom, it asks "Ngôn ngữ của bạn trong Joomla!?" and provides a link to "Hãy ghé thăm trang giúp đỡ của Joomla! để biết thêm thông tin và tải xuống."

- Quá trình cài đặt đã hoàn tất, phải đổi tên hoặc xóa thư mục tên là **installation** ngay lập tức, thư mục này nằm trong nơi đã cài đặt Joomla!



Sau khi xóa xong quay trở lại trình duyệt, có 2 lựa chọn:

- **Quản trị:** Nhấn vào **Quản trị** để truy cập vào phần Quản lý trang Web (Admin) với tên truy cập (Username) là **admin** và mật khẩu (Password) được thiết lập ở **Bước 6**.



- **Trang Web:** Nhấn vào **Trang Web** để truy cập vào phần nội dung của trang Web



### Lưu ý:

- Nếu thư mục **installation** chưa được đổi tên hay xóa thì khi nhấn **Quản trị** hoặc **Trang Web** sẽ xuất hiện thông báo yêu cầu đổi tên hay xóa thư mục này, sau khi thực hiện xong nhấn vào dòng chữ **Nhấn vào đây khi thư mục cài đặt (/installation) đã được xóa** để tiếp tục.



- Nếu chọn cách **cài đặt ngôn ngữ Việt trước** thì mặc nhiên sau khi cài đặt trang Web sẽ tự động hiển thị tiếng Việt.



## Đăng nhập

Dùng một tên đăng nhập và Mật mã hợp lý để đăng nhập vào khu vực quản trị.

[Trở về trang chủ](#)

Tên đăng nhập

Mật mã

Language

The screenshot shows the Joomla! 1.5 website home page. At the top left is the Joomla! logo with the tagline "...because open source matters". To the right, a text block reads: "Joomla! 1.5 - Experience the Freedom! It has never been easier to create your own dynamic Web site. Manage all your content from the best CMS admin interface and in virtually any language you speak." Below this is a navigation menu with "About Joomla!", "Features", "News", and "The Community". A search bar is located on the right side.

The main content area is divided into several sections:

- Main Menu:** A list of links including Home, Joomla! Overview, Joomla! License, More about Joomla!, FAQ, The News, Web Links, and News Feeds.
- Latest News:** A list of news items: Content Layouts, The Joomla! Community, Welcome to Joomla!, Newsflash 4, and Newsflash 5.
- Popular:** A list of popular links: Joomla! Overview, Extensions, Joomla! License Guidelines, Welcome to Joomla!, and What's New In 1.5?
- Welcome to the Frontpage:** A featured article titled "Welcome to Joomla!" by Administrator, dated 12/10/2006. The text describes Joomla! as a free open source framework for creating multi-language websites, communities, and eCommerce applications. It includes a "Powered by Joomla! version 1.5" logo and a description of the user interface.
- Resources:** A list of resource links: Joomla! Home, Joomla! Forums, Joomla! Help, OSM Home, and Administrator.
- Key Concepts:** A list of key concepts: Extensions, Content Layouts, and Example Pages.
- Polls:** A poll titled "Joomla! is used for?" with radio button options: Community Sites, Public Brand Sites, eCommerce, Blogs, Intranets, Photo and Media Sites, and All of the Above! Below the poll are buttons for "Bình chọn" and "Kết quả".

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 33

### Cách cài chương trình Server Wamp5

Wamp5 là chương trình tạo máy dịch vụ Web (Web Server) trên máy tính cá nhân (Localhost) được tích hợp sẵn Apache, PHP, MySQL và các công cụ như PHPmyadmin, SQLitemanager. Ưu điểm của Wamp5 là đơn giản, dễ sử dụng, Wamp5 được download và sử dụng miễn phí tại: <http://www.wampserver.com/en/>

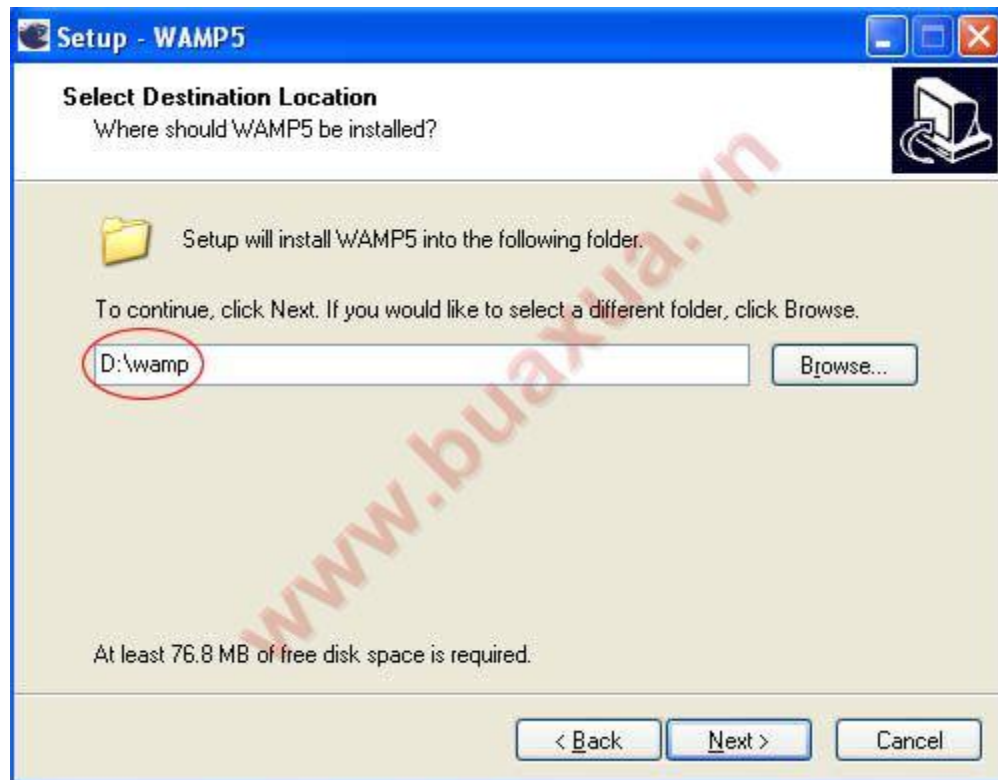
#### Cách cài đặt như sau:

- Chạy chương trình cài đặt **WAMP5 Setup**, khi xuất hiện bảng **Welcome to the Wamp5 Setup Wizard**, nhấn **Next**.



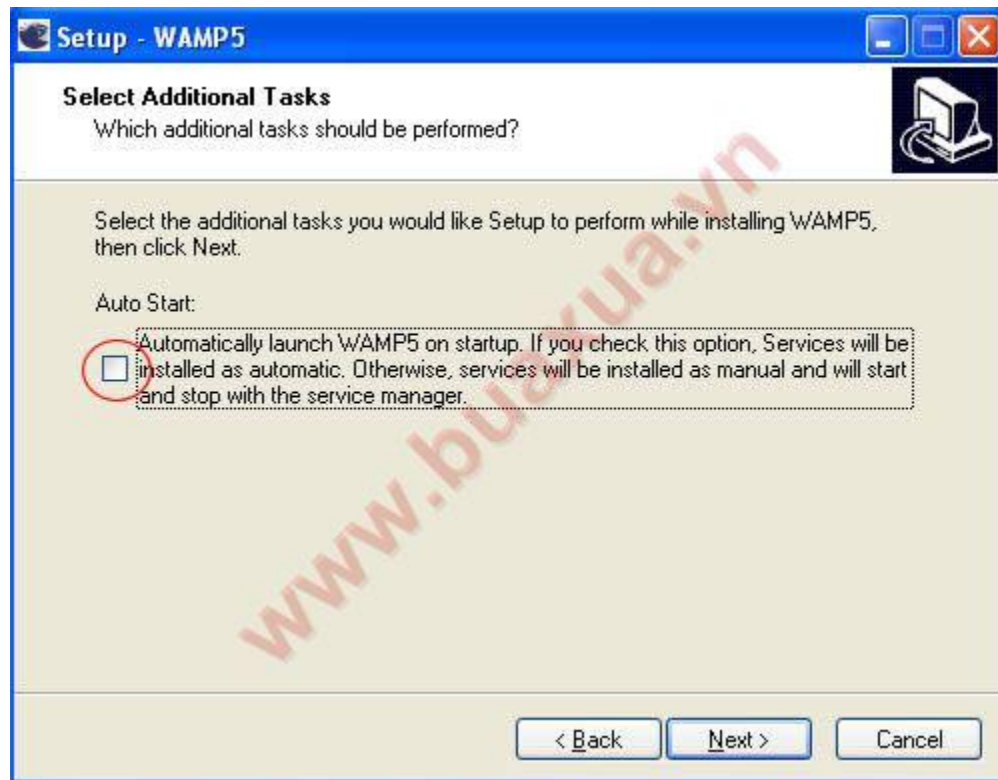


- Trong **License Agreement** chọn **I accept the Agreement**, nhấn **Next**.
- Trong **Select Destination Location**, chọn nơi cài đặt Wamp5. Lưu ý ở bước này nên chọn ổ đĩa khác với ổ đĩa cài Windows để sau này dễ cài đặt cấu hình cho Wamp5. Chọn đường dẫn là **D:\wamp** (cài trên thư mục wamp của ổ đĩa D), nhấn **Next**.



- Trong **Select Start Menu Folder**, nhấn **Next**.
- Trong **Select Additional Tasks**, nếu muốn Wamp5 tự động chạy mỗi khi khởi động máy thì chọn **Auto Start**, còn kkhông thì để trống **Auto Start**, nhấn **Next** và sau đó nhấn **Install** để cài đặt.





- Trong bảng **Browse for Folder**, chọn thư mục gốc (Root) để chứa trang web, mặc nhiên thư mục Root sẽ được đặt trong **Wamp** và có tên là **www**. Lưu ý trong phần này nên chọn một thư mục khác nằm ngoài Wamp để dễ sử dụng, nhấn chuột vào ổ đĩa **D** và chọn **Make New Folder**.



- Đặt tên cho thư mục mới là **www**, nhấn **Ok** và sau đó **Next** để tiếp tục.



- Trong bảng **PHP mail parameters**, giữ nguyên các thông số và nhấn **Next**.
- Trong phần chọn chương trình duyệt web để sử dụng với Wamp5, bạn có thể chọn bất cứ chương trình nào bằng cách tìm đến File đó (nếu muốn chọn **Firefox** thì vào **C:\Program Files\Mozilla Firefox** và chọn **firefox.exe**), nếu không thì nhấn vào nút **Open** để chọn mặc định là chương trình **Explorer** của **Windows**.
- Nếu xuất hiện bảng **Windows Security Alert** thì chọn **Unblock**. Sau cùng nhấn **Finish** để hoàn tất việc cài đặt.



Wamp5 sẽ chạy và xuất hiện biểu tượng (Icon) ở khay hệ thống (System Tray, góc dưới bên phải màn hình), bạn có thể truy cập các lệnh và thông số của Server Wamp5 bằng cách nhấn chuột trái vào Icon này.

Thư mục gốc (Web Root) để chứa các trang web là **D:\www**. Bạn cũng có thể Copy các File trong thư mục **D:\wamp\www** vào thư mục **D:\www**, sau đó mở chương trình duyệt web (Internet Explorer, Firefox...), trong ô địa chỉ bạn nhập vào: **http://localhost** hoặc nhấn chuột trái vào Icon Wamp5, nằm ở Khay hệ thống và chọn **Localhost**, nếu hiện lên bảng thông số của Wamp5 là việc cài đặt đã thành công.

Thay đổi các thông số của PHP (php.ini) trong Wamp5 bằng cách nhấn chuột trái vào biểu tượng Wamp5 nằm ở khay hệ thống (ở góc dưới bên phải màn hình), chọn **PHP Settings** -> nhấn vào thông số muốn thay đổi, thông số nào được chọn (Enable) sẽ xuất hiện dấu mũi tên phía trước.



# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 34

### Trình bày trang Tin tức với eZine trong Joomla!

Các Web Site được tạo bằng Joomla! thường có các kiểu trình bày khá đơn giản, muốn Web Site trở nên chuyên nghiệp và đẹp hơn cần phải cài đặt và sử dụng thêm các thành phần mở rộng.

Một trong những thành phần mở rộng giúp tạo trang tin tức chuyên nghiệp là **Component eZine**. Bài viết này sẽ hướng dẫn cách cài đặt và sử dụng com\_eZine 1.9 trong Joomla! 1.013 để giúp tạo trang tin tức đẹp và chuyên nghiệp hơn.

Tải bản eZine 1.9 tại đây: [Mambo eZine 1.9.zip](#) (đây là phiên bản miễn phí đã được sửa lỗi). Giải nén File này sẽ được com\_mamboezine\_v1.9.zip và 2 Module mod\_mamboezine\_latest.zip (tin mới nhất), mod\_mamboezine\_topmost.zip (tin xem nhiều nhất)

- Sau khi tải eZine về máy, đăng nhập **Admin**.
- Thiết lập thông số **Register Global Emulation** trong **Global Configuration** là **On**. (sử dụng các phiên bản Joomla! khác thì cần phải chỉnh thông số này trong **php.ini**).
- Chọn **Installers** -> **Components**
- Nhấn **Browse** tìm và chọn File **com\_mamboezine\_v1.9.zip** -> **Open** -> **Upload File & Install**.



- Xuất hiện thông báo đã cài đặt xong, nhấn **Continue** để hoàn tất.



- Chọn **Components** -> **Mambo eZine** -> **Manage News Page** để tạo trang (page) tin tức được trình bày theo eZine, Page này sẽ được liên kết với Menu và thay cho Frontpage.



- Tạo **Page** bằng cách nhấn **New**, các thông số: (1) Tên của Page này (sẽ hiển thị trong Menu), (2) Tựa đề của Page này (sẽ hiển thị trong phần đầu của Page), (3) Hiển thị Tên của Page. Sau khi chọn xong nhấn Save. (có thể tạo nhiều Page, mỗi Page sẽ tương ứng với 1 Menu)



Page Config	
1	Page name (to show in menu) <input type="text"/>
2	Page title (to show at top of content panel) <input type="text"/>
3	Show/Hide page title <input type="button" value="Show"/>

- Mặc nhiên sau khi cài đặt eZine sẽ có một Page mẫu là **Frontpage**, dùng Page này để tạo trang chủ và lưu ý các số **ID** vì cần phải nhập các số này khi tạo Menu cho các Page eZine.



#	<input type="checkbox"/> Page Name	Page Title	Show Page Title	ID
1:	<input type="checkbox"/> FrontPage	Welcome to FrontPage!	<input checked="" type="checkbox"/>	1

- Chọn **Components -> Mambo eZine -> Manage News Category** để chọn các Category có nội dung sẽ được hiển thị trong mỗi Page.



- Chọn **Frontpage** (mặc nhiên), nhấn **Add Category** để chọn các Category cho Frontpage.



- Chọn các Category (có thể chọn bất cứ Category nào, giống hoặc khác Section) bằng cách đánh dấu vào ô phía trước, sau khi chọn xong nhấn **Add**.



**Lưu ý:** Ở phần này nếu không **Add được Category** là do **Register Global Emulation** được Set là **Off**, cần phải Set lại là **On** (xem hướng dẫn bên trên). Nếu các **Page** hoặc **Category** của eZine không hiển thị được tên mà chỉ có các dấu ( ) là do thông số **Short Open Tag** của Server chưa được bật (Enable). Nếu cài trên localhost sử dụng Wamp5 thì bật thông số **Short Open Tag** bằng cách nhấn chuột trái vào biểu tượng Wamp5 nằm ở khay hệ thống (ở góc dưới bên phải màn hình), chọn **PHP Settings** -> chọn **Short Open Tag** (sau khi được chọn sẽ xuất hiện dấu mũi tên phía trước) (xem bài [Cách cài chương trình Server Wamp5](#))



#	<input type="checkbox"/> News Category	News Page	Category Title Image	More News Image	News Order	# Intro	# Link	# Column	Intro with Image	Link with Image	Frontpage Item On
1	<input type="checkbox"/> ( )	( )	✗	✗	Most recent first	1	5	1	✓	✓	✗
2	<input type="checkbox"/> ( )	( )	✗	✗	Most recent first	1	5	1	✓	✓	✗

- Sắp xếp lại thứ tự của các Category bằng cách nhấn vào các nút hình mũi tên lên và xuống hoặc đánh số thứ tự và nhấn vào hình đĩa mềm để Save.
- Có thể chấp nhận các thông số mặc định của các Category hoặc chỉnh lại bằng cách nhấn vào tên của Category với các thông số sau:

 Mambo eZine [ Edit News Category: Xã hội ]

1	Image for category title (URL)?	<input type="text" value="http://"/>
2	Image for 'More category news' link (URL)?	<input type="text" value="http://"/>
3	Order news by?	Most recent first <input type="button" value="v"/>
4	How many intro to display?	<input type="text" value="1"/>
5	How many link to display?	<input type="text" value="5"/>
6	Display intro with image?	Yes <input type="button" value="v"/>
7	Display link with image?	Yes <input type="button" value="v"/>
8	How many column to arrange news to?	<input type="text" value="1"/>
9	Display only news marked to show in frontpage?	No <input type="button" value="v"/>
10	Display full news or intro only?	Intro Only <input type="button" value="v"/>

1. Chọn đường dẫn tới hình ảnh cho phần tên của Category.
2. Chọn đường dẫn tới hình ảnh cho tiêu đề của More Category News (khi nhấn vào tiêu đề này sẽ chuyển đến Category có các nội dung trong phần này).
3. Chọn cách sắp xếp thứ tự các nội dung.
4. Số lượng phần giới thiệu (Intro) muốn hiển thị.
5. Số lượng liên kết (Link) đến các nội dung khác trong Category này.
6. Hiển thị ảnh trong phần giới thiệu.
7. Hiển thị ảnh nhỏ trước các liên kết.
8. Số lượng Intro hiển thị.

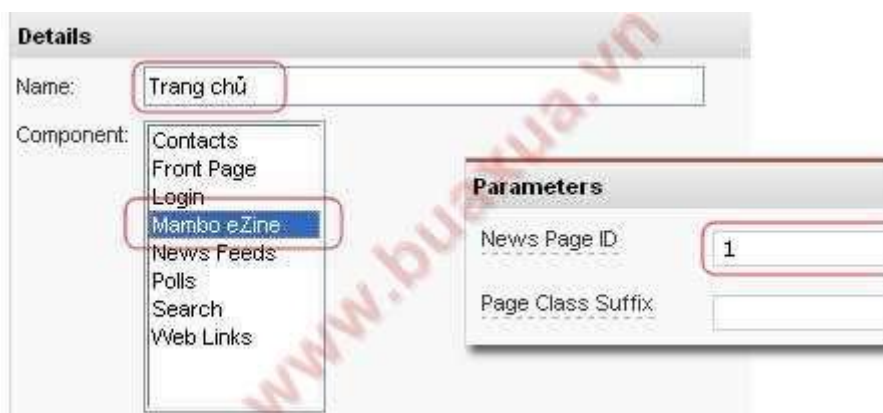
9. Chỉ hiển thị các nội dung được đánh dấu Show in Frontpage (thông số này được chọn khi tạo nội dung).

10. Hiển thị hết nội dung (Full News) hay chỉ phần giới thiệu (Intro Only).

- Chọn tiếp các **Page** khác và **Add** các **Category** vào nếu muốn.

### Tạo menu cho các Page eZine:

- Chọn **Menu** -> **mainmenu**, nhấn **New** để tạo Menu cho các Page eZine.
- Trong **New Menu Item** chọn kiểu **Component** và nhấn **Next**. Nhập tên cho Menu là **Trang chủ** và chọn **Mambo eZine** trong phần **Component**. Nhấn **Apply**, sẽ xuất hiện phần **Parameter**, nhập số **ID** của **Page** được tạo ở phần trên vào mục **News Page ID**. Thiết lập các thông số cho Menu này nếu muốn sau đó nhấn **Save**.



- Chuyển **Menu eZine** vừa tạo lên trên cùng bởi vì theo mặc định, Joomla! sẽ xem các Menu trên cùng là Trang chủ, là trang sẽ được hiển thị đầu tiên khi truy cập Web Site.
- **Unpublish** Menu **Trang chủ** có sẵn của Joomla! (nếu có) để không sử dụng Menu này nữa.

#	<input type="checkbox"/> Menu Item	Published	Reorder	Order	Access	Itemid	Type
1	<input type="checkbox"/> Trang chủ	<input checked="" type="checkbox"/>		1	Public	39	Component - Mambo eZine
2	<input type="checkbox"/> Trang chủ	<input checked="" type="checkbox"/>		2	Public	1	Component - Front Page

- Nếu có nhiều **eZine Page** thì tiếp tục tạo thêm **Menu** và sắp xếp vị trí cho các **Menu** này.

Tiếp theo sẽ đưa 2 Module kèm theo Mambo eZine vào thay thế cho 2 Module **Tin mới nhất** và **Tin được xem nhiều nhất** có sẵn trong Joomla!  
(nếu không thích có thể bỏ qua phần này)

- Chọn **Installers -> Modules**
- Nhấn **Browse** tìm và chọn File **mod\_mamboezine\_latest.zip -> Open -> Upload File & Install.**
- Xuất hiện thông báo đã cài đặt xong, nhấn **Continue** để hoàn tất
- Làm thêm một lần nữa để cài đặt **mod\_mamboezine\_topmost.zip.**
- Chọn **Modules -> Site Modules -> chọn Module Tin mới nhất và Tin được xem nhiều nhất -> nhấn Unpublish.**
- Chọn Module **Mambo eZine | Latest News -> sửa tên lại thành Tin mới nhất** và chọn vị trí giống như của Module cũ (hoặc bất cứ vị trí nào khác). Các thông số cần chú ý:
  - **Count:** Số tiêu đề muốn hiển thị.
  - **Category ID:** Số ID của Category muốn hiển thị các nội dung của nó, có thể chọn nhiều Category bằng cách thêm các dấu phẩy (,) ngăn cách (td: 1,2,3), nếu để trống là mặc nhiên chọn tất cả.
  - **Section ID:** Số ID của Section muốn hiển thị các Category và các nội dung của nó, có thể chọn nhiều Section bằng cách thêm các dấu phẩy (,) ngăn cách (td: 1,2,3), nếu để trống là mặc nhiên chọn tất cả.
  - **Image Width:** Chọn kích thước hiển thị của ảnh.
- Chọn Module **Mambo eZine | Top Read -> sửa tên lại thành Tin được xem nhiều nhất** và các thông số giống như trên.

Bây giờ trang chủ của Web Site đã được trình bày rất đẹp mắt, với các phần giới thiệu, liên kết của nội dung theo từng Category đã chọn và 2 Module tin có hiển thị ảnh.

**MENU CHÍNH**

- Trang chủ
- Tin trong nước
- Tin thế giới
- Tin thể thao
- Liên kết
- Tìm kiếm
- Liên hệ

**BẢNG KÝ THÀNH VIÊN**

Tên người dùng

Mật khẩu

Lưu thông tin

**Bạn quên mật khẩu?**  
Chưa có tài khoản? [Tạo một tài khoản](#)

**THỐNG KÊ**

OS: Windows  
PHP: 5.2.4  
MySQL: 5.0.45-community-nt  
Thời gian: 16:03  
Caching: Disabled  
GZIP: Disabled  
Thành viên: 1  
Tin tức: 27  
Liên kết web: 5

# OpenSourceMatters

home of Joomla!

**TIN MỚI NHẤT**

- Example News Item 1
- Example News Item 2
- Example News Item 1
- Example News Item 2
- Example News Item 1

**TIN ĐƯỢC XEM NHIỀU NHẤT**

- Example News Item 1
- Example News Item 2
- Example News Item 3
- Example News Item 1
- Example News Item 2

Trang chủ

## Welcome to FrontPage!

XÃ HỘI

**Example News Item 1** [more] [full]

Người viết: Administrator  
07/07/2004

Lorem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. At vero eos et accusam et justo duo dolores et ea rebum. Stet clita kasd gubergren, no sea takimata sanctus est Lorem ipsum dolor sit amet. Lorem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. At vero eos et accusam et justo duo dolores et ea rebum.

Cập nhật ( 07/07/2004 )

[Đọc tiếp...](#)

**Các bài khác...**

- Example News Item 2
- Example News Item 3

Các bài khác trong Xã hội ?

TRONG NƯỚC

**Example News Item 1** [more] [full]

Người viết: Administrator  
07/07/2004

Lorem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. At vero eos et accusam et justo duo dolores et ea rebum. Stet clita kasd gubergren, no sea takimata sanctus est Lorem ipsum dolor sit amet. Lorem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. At vero eos et accusam et justo duo dolores et ea rebum.

Cập nhật ( 07/07/2004 )

[Đọc tiếp...](#)

**Các bài khác...**

- Example News Item 2
- Example News Item 3

Các bài khác trong Trong nước ?

Powered by

version 1

**THĂM ĐÓNG KIỂM**

Trang Web này...

- Đơn giản, dễ sử dụng
- Trình bày đẹp
- Nội dung hay
- cần thêm nội dung

**AI BANG TRỰC TUYẾN**

Chúng ta có 1 khách trực tuyến

© 2007 Trang Web Joomla! của tôi  
Joomla! is Free Software released under the GNU/GPL License.

Hãy thiết lập các thông số trong phần **Manage News Category** để hiển thị trang chủ theo ý muốn. Thay đổi các tiêu đề tiếng Anh mặc định bằng cách Chọn **Components** -> **Mambo eZine** -> **Edit Current Language**, tìm đến các dòng định nghĩa tiếng Anh và sửa lại thành tiếng Việt (Font Unicode)

```
/** FrontEnd */  
//DEFINE(' MORE CATEGORY NEWS', 'What`s more in %CAT_NAME% ?');  
DEFINE('_MORE_CATEGORY_NEWS', 'Các bài khác trong %CAT_NAME% ?');
```

**Lưu ý:** Sau khi tạo các **Page eZine** xong nên chỉnh lại thông số **Register Global Emulation** trong **Global Configuration** là **Off** để tăng cường bảo mật cho Web Site.

### Cách tạo Category Linked cho eZine:

Phần này hướng dẫn cách sửa mã nguồn của eZine để tạo liên kết cho Category của chủ đề tin tức, khi nhấn vào tên của Category sẽ được chuyển đến trang chủ đề tin tức tương ứng.

- Mở tập tin **mamboezine.php** nằm trong thư mục **\components\com\_mamboezine** và tìm đoạn mã như trong hình bên dưới (khoảng dòng 274).

```

274 // loads the link for Category name
275 $query = "SELECT a.id"
276 . "\n FROM #__menu AS a"
277 . "\n WHERE a.componentid = ". $cat[0]->id.""
278 ;
279 $database->setQuery( $query );
280 $_Itemid = $database->loadResult();
281 $link = sefRelToAbs(
    'index.php?option=com_content&task=blogcategory&id='
    $cat[0]->id .'&Itemid=' .$_Itemid );
282 282 283 if ($row->img_cat_more <> " ") {
    echo '<div class="more_category_news". $params->get( 'pageclass_sfx' )
    ."'><a href="'. $link ."' title="'. str_replace('%CAT_NAME%',
    $cat[0]->name, _MORE_CATEGORY_NEWS) ."'>name, _MORE_CATEGORY_NEWS) ."' /></a></div>';
284 284 285 } else {
    echo '<div class="more_category_news". $params->get( 'pageclass_sfx' )
    ."'><a href="'. $link ."' title="'. str_replace('%CAT_NAME%',
    $cat[0]->name, _MORE_CATEGORY_NEWS) ."'>'.
    str_replace('%CAT_NAME%', $cat[0]->name, _MORE_CATEGORY_NEWS)
    . '</a></div>';
286 }
287 287 288 } else {
    // Generic blog empty display
289 echo _EMPTY_BLOG;
290 }
291 echo '<br/>';

```

- Di chuyển (Move, Cut & Paste) đoạn mã từ dòng 274 -> 286 lên phía trên (khoảng dòng 220) và xóa bỏ đoạn mã từ dòng 214 -> 218 như trong hình bên dưới. Lưu và đóng tập tin này lại.

```

211 // Page Output
212 $database->setQuery( "SELECT `id`,`name` FROM #__categories WHERE id =
'$row->catid'" );
213 $cat = $database->loadObjectList();
214 if ($row->img_cat_title <> "") {
215     echo '<div>name .'" /></div>';
216 } else {
217     echo '<div class="componentheading". $params->get( 'pageclass_sfx' ) .'">'.
$cat[0]->name . '</div>';
218 }
219
220 // loads the link for Category name
221 $query = "SELECT a.id"
222 . "\n FROM #__menu AS a"
223 . "\n WHERE a.componentid = ". $cat[0]->id. ""
224 ;
225 $database->setQuery( $query );
226 $_Itemid = $database->loadResult();
227 $link = sefRelToAbs(
'index.php?option=com_content&task=blogcategory&id='.
$cat[0]->id . '&Itemid=' . $_Itemid );
228 if ($row->img_cat_more <> "") {
229     echo '<div class="more_category_news'. $params->get( 'pageclass_sfx' )
.'"><a href="', $link .'" title="', str_replace('%CAT_NAME%',
$cat[0]->name, _MORE_CATEGORY_NEWS) .'">name, _MORE_CATEGORY_NEWS) .'" /></a></div>';
230 } else {
231     echo '<div class="more_category_news'. $params->get( 'pageclass_sfx' )
.'"><a href="', $link .'" title="', str_replace('%CAT_NAME%',
$cat[0]->name, _MORE_CATEGORY_NEWS) .'">'.
str_replace('%CAT_NAME%', $cat[0]->name, _MORE_CATEGORY_NEWS)
.'"></a></div>';
232 }
233
234 // checks to see if there are any items to display
235 if ( $total ) {

```

- Trong phần **Quản trị** (Admin) của Joomla! truy cập vào Menu **Components -> Mambo eZine -> Edit Current Language** tìm đoạn mã và sửa lại như trong hình bên dưới. Nhấn vào nút Save để lưu các thay đổi lại.

```

/** FrontEnd */
DEFINE('_MORE_CATEGORY_NEWS', 'What`s more in %CAT_NAME% ?');

```

```

/** FrontEnd */
DEFINE('_MORE_CATEGORY_NEWS', '%CAT_NAME%');

```

- Tiếp tục truy cập vào Menu **Components -> Mambo eZine -> Edit CSS File** và sửa các mã CSS lại như trong hình hoặc thêm bớt tùy ý cho phù hợp với Template đang sử dụng. Đây là phần trình bày cho tên của Category, có thể chèn thêm hình minh họa cho đẹp.



```
.page_title {
  text-align: center;
  padding: 3px;
  border-bottom: 1px dotted;
  letter-spacing: 1px;
  font-family: sans-serif;
  font-size: 12pt;
  font-weight: bold;
  font-style: italic;
}

.more_category_news {
  text-align: left;
  padding: 3px;
  font-size: 14pt;
  background:#ccc;
}
```

- Bây giờ trang Web đã trở nên chuyên nghiệp hơn với phần trình bày chủ đề tin tức rõ ràng và có liên kết giúp truy cập nhanh đến trang chủ đề tin tức mà không cần thông qua hệ thống Menu.

## Xã hội

### Example News Item 1

---



Lorem ipsum dolor sit amet, consetetur sadipscing elitr, sed diam nonumy eirmod tempor invidunt ut labore et dolore magna aliquyam erat, sed diam voluptua. At vero eos et accusam et justo duo dolores et ea rebum. Stet clita kasd gubergren, no sea takimata sanctus est Lorem ipsum dolor sit

► [Đọc tiếp...](#)

Các bài khác...

- [Example News Item 2](#)
- [Example News Item 3](#)
- [Example News Item 4](#)

**Lưu ý:** Nhớ sao lưu tập tin **mamboezine.php** lại để dự phòng trước khi chỉnh sửa.



# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 35

### Tạo Web Site tin tức đơn giản với Joomla! 1.0.x

Cung cấp tin tức hàng ngày là một chủ đề Web Site được nhiều người yêu thích nhất, bài viết này sẽ hướng dẫn cách tạo một Web Site tin tức với những thành phần mở rộng có sẵn trong Joomla!

#### Các bước chuẩn bị:

- **Host:** Nơi đặt Web Site, trong phần này Web Site sẽ được đặt trên localhost
- **Tạo Database:** Tạo cơ sở dữ liệu cho Web
- **Cài đặt Joomla!:** Download và cài đặt Joomla! 1.0.x
- **Cài ngôn ngữ tiếng Việt:** Download và cài đặt ngôn ngữ tiếng Việt Joomla! 1.0.x
- **Cấu hình:** Thiết lập các thông số cho Web Site trong **Global Configuration**
- Đăng nhập vào Admin (Back-end)

#### Tạo các cấp lưu trữ nội dung cho từng chủ đề:

Có thể xóa các Section, Category và các Content Item mẫu có sẵn trong Joomla! hoặc đổi tên để sử dụng lại.

- **Tạo Section:** Chọn **Content** -> **Section Manager** để tạo các phần chính cho Web Site, có thể sửa lại các các Section có sẵn hoặc tạo thêm cái mới.
- Chọn **New** để tạo các Section **Tin trong nước, Tin thế giới, Tin thể thao...**

- **Tạo Category:** Chọn **Content** -> **Category Manager** để tạo các mục phụ cho Web Site, có thể sửa lại các các Category có sẵn hoặc tạo thêm cái mới.
- Chọn **New** để tạo các Category **Xã hội**, **Kinh tế**, **An ninh** trong phần (Section) **Tin trong nước**, **Tin thế giới**, và Category **Trong nước**, **Quốc tế** trong phần (Section) **Tin thể thao**...

#	<input type="checkbox"/> Category Name	Published	Order	Access	Section
1	<input type="checkbox"/> Xã hội ( Xã hội )	<input checked="" type="checkbox"/>	1	Public	Tin trong nước
2	<input type="checkbox"/> Kinh tế ( Kinh tế )	<input checked="" type="checkbox"/>	2	Public	Tin trong nước
3	<input type="checkbox"/> An ninh ( An ninh )	<input checked="" type="checkbox"/>	3	Public	Tin trong nước
4	<input type="checkbox"/> Xã hội ( Xã hội )	<input checked="" type="checkbox"/>	1	Public	Tin thế giới
5	<input type="checkbox"/> Kinh tế ( Kinh tế )	<input checked="" type="checkbox"/>	2	Public	Tin thế giới
6	<input type="checkbox"/> An ninh ( An ninh )	<input checked="" type="checkbox"/>	3	Public	Tin thế giới
7	<input type="checkbox"/> Quốc tế ( Quốc tế )	<input checked="" type="checkbox"/>	1	Public	Tin thể thao
8	<input type="checkbox"/> Trong nước ( Trong nước )	<input checked="" type="checkbox"/>	2	Public	Tin thể thao

**Tạo Menu:** (xem thêm bài [Quản lý Menu trong Joomla! 1.0.x](#))

- Chọn **Menu** -> **mainmenu**
- Chọn **Menu Home** và sửa tên (Name) thành Trang chủ, **Link** -> Liên kết, **Contact Us** -> Liên hệ, **Search** -> Tìm kiếm.

The screenshot shows the Joomla! menu creation interface, divided into two main sections: **Details** and **Parameters**.

**Details Section:**

- Name:** Text input field containing "Trang chủ".
- Component:** Dropdown menu set to "Front Page".
- URL:** Text input field containing "index.php?option=com\_frontpage&Itemid=1".
- Parent Item:** Dropdown menu with options: Top, Joomla! License, News, Blog, Links, Contact Us, Search, News Feeds, FAQs, Wrapper. "Top" is selected.
- Ordering:** Dropdown menu set to "1 (Trang chủ)".
- Access Level:** Dropdown menu with options: Public, Registered, Special. "Public" is selected.
- Published:** Radio buttons for "Không" (unchecked) and "Có" (checked).

**Parameters Section:**

- Menu Image:** Dropdown menu set to "- Do Not Use -".
- Page Class Suffix:** Empty text input field.
- Page Title:** Text input field containing "Welcome to the Frontpage".
- Page Title:** Radio buttons for "Hide" and "Show". "Show" is selected.
- Back Button:** Dropdown menu set to "Hide".
- # Leading:** Text input field containing "1".
- # Intro:** Text input field containing "4".
- Columns:** Text input field containing "2".
- # Links:** Text input field containing "4".

- Các Menu còn lại nếu muốn có thể sử dụng còn không thì xóa đi bằng cách chọn các Menu muốn xóa và nhấn vào nút **Trash**.
- Tạo menu **Tin trong nước** bằng cách chọn **New** -> chọn **Blog - Content Section** -> nhấn **Next** -> đặt tên cho Menu là **Tin trong nước** -> chọn **Section** là **Tin trong nước**, các thông số khác giữ nguyên -> **Save**
- Tạo thêm Menu **Tin thế giới** và **Tin thể thao** giống như trên nhưng với tên và Section lần lượt là **Tin thế giới** và **Tin thể thao**.

The screenshot shows the Joomla! menu item configuration interface. The 'Details' tab is active, showing the following fields:

- Name: Tin trong nước
- Section: A dropdown menu with options: All Sections, Tin thế giới, Tin thể thao, and Tin trong nước (highlighted with a red box).
- URL: index.php?option=com\_content&task=blogsection&id=48&Itemid=27
- Parent Item: A dropdown menu with options: Top, Trang chủ, Liên kết, Liên hệ, and Tìm kiếm (highlighted with a red box).
- Ordering: 12 (Tin trong nước)
- Access Level: Public

The 'Parameters' tab is also visible, showing settings for Menu Image, Page Class Suffix, Back Button, Page Title, # Leading, # Intro, Columns, # Links, Category Order, Primary Order, and Pagination.

- Tạo Menu phụ (Sub Menu) **Xã hội** cho Menu **Tin trong nước** bằng cách chọn **New** -> chọn **Blog - Content Category** -> nhấn **Next** -> đặt tên cho Menu là **Xã hội** -> chọn Category là **Tin trong nước / Xã hội**, trong **Parent Item** chọn **Tin trong nước**, các thông số khác giữ nguyên -> **Save**.

The screenshot shows the Joomla! menu item configuration interface for a new sub-menu. The 'Details' tab is active, showing the following fields:

- Name: Xã hội
- Category: A dropdown menu with options: All Categories, Tin thế giới / An ninh, Tin thế giới / Kinh tế, Tin thế giới / Xã hội, Tin thể thao / Quốc tế, Tin thể thao / Trong nước, Tin trong nước / An ninh, Tin trong nước / Kinh tế, and Tin trong nước / Xã hội (highlighted with a red box).
- URL: (empty)
- Parent Item: A dropdown menu with options: Top, Trang chủ, Tin trong nước, and - Kinh tế (highlighted with a red box).

- Tạo thêm các Sub Menu khác với các lựa chọn **Blog - Content Category** trong đó **Category** và **Parent Item** tương ứng với các **Section** và **Category** của nó.
- Sau khi tạo xong các Menu có thể sắp xếp lại theo thứ tự như ý bằng cách đánh số thứ tự trong mục **Order** và nhấn vào biểu tượng đĩa mềm để Save hoặc cũng có thể dùng các nút mũi tên lên và xuống để sắp xếp.

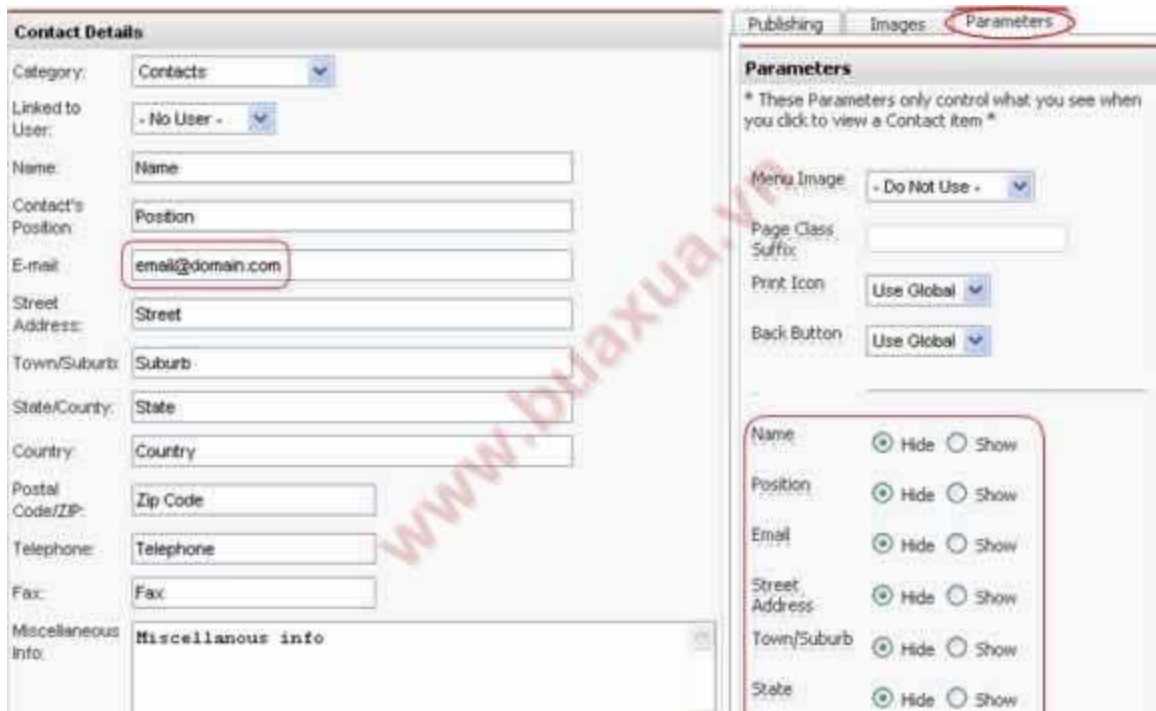
#	<input type="checkbox"/> Menu Item	Published	Reorder	Order	Access	Itemid	Type
1	<input type="checkbox"/> Trang chủ			1	Public	1	Component - Front Page
2	<input type="checkbox"/> Tin trong nước			2	Public	27	Blog - Content Section
3	<input type="checkbox"/> Xã hội			1	Public	30	Blog - Content Category
4	<input type="checkbox"/> Kinh tế			2	Public	31	Blog - Content Category
5	<input type="checkbox"/> An ninh			3	Public	32	Blog - Content Category
6	<input type="checkbox"/> Tin thế giới			3	Public	28	Blog - Content Section
7	<input type="checkbox"/> Xã hội			1	Public	33	Blog - Content Category
8	<input type="checkbox"/> Kinh tế			2	Public	34	Blog - Content Category
9	<input type="checkbox"/> An ninh			3	Public	35	Blog - Content Category
10	<input type="checkbox"/> Tin thể thao			4	Public	29	Blog - Content Section
11	<input type="checkbox"/> Trong nước			1	Public	36	Blog - Content Category
12	<input type="checkbox"/> Quốc tế			2	Public	37	Blog - Content Category
13	<input type="checkbox"/> Liên kết			5	Public	23	Component - Web Links
14	<input type="checkbox"/> Tìm kiếm			6	Public	5	Component - Search
15	<input type="checkbox"/> Liên hệ			7	Public	3	Component - Contacts

- Chọn **Menu** -> **topmenu** -> đổi tên các Menu trong này thành tiếng Việt tương ứng giống như mainmenu. Có thể xóa bớt các Menu không cần thiết.

### Tạo phần liên hệ (Contact):

- Chọn **Components** -> **Contacts** -> **Manage Contacts** -> chọn Contact mẫu có sẵn hay tạo mới bằng cách nhấn **New**.
- Nhập địa chỉ Email vào mục **E-mail**, đây là địa chỉ được hiển thị trong phần người gửi và người nhận sẽ trả lời lại cho địa chỉ này.
- Nhập đầy đủ các thông tin trong các mục khác của phần này nếu muốn hoặc có thể bỏ bớt các mục này bằng cách chọn Tab **Parameters** và chọn **Hide** các mục này. Nhấn **Save** để hoàn tất.
- Có thể tạo nhiều liên hệ (Contact) nếu muốn.





### Tạo mục lấy ý kiến (Poll):

- Chọn **Components** -> **Polls**
- Chọn Poll mẫu của Joomla! hoặc nhấn **New** để tạo mới, với các thông số: **Title** (tên của chủ đề cần lấy ý kiến), **Lag** (thời gian giữa hai lần cho ý kiến của một người dùng, tính bằng giây), **Published** (sử dụng, hiển thị), **Options** (các mục cần lấy ý kiến), **Show on menu items** (Poll chỉ hiển thị trên các trang, Menu được chọn). Sau khi chọn xong nhấn **Save** để hoàn tất.
- Có thể tạo nhiều mục lấy ý kiến (Poll) nếu muốn.



### Sắp xếp các Module:

- Chọn **Modules** -> **Site Modules** để chọn và sắp xếp các Module cần sử dụng (hiển thị), nhấn vào biểu tượng (Icon) **Publish** tương ứng với Module để thay đổi trạng thái **Publish** (sử dụng) và **Unpublish** (không sử dụng).
- Thay đổi các thông số của Module bằng cách nhấn vào tên của Module cần chỉnh sửa: **Title** (tên), **Show title** (hiển thị tên), **Position** (vị trí đặt Module), **Module Order** (thứ tự của Module), **Access Level** (giới hạn truy cập), **Published** (Sử dụng, hiển thị Module), **Menu Item Link** (Module chỉ hiển thị trên các trang, Menu được chọn).



- Thay đổi tên cho các Module: **Main Menu** -> Menu chính, **Log-in Form** -> Đăng ký thành viên, **Statistics** -> Thống kê, **Polls** -> Thăm dò ý kiến, **Who's Online** -> Ai đang trực tuyến, **Latest News** -> Tin mới nhất, **Popular** -> Tin được xem nhiều nhất,...

Bây giờ Web Site đã hoàn tất về mặt cơ bản với các chủ đề tin tức, Menu chính và phụ, Top Menu, công cụ tìm kiếm, liên hệ... và có thể tạo các nội dung (bài viết) cho các chủ đề trên Web Site.



Nếu muốn Web Site trở nên đẹp và chuyên nghiệp hơn thì có thể chỉnh sửa các thông số cho các Menu, Module... và thay đổi Template, cài đặt thêm các thành phần mở rộng.



# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 36

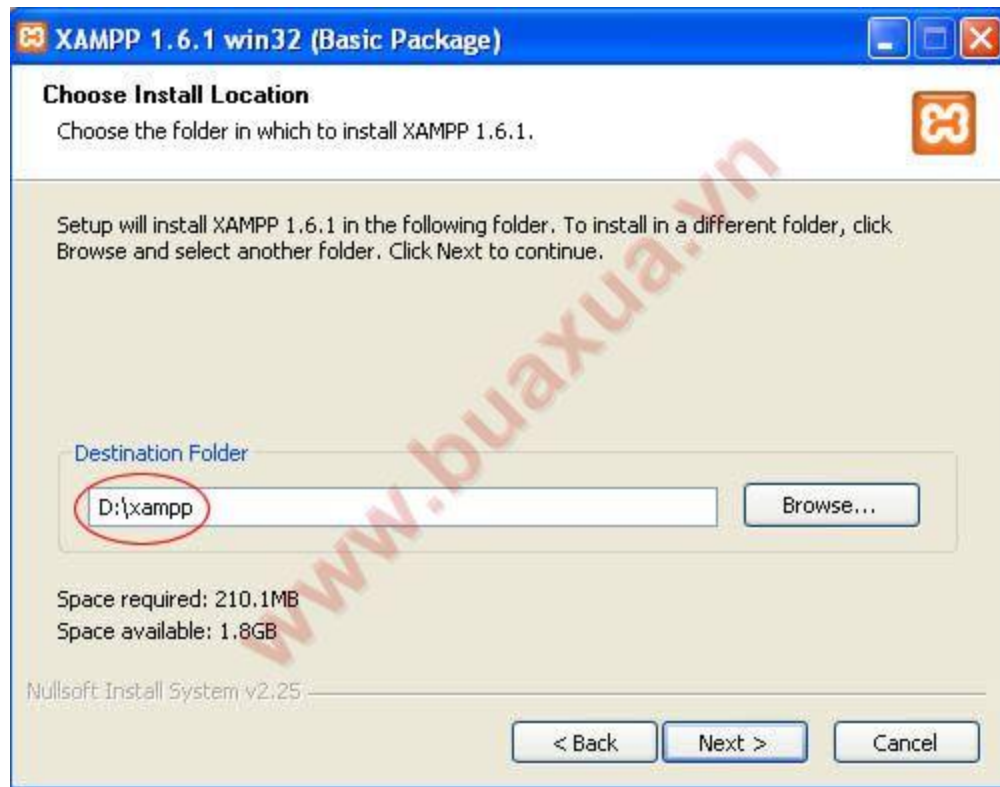
### Cách cài chương trình Server Xampp

Xampp là chương trình tạo máy chủ Web (Web Server) trên máy tính cá nhân (Localhost) được tích hợp sẵn Apache, PHP, MySQL, FTP Server, Mail Server và các công cụ như PHPmyadmin. Xampp được download và sử dụng miễn phí tại:

<http://www.apachefriends.org/en/xampp-windows.html>

**Cách cài đặt như sau:**

- Chạy chương trình cài đặt **XAMPP Installer**, khi xuất hiện bảng chọn ngôn ngữ, chọn **English** và nhấn **Ok**.
- Khi xuất hiện bảng **Welcome to the Xampp Setup Wizard**, nhấn **Next**.
- Trong **License Agreement** chọn **I accept the Agreement**, nhấn **Next**.
- Trong **Select Destination Location**, chọn nơi cài đặt **Xampp**. Lưu ý ở bước này nên chọn ổ đĩa khác với ổ đĩa cài Windows để sau này dễ cài đặt cấu hình cho Wampp. Chọn đường dẫn là **D:\xampp** (cài trên thư mục **xampp** của ổ đĩa **D**), nhấn **Next**.



- Trong **XAMPP Options**, để nguyên mặc định của **Xampp** và nhấn **Install**.
- Chương trình sẽ tiến hành cài đặt và sau cùng nhấn **Finish** để kết thúc việc cài đặt, chương trình sẽ hỏi bạn có muốn mở bảng điều khiển của **Xampp** hay không, hãy chọn **No** vì chúng ta cần chỉnh thêm một vài thông số nữa.

Thư mục gốc (Web Root) để chứa các trang web mặc định của Xampp là **D:\xampp\htdocs**. Tất cả các Website hoặc thư mục chứa Website đều phải được đặt vào thư mục **Web Root (htdocs)** thì mới hoạt động được.

Nếu muốn bạn có thể thay đổi thư mục **Web Root**, bạn nên tạo một thư mục Web Root khác nằm ở bên ngoài thư mục **Xampp** để dễ sử dụng.

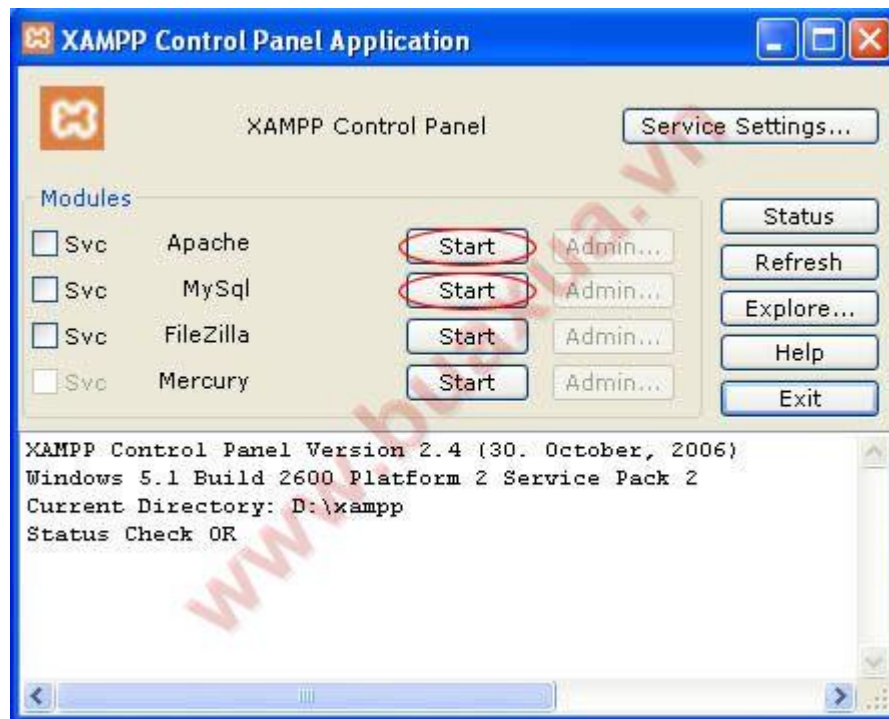
- Thí dụ tạo thư mục **Web Root** nằm ở ổ đĩa **D:** có tên là **WWW** bằng cách mở File **httpd.conf** nằm trong thư mục cài đặt Xampp **D:\xampp\apache\conf\** (**D:\xampp\apache\conf\httpd.conf**) bằng chương trình **Notepad** hoặc bất cứ chương trình soạn thảo văn bản nào. Tìm đến dòng **DocumentRoot "D:/xampp/htdocs"** sửa lại thành **DocumentRoot "D:/www"** và dòng **<Directory "D:/xampp/htdocs">** sửa lại thành

<Directory "D:/www">, **Save** và đóng File này lại. Lưu ý dấu số / và \ của đường dẫn phải chính xác.

Mở bảng điều khiển của chương trình Xampp bằng cách nhấn đúp chuột vào Icon **XAMPP Control Panel** nằm trên **Desktop**. Nếu xuất hiện bảng xuất hiện bảng **Windows Security Alert** thì chọn **Unblock**.



Trong bản điều khiển **Xampp**, chọn **Start** để khởi động **Apache** và **MySQL**. Nhấn vào nút **X** (góc trên bên phải) để tắt bảng điều khiển, bạn có thể mở bảng điều khiển này bất cứ lúc nào bằng cách nhấn chuột và biểu tượng của Xampp nằm ở khay hệ thống (góc dưới bên phải màn hình).



Bây giờ thư mục gốc (Web Root) để chứa các trang web là **D:\www**. Bạn cũng có thể Copy các File trong thư mục **D:\xampp\htdocs** vào thư mục **D:\www**, sau đó mở chương trình duyệt web (Internet Explorer, Firefox...), trong ô địa chỉ bạn nhập vào: **http://localhost** nếu hiện lên bảng thông số của Xampp là việc cài đặt đã thành công.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 37

### Cách làm một Module đơn giản cho Joomla! 1.0.x

Mặc nhiên sau khi cài đặt Joomla! chỉ có một số Mod cơ bản cần thiết cho Web Site hoạt động, muốn mở rộng thêm chức năng cho Web Site thông thường cần phải cài đặt thêm các phần mở rộng (Extensions) khác. Tuy nhiên đôi lúc cũng cần phải tự tạo cho riêng Web Site của mình một vài Mod để mở rộng thêm chức năng riêng cho Web Site.

Thông thường một Mod sẽ gồm có 2 file chính là **.php** (chương trình) và file **.xml** (thông số), ngoài ra có thể có thêm thư mục ảnh, Java Script... hỗ trợ thêm cho Module.

Bài viết này sẽ hướng dẫn cách tạo một Module đơn giản, đó là **Module Vdict** có chức năng dịch từ điển Việt - Anh - Pháp lấy dữ liệu từ điển của vdict.com. Mod này gồm có 2 file là **vdict.php** và **vdict.xml**.

**vdict.xml**: Khai báo các thông số và cài đặt cho Module, các thông số này sẽ được hiển thị trong phần Quản lý Module (**Site Module: Edit**)

```
1 <?xml version="1.0" encoding="iso-8859-1"?>
2 <mosinstall type="module" version="1.0.x">
3   <name>Vdict Module</name>
4   <author>www.buaxua.vn</author>
5   <creationDate>October 12 2007</creationDate>
6   <copyright>www.buaxua.vn</copyright>
7   <license>http://www.gnu.org/copyleft/gpl.html GNU/GPL</license>
8   <authorEmail>support@buaxua.vn</authorEmail>
9   <authorUrl>www.buaxua.vn</authorUrl>
10  <version>1.0</version>
11  <description>Module VDict (Vietnamese Dictionary) là chương trình từ điển trực
tuyến Việt - Anh - Pháp, chương trình hỗ trợ 8 kiểu dịch, ngoài ra chương trình hỗ
trợ nhập đúp chuột vào bất cứ từ tiếng Anh nào để dịch sang tiếng Việt. Module
này do www.buaxua.vn thực hiện với mã nguồn từ điển từ
http://vdict.com</description>
```



## 1. Chuẩn định dạng cho file xml

## 2. Thẻ khai báo cài đặt Module

**Phần thông tin về Module:** Tên của Module (3), tác giả (4), ngày thực hiện (5), bản quyền (6), loại giấy phép sử dụng (7), địa chỉ thư điện tử của tác giả (8), trang Web của tác giả (9), Version (phiên bản) của Module (10), giới thiệu về Module (11)

```
12 <files>
13   <filename module="mod_vdict">mod_vdict.php</filename>
14 </files>
15 <params>
16   <param name="moduleclass_sfx" type="text" default="" label="Module Class
      Suffix" description="A suffix to be applied to the css class of the module
      (table.moduletable), this allows individual module styling" />
17   <param name="@spacer" type="spacer" default="" label="" description="" />
18   <param name="cache" type="radio" default="0" label="Enable Cache"
      description="Select whether to cache the content of this module">
19     <option value="0">No</option>
20     <option value="1">Yes</option>
21 </param>
22   <param name="@spacer" type="spacer" default="" label="" description="" />
23   <param name="width" type="text" default="20" label="Box Width"
      description="Kích thước hộp nhập từ" />
24   <param name="pre_text" type="text" default="Tra từ điển: " label="Pre-text"
      description="Hiển thị text trước hộp nhập từ" />
25   <param name="text" type="text" default="Nhập từ cần tra..." label="Text"
      description="Hiển thị text trong hộp nhập từ" />
26   <param name="@spacer" type="spacer" default="" label="" description="" />
27   <param name="button_text" type="text" default="Tra" label="Button Text"
      description="Hiển thị text trong nút" />
28 </params>
29 </mosinstall>
```

## 12. Thẻ bắt đầu khai báo các file có trong Module để cài đặt

## 13. Khai báo file vdict.php (không cần khai báo file vdict.xml)

## 14. Thẻ kết thúc khai báo các file có trong Module để cài đặt

**15. Thẻ bắt đầu khai báo các thông số có trong Module: Name** (khai báo tên thông số), **Type** (kiểu thông số), **Default** (giá trị mặc nhiên), **Label** (tên hiển thị của thông số)

## 16. Thông số **Module Class Suffix**.

**17. Tạo khoảng trống ngăn cách giữa các thông số** (chỉ có tác dụng trình bày, có thể không có)

**18.** Thẻ bắt đầu thông số **Cache** cho Module với 2 lựa chọn: **No** (19) và **Yes** (20)

**21.** Thẻ kết thúc thông số **Cache**.

**22.** Tạo khoảng trống ngăn cách giữa các thông số (chỉ có tác dụng trình bày, có thể không có)

**23.** Thông số chiều rộng của hộp nhập từ (width), mặc nhiên là **20**

**24.** Thông số đặt dòng chữ trước hộp nhập từ (pre\_text), mặc nhiên là "**Tra từ điển:** "

**25.** Thông số đặt dòng chữ trong hộp nhập từ (text), mặc nhiên là "**nhập từ cần tra...** "

**26.** Tạo khoảng trống ngăn cách giữa các thông số (chỉ có tác dụng trình bày, có thể không có)

**27.** Thông số đặt dòng chữ trong nút lệnh (button\_text), mặc nhiên là "**Tra**"

**28.** Thẻ kết thúc khai báo các thông số

**29.** Thẻ kết thúc cài đặt Module.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 37

### Cách làm một Module đơn giản cho Joomla! 1.0.x

Mặc nhiên sau khi cài đặt Joomla! chỉ có một số Mod cơ bản cần thiết cho Web Site hoạt động, muốn mở rộng thêm chức năng cho Web Site thông thường cần phải cài đặt thêm các phần mở rộng (Extensions) khác. Tuy nhiên đôi lúc cũng cần phải tự tạo cho riêng Web Site của mình một vài Mod để mở rộng thêm chức năng riêng cho Web Site.

Thông thường một Mod sẽ gồm có 2 file chính là **.php** (chương trình) và file **.xml** (thông số), ngoài ra có thể có thêm thư mục ảnh, Java Script... hỗ trợ thêm cho Module.

Bài viết này sẽ hướng dẫn cách tạo một Module đơn giản, đó là **Module Vdict** có chức năng dịch từ điển Việt - Anh - Pháp lấy dữ liệu từ điển của vdict.com. Mod này gồm có 2 file là **vdict.php** và **vdict.xml**.

**vdict.xml**: Khai báo các thông số và cài đặt cho Module, các thông số này sẽ được hiển thị trong phần Quản lý Module (**Site Module: Edit**)

```
1 <?xml version="1.0" encoding="iso-8859-1"?>
2 <mosinstall type="module" version="1.0.x">
3   <name>Vdict Module</name>
4   <author>www.buaxua.vn</author>
5   <creationDate>October 12 2007</creationDate>
6   <copyright>www.buaxua.vn</copyright>
7   <license>http://www.gnu.org/copyleft/gpl.html GNU/GPL</license>
8   <authorEmail>support@buaxua.vn</authorEmail>
9   <authorUrl>www.buaxua.vn</authorUrl>
10  <version>1.0</version>
11  <description>Module VDict (Vietnamese Dictionary) là chương trình từ điển trực
tuyến Việt - Anh - Pháp, chương trình hỗ trợ 8 kiểu dịch, ngoài ra chương trình hỗ
trợ nhập đúp chuột vào bất cứ từ tiếng Anh nào để dịch sang tiếng Việt. Module
này do www.buaxua.vn thực hiện với mã nguồn từ điển từ
http://vdict.com</description>
```



## 1. Chuẩn định dạng cho file xml

## 2. Thẻ khai báo cài đặt Module

**Phần thông tin về Module:** Tên của Module (3), tác giả (4), ngày thực hiện (5), bản quyền (6), loại giấy phép sử dụng (7), địa chỉ thư điện tử của tác giả (8), trang Web của tác giả (9), Version (phiên bản) của Module (10), giới thiệu về Module (11)

```
12 <files>
13   <filename module="mod_vdict">mod_vdict.php</filename>
14 </files>
15 <params>
16   <param name="moduleclass_sfx" type="text" default="" label="Module Class
      Suffix" description="A suffix to be applied to the css class of the module
      (table.moduletable), this allows individual module styling" />
17   <param name="@spacer" type="spacer" default="" label="" description="" />
18   <param name="cache" type="radio" default="0" label="Enable Cache"
      description="Select whether to cache the content of this module">
19     <option value="0">No</option>
20     <option value="1">Yes</option>
21 </param>
22   <param name="@spacer" type="spacer" default="" label="" description="" />
23   <param name="width" type="text" default="20" label="Box Width"
      description="Kích thước hộp nhập từ" />
24   <param name="pre_text" type="text" default="Tra từ điển: " label="Pre-text"
      description="Hiển thị text trước hộp nhập từ" />
25   <param name="text" type="text" default="Nhập từ cần tra..." label="Text"
      description="Hiển thị text trong hộp nhập từ" />
26   <param name="@spacer" type="spacer" default="" label="" description="" />
27   <param name="button_text" type="text" default="Tra" label="Button Text"
      description="Hiển thị text trong nút" />
28 </params>
29 </mosinstall>
```

## 12. Thẻ bắt đầu khai báo các file có trong Module để cài đặt

## 13. Khai báo file vdict.php (không cần khai báo file vdict.xml)

## 14. Thẻ kết thúc khai báo các file có trong Module để cài đặt

**15. Thẻ bắt đầu khai báo các thông số có trong Module: Name** (khai báo tên thông số), **Type** (kiểu thông số), **Default** (giá trị mặc nhiên), **Label** (tên hiển thị của thông số)

## 16. Thông số **Module Class Suffix**.

**17. Tạo khoảng trống ngăn cách giữa các thông số** (chỉ có tác dụng trình bày, có thể không có)

**18.** Thẻ bắt đầu thông số **Cache** cho Module với 2 lựa chọn: **No** (19) và **Yes** (20)

**21.** Thẻ kết thúc thông số **Cache**.

**22.** Tạo khoảng trống ngăn cách giữa các thông số (chỉ có tác dụng trình bày, có thể không có)

**23.** Thông số chiều rộng của hộp nhập từ (width), mặc nhiên là **20**

**24.** Thông số đặt dòng chữ trước hộp nhập từ (pre\_text), mặc nhiên là "**Tra từ điển:** "

**25.** Thông số đặt dòng chữ trong hộp nhập từ (text), mặc nhiên là "**nhập từ cần tra...** "

**26.** Tạo khoảng trống ngăn cách giữa các thông số (chỉ có tác dụng trình bày, có thể không có)

**27.** Thông số đặt dòng chữ trong nút lệnh (button\_text), mặc nhiên là "**Tra**"

**28.** Thẻ kết thúc khai báo các thông số

**29.** Thẻ kết thúc cài đặt Module.

Parameters		
Module Class Suffix	16	<input type="text"/>
	17	<hr/>
Enable Cache	18	<input checked="" type="radio"/> No <input type="radio"/> Yes
	22	<hr/>
Box Width	23	<input type="text" value="20"/>
Pre-text	24	<input type="text" value="Tra từ điển:"/>
Text	25	<input type="text" value="Nhập từ cần tra..."/>
	26	<hr/>
Button Text	27	<input type="text" value="Tra"/>

**vdict.php**: Tập lệnh xử lý, kết hợp với các thông số trong **vdict.xml** để tạo ra Module

```

1 <?php
2 /* (c) Copyright: www.buaxua.vn */
3 defined( '_VALID_MOS' ) or die( 'Direct Access to this location is not allowed.' );
4 $button_text = $params->get( 'button_text', 'Tra' );
5 $width      = intval( $params->get( 'width', 20 ) );
6 $text       = $params->get( 'text', 'Nhập từ cần tra...' );
7 $pre_text   = $params->get( 'pre_text', 'Tra từ điển: ' );
8 $output = '<input name="word" id="word" maxlength="100" type="text"
9           size="'. $width .' " value="'. $text .' " onblur="if(this.value==\' \') this.value=\'
           $text .\' " onfocus="if(this.value==\' \'. $text .\' ) this.value=\' " />';

```

1. Mở đầu lệnh php
2. Dòng chú thích (có thể tùy ý, có hoặc không)
3. Lệnh ngăn không cho truy cập trực tiếp vào file php này
4. Biến lấy giá trị của thông số **button\_text**, mặc định là "Tra"
5. Biến lấy giá trị của thông số **width**, mặc định là "20"
6. Biến lấy giá trị của thông số **text**, mặc định là "Nhập từ cần tra..."

7. Biến lấy giá trị của thông số **pre\_text**, mặc định là "Tra từ điển: "

8. Khởi tạo biến xuất dữ liệu với các thông tin được kết hợp từ các biến (thông số) trên.

9. Kết thúc lệnh php

```

10 <div style="width: 100%; padding: 5px;">
11 <form name="vdict" method="get" action="http://vdict.com/gateway.php"
    target="_blank"><?php echo $pre_text; ?>&nbsp;<?php echo $output;
    ?>&nbsp;<?php
12 <select name="dictionary">
13 <option value="0">Tất cả từ điển</option>
14 <option value="1" selected>Anh - Việt</option>
15 <option value="2">Việt - Anh</option>
16 <option value="3">Việt - Việt</option>
17 <option value="4">Việt - Pháp</option>
18 <option value="5">Pháp - Việt</option>
19 <option value="6">Tin học</option>
20 <option value="7">Anh - Anh</option>
21 </select>&nbsp;<input type="submit" name="Submit" value="<?php echo $button_text; ?>">
22 </form>
23 <p align="center">
24 <a href="http://www.buaxua.vn">www.buaxua.vn</a></p>
25 </div>
26 </div>

```

10. Tạo bảng kiểu để đặt Module này bên trong, width:100% (kích thước giới hạn của Module, tùy thuộc vào vị trí), padding:5px (tạo khoảng cách giữa Module và vị trí, có thể không cần hoặc thay đổi tùy ý)

11. Tạo phần (Form) nhập dữ liệu, có thể thay thế các mã tạo khoảng cách bằng **<br>** để tạo xuống dòng cho các mục nhập dữ liệu.

12. Tạo phần (Scroll Menu) chọn kiểu dịch với các kiểu từ 13 -> 20, trong đó kiểu 14 là mặc định.



21. Kết thúc phần chọn kiểu dịch.

22. Phần tạo nút nhấn.

23. Kết thúc phần (Form) nhập dữ liệu.

**24. 25.** Phần hiển thị thêm trên Module (có thể không cần).

**26.** Kết thúc bằng kiểu để đặt Module.

Trên đây là hướng dẫn cơ bản cách tạo một Module đơn giản cho **Joomla! 1.0.x**, nếu làm đúng các bước như trên sẽ tạo được Vdict Module, đây là Module tự điển trực tuyến Việt - Anh - Pháp hỗ trợ 8 kiểu dịch. Module này do <http://www.buaxua.vn> thực hiện với mã nguồn từ điển từ vdict.com.

**Tải File** (Download):

- [Vdict Module 1.0](#) (Joomla! 1.0.x)
- [Vdict Module 1.5](#) (Joomla! 1.5.x)

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 38

### Cách tạo các vị trí Module trong Joomla! Template

Các Template (Temp) mặc định của Joomla! và các Template miễn phí (Free) được tải về thường rất đơn giản, có ít vị trí để đặt Module. Trong bài này chúng ta sẽ xem xét cách tạo các vị trí Module trong Temp.

Trong File **index.php** của Temp có các câu lệnh php tạo vị trí cơ bản như sau:

#### Các vị trí Module:

```
1      <?php
2      if (mosCountModules( "vị trí" )) { ?>
3      <div id="vị trí">
4          <?php mosLoadModules ( 'vị trí', kiểu ); ?>
5      </div>
6      <?php } ?>
```

1. Mở đầu câu lệnh php

2. Kiểm tra (đếm) Module tại **vị trí** này, nếu không có Module nào thì không tạo vị trí tại đây, nếu có thì sẽ tạo 1 **vị trí** tại đây.

3. Tạo vị trí có mã **id** tên là **vị trí**, **id** này có thể được đặt tên tùy ý và sẽ được định dạng cho Module trong tập tin **template\_css.css** của Template.

4. Dòng lệnh đặt Module vào **vị trí**. **Kiểu** (Style) là cách hiển thị Module, có 5 giá trị:

- **0** = (mặc nhiên) Modules hiển thị trong 1 cột (**<td>Module</td>**).
- **1** = Modules hiển thị theo hàng ngang. Mỗi Module nằm trong 1 ô (cell) của bảng (table).



- -1 = Modules hiển thị tùy theo định dạng của nó và không có tựa đề (Title).
- -2 = Modules hiển thị theo định dạng của Joomla bao gồm phần tiêu đề (Title) và được đặt trong các các bảng kiểu (`<div>Module</div>`)
- -3 = Modules hiển thị trong các bảng kiểu (`<div><div><div>Module</div></div></div>`) với tiêu đề (Title) và có các góc được bo tròn (rounded corners). Kiểu này kết hợp với CSS sẽ hiển thị mỗi Module nằm trong 1 bảng có góc bo tròn rất đẹp.

## 5. Kết thúc vị trí.

## 6. Kết thúc lệnh kiểm tra tại số 2.

### Phần nội dung chính (MainBody) hiển thị Component

```
1 <div class="content">
2   <a name="content"></a>
3   <?php mosMainBody(); ?>
4 </div>
```

1. Tạo vị trí cho phần nội dung, có mã **class** là **content**. **class** này sẽ được định dạng cho phần nội dung trong tập tin **template\_css.css** của Template.
2. Đánh dấu, định nghĩa phần nội dung (Content)
3. Dòng lệnh đặt các thành phần (Component) vào phần nội dung chính (MainBody).
4. Kết thúc vị trí.

### Phần cuối trang (Footer)

```
1 <div id="footer" >
2   <?php include_once( $mosConfig_absolute_path ./includes/footer.php' ); ?>
3 </div>
```

1. Tạo vị trí cho phần cuối trang có mã **id** tên là **footer**, **id** này được định dạng cho phần này trong tập tin **template\_css.css** của Template.
2. Dòng lệnh đưa nội dụng được tạo từ File **footer.php** vào, File này nằm trong thư mục **includes** trong Joomla! có thể chỉnh sửa nội dung của File này cho phù hợp với yêu cầu.

### 3. Kết thúc vị trí.

#### Lưu ý:

Xem các vị trí của các Module trong Template bằng cách nhập thêm tham số **/?tp=1** vào sau dòng địa chỉ của trang Web (thí dụ: <http://localhost/?tp=1>)





# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 39

### Cách đưa Web Site Joomla! từ Localhost lên Web Host

Sau khi đã cài đặt và cấu hình cho Joomla! tại Localhost, công việc tiếp theo là đưa Website lên Web Host (Host) để bắt đầu hoạt động trong hệ thống mạng toàn cầu.

Sau đây là cách tạo Database và đưa Website Joomla! từ Localhost lên Web Host:

#### Tạo Database trên Host:

- Đăng nhập vào phần quản lý Host (Cpanel) và chọn **MySQL Database**.



- Trong phần **Create New Database** nhập tên cho Database muốn tạo sau đó nhấn **Create Database**.



- Trong phần **MySQL Users** nhập tên người dùng vào **Username** và mật khẩu vào **Password**. Đây là tên và mật khẩu dùng để truy cập Database, có thể đặt tùy ý. Nhập mật khẩu giống như trên vào **Password (Again)** thêm một lần nữa và nhấn **Create User**. Có thể tạo thêm nhiều tên người dùng khác nếu muốn.

**MySQL Users**

**Add New User**

Username:  \*Seven characters max

Password:  Password Strength:

Password (Again):

- Trong phần **Add User To Database** chọn tên người dùng vừa tạo bên trên trong mục **User** và chọn tên của Database nào muốn cho phép người dùng này truy cập trong mục **Database**, sau đó nhấn **Submit**. Có thể làm thêm nếu muốn cho phép nhiều người dùng truy cập Database.

**Add User To Database**

User:

Database:

Nếu làm đúng các bước như trên thì trong phần **Current Database** sẽ có tên của Database và tên của người dùng được phép truy cập Database tương ứng. Lưu ý phải nhớ **tên của Database**, **tên người dùng** (Username) và **mật khẩu** (Password) để khai báo khi cài đặt Joomla! hoặc khi muốn truy cập Database.

**Current Databases**

DATABASE	SIZE	USERS
<input type="text" value="joomla"/>		<input type="text" value="buaxua"/> <input type="button" value="X"/>

Lưu ý: Một số Free Host không cho phép tạo tên người dùng (Username) mà lấy luôn tên người dùng và mật khẩu giống với **Username** và **Password** dùng để truy cập vào phần quản lý Host.

### **Cài đặt, đưa Web Site Joomla! lên Host:**

Bây giờ đã có thể cài đặt mới hoặc đưa Web Site đã được cài đặt từ Localhost lên Host. Có 2 cách để đưa Web Site Joomla! lên Host:

#### **CÁCH 1:**

- Copy bộ cài đặt Joomla! lên thư mục gốc (Web Root) của Host, thư mục này thường có tên là **htdocs**, **publish\_html**, **www**,... Dùng chương trình quản lý File (File manager) của Host để giải nén. Tiến hành cài đặt bình thường như trên Localhost. Sử dụng tên Database, tên người dùng và mật khẩu được tạo ở phần trên.
- Copy các File và Folder của Web Site đã được cài đặt từ Localhost lên Host để thay thế (OverWrite) các File và Folder vừa mới cài đặt, ngoại trừ File **configuration.php** (giữ lại File này).
- Export dữ liệu của Database từ Localhost ra một File sau đó Import File này vào Database trên Host. Import dữ liệu vào Database bằng cách sử dụng **phpMyAdmin** trong phần quản lý Host (Cpanel).



- Login vào **Admin** và tiếp tục chỉnh sửa các thông số khác (tên của Web Site, từ khóa,...) trong phần **Global Configuration**. Lưu ý tên và mật khẩu truy cập Admin sẽ khai báo giống như lúc cài đặt bên trên.

#### **CÁCH 2:**

- Copy toàn bộ Web Site đã cài đặt từ Localhost lên thư mục gốc (Web Root) của Host, thư mục này thường có tên là **htdocs**, **publish\_html**, **www**,... Có thể để nguyên Web Site và copy lên Host thông qua chương trình FTP hoặc chương trình quản lý File (File Manager) của Host. Hoặc có thể nén các tập tin (File) và thư mục

(Folder) của Web Site dưới dạng ZIP và copy lên Host rồi sau đó dùng chương trình quản lý File của Host để giải nén.

- Lưu ý có thể Copy lên thư mục gốc (Web Root) của Host hoặc tạo thêm một thư mục khác trong thư mục gốc rồi copy vào đó.
- Export dữ liệu của Database từ Localhost ra một File sau đó Import File này vào Database trên Host. Import dữ liệu vào Database bằng cách sử dụng **phpMyAdmin** trong phần quản lý Host (Cpanel).
- Mở File **configuration.php** của Joomla! trên Host, tìm và sửa lại các thông số sau cho phù hợp với Host:

### **Đổi với Joomla! 1.0.X:**

#### **Khai báo đường dẫn đến thư mục chứa Web Site:**

```
$mosConfig_absolute_path = '/duong_dan/thu_muc_chua_web';
```

Thí dụ:

Nếu Joomla! được đặt tại thư mục Web gốc:

```
$mosConfig_absolute_path = 'home/username/htdocs';
```

Nếu Joomla! được đặt trong thư mục con tên là **joomla**:

```
$mosConfig_absolute_path = 'home/username/htdocs/joomla';
```

#### **Khai báo đường dẫn đến thư mục Cache:**

```
$mosConfig_cachepath = '/duong_dan/thu_muc_chua_web/cache';
```

Thí dụ:

```
$mosConfig_absolute_path = 'home/username/htdocs/cache';
```

Hoặc:

```
$mosConfig_absolute_path = 'home/username/htdocs/joomla/cache';
```

#### **Địa chỉ Database:**

```
$mosConfig_host = 'dia_chi_sever';
```

Thông thường là **localhost**, nếu ở vị trí khác thì có thể xem trong **Account Information** hoặc trong **phpMyAdmin** để biết.



thí \_\_\_\_\_ dụ:

```
$mosConfig_host = 'localhost';
```

Hoặc:

```
$mosConfig_host = 'sql4.byethost2.com';
```

### **Tên của Database:**

```
$mosConfig_db = 'ten_database';
```

Đây là tên của Database đã được tạo ở phần trên.

Thí \_\_\_\_\_ dụ:

```
$mosConfig_db = 'joomla';
```

### **Tên người dùng (Username):**

```
$mosConfig_user = 'ten_nguoi_dung';
```

Đây là tên dùng để truy cập Database được tạo ở phần trên.

Thí \_\_\_\_\_ dụ:

```
$mosConfig_db = 'buaxua';
```

### **Mật khẩu (Password) truy cập Database:**

```
$mosConfig_password = 'mat_khau';
```

Đây là mật khẩu dùng để truy cập Database được tạo ở phần trên.

Thí \_\_\_\_\_ dụ:

```
$mosConfig_password = '123456';
```

### **Địa chỉ dẫn đến Web Site:**

```
$mosConfig_live_site = 'http://yourdomain.com';
```

Đường dẫn này bao gồm địa chỉ và thư mục chứa Web Site nếu có.

Thí du:  
`$mosConfig_live_site = 'http://www.buaxua.vn';`

Hoặc:  
`$mosConfig_live_site = 'http://www.buaxua.vn/joomla';`

### **Đối với Joomla! 1.5.X:**

Khai báo lại các thông số của Database như: **Địa chỉ, tên, tên truy cập** và **mật khẩu** giống như Joomla! 1.0.x

Sau đó chỉ cần khai báo lại đường dẫn đến thư mục **logs** và **tmp** của Joomla!

Thí dụ:

```
var $log_path = '/home/domain/public_html/logs';
```

```
var $log_path = '/home/domain/public_html/tmp';
```

Lưu ý tên và mật khẩu truy cập Admin giống như trên Localhost.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 39

### Cách đưa Web Site Joomla! từ Localhost lên Web Host

Sau khi đã cài đặt và cấu hình cho Joomla! tại Localhost, công việc tiếp theo là đưa Website lên Web Host (Host) để bắt đầu hoạt động trong hệ thống mạng toàn cầu.

Sau đây là cách tạo Database và đưa Website Joomla! từ Localhost lên Web Host:

#### Tạo Database trên Host:

- Đăng nhập vào phần quản lý Host (Cpanel) và chọn **MySQL Database**.



- Trong phần **Create New Database** nhập tên cho Database muốn tạo sau đó nhấn **Create Database**.





- Trong phần **MySQL Users** nhập tên người dùng vào **Username** và mật khẩu vào **Password**. Đây là tên và mật khẩu dùng để truy cập Database, có thể đặt tùy ý. Nhập mật khẩu giống như trên vào **Password (Again)** thêm một lần nữa và nhấn **Create User**. Có thể tạo thêm nhiều tên người dùng khác nếu muốn.

**MySQL Users**

**Add New User**

Username:  \*Seven characters max

Password:  Password Strength:

Password (Again):

- Trong phần **Add User To Database** chọn tên người dùng vừa tạo bên trên trong mục **User** và chọn tên của Database nào muốn cho phép người dùng này truy cập trong mục **Database**, sau đó nhấn **Submit**. Có thể làm thêm nếu muốn cho phép nhiều người dùng truy cập Database.

**Add User To Database**

User:

Database:

Nếu làm đúng các bước như trên thì trong phần **Current Database** sẽ có tên của Database và tên của người dùng được phép truy cập Database tương ứng. Lưu ý phải nhớ **tên của Database**, **tên người dùng** (Username) và **mật khẩu** (Password) để khai báo khi cài đặt Joomla! hoặc khi muốn truy cập Database.

**Current Databases**

DATABASE	SIZE	USERS
<input type="text" value="joomla"/>		<input type="text" value="buaxua"/> <input type="button" value="X"/>



Lưu ý: Một số Free Host không cho phép tạo tên người dùng (Username) mà lấy luôn tên người dùng và mật khẩu giống với **Username** và **Password** dùng để truy cập vào phần quản lý Host.

### **Cài đặt, đưa Web Site Joomla! lên Host:**

Bây giờ đã có thể cài đặt mới hoặc đưa Web Site đã được cài đặt từ Localhost lên Host. Có 2 cách để đưa Web Site Joomla! lên Host:

#### **CÁCH 1:**

- Copy bộ cài đặt Joomla! lên thư mục gốc (Web Root) của Host, thư mục này thường có tên là **htdocs**, **publish\_html**, **www**,... Dùng chương trình quản lý File (File manager) của Host để giải nén. Tiến hành cài đặt bình thường như trên Localhost. Sử dụng tên Database, tên người dùng và mật khẩu được tạo ở phần trên.
- Copy các File và Folder của Web Site đã được cài đặt từ Localhost lên Host để thay thế (OverWrite) các File và Folder vừa mới cài đặt, ngoại trừ File **configuration.php** (giữ lại File này).
- Export dữ liệu của Database từ Localhost ra một File sau đó Import File này vào Database trên Host. Import dữ liệu vào Database bằng cách sử dụng **phpMyAdmin** trong phần quản lý Host (Cpanel).



- Login vào **Admin** và tiếp tục chỉnh sửa các thông số khác (tên của Web Site, từ khóa,...) trong phần **Global Configuration**. Lưu ý tên và mật khẩu truy cập Admin sẽ khai báo giống như lúc cài đặt bên trên.

#### **CÁCH 2:**

- Copy toàn bộ Web Site đã cài đặt từ Localhost lên thư mục gốc (Web Root) của Host, thư mục này thường có tên là **htdocs**, **publish\_html**, **www**,... Có thể để nguyên Web Site và copy lên Host thông qua chương trình FTP hoặc chương trình quản lý File (File Manager) của Host. Hoặc có thể nén các tập tin (File) và thư mục

(Folder) của Web Site dưới dạng ZIP và copy lên Host rồi sau đó dùng chương trình quản lý File của Host để giải nén.

- Lưu ý có thể Copy lên thư mục gốc (Web Root) của Host hoặc tạo thêm một thư mục khác trong thư mục gốc rồi copy vào đó.
- Export dữ liệu của Database từ Localhost ra một File sau đó Import File này vào Database trên Host. Import dữ liệu vào Database bằng cách sử dụng **phpMyAdmin** trong phần quản lý Host (Cpanel).
- Mở File **configuration.php** của Joomla! trên Host, tìm và sửa lại các thông số sau cho phù hợp với Host:

### **Đổi với Joomla! 1.0.X:**

#### **Khai báo đường dẫn đến thư mục chứa Web Site:**

```
$mosConfig_absolute_path = '/duong_dan/thu_muc_chua_web';
```

Thí dụ:

Nếu Joomla! được đặt tại thư mục Web gốc:

```
$mosConfig_absolute_path = 'home/username/htdocs';
```

Nếu Joomla! được đặt trong thư mục con tên là **joomla**:

```
$mosConfig_absolute_path = 'home/username/htdocs/joomla';
```

#### **Khai báo đường dẫn đến thư mục Cache:**

```
$mosConfig_cachepath = '/duong_dan/thu_muc_chua_web/cache';
```

Thí dụ:

```
$mosConfig_absolute_path = 'home/username/htdocs/cache';
```

Hoặc:

```
$mosConfig_absolute_path = 'home/username/htdocs/joomla/cache';
```

#### **Địa chỉ Database:**

```
$mosConfig_host = 'dia_chi_sever';
```

Thông thường là **localhost**, nếu ở vị trí khác thì có thể xem trong **Account Information** hoặc trong **phpMyAdmin** để biết.



thí \_\_\_\_\_ dụ:

```
$mosConfig_host = 'localhost';
```

Hoặc:

```
$mosConfig_host = 'sql4.byethost2.com';
```

### **Tên của Database:**

```
$mosConfig_db = 'ten_database';
```

Đây là tên của Database đã được tạo ở phần trên.

Thí \_\_\_\_\_ dụ:

```
$mosConfig_db = 'joomla';
```

### **Tên người dùng (Username):**

```
$mosConfig_user = 'ten_nguoi_dung';
```

Đây là tên dùng để truy cập Database được tạo ở phần trên.

Thí \_\_\_\_\_ dụ:

```
$mosConfig_db = 'buaxua';
```

### **Mật khẩu (Password) truy cập Database:**

```
$mosConfig_password = 'mat_khau';
```

Đây là mật khẩu dùng để truy cập Database được tạo ở phần trên.

Thí \_\_\_\_\_ dụ:

```
$mosConfig_password = '123456';
```

### **Địa chỉ dẫn đến Web Site:**

```
$mosConfig_live_site = 'http://yourdomain.com';
```

Đường dẫn này bao gồm địa chỉ và thư mục chứa Web Site nếu có.

Thí du:  
`$mosConfig_live_site = 'http://www.buaxua.vn';`

Hoặc:  
`$mosConfig_live_site = 'http://www.buaxua.vn/joomla';`

### **Đối với Joomla! 1.5.X:**

Khai báo lại các thông số của Database như: **Địa chỉ, tên, tên truy cập** và **mật khẩu** giống như Joomla! 1.0.x

Sau đó chỉ cần khai báo lại đường dẫn đến thư mục **logs** và **tmp** của Joomla!

Thí dụ:

```
var $log_path = '/home/domain/public_html/logs';
```

```
var $log_path = '/home/domain/public_html/tmp';
```

Lưu ý tên và mật khẩu truy cập Admin giống như trên Localhost.

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

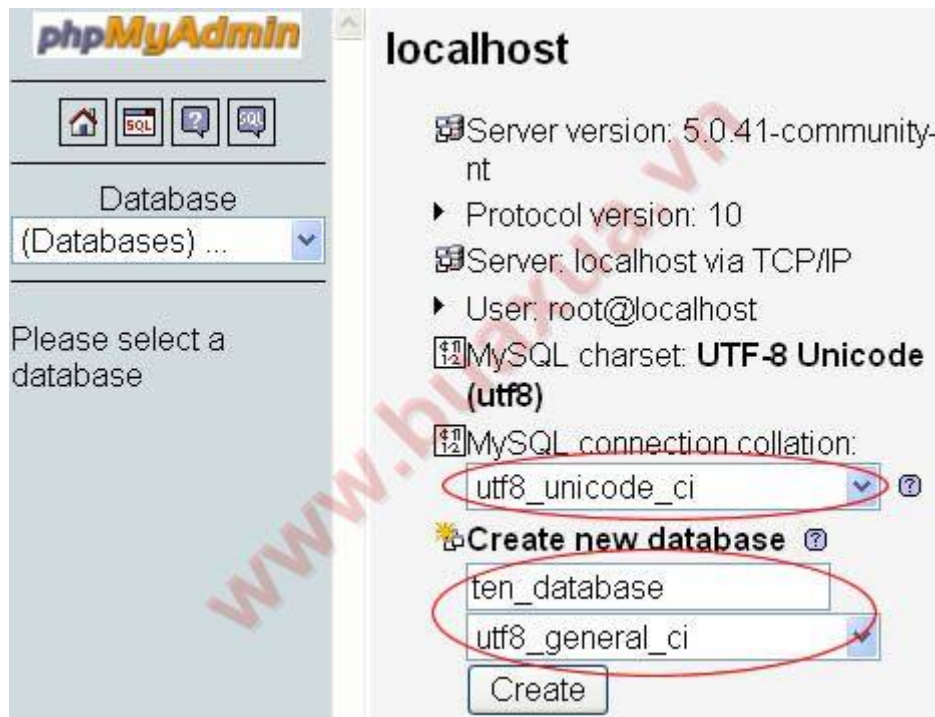
## Part 40

### Cách tạo Database bằng phpMyAdmin trên localhost

Database là cơ sở dữ liệu được tạo ra để sử dụng cho các trang web động, nó chứa các thông tin và nội dung do người sử dụng hoặc do các ứng dụng web tạo ra. Các Web Site động sẽ truy xuất các dữ liệu trong Database để hiển thị lên trang web khi được yêu cầu.

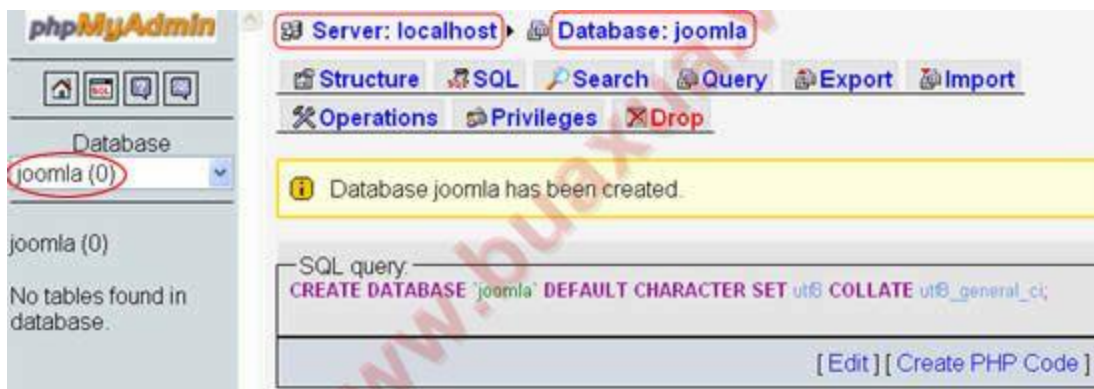
Sau đây là các bước cơ bản để tạo Database bằng **phpMyAdmin** trên **LocalhostWamp5** và **Xampp** ta làm như sau:

- Khởi động chương trình Web Server **Wamp5** hoặc **Xampp**. Mở chương trình duyệt web (Internet Explorer, Firefox...) và nhập **http://localhost/phpmyadmin/** vào dòng địa chỉ để mở **phpMyAdmin**. Đối với **Wamp5** có thể nhấn chuột trái vào biểu tượng Wamp5 (nằm ở góc dưới trên phải màn hình) và chọn **phpMyAdmin**.
- Trong **phpMyAdmin** chọn **MySQL connection collation** là **utf8\_unicode\_ci**, trong **Create new database** đặt tên cho **Database**, có thể đặt bất cứ tên gì nhưng không được có khoảng trống giữa các ký tự, và chọn **Collation** ở bên dưới là **utf8\_general\_ci** để hỗ trợ tiếng Việt (Font Unicode), sau khi chọn xong nhấn **Create**.



Sẽ có một **Database** được tạo ra với tên vừa đặt (ở đây tôi sẽ đặt là **joomla**), các thông số của Database này như sau (*thông tin này rất quan trọng vì bạn sẽ phải cần đến nó để khai báo khi muốn kết nối với Database*):

- **Server:** localhost (*đây là tên mặc định*)
- **Database:** joomla (*hoặc tên do bạn đặt*)
- **User:** root (*đây là tên mặc định*)
- **Password:** (*mặc định không có, để trống phần này*)

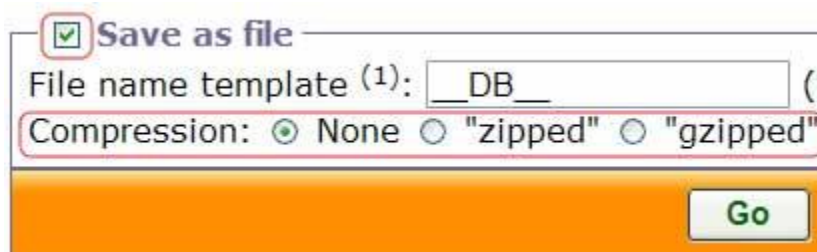


Có thể tạo thêm nhiều Database khác theo các bước như trên.

### **Backup (sao lưu) các bảng dữ liệu của Database:**

Chọn **Database** -> chọn bảng dữ liệu muốn Backup hoặc chọn **Check All** (nằm phía dưới) sau đó chọn **Export** (nằm phía trên).

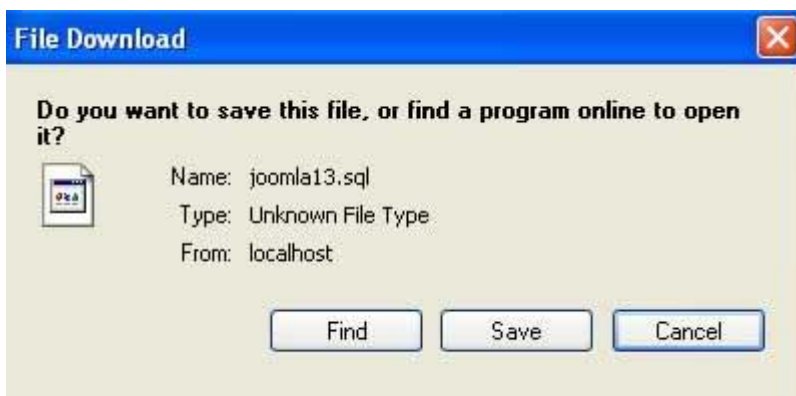
Đánh dấu vào **Save as file**, nếu muốn nén dữ liệu thì chọn "**zipped**" hoặc "**gzipped**" trong **Compression**. Nhấn **Go** để **Backup**.



The screenshot shows a form with the following elements:

- A checked checkbox labeled "Save as file".
- A text input field for "File name template (1):" containing the text "DB".
- A radio button group for "Compression" with three options: "None" (selected), "zipped", and "gzipped".
- An orange "Go" button at the bottom right.

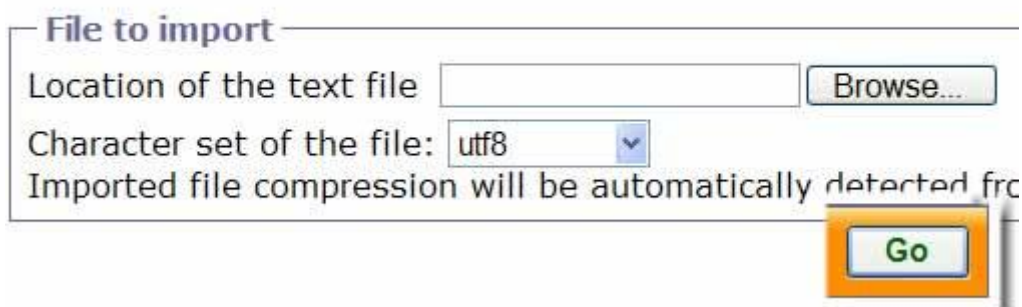
Chọn **Save** và đặt tên cho File **Backup** khi xuất hiện bảng thông báo.



### Restore (phục hồi) các bảng dữ liệu của Database:

Chọn **Database** -> chọn **Import** (nằm phía trên) -> nhấn **Browse** -> chọn File Backup và nhấn **Go**.

### **Import**



The screenshot shows the "File to import" form with the following elements:

- A text input field for "Location of the text file" with a "Browse..." button to its right.
- A dropdown menu for "Character set of the file:" set to "utf8".
- A note: "Imported file compression will be automatically detected from the file".
- An orange "Go" button at the bottom right.



## Xóa Database:

Chọn Database muốn xóa -> nhấn **Drop**

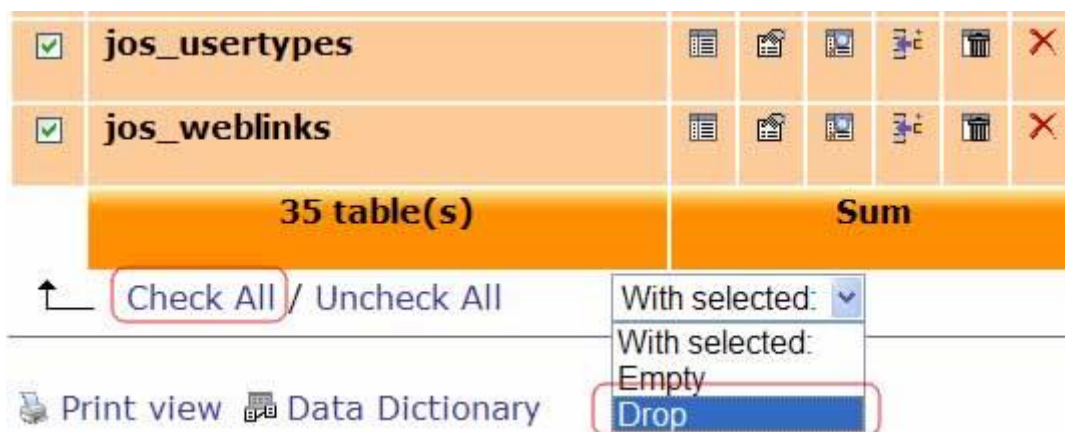


Xuất hiện bảng cảnh báo -> nhấn **Ok** để đồng ý.



## Xóa các bảng dữ liệu trong Database:

Chọn Database muốn xóa -> Nhấn vào biểu tượng **X** (màu đỏ) tương ứng với bảng dữ liệu để xóa bảng đó. Nếu muốn xóa hết các bảng dữ liệu thì chọn **Check All** (nằm phía dưới) sau đó chọn **Drop** trong **With Selected**.



Xuất hiện bảng cảnh báo -> nhấn **Yes** để đồng ý.



# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

Part 41


## **Cách làm trang Web bán hàng với Joomla! và VirtueMart**

Bán hàng trực tuyến cũng là một trong những chủ đề Web Site được nhiều người quan tâm. Bài này sẽ hướng dẫn cách trình bày một trang Web bán hàng bán hàng trực tuyến với Joomla! và VirtueMart.

VirtueMart (VM) là thành phần mở rộng cho Joomla! được tải về và sử dụng miễn phí tại trang Web: <http://virtuemart.net/>

## Downloads

### VirtueMart 1.1.2 (stable)

 VirtueMart 1.1.2 is the latest stable version available. It is compatible with Joomla!™ 1.0.x, Joomla! 1.5.x, Mambo 4.5.x and Mambo 4.6.x.

-  [Complete Package for Joomla! 1.5](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt đầy đủ cho Joomla! 1.5.x)
-  [Complete Package for Joomla! 1.0.x/Mambo](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt đầy đủ cho Joomla! 1.0.x)
-  [Manual Installation Package for Joomla! 1.5](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt tùy chọn cho Joomla! 1.5.x)
-  [Manual Installation Package for Joomla! 1.0.x/Mambo](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt tùy chọn cho Joomla! 1.0.x)
-  [Language Pack](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt ngôn ngữ cho VirtueMart)
-  [Patch Package \(1.1.1->1.1.2\) for Joomla! 1.5](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói nâng cấp VirtueMart cho Joomla! 1.5.x)
-  [Patch Package \(1.1.1->1.1.2\) for Joomla! 1.0.x/Mambo](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói nâng cấp VirtueMart cho Joomla! 1.0.x)
-  [VirtueMart eCommerce Bundle \(w. Joomla! 1.5.6\)](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt Joomla! 1.5.6 đã được tích hợp sẵn VirtueMart)

Có nhiều gói cài đặt dành cho các người dùng khác nhau, tuy nhiên nếu mới sử dụng lần đầu nên chọn gói **eCommerce** vì các gói này đã được tích hợp sẵn Joomla! và VirtueMart phiên bản mới nhất.

[Joomla! 1.0.x eCommerce Bundle](#) bao gồm phiên bản **Joomla! 1.0.x** đã được tích hợp thêm **Component VirtueMart**, các **Module** hiển thị sản phẩm và các **Mambot**.

Nếu đã có cài sẵn **Joomla! 1.0.x** thì có thể tải gói cài đặt [Complete Package for Joomla! 1.0.x/Mambo](#) gói cài đặt này chỉ có Component và các Module của VM.

Tải thêm [Gói cài đặt ngôn ngữ cho VM](#) trong đó có File **vietnamese.php** để hỗ trợ hiển thị ngôn ngữ tiếng Việt cho VM, File này hỗ trợ ngôn ngữ Việt ở cả phần **Back-End** (admin) và **Front-End**.

## Cài đặt:

- Nếu sử dụng gói cài đặt **Joomla! 1.0.x eCommerce Bundle** thì các bước cài đặt bình thường như **Joomla! 1.0.x**.
- Nếu sử dụng gói cài đặt **Complete Package for Joomla! 1.0.x/Mambo** việc cài đặt sẽ tiến hành theo các bước sau:

1. Giải nén gói cài đặt này sẽ được **Component VirtueMart**, các **Module** hiển thị sản phẩm và các **Mambot**.

2. Cài đặt **Component VirtueMart** bằng cách dùng lệnh **Installers -> Components**. Sau khi cài xong sẽ xuất hiện thông báo việc cài đặt bước đầu đã thành công.



3. Tiếp theo phải chọn một trong hai lựa chọn:

- **Go directly to the Shop:** Để bắt đầu cấu hình mới cho VM mà không có bất cứ dữ liệu mẫu nào.
- **Install SAMPLE DATA:** Để chọn cài đặt các dữ liệu mẫu cho VM, nếu lần đầu tiên sử dụng VM thì nên chọn lựa chọn này để tham khảo cách làm việc của VM, sau đó có thể sửa các dữ liệu mẫu này tùy ý.
- Sau khi chọn sẽ xuất hiện cảnh báo của VM, nhấn **OK** để đồng ý.

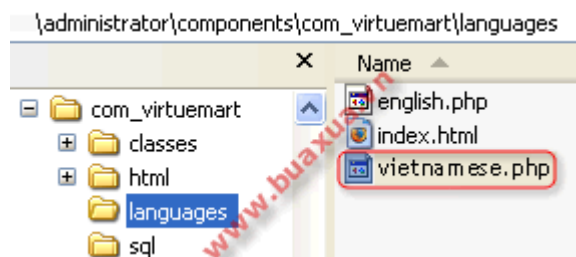


4. Tiếp tục cài đặt các **Module** và **Mambot** của VM bằng cách dùng lệnh **Installers -> Modules**. Sau đó các Module và Mambot phải được **Published** thì mới sử dụng được.

Cài đặt và sử dụng VM cũng giống như các Component khác, cho nên sau khi cài đặt và cấu hình cho VM phải sử dụng các chức năng tạo **Menu** và quản lý Module của Joomla! để hiển thị các chức năng và sản phẩm của VM trên trang chủ (Frontpage).

#### Cài đặt ngôn ngữ Việt:

- Sau khi cài đặt xong VM, **giải nén** gói cài đặt ngôn ngữ cho VM đã được tải về và Copy File **vietnamese.php** vào thư mục **administrator\components\com\_virtuemart\languages**, đây là File ngôn ngữ hỗ trợ cho VM hiển thị tiếng Việt trong phần quản lý (Admin) và trên trang Web (Site).



#### Lưu ý:

- Để hiển thị được ngôn ngữ Việt cho VM thì Joomla! phải được cài đặt và chọn ngôn ngữ Việt là mặc định. Xem thêm bài: [Cài đặt ngôn ngữ tiếng Việt cho Joomla! 1.0.x](#)



- File tiếng Việt của VM phải có tên giống như File tiếng Việt của Joomla! Nếu khác thì phải đổi tên File tiếng Việt của VM.

### **Cấu hình VirtueMart:**

Login vào **Admin**, chọn **Components -> VirtueMart** để vào phần quản lý của VM.

Mặc nhiên VM đã được thiết lập các thông số cơ bản để hoạt động, tuy nhiên nếu muốn có thể thiết lập lại theo ý mình thông qua các trình đơn trong phần quản lý của VM, phần này đã được Việt hóa gần hết nên rất thuận tiện trong việc sử dụng.

### **Các Nút lệnh chính trong bảng điều khiển:**



**Danh sách sản phẩm:** Danh sách các sản phẩm có trong cửa hàng, nhấn nút **Thêm** để tạo sản phẩm mới.

**Các thông số cần lưu ý:**

# Các thủ thuật thiết kế web với joomla 1.0.x và 1.5.x

## Part 41


### **Cách làm trang Web bán hàng với Joomla! và VirtueMart**

Bán hàng trực tuyến cũng là một trong những chủ đề Web Site được nhiều người quan tâm. Bài này sẽ hướng dẫn cách trình bày một trang Web bán hàng bán hàng trực tuyến với Joomla! và VirtueMart.

VirtueMart (VM) là thành phần mở rộng cho Joomla! được tải về và sử dụng miễn phí tại trang Web: <http://virtuemart.net/>

## Downloads

### VirtueMart 1.1.2 (stable)

 VirtueMart 1.1.2 is the latest stable version available. It is compatible with Joomla!™ 1.0.x, Joomla! 1.5.x, Mambo 4.5.x and Mambo 4.6.x.

-  [Complete Package for Joomla! 1.5](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt đầy đủ cho Joomla! 1.5.x)
-  [Complete Package for Joomla! 1.0.x/Mambo](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt đầy đủ cho Joomla! 1.0.x)
-  [Manual Installation Package for Joomla! 1.5](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt tùy chọn cho Joomla! 1.5.x)
-  [Manual Installation Package for Joomla! 1.0.x/Mambo](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt tùy chọn cho Joomla! 1.0.x)
-  [Language Pack](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt ngôn ngữ cho VirtueMart)
-  [Patch Package \(1.1.1->1.1.2\) for Joomla! 1.5](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói nâng cấp VirtueMart cho Joomla! 1.5.x)
-  [Patch Package \(1.1.1->1.1.2\) for Joomla! 1.0.x/Mambo](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói nâng cấp VirtueMart cho Joomla! 1.0.x)
-  [VirtueMart eCommerce Bundle \(w. Joomla! 1.5.6\)](#)  [\(Mirror\)](#) (Gói cài đặt Joomla! 1.5.6 đã được tích hợp sẵn VirtueMart)

Có nhiều gói cài đặt dành cho các người dùng khác nhau, tuy nhiên nếu mới sử dụng lần đầu nên chọn gói **eCommerce** vì các gói này đã được tích hợp sẵn Joomla! và VirtueMart phiên bản mới nhất.

[Joomla! 1.0.x eCommerce Bundle](#) bao gồm phiên bản **Joomla! 1.0.x** đã được tích hợp thêm **Component VirtueMart**, các **Module** hiển thị sản phẩm và các **Mambot**.

Nếu đã có cài sẵn **Joomla! 1.0.x** thì có thể tải gói cài đặt [Complete Package for Joomla! 1.0.x/Mambo](#) gói cài đặt này chỉ có Component và các Module của VM.

Tải thêm [Gói cài đặt ngôn ngữ cho VM](#) trong đó có File **vietnamese.php** để hỗ trợ hiển thị ngôn ngữ tiếng Việt cho VM, File này hỗ trợ ngôn ngữ Việt ở cả phần **Back-End** (admin) và **Front-End**.

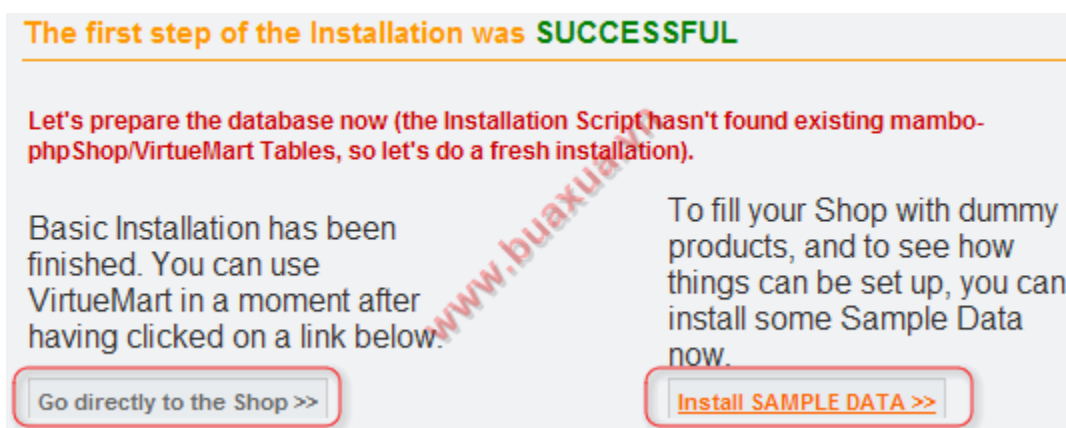


## Cài đặt:

- Nếu sử dụng gói cài đặt **Joomla! 1.0.x eCommerce Bundle** thì các bước cài đặt bình thường như **Joomla! 1.0.x**.
- Nếu sử dụng gói cài đặt **Complete Package for Joomla! 1.0.x/Mambo** việc cài đặt sẽ tiến hành theo các bước sau:

1. Giải nén gói cài đặt này sẽ được **Component VirtueMart**, các **Module** hiển thị sản phẩm và các **Mambot**.

2. Cài đặt **Component VirtueMart** bằng cách dùng lệnh **Installers -> Components**. Sau khi cài xong sẽ xuất hiện thông báo việc cài đặt bước đầu đã thành công.



3. Tiếp theo phải chọn một trong hai lựa chọn:

- **Go directly to the Shop:** Để bắt đầu cấu hình mới cho VM mà không có bất cứ dữ liệu mẫu nào.
- **Install SAMPLE DATA:** Để chọn cài đặt các dữ liệu mẫu cho VM, nếu lần đầu tiên sử dụng VM thì nên chọn lựa chọn này để tham khảo cách làm việc của VM, sau đó có thể sửa các dữ liệu mẫu này tùy ý.
- Sau khi chọn sẽ xuất hiện cảnh báo của VM, nhấn **OK** để đồng ý.



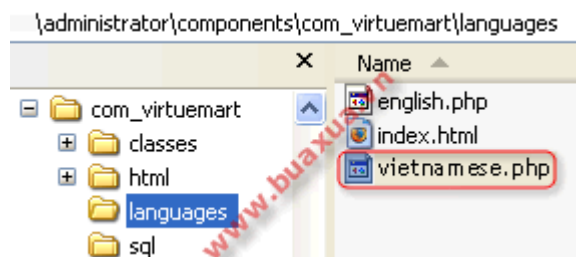


4. Tiếp tục cài đặt các **Module** và **Mambot** của VM bằng cách dùng lệnh **Installers -> Modules**. Sau đó các Module và Mambot phải được **Published** thì mới sử dụng được.

Cài đặt và sử dụng VM cũng giống như các Component khác, cho nên sau khi cài đặt và cấu hình cho VM phải sử dụng các chức năng tạo **Menu** và quản lý Module của Joomla! để hiển thị các chức năng và sản phẩm của VM trên trang chủ (Frontpage).

#### Cài đặt ngôn ngữ Việt:

- Sau khi cài đặt xong VM, **giải nén** gói cài đặt ngôn ngữ cho VM đã được tải về và Copy File **vietnamese.php** vào thư mục **administrator\components\com\_virtuemart\languages**, đây là File ngôn ngữ hỗ trợ cho VM hiển thị tiếng Việt trong phần quản lý (Admin) và trên trang Web (Site).



#### Lưu ý:

- Để hiển thị được ngôn ngữ Việt cho VM thì Joomla! phải được cài đặt và chọn ngôn ngữ Việt là mặc định. Xem thêm bài: [Cài đặt ngôn ngữ tiếng Việt cho Joomla! 1.0.x](#)



- File tiếng Việt của VM phải có tên giống như File tiếng Việt của Joomla! Nếu khác thì phải đổi tên File tiếng Việt của VM.

### **Cấu hình VirtueMart:**

Login vào **Admin**, chọn **Components -> VirtueMart** để vào phần quản lý của VM.

Mặc nhiên VM đã được thiết lập các thông số cơ bản để hoạt động, tuy nhiên nếu muốn có thể thiết lập lại theo ý mình thông qua các trình đơn trong phần quản lý của VM, phần này đã được Việt hóa gần hết nên rất thuận tiện trong việc sử dụng.

### **Các Nút lệnh chính trong bảng điều khiển:**

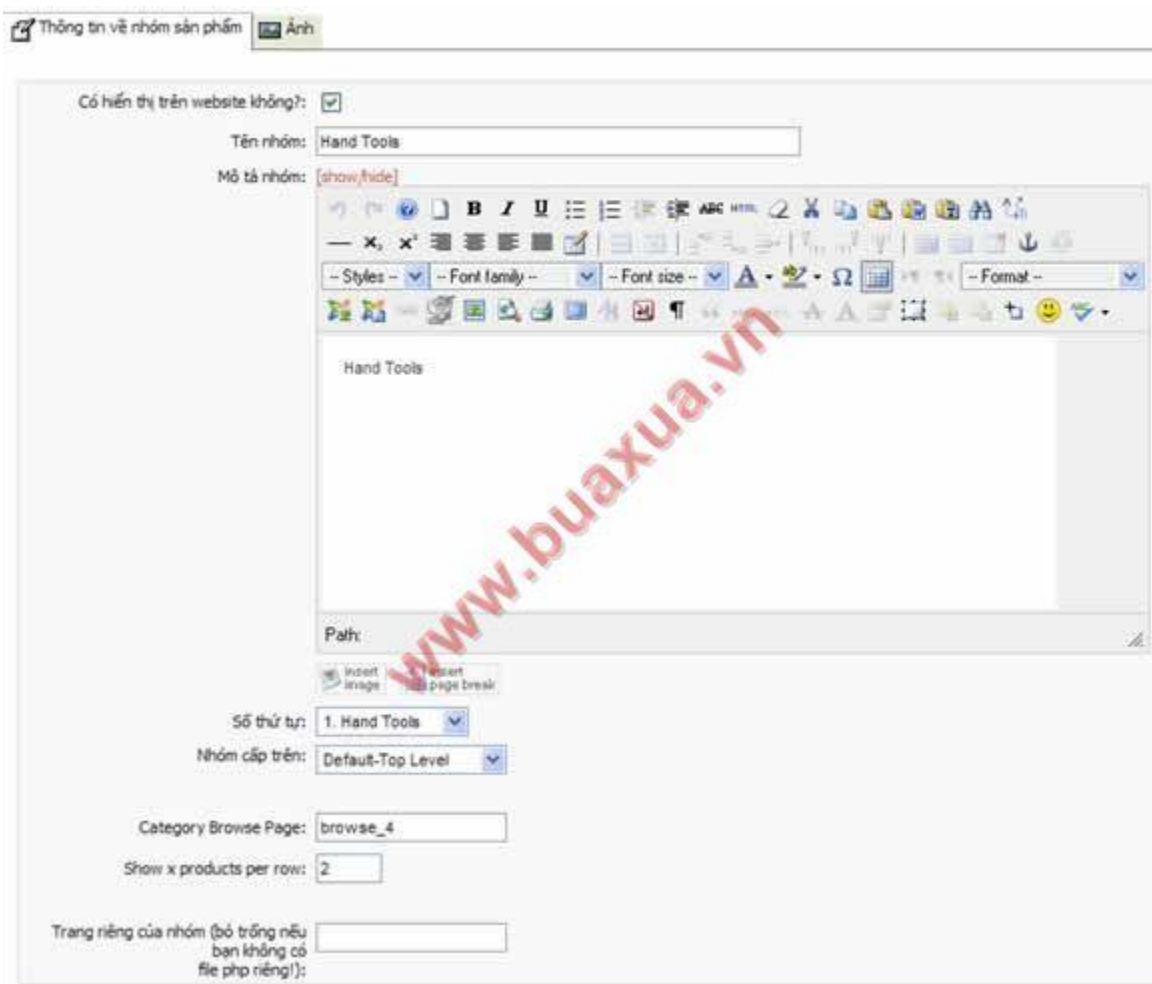


**Danh sách sản phẩm:** Danh sách các sản phẩm có trong cửa hàng, nhấn nút **Thêm** để tạo sản phẩm mới.

**Các thông số cần lưu ý:**

- Trong **Thông tin sản phẩm** -> **Các nhóm sản phẩm**: Chọn nhóm để chứa sản phẩm, có thể chọn nhiều nhóm bằng cách giữ phím **Ctrl** và nhấn chuột vào tên nhóm.
- Trong **Trạng thái sản phẩm** -> **Đặc biệt**: Đánh dấu những sản phẩm đặc biệt (khuyến mãi, giảm giá,...), chỉ những sản phẩm được đánh dấu mới xuất hiện trong **Module Featured Products**.
- Trong **Ảnh sản phẩm**: Chọn ảnh đại diện cho sản phẩm, nhấn **Browse** để chọn ảnh hoặc nhập địa chỉ của ảnh trong mục **URL**.
- **Những sản phẩm liên quan**: Chọn những sản phẩm liên quan để giới thiệu kèm theo với sản phẩm này, có thể chọn nhiều sản phẩm bằng cách giữ phím **Ctrl** và nhấn chuột vào tên sản phẩm.

**Cây nhóm sản phẩm**: Danh sách các nhóm sản phẩm cùng loại, nhấn nút **Thêm** để tạo nhóm chứa các sản phẩm cùng loại.



The image shows a Joomla! administrator interface for configuring a product category. At the top, there are two tabs: "Thông tin về nhóm sản phẩm" (Product Category Information) and "Ảnh" (Image). The main form includes the following fields and options:

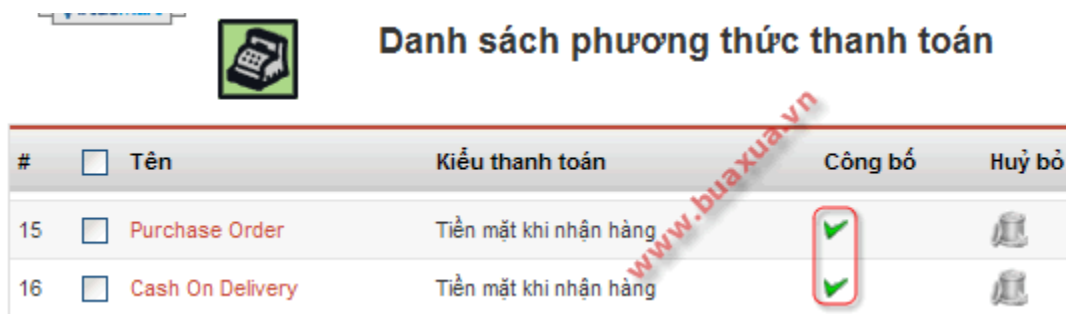
- Có hiển thị trên website không?:**
- Tên nhóm:** Hand Tools
- Mô tả nhóm:** [show/hide]
- Editor:** A rich text editor with a toolbar containing various icons for text formatting, alignment, and insertion. The content area contains the text "Hand Tools".
- Path:** A text input field.
- Insert Image / Insert Page Break:** Buttons for adding media or breaks.
- Số thứ tự:** 1. Hand Tools
- Nhóm cấp trên:** Default-Top Level
- Category Browse Page:** browse\_4
- Show x products per row:** 2
- Trang riêng của nhóm (bỏ trống nếu bạn không có file php riêng!):** An empty text input field.


Các thông số cần lưu ý:



- **Nhóm cấp trên:** Chọn **Top Level** để tạo nhóm chính hoặc chọn tên của một nhóm để tạo nhóm phụ của nhóm đó.
- **Category Browse Page:** Chọn dạng hiển thị cho nhóm sản phẩm bằng cách nhập tên của một trong 4 dạng hiển thị có sẵn của VM: **browse\_1**, **browse\_2**, **browse\_3**, **browse\_4**.
- **Show x products per row:** Số sản phẩm hiển thị trên mỗi hàng ngang.
- Trong phần **Ảnh:** Chọn ảnh đại diện cho nhóm sản phẩm bằng cách nhấn **Browse** để chọn ảnh hoặc nhập địa chỉ của ảnh trong mục **URL**.

**Hóa đơn:** Danh sách các hóa đơn giao dịch với khách hàng.

**Danh sách phương thức thanh toán:** Muốn chọn phương thức thanh toán khi giao nhận hàng thì chọn kiểu thanh toán như trong **Danh sách phương thức thanh toán** (hình dưới đây), hoặc tạo thêm một phương thức khác tùy ý bằng cách dùng chức năng **Thêm phương thức thanh toán**.



 **Danh sách phương thức thanh toán**

#	<input type="checkbox"/> Tên	Kiểu thanh toán	Công bố	Hủy bỏ
15	<input type="checkbox"/> Purchase Order	Tiền mặt khi nhận hàng	<input checked="" type="checkbox"/>	
16	<input type="checkbox"/> Cash On Delivery	Tiền mặt khi nhận hàng	<input checked="" type="checkbox"/>	

**Đại lý:** Danh sách các đại lý.

**Khách hàng:** Danh sách khách hàng.

**Thiết lập chung:** Thiết lập các thông số chính cho VM. Nếu chỉ muốn giới thiệu sản phẩm thì có thể bỏ chức năng mua hàng của VM bằng cách đánh dấu vào ô **Hủy các chức năng làm việc của giỏ hàng**.


**Tổng thể**

**Hiện offline?**  Nếu chọn hệ thống sẽ hiển thị một thông báo

**Thông báo khi offline:**

**Sử dụng mục này để**  Hủy các chức năng làm việc của giỏ hàng.

## Thiết lập hiển thị trang:

 **Configuration**

D:\www\administrator\components\com\_virtuemart\virtuemart.cfg.php :: Writeable

Global Path & URL Site Vận chuyển Checkout Downloads

Display Layout

PDF - Button	<input checked="" type="checkbox"/>	1
FLYPAGE	<input type="text" value="shop.flypage"/>	2
Category Template	<input type="text" value="browse_1"/>	3
Hiện Page Navigation at the Top of the Sản phẩm Listing?	<input checked="" type="checkbox"/>	4
Default product sort order	Tên Sản phẩm	5
Available "Sort-by" fields	<input checked="" type="checkbox"/> Tên Sản phẩm <input checked="" type="checkbox"/> Giá <input checked="" type="checkbox"/> Sản phẩm sau cùng <input checked="" type="checkbox"/> SKU	6
Hiện the Number of Sản phẩm?	<input type="checkbox"/>	7
Mặc định number of products in a row	<input type="text" value="1"/>	8
"no image" image	<input type="text" value="/ps_image/noimage.gif"/>	9
Hiện footer	<input checked="" type="checkbox"/>	10

1. Hiện/ẩn nút in PDF
2. Trang mặc định khi hiển thị thông tin sản phẩm.
3. Trang mặc định trình bày sản phẩm trong một nhóm (Category), các trang này nằm trong thư mục **/administrator/components/com\_virtuemart/html/templates/browse**

se/, có thể thay đổi tên thành (browse\_1, browse\_2, browse\_2, browse\_3, browse\_4, browse\_5), sửa lại hoặc tạo mới tùy ý.

4. Hiện/ẩn trang danh sách các sản phẩm.
5. Chọn sắp xếp sản phẩm theo thứ tự mặc định.
6. Các lựa chọn sắp xếp được cho phép.
7. Hiện/ẩn số lượng của sản phẩm.
8. Chọn số sản phẩm muốn hiển thị trong 1 hàng.
9. Chọn hình ảnh mặc định cho các sản phẩm không có hình.
10. Hiện/ẩn Logo của VirtueMart nằm phía cuối trang.

### Thiết lập trình bày trang:

**Configuration**

D:/www/administrator/components/com\_virtuemart/virtuemart.cfg.php :: **Writeable**

Global Path & URL **Site** Vận chuyển Checkout Downloads

Display **Layout**

**Thêm-to-Giỏ Button Style**

Thay đổi màu của nút "thêm vào giỏ"

- (add-to-cart\_blue.gif)
- (add-to-cart\_brown.gif)
- (add-to-cart\_gray.gif)
- (add-to-cart\_green.gif)
- (add-to-cart\_orange.gif)
- (add-to-cart\_yellow.gif)

**Enable Dynamic Thumbnail Resizing?**

**Thumbnail Image Rộng**

**Thumbnail Image Cao**

Chức năng thu nhỏ hình ảnh đại diện của sản phẩm theo kích thước chọn bên dưới

## Thông tin cửa hàng:

- Thiết lập các thông tin cho cửa hàng (trang Web), thông tin liên hệ với khách hàng, Logo (bảng hiệu) của cửa hàng, đơn vị tiền tệ, cách hiển thị tiền tệ, giới thiệu về cửa hàng (tren Web), điều khoản dịch vụ (qui định)...

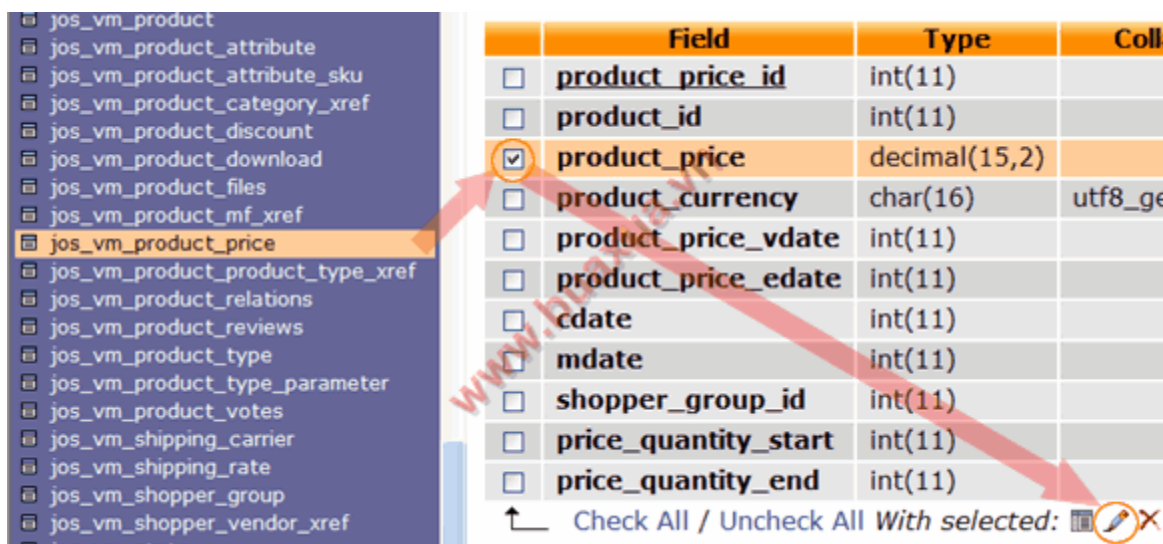


- Hiện thị đơn tiền đồng của Việt Nam theo dạng **1.000.000,00đ** bằng cách thiết lập các thông số như trong hình dưới đây:



- Nếu VM không thể hiện được giá trị tiền lớn (>triệu) thì sửa bằng cách truy cập vào Database (cơ sở dữ liệu) của Joomla! tìm đến bảng **jos\_vm\_product\_price**





Sửa giá trị của **product\_price** thành con số lớn hơn (thí dụ: 15,2) và nhấn **Save**.

Field	Type ?	Length/Values <sup>1</sup>
product_price	DECIMAL	15,2

### Tạo Menu cho VM:

Hiện thị các sản phẩm và chức năng bán hàng của VM bằng cách tạo Menu cho VM cũng giống như tạo các Menu khác trong Joomla!

Vào **Menu -> Mainmenu -> New -> Component -> Next ->** Đặt tên cho Menu và chọn **VirtueMart** trong mục **Component**. Có thể tạo nhiều Menu cho VM, nếu muốn cho Menu của VM làm Trang chủ thì chuyển Menu đó lên trên nhất (vị trí 1).

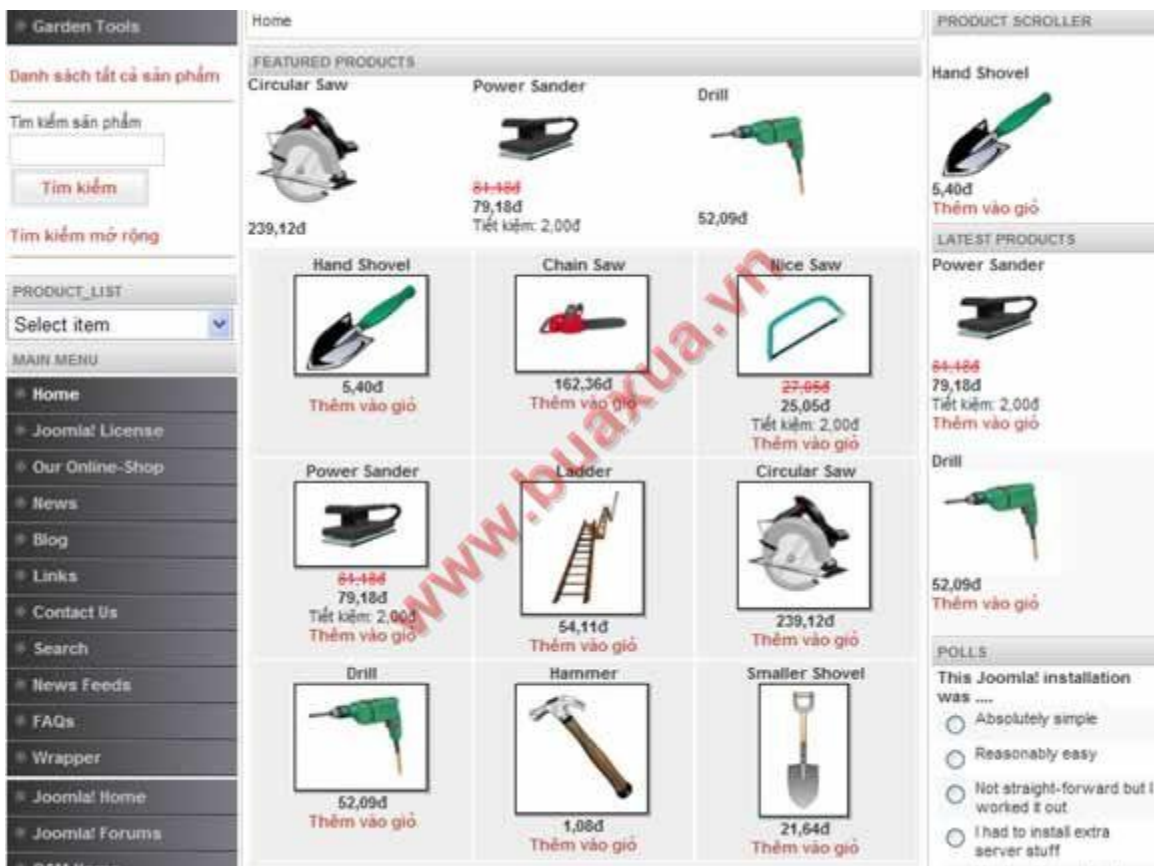
Mặc nhiên Menu của VM chỉ hiển thị các nhóm sản phẩm, nếu muốn có các kiểu trình bày sản phẩm đa dạng hơn phải sử dụng thêm các Module được kèm theo VM. Lưu ý mỗi Module đều có các thiết lập thông số riêng và tùy theo nhu cầu có thể chỉ sử dụng một vài Module, không nhất thiết phải sử dụng toàn bộ. Module nào muốn sử dụng thì phải được **Publish** còn Module nào không muốn sử dụng thì **UnPublish**.



## Các Module của VM:

- **mod\_product\_categories:** Hiển thị nhóm sản phẩm.
- **mod\_productsroller:** Hiển thị các sản phẩm bằng hiệu ứng cuộn (các sản phẩm lần lượt chạy lên).
- **mod\_virtuemart\_cart:** Hiển thị trạng thái của giỏ hàng.
- **mod\_virtuemart\_manufacturers:** Hiển thị danh sách các hãng sản xuất cho khách hàng chọn lựa.
- **mod\_virtuemart\_search:** Công cụ hỗ trợ khách hàng tìm kiếm sản phẩm.
- **mod\_virtuemart\_featuredprod:** Hiển thị các sản phẩm nổi bật, đặc biệt. Các sản phẩm muốn hiển thị trong Module này phải được đánh dấu **Đặc biệt**.
- **mod\_virtuemart\_latestprod:** Hiển thị sản phẩm mới nhất.
- **mod\_virtuemart\_randomprod:** Hiển thị các sản phẩm ngẫu nhiên.
- **mod\_virtuemart\_topten:** Hiển thị các sản phẩm bán chạy nhất.
- **mod\_virtuemart\_allinone:** Hiển thị 4 Module (latestprod, featuredprod, topten, randomprod) thành một Module dưới dạng Tab.

Việc lựa chọn **Template** và các vị trí hiển thị **Module** thích hợp sẽ làm cho trang Web bán hàng của bạn chuyên nghiệp hơn.



Thay đổi cách trình bày trang sản phẩm bằng cách nhập tên File Browse trong phần **Category Browse Page**, các File này nằm trong thư mục **administrator/components/com\_virtuemart/html/templates/browse/** có thể sửa lại các File này hoặc tạo thêm các file khác nếu muốn.

### Lưu ý:

- Nếu gặp trường hợp VM hay hiện lên bảng Login khi thao tác trong Admin, đó là do lỗi Session của Joomla! 1.0.13. Khắc phục lỗi này bằng cách nâng cấp Joomla! lên các phiên bản mới hơn hoặc tải gói [Joomla! 1.0.13 Admin Session Fix](#) để sửa lỗi, giải nén các File trong gói này và Copy đè lên các File tương ứng có sẵn trong Joomla! hoặc đơn giản chỉ cần giải nén nguyên gói này vào trong thư mục gốc cài đặt Joomla! là được. Khi Copy hoặc giải nén vào thư mục Joomla! phải xuất hiện thông báo cho phép chép đè (OverWrite) thì mới đúng, chọn Yes (Ok) để đồng ý.